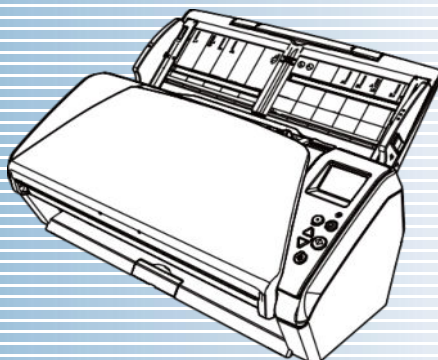


Máy quét hình ảnh fi-7460 / en- 7480

Hướng dẫn vận hành

Cảm ơn bạn đã mua máy quét hình ảnh của chúng tôi.
Sách hướng dẫn này giải thích về các hoạt động cơ bản và cách xử lý máy quét.
Để biết thông tin về cài đặt và kết nối máy quét, hãy tham khảo Bảng cài đặt nhanh.



TOP

Nội dung

Index

Giới thiệu

Giải thích tên và chức năng của các bộ phận và hoạt động cơ bản của máy quét.

STổng
quan máy

Giải thích cách nạp tài liệu trên máy quét.

Cách tải tài liệu

Giải thích cách sử dụng bảng điều khiển.

Cách sử dụng
bảng điều
khiển r

Giải thích về các cách quét khác nhau.

Các cách khác
nhau để quét

Giải thích cách vệ sinh máy quét.

Chăm sóc hàng
ngày

Giải thích cách thay thế vật tư tiêu hao.

Thay thế vật
tư tiêu hao

Giải thích về cách khắc phục sự cố.

Khắc phục sự cố

Giải thích cách định cấu hình cài đặt trong Bảng điều khiển phần mềm.

Cài đặt hoạt động

Appendix

Glossary



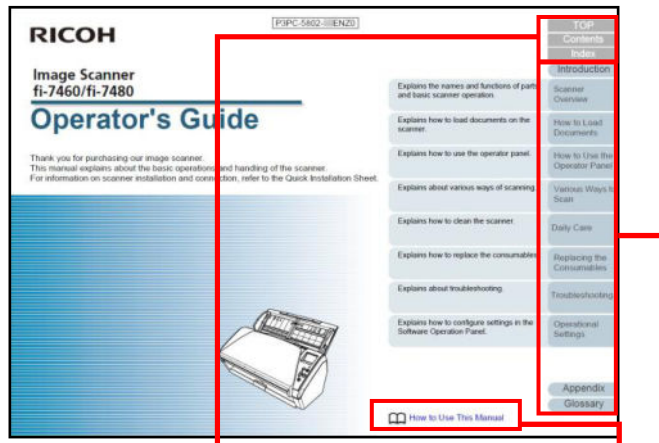
Cách sử dụng sách hướng dẫn này

Cách sử dụng sách hướng dẫn này

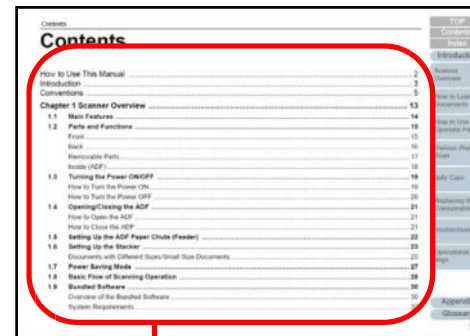
Sau đây cho thấy các mẹo sử dụng sách hướng dẫn này.

- Để hiển thị hoặc in sách hướng dẫn này, cần có Adobe® Acrobat® (7.0 trở lên) hoặc Adobe® Reader® (7.0 trở lên).
- Trong sách hướng dẫn này, bạn có thể sử dụng công cụ Tìm kiếm của Adobe® Acrobat® hoặc Adobe® Reader®.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo Trợ giúp Adobe® Acrobat® hoặc Adobe® Reader®.
- Sử dụng phím [Trang Up] để quay lại trang trước và phím [Trang Down] để chuyển sang trang tiếp theo.
 - Nhấp vào chuỗi ký tự, tab hoặc tiêu đề nội dung/chỉ mục màu xanh lam (nơi chuột con trỏ thay đổi thành một hình dạng như ) để nhảy đến liên kết.
 - Chung cho tất cả các trang

Chuyển đến trang đầu tiên của mỗi chương. Tab này có trên mọi trang.

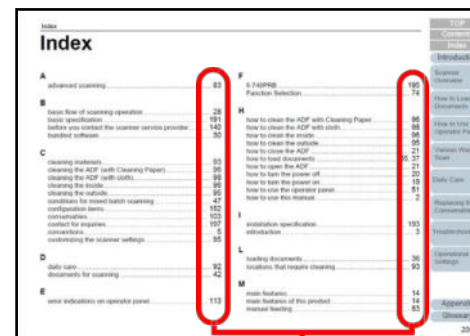


– Trang nội dung



Nhấp vào tiêu đề để chuyển đến liên kết.

– Trang chỉ mục



Nhấp vào số trang để chuyển đến liên kết.

Introduction

Scanner Overview

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

Glossary

TOP: Chuyển đến trang bìa.
Nội dung: Chuyển đến nội dung trang.
Chỉ số: Chuyển đến trang chỉ mục.
Tab này có trên mọi trang.

Chuyển đến trang này.
Nhấp vào một chuỗi ký tự màu xanh lam để chuyển đến liên kết.

Giới thiệu

Cảm ơn bạn đã mua máy quét hình ảnh của chúng tôi.

Giới thiệu về sản phẩm này

"Sản phẩm này" đề cập đến hai mẫu máy quét, đó là fi-7460 và fi-7480.

Mỗi máy quét được trang bị Bộ nạp tài liệu tự động (ADF) cho phép quét hai mặt (hai mặt) và hỗ trợ giao diện USB. Bảng sau đây cho thấy sự khác biệt giữa từng mô hình.

Mẫu	Loại máy quét	Giao diện	Tốc độ quét (*1)
	ADF	USB	
fi-7460	Có	Có	60 ppm/120 ipm
fi-7480	Có	Có	80 ppm/160 ipm

Có: Có sẵn

*1: Khi quét tài liệu ngang khổ A4 ở 300 dpi.

Hướng dẫn

Hướng dẫn sử dụng sau đây được bao gồm cho sản phẩm này. Đọc chúng nếu cần.

Cẩm nang	Mô tả
Các biện pháp phòng ngừa an toàn (giấy, PDF)	Chứa thông tin quan trọng về việc sử dụng an toàn sản phẩm này. Đảm bảo đọc Cẩm nang này trước khi sử dụng máy quét. Phiên bản PDF được bao gồm trong DVD-ROM Cài đặt.
Bảng cài đặt nhanh (giấy)	Giải thích về cài đặt và thiết lập máy quét.
Hướng dẫn vận hành (Cẩm nang này) (PDF)	Cung cấp thông tin chi tiết về cách vận hành và bảo trì máy quét hàng ngày, cách thay thế vật tư tiêu hao và cách khắc phục sự cố. Bao gồm trong DVD-ROM cài đặt.
fi-748PRB Hướng dẫn vận hành máy in (PDF)	Cung cấp thông tin chi tiết về cách vận hành và bảo trì máy in tùy chọn fi-748PRB hàng ngày, cách thay thế vật tư tiêu hao và cách khắc phục sự cố. Bao gồm trong DVD-ROM thiết lập.
Hướng dẫn sử dụng quản trị viên trung tâm máy quét (PDF)	Giải thích về tổng quan, cài đặt, vận hành và bảo trì của Scanner Central Admin. Bao gồm trong DVD cài đặt- ROM.

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Cẩm nang	Mô tả
Hướng dẫn sử dụng PaperStream Capture (PDF)	Cung cấp tổng quan về PaperStream Capture và thông tin chi tiết về cài đặt, cách quét tài liệu, kích hoạt và hoạt động đa trạm. Bao gồm trong DVD-ROM cài đặt.
Trợ giúp (trình điều khiển máy quét)	Giải thích cách sử dụng và định cấu hình cài đặt cho trình điều khiển máy quét. Có thể được tham chiếu từ từng trình điều khiển máy quét.
Trợ giúp (ứng dụng)	Giải thích cách sử dụng và định cấu hình cài đặt cho phần mềm ứng dụng. Đọc chúng nếu cần. Có thể tham khảo từ từng ứng dụng.

Thương hiệu

ISIS là thương hiệu của Văn bản mở. Adobe, Acrobat và Reader là các nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của Adobe tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Intel và Intel Core là thương hiệu của Tập đoàn Intel hoặc các công ty con của Intel tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Công cụ © ABBYY™ FineReader™ ABBYY. OCR của ABBYY ABBYY và FineReader là các nhãn hiệu của ABBYY Software, Ltd. có thể được đăng ký ở một số khu vực pháp lý. Microsoft, Excel, Windows và Windows Server là các nhãn hiệu của nhóm công ty Microsoft.

ScanSnap và PaperStream là các nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của PFU Limited tại Nhật Bản.

Tên công ty và tên sản phẩm khác là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của các công ty tương ứng.

Nhà sản xuất

Công ty TNHH PFU
YOKOHAMA i-MARK PLACE, 4-5 Minatomirai 4-
chome, Nishi-ku, Yokohama-shi, Kanagawa 220-8567
Nhật Bản.
© Công ty TNHH PFU 2015-2024

Contents
Index
Introduction
Scanner Overview
How to Load Documents
How to Use the Operator Panel
Various Ways to Scan
Daily Care
Replacing the Consumables
Troubleshooting
Operational Settings
Appendix
Glossary

Quy ước

Thông tin an toàn

Hướng dẫn sử dụng "Các biện pháp phòng ngừa để giữ máy an toàn" đính kèm chứa thông tin quan trọng về việc sử dụng sản phẩm này một cách an toàn và đúng cách.

Đảm bảo rằng bạn đã đọc và hiểu nó trước khi sử dụng máy quét.

Các ký hiệu được sử dụng trong sách hướng dẫn này

Các chỉ dẫn sau đây được sử dụng trong sách hướng dẫn này để loại bỏ bất kỳ nguy cơ tai nạn hoặc thiệt hại nào đối với bạn, những người gần bạn và tài sản của bạn. Nhãn cảnh báo bao gồm một biểu tượng cho biết mức độ nghiêm trọng và một tuyên bố cảnh báo. Các ký hiệu và ý nghĩa của chúng như sau.



Chỉ báo này cảnh báo người vận hành về một hoạt động, nếu không được tuân thủ nghiêm ngặt, có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.



Chỉ báo này cảnh báo người vận hành về hoạt động, nếu không được tuân thủ nghiêm ngặt, có thể dẫn đến nguy cơ an toàn cho nhân viên hoặc hư hỏng sản phẩm.

Các chữ viết tắt được sử dụng trong sách hướng dẫn này

Hệ điều hành và sản phẩm trong sách hướng dẫn này được chỉ ra như sau.

Tên	Chỉ báo
Windows® 10 Home (32-bit/64-bit)	Windows 10 (*1)
Windows® 10 Pro (32-bit/64-bit)	
Windows® 10 Enterprise (32-bit/64-bit)	
Windows® 10 Education (32-bit/64-bit)	
Windows Server® 2016 Standard (64-bit)	Máy chủ Windows 2016 (*1)
Windows Server® 2019 Standard (64-bit)	Máy chủ Windows 2019 (*1)
Windows Server® 2022 Standard (64-bit)	Máy chủ Windows 2022 (*1)
Windows® 11 Home (64-bit)	Windows 11 (*1)
Windows® 11 Pro (64-bit)	
Windows® 11 Enterprise (64-bit)	
Windows® 11 Education (64-bit)	
Microsoft® Word	Word

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Conventions

Tên	Chỉ báo
Microsoft® Excel®	Excel
PaperStream IP (TWAIN)	Trình điều khiển IP PaperStream
IP PaperStream (TWAIN x64)	
Gói PaperStream IP (ISIS)	

*1: Trong trường hợp không có sự phân biệt giữa các phiên bản khác nhau của hệ điều hành trên, thuật ngữ chung "Windows" được sử dụng.

Ký hiệu mũi tên trong sách hướng dẫn này

Các ký hiệu mũi tên phải (→) được sử dụng để tách các biểu tượng hoặc tùy chọn menu bạn nên chọn liên tiếp.
Ví dụ: Nhấp vào menu [Bắt đầu] → [Bảng điều khiển].

Màn hình hướng dẫn trong Sách hướng dẫn này

Ảnh chụp màn hình sản phẩm của Microsoft được in lại với sự cho phép của Microsoft Corporation.
Các ví dụ về màn hình trong sách hướng dẫn này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước vì lợi ích của việc phát triển sản phẩm.
Nếu màn hình hiển thị thực tế khác với màn hình cũamples trong sách hướng dẫn này, hãy vận hành bằng cách làm theo màn hình hiển thị thực tế trong khi tham khảo hướng dẫn sử dụng của ứng dụng máy quét mà bạn đang sử dụng. Các cửa sổ và hoạt động thực tế có thể khác nhau tùy thuộc vào hệ điều hành. Cũng lưu ý rằng với một số máy quét Mẫu, Màn hình và hoạt động có thể khác với sách hướng dẫn này khi bạn cập nhật phần mềm. Trong trường hợp đó, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng được cung cấp khi cập nhật phần mềm.

Contents
Index
Introduction
Scanner Overview
How to Load Documents
How to Use the Operator Panel
Various Ways to Scan
Daily Care
Replacing the Consumables
Troubleshooting
Operational Settings
Glossary

Nội dung

Cách sử dụng sách hướng dẫn này	2
Giới thiệu	3
Quy ước	5
Chương 1 Tổng quan máy quét	13
1.1 Các tính năng chính	14
1.2 Các bộ phận và chức năng	15
Mặt trước	15
Mặt sau	16
Các bộ phận có thể tháo rời	17
Bên trong (ADF)	18
1.3 BẬT / TẮT nguồn	19
Cách BẬT nguồn	19
Cách TẮT nguồn	20
1.4 Mở/Đóng ADF	21
Cách mở ADF	21
Cách đóng ADF	21
1.5 Thiết lập máng giấy ADF (khay nạp)	22
1.6 Thiết lập Ngăn xếp	23
Tài liệu có kích thước khác nhau / Tài liệu kích thước nhỏ	25
1.7 Chế độ tiết kiệm năng lượng	27
1.8 Quy trình cơ bản của hoạt động quét	28
1.9 Phần mềm đi kèm	30
Tổng quan về phần mềm đi kèm	30
Yêu cầu hệ thống	31

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational Set-
tings

Appendix

Glossary

Cài đặt phần mềm đi kèm	32
Chương 2 Cách tải tài liệu	34
2.1 Đang tải tài liệu	35
Chuẩn bị.....	35
Cách nạp tài liệu	36
2.2 Tài liệu để quét.....	41
Khổ giấy.....	41
Điều kiện 41	
Tải trọng.....	44
Khu vực không được đục lỗ.....	45
Điều kiện để phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu.....	45
Điều kiện để quét hàng loạt hỗn hợp.....	46
Điều kiện để tự động phát hiện kích thước trang.....	49
Chương 3 Cách sử dụng Bảng điều khiển.....	50
3.1 Bảng điều khiển	51
Tên và chức năng.....	51
Chỉ báo trên màn hình LCD	52
Chỉ số.....	54
3.2 Menu cài đặt	55
Cách sử dụng Menu Cài đặt.....	56
Các mục có thể định cấu hình trong menu cài đặt.....	65
3.3 Lựa chọn chức năng	74
Cách sử dụng lựa chọn chức năng	74
Mục có thể định cấu hình trong lựa chọn chức năng.....	75
Chương 4 Các cách khác nhau để quét	76
4.1 Tóm tắt.....	77

4.2	Quét tài liệu các loại và kích thước khác nhau	78
	Tài liệu có chiều rộng khác nhau	78
	Tài liệu gấp đôi	79
	Các tài liệu như Phong bì hoặc Giấy Manifold	81
	Quét trang dài	82
4.3	Quét nâng cao	83
	Nạp tài liệu theo cách thủ công trong ADF	83
4.4	Tùy chỉnh cài đặt máy quét	85
	Sử dụng một nút trên máy quét để bắt đầu quét	85
	Bỏ qua nạp đúp giấy cho một mẫu tập hợp 88	
	Tắt tính năng bảo vệ giấy cho một lần quét sau khi tắt tính năng bảo vệ giấy 91	
	Chương 5 Chăm sóc hàng ngày	93
5.1	Làm sạch vật liệu và vị trí cần làm sạch	94
	Vật liệu làm sạch	94
	Vị trí và tần suất	95
5.2	Làm sạch bên ngoài	96
5.3	Làm sạch bên trong	97
	Vệ sinh ADF (bằng giấy làm sạch)	97
	Vệ sinh ADF (bằng vải)	99
	Chương 6 Thay thế vật tư tiêu hao	103
6.1	Vật tư tiêu hao và chu kỳ thay thế	104
6.2	Thay thế lô hãm giấy	105
6.3	Thay thế lô nhặt giấy	107
	Chương 7 Khắc phục sự cố	111
7.1	Kẹt giấy	112

7.2	Chỉ báo lỗi trên bảng điều khiển	114
	Lỗi tạm thời.....	115
	Lỗi thiết bị	117
7.3	Khắc phục sự cố	122
	Không thể BẬT nguồn máy quét.....	123
	Đèn LCD hoặc nút [Nguồn] hoặc cả hai đều TẮT.....	124
	Quá trình quét không bắt đầu. 125 người	125
	Quá trình quét mất nhiều thời gian.	126
	Chất lượng hình ảnh kém.....	127
	Chất lượng của văn bản hoặc dòng được quét không đạt yêu cầu.....	128
	Hình ảnh bị méo hoặc không rõ ràng.....	129
	Các vệt dọc xuất hiện trên hình ảnh được quét.....	130
	Lỗi (mã lỗi "U4: 40" hoặc "U5: 4A") đã được hiển thị trên màn hình LCD sau khi bật nguồn.....	131
	Lỗi nhiều nguồn cấp dữ liệu xảy ra thường xuyên.....	132
	Tình huống tài liệu không được đưa vào ADF xảy ra thường xuyên.....	134
	Bảo vệ giấy thường xuyên bị tắt.....	135
	Lỗi kẹt giấy / chọn giấy xảy ra thường xuyên	137
	Hình ảnh được quét trở nên dài.....	138
	Một bóng xuất hiện ở trên cùng hoặc dưới cùng của hình ảnh được quét.....	139
	Có dấu vết đen trên tài liệu.....	140
	Không thể kết nối máy quét và máy tính qua cáp USB.....	141
7.4	Trước khi liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn	142
	Tổng quát.....	142
	Trạng thái lỗi.....	142
7.5	Kiểm tra nhãn sản phẩm	144
	Vị trí	144
	Chương 8 Cài đặt hoạt động.....	145
8.1	Khởi động bảng điều khiển phần mềm.....	146

8.2	Cài đặt mật khẩu cho bảng điều khiển phần mềm	148
	Đặt mật khẩu	148
	Cài đặt [Chế độ chỉ xem].....	149
	Thoát khỏi [Chế độ chỉ xem]	150
	Thay đổi mật khẩu	151
	Xóa mật khẩu.....	152
	Đặt lại mật khẩu.....	153
8.3	Mục cấu hình	154
	Cài đặt thiết bị.....	154
	Cài đặt thiết bị 2.....	156
8.4	Cài đặt liên quan đến bộ đếm tờ	162
	Kiểm tra và đặt lại bộ đếm tờ	162
	Chu kỳ làm sạch máy quét [Chu kỳ làm sạch]	165
	Chu kỳ thay thế vật tư tiêu hao [Cài đặt cảnh báo tuổi thọ thiết bị].....	165
8.5	Cài đặt liên quan đến Quét	167
	Điều chỉnh vị trí để bắt đầu quét [Điều chỉnh độ phóng đại bù / dọc]	167
	Loại bỏ bóng/vết xuất hiện xung quanh hình ảnh được quét [Lắp viên trang(ADF)].....	168
	Loại bỏ màu khỏi hình ảnh được quét [Màu bị loại bỏ].....	169
	Rút ngắn khoảng thời gian quét [Chọn trước]	170
	Số lần nạp giấy lần nữa	171
	Tốc độ nạp tài liệu [Tốc độ nhật giấy]	172
	Cắt ranh giới hình ảnh [Khoảng cách cắt viên]	173
	Bảo vệ tài liệu khỏi bị hư hỏng [Bảo vệ giấy]	174
	Chỉ định mức độ nhạy để bảo vệ giấy [Độ nhạy bảo vệ giấy]	175
	Quét tốc độ thấp ở độ phân giải thấp hơn (Chế độ nạp tốc độ thấp).....	176
	Điều chỉnh kết quả đầu ra cho Quét tràn viền [Điều chỉnh quét tràn viền]	177
	Quét ở độ cao cao [Chế độ độ cao cao]	178
	Cài đặt chất lượng hình ảnh để quét [Chế độ chất lượng hình ảnh].....	178

8.6 Cài đặt liên quan đến Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu	179
8.6 Cài đặt liên quan đến Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu	179
Chỉ định phương pháp phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu [Nạp đúp giấy]	179
Chỉ định khu vực để phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu [Đặc điểm kỹ thuật khu vực kiểm tra tài liệu cho Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu]	181
Chỉ định khu vực không phát hiện Nạp đúp giấy[Chức năng Nạp đúp giấy thông minh]	184
8.7 Cài đặt liên quan đến thời gian chờ đợi	185
Thời gian chờ đợi khi nạp giấy thủ công [Nạp giấy thủ công]	185
Thời gian chờ máy quét vào chế độ tiết kiệm năng lượng [Tiết kiệm năng lượng]	187
8.8 Cài đặt liên quan đến BẬT / TẮT nguồn	188
Phương pháp BẬT / TẮT máy quét [Điều khiển công tắc nguồn]	188
8.9 Cài đặt liên quan đến Bảo trì máy quét	189
Phát hiện vệt dọc [Phát hiện vệt dọc]	189
Chỉ định mức độ nhạy để phát hiện vệt dọc [Độ nhạy vệt dọc]	190
Chu kỳ bảo trì và kiểm tra máy quét [Chu kỳ bảo trì và kiểm tra]	191
Phụ lục	192
1. Đặc điểm kỹ thuật cơ bản	193
2. Đặc điểm kỹ thuật cài đặt	196
3. Kích thước bên ngoài	197
4. Tùy chọn máy quét	198
5. Gỡ cài đặt phần mềm	199
Liên hệ để có thắc mắc	200
Thuật ngữ	201
Chỉ số	212

Chương 1 Máy tổng quanquét

Chương này giải thích về tên và chức năng của các thành phần máy quét, cũng như các phương pháp cho các hoạt động cơ bản.

1. Các tính năng chính.....	14
2. Các bộ phận và chức năng.....	15
3. BẬT / TẮT nguồn	19
4. Mở/Đóng ADF.....	21
5. Thiết lập máng giấy ADF (khay nạp)22.....	
6. Thiết lập Ngăn xếp.....	23
7. Chế độ tiết kiệm năng lượng.....	27
8. Quy trình cơ bản của hoạt động quét.....	28
1.1 Phần mềm đi kèm	30

1.1 Những đặc điểm chính

Phần này giải thích về các tính năng chính của sản phẩm này. Máy quét được trang bị các tính năng sau:

Quét tốc độ cao

Nhận ra tốc độ quét 60 trang/phút/120 ảnh/phút (fi-7460) (*1) hoặc 80 trang/phút/160 ảnh/phút (fi-7480) (*1). Hơn nữa, bạn có thể tải tối đa 100 tờ tài liệu khổ A4 hoặc 50 tờ tài liệu khổ A3 để quét liên tục, cho phép bạn nhanh chóng số hóa khối lượng lớn tài liệu.

Có khả năng quét tài liệu gấp đôi cũng như các tài liệu như phong bì hoặc giấy đa dạng

Để quét tài liệu gấp đôi cũng như phong bì hoặc giấy ống gập, máy quét được trang bị công tắc chế độ nạp được sử dụng để chuyển chế độ sang chế độ Thủ công/Đơn. Chế độ Thủ công/Đơn giúp giảm tải cho các tài liệu được đặt trong khay nạp để tài liệu được nạp mà không có bất kỳ lỗi nào để quét thành công.

LCD

Máy quét gắn màn hình LCD hiển thị các cài đặt hoạt động để quét tài liệu, số tờ được quét và trạng thái lỗi. Nó được sử dụng để dễ dàng kiểm tra trạng thái của máy quét.

Cải thiện hiệu quả cho công việc trước khi quét

Máy quét có thể thực hiện "quét hàng loạt" cho phép bạn quét tài liệu có trọng lượng và kích thước giấy khác nhau cùng một lúc. Điều này giúp đơn giản hóa quá trình phân loại tài liệu trước khi quét.

Giảm tổn thất công việc do nhiều nguồn cấp dữ liệu

Máy quét gắn một cảm biến nạp kép giấy âm giúp phát hiện chính xác các lỗi "đa cấp liệu" trong đó hai hoặc nhiều tờ được nạp qua máy quét cùng một lúc. Tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu này đáng tin cậy ngay cả khi quét một lô tài liệu hỗn hợp với trọng lượng và kích thước giấy khác nhau, tránh mất công việc có thể xảy ra.

Quét tốc độ cao

Nhận ra tốc độ quét 60 trang/phút/120 ảnh/phút (fi-7460) (*1) hoặc 80 trang/phút/160 ảnh/phút (fi-7480) (*1). Hơn nữa, bạn có thể tải tối đa 100 tờ tài liệu khổ A4 hoặc 50 tờ tài liệu khổ A3 để quét liên tục, cho phép bạn nhanh chóng số hóa khối lượng lớn tài liệu.

Có khả năng quét tài liệu gấp đôi cũng như các tài liệu như phong bì hoặc giấy đa dạng

Để quét tài liệu gấp đôi cũng như phong bì hoặc giấy ống gập, máy quét được trang bị công tắc chế độ nạp được sử dụng để chuyển chế độ sang chế độ Thủ công/Đơn. Chế độ Thủ công/Đơn giúp giảm tải cho các tài liệu được đặt trong khay nạp để tài liệu được nạp mà không có bất kỳ lỗi nào để quét thành công.

LCD

Máy quét gắn màn hình LCD hiển thị các cài đặt hoạt động để quét tài liệu, số tờ được quét và trạng thái lỗi. Nó được sử dụng để dễ dàng kiểm tra trạng thái của máy quét.

Cải thiện hiệu quả cho công việc trước khi quét

Máy quét có thể thực hiện "quét hàng loạt" cho phép bạn quét tài liệu có trọng lượng và kích thước giấy khác nhau cùng một lúc. Điều này giúp đơn giản hóa quá trình phân loại tài liệu trước khi quét.

Giảm tổn thất công việc do nhiều nguồn cấp dữ liệu

Máy quét gắn một cảm biến nạp kép giấy âm giúp phát hiện chính xác các lỗi "đa cấp liệu" trong đó hai hoặc nhiều tờ được nạp qua máy quét cùng một lúc. Tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu này đáng tin cậy ngay cả khi quét một lô tài liệu hỗn hợp với trọng lượng và kích thước giấy khác nhau, tránh mất công việc có thể xảy ra.

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

Appendix

1.2 Các bộ phận và chức năng

Phần này hiển thị tên của các bộ phận máy quét.

Mặt trước

Máng mở rộng 1

Kéo ra để điều chỉnh độ dài tài liệu.

Hướng dẫn bên

Đặt tài liệu vào vị trí khi tài liệu được nạp vào máng giấy ADF (khay nạp) khi chúng được đưa vào máy quét.

ADF (Khay nạp tài liệu tự động)

Kéo và nạp tài liệu từng tờ một từ máng giấy ADF (nạp).

Mở tùy chọn này để thay thế vật tư tiêu hao hoặc làm sạch bên trong máy quét.

Ngăn xếp

Xếp chồng các tài liệu bị đẩy ra.

Ngăn xếp mở rộng 2

Kéo về phía bạn để điều chỉnh độ dài tài liệu.

Ngăn xếp mở rộng 1

Kéo về phía bạn để điều chỉnh độ dài tài liệu.

Giá đỡ ngăn xếp

Được sử dụng để điều chỉnh độ nghiêng của xe xếp.

Mở rộng máng 2

Nhấc lên từ phía Mặt trước để điều chỉnh chiều dài tài liệu.

Máng giấy ADF (Khay nạp)

Giữ các tài liệu cần quét.

Khóa hướng dẫn bên

Khóa thanh dẫn bên.

Tab phát hành ADF

Kéo tab này để mở ADF.

Công tắc chế độ nguồn cấp dữ liệu

Trượt công tắc chế độ nạp sang trái để chuyển chế độ nạp sang chế độ Thủ công / Đơn.

Bảng điều khiển

Bao gồm một màn hình LCD, các nút và đèn LED.

Có thể được sử dụng để vận hành máy quét hoặc kiểm tra trạng thái.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Chương 3](#)

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

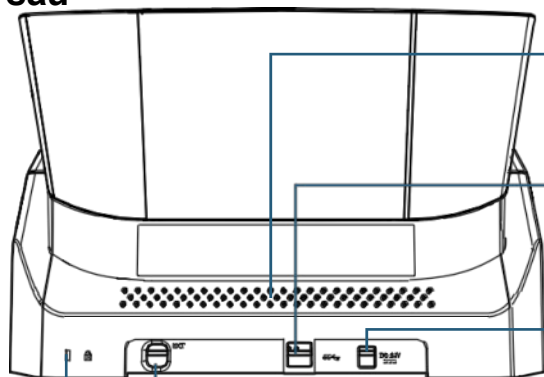
Troubleshooting

Operational Settings

Appendix

Glossary

Mặt sau



Cổng thông gió

Các lỗ để thông gió nóng từ bên trong máy quét.

Đầu nối USB

Được sử dụng để kết nối cáp USB.

Đầu nối nguồn

Được sử dụng để kết nối cáp nguồn.

"Cáp nguồn" đề cập đến cáp AC và bộ đổi nguồn AC được kết nối với nhau.

Đầu nối EXT

Được sử dụng để kết nối máy in.

Máy in được sử dụng để in văn bản (chẳng hạn như chữ cái hoặc số) sau khi quét tài liệu và có sẵn dưới dạng tùy chọn.

Nó có thể hữu ích để quản lý tài liệu khi bạn thêm tên, ngày tháng hoặc số sê-ri trên tài liệu được quét.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Tùy chọn máy quét A.4](#)" (trang 198).

Khe cắm cáp bảo mật

Được sử dụng để kết nối cáp bảo mật chống trộm (có sẵn trên thị trường).

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

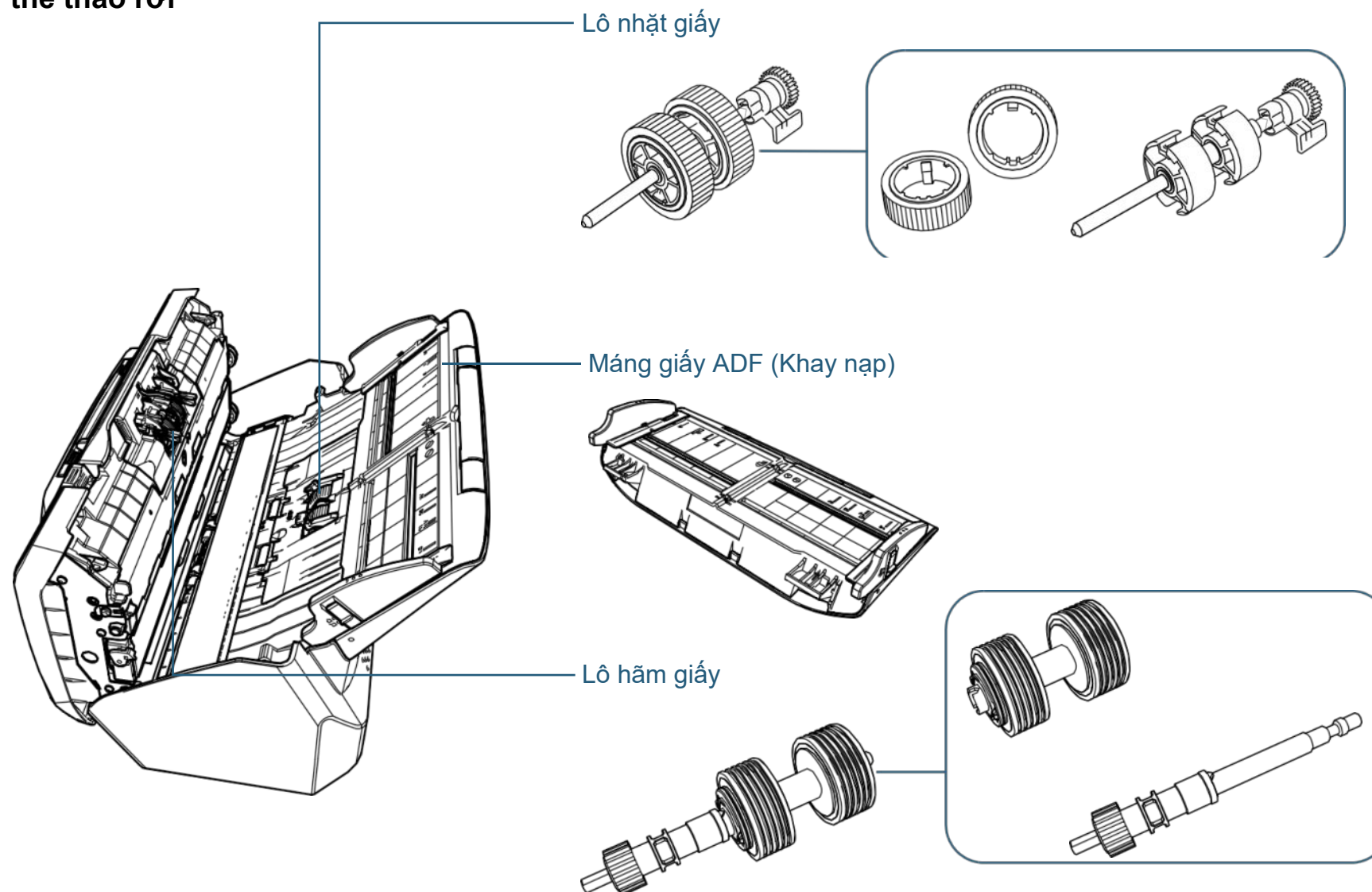
Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Các bộ phận có thể tháo rời



Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Bên trong (ADF)

Kính (× 2)

Micro (× 2)

Cảm biến siêu âm (× 2)

Lô hãm giấy (× 2)

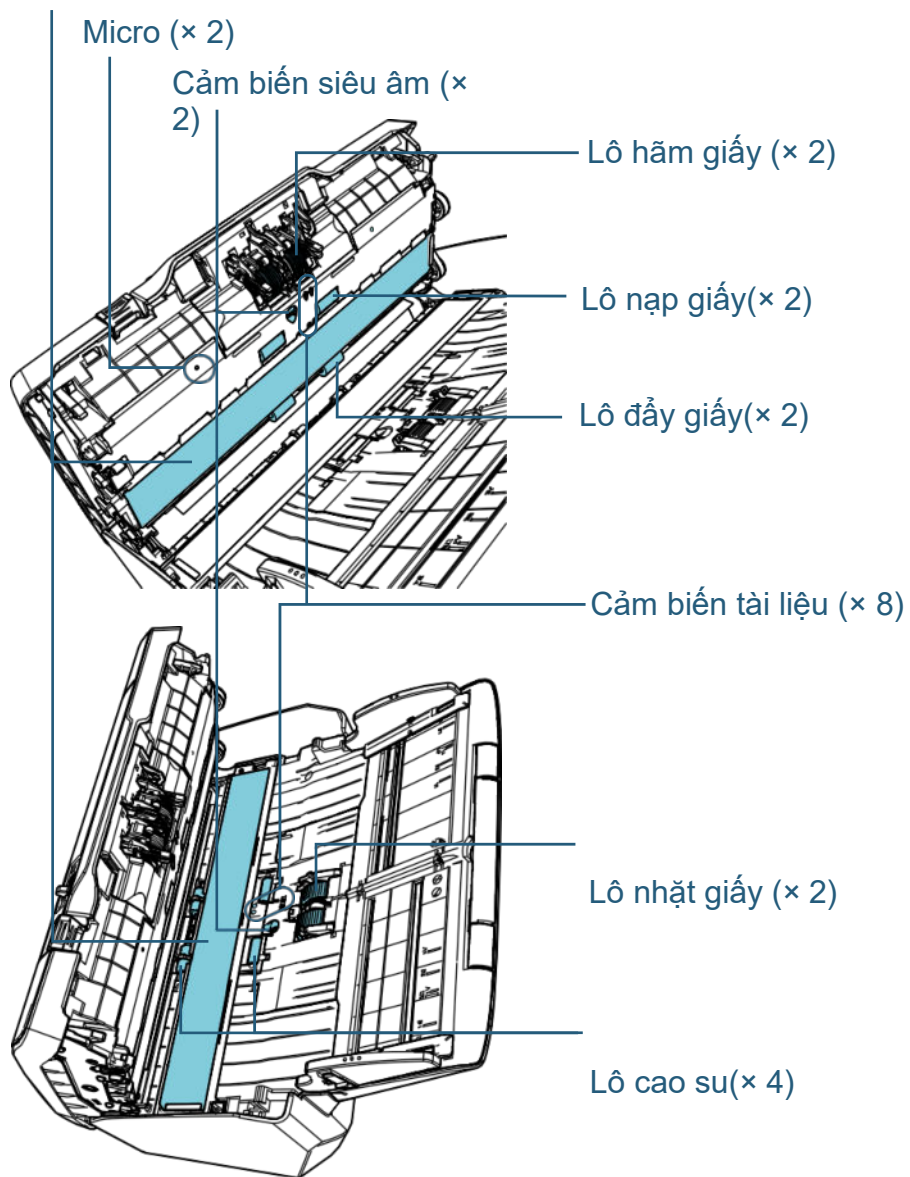
Lô nạp giấy (× 2)

Lô đẩy giấy (× 2)

Cảm biến tài liệu (× 8)

Lô nhặt giấy (× 2)

Lô cao su (× 4)



Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

1.3 BẬT / TẮT nguồn

Phần này giải thích cách bật / tắt nguồn máy quét.

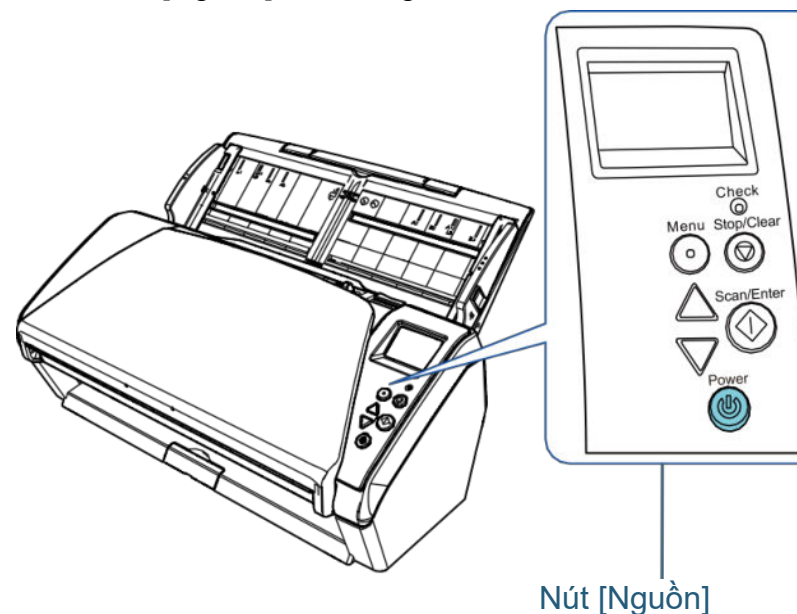
BẬT MÍ

Phương pháp bật/tắt nguồn máy quét có thể được chỉ định từ một trong các cách sau:

1. Nhấn nút [Nguồn] trên bảng điều khiển
2. Sử dụng dây nguồn AC để điều khiển nguồn điện cho các thiết bị ngoại vi như máy quét phù hợp với nguồn điện của máy tính. Bật / tắt máy quét phù hợp với nguồn điện của máy tính. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "Phương pháp BẬT / TẮT máy quét [Điều khiển công tắc nguồn]" (trang 188).

Cách BẬT nguồn

- 1 Nhấn nút [Nguồn] trên bảng điều khiển.



1. Máy quét được bật và nút [Nguồn] sáng màu xanh lục. Trong quá trình khởi tạo, hình ảnh sau được hiển thị trên màn hình LCD của bảng điều khiển.



Máy quét đã sẵn sàng để quét khi [Sẵn sàng] được hiển thị.

[Contents](#)
[Index](#)
[Introduction](#)
[Scanner Overview](#)
[How to Load Documents](#)
[How to Use the Operator Panel](#)
[Various Ways to Scan](#)
[Daily Care](#)
[Replacing the Consumables](#)
[Troubleshooting](#)
[Operational Settings](#)
[Appendix](#)
[Glossary](#)

Cách TẮT nguồn

- 1 Nhấn nút [Nguồn] trên bảng điều khiển trong hơn 2 giây.
 - Máy quét bị tắt và nút [Nguồn] tắt.

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

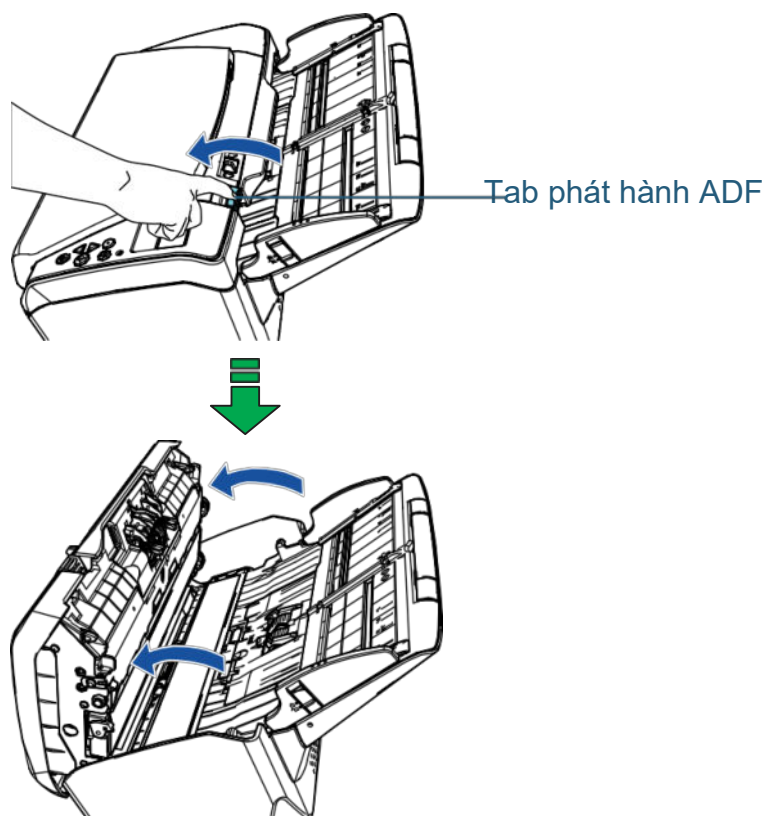
Glossary

1.4 Mở/Đóng ADF

Phần này mô tả cách mở và đóng ADF.

Cách mở ADF

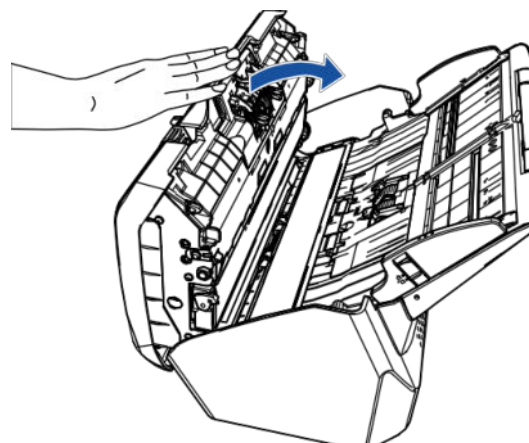
- 1 Lấy tất cả các tài liệu ra khỏi máng giấy ADF (khay nạp).
- 2 Kéo tab nhả ADF về phía bạn để mở ADF.



Khi ADF mở, nó có thể vô tình đóng. Hãy cẩn thận để không bị kẹt ngón tay.

Cách đóng ADF

1. Đóng ADF.
Đẩy vào giữa ADF cho đến khi nó khớp vào vị trí.



Cẩn thận để không bị kẹt ngón tay khi đóng ADF.

CHÚ Ý

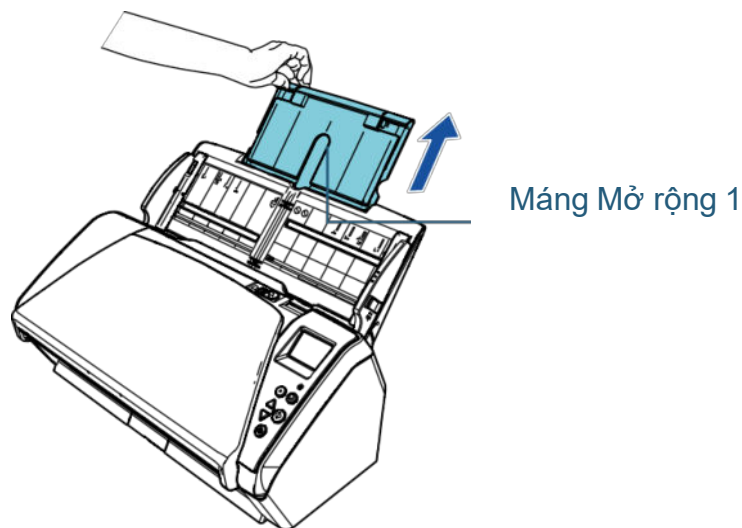
Đảm bảo không có vật lạ nào mắc kẹt bên trong ADF khi đóng ADF.

1.5 Thiết lập máng giấy ADF (khay nạp)

Các tài liệu được nạp vào máng giấy ADF (khay nạp) được đưa vào ADF từng tài liệu một.

Sử dụng phần mở rộng máng như trong quy trình sau sẽ giữ cho các tài liệu thẳng và nạp chúng một cách trơn tru.

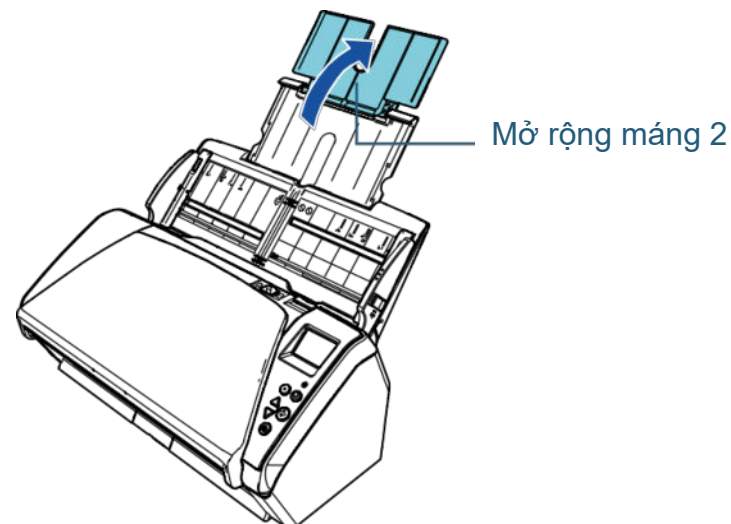
- 1 Kéo phần mở rộng máng ra 1.



BẬT MÍ

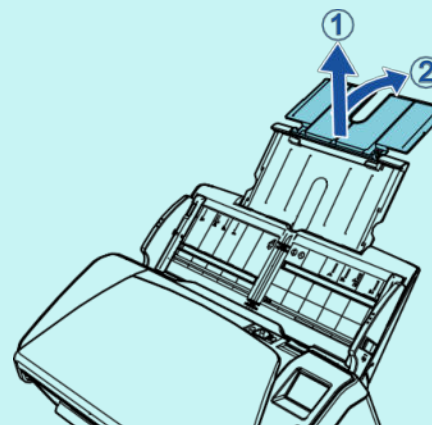
Đảm bảo giữ máy quét trong khi bạn kéo phần mở rộng máng ra.

- 1 Nâng phần mở rộng máng 2.



BẬT MÍ

Nếu xảy ra nhiều nguồn cấp dữ liệu đối với các tài liệu tương đối dài hoặc nếu tài liệu nghiêng về phía trước trong khi quét, hãy kéo nhẹ phần mở rộng máng 2 lên và đẩy nó xuống phía sau, sau đó nạp tài liệu để quét tài liệu một cách trơn tru.

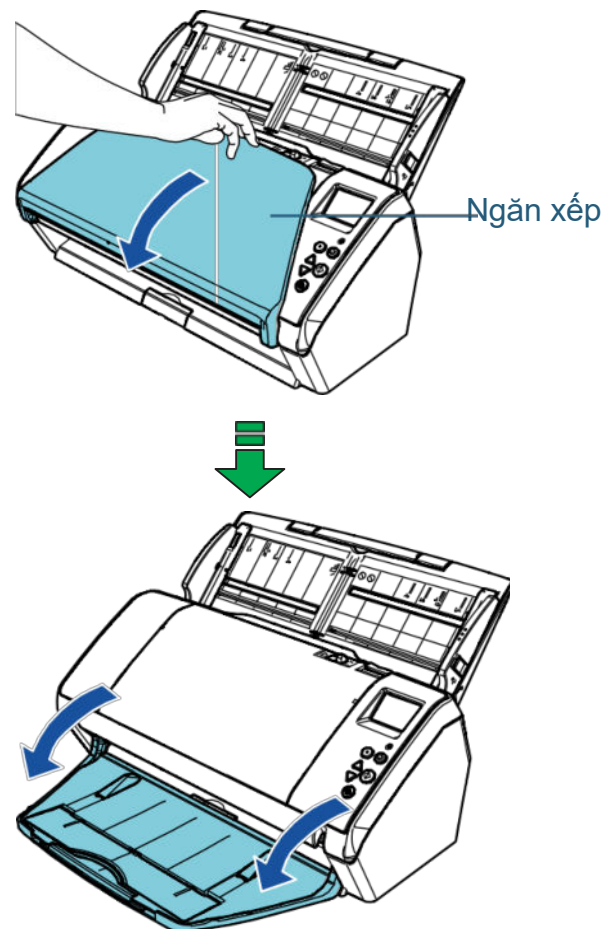


1.6 Thiết lập Ngăn xếp

Các tài liệu được nạp vào máng giấy ADF (khay nạp) được đẩy lên Ngăn xếp từng cái một.

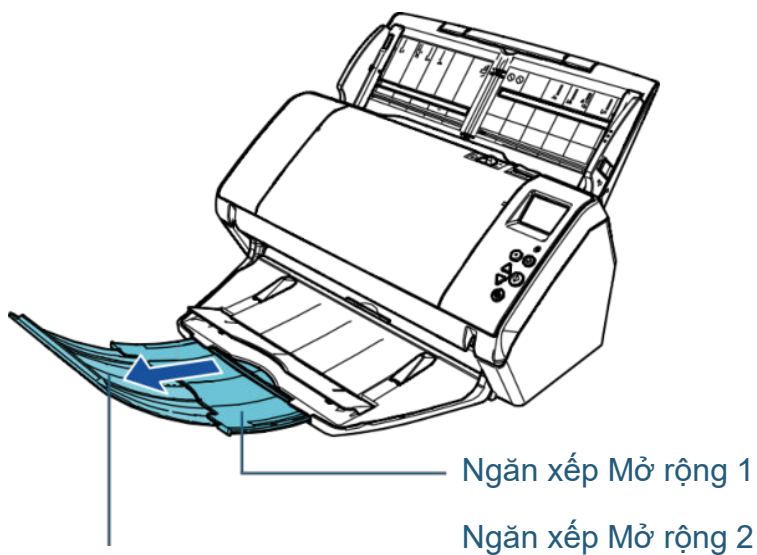
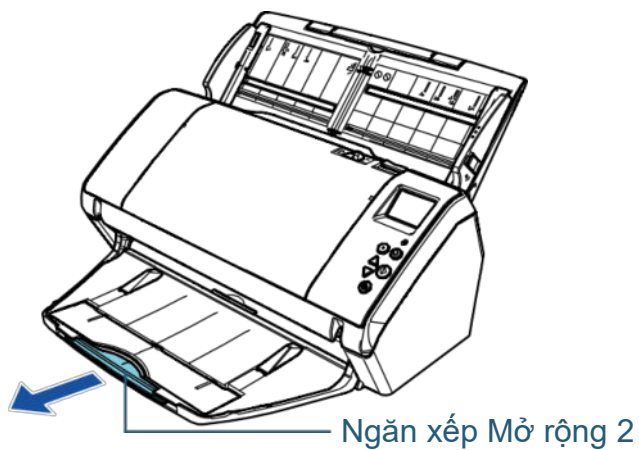
Sử dụng Ngăn xếp, Ngăn xếp phần mở rộng 1 và Ngăn xếp phần mở rộng 2 như trong quy trình sau sẽ giữ cho các tài liệu thẳng thắn và xếp chồng lên nhau gọn gàng.

- 1 Đưa ngăn xếp từ trên xuống về phía bạn.



2 Kéo phần mở rộng Ngăn xếp 2 về phía bạn.

Kéo Ngăn xếp phần mở rộng 1 và Ngăn xếp phần mở rộng 2 về phía bạn hết cỡ.



BẬT MÍ

1. Kéo Ngăn xếp mở rộng 1 và Ngăn xếp mở rộng 2 về phía bạn suốt chặng đường giữ cho các tài liệu thẳng và xếp chúng gọn gàng.
2. Nếu các tài liệu mỏng không được đẩy ra một cách gọn gàng, việc quét chúng với bộ xếp chồng đã đóng sẽ xếp chúng gọn gàng.

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

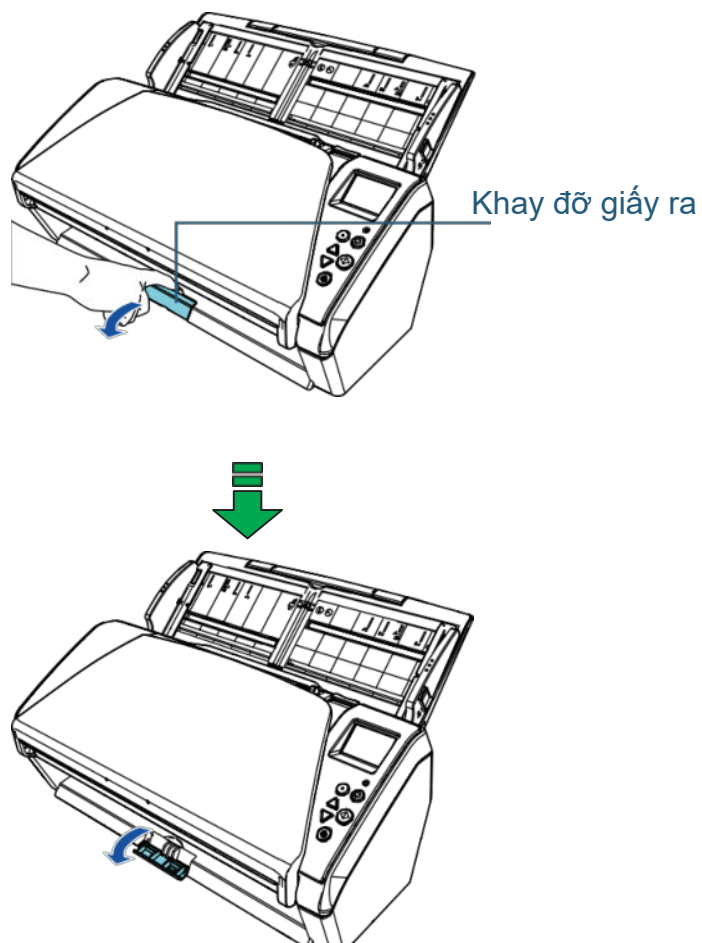
Appendix

Glossary

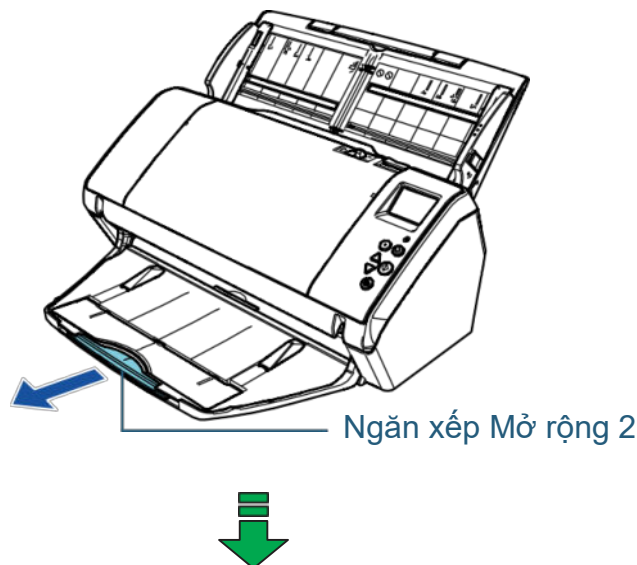
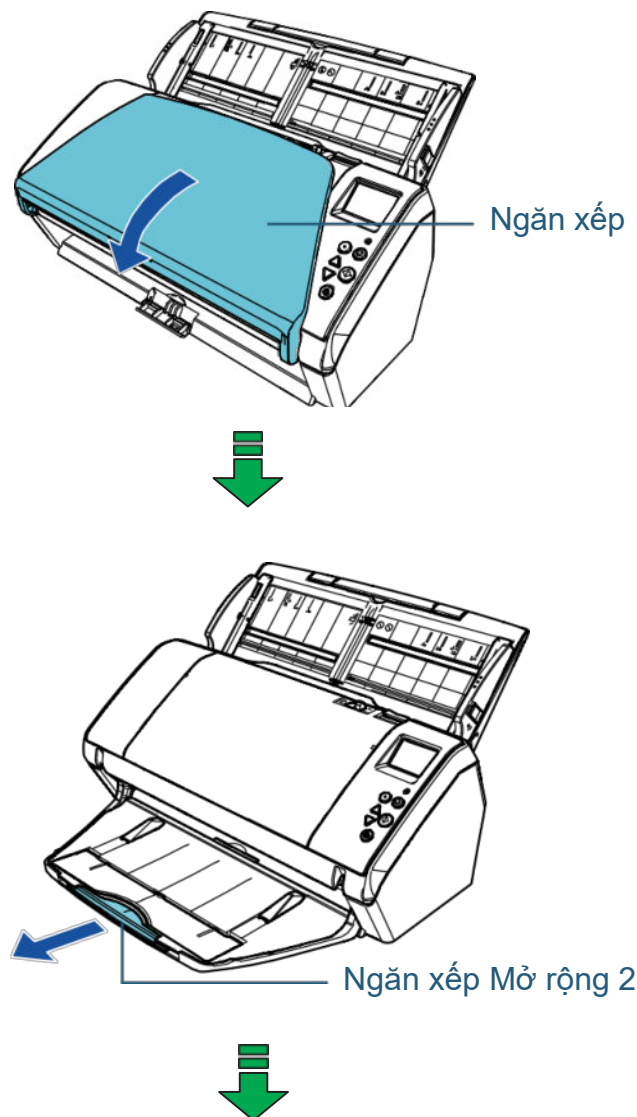
Tài liệu có kích thước khác nhau / Tài liệu kích thước nhỏ

Khi bạn quét một lô tài liệu hỗn hợp với các kích thước giấy khác nhau hoặc khi bạn quét các tài liệu có kích thước nhỏ, việc sử dụng chân đế Ngăn xếp giữ cho các tài liệu thẳng và xếp chúng lên nhau gọn gàng.

- Đặt ngón tay của bạn vào vết lõm và đưa giá đỡ Ngăn xếp về phía bạn xuống.



- Điều chỉnh Ngăn xếp.
Kéo ngăn xếp mở rộng 1 và Ngăn xếp mở rộng 2 về phía bạn đến khi hết cỡ



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

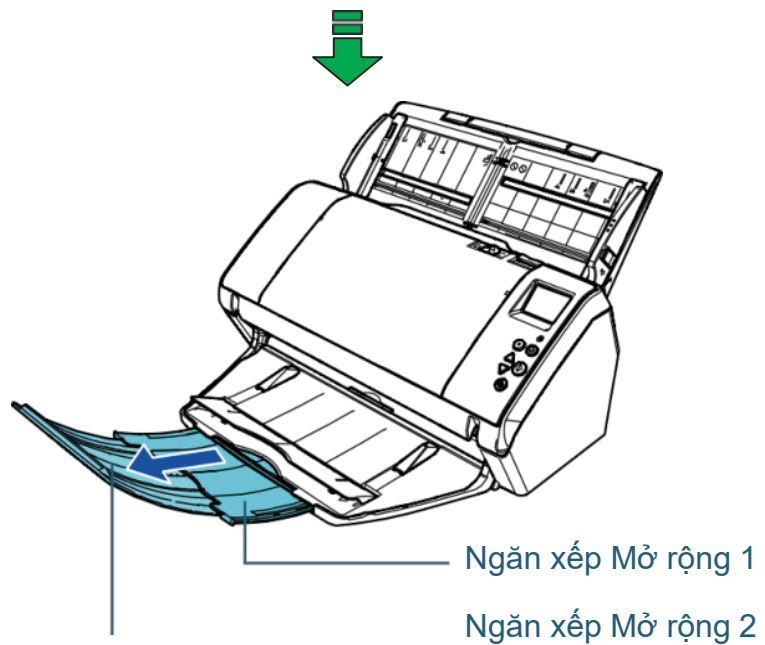
Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary



Index

Introduction

Scanner Overview

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

Appendix

Glossary

1.7 Chế độ tiết kiệm năng lượng

Chế độ tiết kiệm năng lượng giữ cho mức tiêu thụ điện năng thấp khi máy quét không được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định.

Nếu máy quét được bật nguồn trong 15 phút (cài đặt mặc định của nhà sản xuất) mà không được sử dụng, nó sẽ tự động chuyển sang chế độ tiết kiệm năng lượng.

Khi máy quét chuyển sang chế độ tiết kiệm năng lượng, màn hình LCD trên bảng điều khiển sẽ tắt. Nút [Nguồn] nhấp nháy màu xanh lục.

Để tiếp tục từ chế độ tiết kiệm năng lượng, hãy thực hiện một trong các thao tác sau:

- Nạp tài liệu vào máng giấy ADF (khay nạp)
- Nhấn bất kỳ nút nào trên bảng điều khiển
Lưu ý rằng nhấn nút [Nguồn] trong hơn 2 giây sẽ tắt nguồn.
- Thực hiện quét từ một ứng dụng

Máy quét sẽ tự động tắt nếu nó được bật trong một khoảng thời gian nhất định mà không được sử dụng, giảm mức tiêu thụ điện năng cho đến lần quét tiếp theo.

Để ngăn máy quét tự động tắt, hãy bỏ chọn hộp kiểm [Tắt nguồn sau một khoảng thời gian nhất định] trong [Cài đặt thiết bị] trên Bảng điều khiển phần mềm. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Thời gian chờ máy quét vào chế độ tiết kiệm năng lượng \[Tiết kiệm năng lượng\]](#)" (trang 187).

Để bật nguồn Mặt sau sau khi tự động tắt nguồn, hãy nhấn nút [Nguồn] trên bảng điều khiển.

CHÚ Ý

- Máy quét có thể không chuyển sang chế độ tiết kiệm năng lượng nếu có tài liệu còn lại trên đường dẫn giấy. Trong trường hợp này, hãy xóa tài liệu.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[7.1 Kẹt giấy](#)" (trang 112).
- Đối với một số ứng dụng, máy quét có thể không bị tắt ngay cả khi hộp kiểm [Tắt nguồn sau một khoảng thời gian nhất định] được chọn.
- Nếu máy quét tự động tắt trong khi bạn đang sử dụng ứng dụng quét hình ảnh, hãy thoát khỏi ứng dụng, sau đó bật nguồn.

BẬT MÍ

- Bằng cách sử dụng một trong các cách sau, bạn có thể thay đổi thời gian chờ máy quét vào chế độ tiết kiệm năng lượng.
 1. Sử dụng Bảng điều khiển ([20: Tiết kiệm năng lượng] trong màn hình [Menu cài đặt]).
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Menu cài đặt 3.2](#)" (trang 55).
 2. Sử dụng Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Thời gian chờ máy quét vào chế độ tiết kiệm năng lượng \[Tiết kiệm năng lượng\]](#)" (trang 187).
- Để biết chi tiết về bảng điều khiển, hãy tham khảo "[Chương 3 Cách sử dụng bảng điều khiển](#)" (trang 50).

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[1.3 BẬT / TẮT nguồn](#)" (trang

Introduction

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

19).

Appendix

Glossary

1.8 Quy trình cơ bản của hoạt động quét

Phần này giải thích về quy trình cơ bản của việc thực hiện quét.

Để thực hiện quét, bạn cần trình điều khiển máy quét và ứng dụng quét hình ảnh hỗ trợ trình điều khiển máy quét. Các trình điều khiển máy quét và ứng dụng quét hình ảnh sau đây được đi kèm với máy quét:

- Trình điều khiển máy quét
 - IP PaperStream (TWAIN)
 - IP PaperStream (TWAIN x64)
 - Gói PaperStream IP (ISIS)
 - Ứng dụng quét hình ảnh
 - PaperStream ClickScan
 - Chụp PaperStream

BẬT MÍ

For details about the scanner drivers and image scanning applications, refer to ["1.9 Bundled Software" \(page 30\)](#).

Quy trình và thao tác quét hơi khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng quét ảnh.

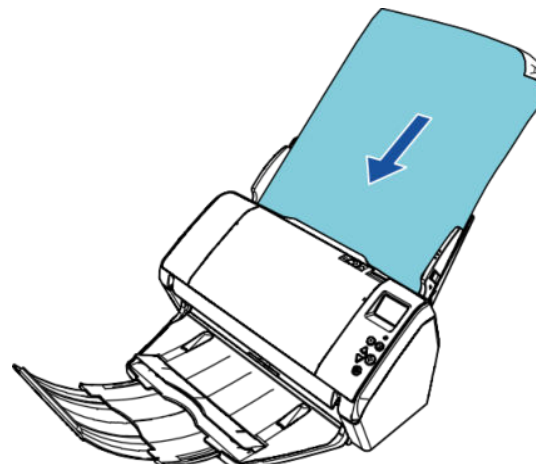
Để biết chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng ứng dụng quét hình ảnh. Sau đây mô tả quy trình quét thông thường.

1 Bật máy quét.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["1.3 BẬT / TẮT nguồn" \(trang 19\)](#).

2 Nạp tài liệu vào máng giấy ADF (khay nạp).

Nạp tài liệu úp xuống máng giấy ADF (khay nạp).



Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["Chương 2 Cách tải tài liệu" \(trang 34\)](#).

3 Khởi động ứng dụng quét hình ảnh.

4 Chọn trình điều khiển máy quét.

Đối với một số ứng dụng quét hình ảnh, có thể không cần chọn trình điều khiển máy quét.

- 5** Chọn một máy quét.
Đảm bảo chọn máy quét Mẫu được kết nối với máy tính.
Đối với một số ứng dụng quét hình ảnh, có thể không cần chọn máy quét.
- 6** Trong cửa sổ thiết lập cho trình điều khiển máy quét, hãy định cấu hình cài đặt quét.
Đối với một số ứng dụng quét hình ảnh, cửa sổ thiết lập cho trình điều khiển máy quét có thể không xuất hiện.
- 7** Quét tài liệu bằng ứng dụng quét hình ảnh.

CHÚ Ý

Khi máy quét và máy tính đang giao tiếp, chẳng hạn như trong quá trình quét, không thực hiện thao tác gây ra ngắt kết nối giao tiếp của chúng, chẳng hạn như rút cáp USB hoặc đăng xuất tài khoản người dùng.

[Contents](#)[Index](#)[Introduction](#)[Scanner
Overview](#)[How to Load
Documents](#)[How to Use the
Operator Panel](#)[Various Ways to
Scan](#)[Daily Care](#)[Replacing the
Consumables](#)[Troubleshooting](#)[Operational
Settings](#)[Appendix](#)[Glossary](#)

1.9 Phần mềm đi kèm

Tổng quan về phần mềm đi kèm

Sản phẩm này được đi kèm với phần mềm sau.

BẬT MÍ

Cài đặt phần mềm từ DVD-ROM Cài đặt đi kèm hoặc tải xuống phần mềm từ trang web tải xuống được liên kết từ DVD-ROM Thiết lập đi kèm và sau đó cài đặt nó.

- Trình điều khiển IP PaperStream
Trình điều khiển IP PaperStream là trình điều khiển máy quét phù hợp với tiêu chuẩn TWAIN/ISIS.
Có ba loại trình điều khiển IP PaperStream như hình dưới đây.
 1. IP PaperStream (TWAIN)
Phù hợp với tiêu chuẩn TWAIN. Được sử dụng khi bạn vận hành máy quét bằng các ứng dụng 32-bit tuân thủ TWAIN.
 2. IP PaperStream (TWAIN x64)
Phù hợp với tiêu chuẩn TWAIN. Được sử dụng khi bạn vận hành máy quét bằng các ứng dụng 64-bit tuân thủ TWAIN. Nó có thể được cài đặt trên hệ điều hành 64-bit.
 3. Gói PaperStream IP (ISIS)
Phù hợp với tiêu chuẩn ISIS. Được sử dụng khi bạn vận hành máy quét bằng các ứng dụng tuân thủ ISIS.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo Trợ giúp trình điều khiển IP PaperStream.
- Bảng điều khiển phần mềm
Bạn có thể định cấu hình các cài đặt khác nhau để vận hành máy quét và quản lý các bộ phận tiêu hao. Nó được cài đặt cùng với trình điều khiển máy quét (PaperStream IP (TWAIN), PaperStream IP (TWAIN x64) hoặc PaperStream IP (ISIS) Bundle).
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Chương 8 Cài đặt hoạt động](#)" ([trang 145](#)).
- Hướng dẫn khôi phục lỗi
Chi tiết trạng thái của máy quét và giải thích cách giải quyết các vấn đề gặp phải. Nó được cài đặt cùng với trình điều khiển máy

quét (PaperStream IP (TWAIN), PaperStream IP (TWAIN x64) hoặc PaperStream IP (ISIS) Bundle).

Mục lục

Giới thiệu

- PaperStream ClickScan
Ứng dụng quét hình

Ảnh 32-bit
hỗ trợ
PaperStream IP

(TWAIN).
Quét có thể
được thực
hiện thông

qua các cài
đặt và thao
tác đơn
giản.

Chương
trình này tự
động khởi
động khi bạn

đăng nhập
vào máy tính
của mình và
nằm trong

khu vực
thông báo
nằm ở ngoài
cùng bên

phải của
thanh tác vụ.
Để biết chi

tiết, hãy
tham khảo
Trợ giúp
ClickScan
của
PaperStream.

Chapter 1 Scanner Overview

- **Tùy chọn PDF có thể tìm kiếm của PaperStream ClickScan**
Một ứng dụng để xuất hình ảnh ở định dạng như PDF có thể tìm kiếm, Word (*1) hoặc Excel (*1).
Nó có thể được sử dụng với PaperStream ClickScan.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo Trợ giúp ClickScan của PaperStream.
- **Chụp PaperStream**
Một ứng dụng quét hình ảnh 32-bit hỗ trợ cả PaperStream IP (TWAIN) và PaperStream IP (ISIS) Bundle. Bằng cách xác định cài đặt quét làm cấu hình tài liệu, bạn có thể tùy chỉnh cài đặt theo sở thích của mình.
- **PaperStream Capture Pro (ĐÁNH GIÁ)**
Ứng dụng quét hình ảnh 32-bit hỗ trợ PaperStream IP (TWAIN). Đây là phiên bản dùng thử của PaperStream Capture Pro.
Để sử dụng phiên bản đầy đủ, hãy mua và kích hoạt giấy phép. Ngoài các chức năng trong PaperStream Capture, PaperStream Capture Pro còn cho phép bạn thực hiện các thao tác đa trạm và cài đặt siêu dữ liệu nâng cao.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo Hướng dẫn sử dụng PaperStream Capture.
- **ABBYY FineReader cho ScanSnap™**
Ứng dụng này chuyển đổi hình ảnh được quét thành tệp cho các ứng dụng như Word hoặc Excel(*1).
Nó có thể được sử dụng khi bạn quét tài liệu bằng PaperStream Capture / PaperStream Capture Pro. Tải xuống từ trang web tải xuống và cài đặt nó.

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

Glossary

Appendix

- **Hướng dẫn**
Các biện pháp phòng ngừa an toàn, Hướng dẫn vận hành và Hướng dẫn vận hành máy in fi-748PRB đã được cài đặt.
- **Đại lý quản trị trung tâm máy quét**
Ứng dụng này cho phép bạn cập nhật chương trình cơ sở cho nhiều máy quét cùng một lúc và tập trung quản lý và giám sát nhiều máy quét. Nó có thể được sử dụng để theo dõi trạng thái hoạt động của máy quét và kiểm tra thông tin trên máy quét. Các ứng dụng bắt buộc khác nhau tùy thuộc vào loại hoạt động. Để biết chi tiết, hãy tham khảo Hướng dẫn sử dụng Quản trị viên Trung tâm Máy quét.
- **fi Series Cập nhật trực tuyến**
Ứng dụng này kiểm tra các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở mới nhất cho fi Series và áp dụng chúng. Để biết chi tiết, hãy tham khảo Trợ giúp cập nhật trực tuyến fi Series.

*1: Cần cài đặt các sản phẩm Microsoft® Office.

Để biết chi tiết về cách định cấu hình cài đặt máy quét để quét các loại tài liệu khác nhau bằng ứng dụng quét hình ảnh, hãy tham khảo "[Chương 4 Các cách khác nhau để quét](#)" (trang 76).

Yêu cầu hệ thống

Các yêu cầu hệ thống như sau:

Hệ điều hành	● Windows® 10 Home (32-bit/64-bit) (*1) ● Windows® 10 Pro (32-bit/64-bit) (*1) ● Windows® 10 Enterprise (32-bit/64-bit) (*1) ● Windows® 10 Education (32-bit/64-bit) (*1) ● Windows Server® 2016 Standard (64-bit) (*1) ● Windows Server® 2019 Standard (64-bit) (*1) ● Windows Server® 2022 Standard (64-bit) (*1) ● Windows® 11 Home (64-bit) (*1) ● Windows® 11 Pro (64-bit) (*1) ● Windows® 11 Enterprise (64-bit) (*1) ● Windows® 11 Education (64-bit) (*1)
CPU	Bộ xử lý tương thích với Intel hoặc Intel
Độ phân giải hiển thị	1024 x 768 pixel trở lên, 65.536 màu trở lên
Dung lượng đĩa cứng	11 GB trở lên dung lượng đĩa cứng trống (*2)
Ổ đĩa DVD	Cần thiết để cài đặt phần mềm
Giao diện	USB 3.0/2.0/1.1

*1: Phần mềm đi kèm hoạt động như một ứng dụng dành cho máy tính để bàn.

*2: Dung lượng đĩa cần thiết để quét tài liệu thay đổi tùy theo kích thước tệp của hình ảnh được quét.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Cài đặt phần mềm đi kèm

Phần này giải thích về quy trình cài đặt phần mềm từ DVD-ROM Setup đi kèm.

Lưu ý rằng có hai cách để cài đặt phần mềm đi kèm: chọn [Cài đặt (Khuyến nghị)] để cài đặt tất cả phần mềm cần thiết để vận hành máy quét cùng một lúc hoặc [Cài đặt (Tùy chỉnh)] để chọn và cài đặt phần mềm bạn cần.

CHÚ Ý

Nếu phiên bản cũ của phần mềm được cài đặt, trước tiên hãy gỡ cài đặt nó. Để biết chi tiết về quy trình gỡ cài đặt phần mềm, hãy tham khảo "A.5 Gỡ cài đặt phần mềm" (trang 199).

1 Cài đặt (Khuyến nghị)

Khi chọn [Cài đặt (Khuyến nghị)], phần mềm sau sẽ được cài đặt:

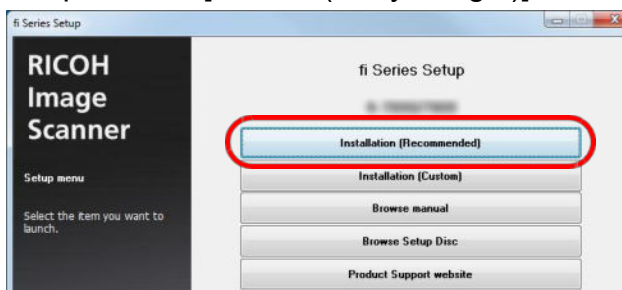
- IP PaperStream (TWAIN)
- Bảng điều khiển phần mềm
- Hướng dẫn khôi phục lỗi
- PaperStream ClickScan
- Chụp PaperStream
- Hướng dẫn
- fi Series Cập nhật trực tuyến

- 1 Bật máy tính và đăng nhập vào Windows với tư cách người dùng có đặc quyền quản trị viên.
- 2 Lắp DVD-ROM Cài đặt vào ổ đĩa DVD.
 - Cửa sổ [fi Series Setup] xuất hiện.

BẬT MÍ

Nếu cửa sổ [fi Series Setup] không xuất hiện, hãy nhấp đúp vào "Setup.exe" trong Setup DVD-ROM qua [Windows Explorer] hoặc [Computer].

- 3 Nhấp vào tên Mẫu của máy quét sẽ được sử dụng (nếu cửa sổ chọn tên Mẫu được hiển thị).
- 4 Nhấp vào nút [Cài đặt (Khuyến nghị)].



- 5 Làm theo hướng dẫn trên cửa sổ để tiến hành cài đặt.

Introduction

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

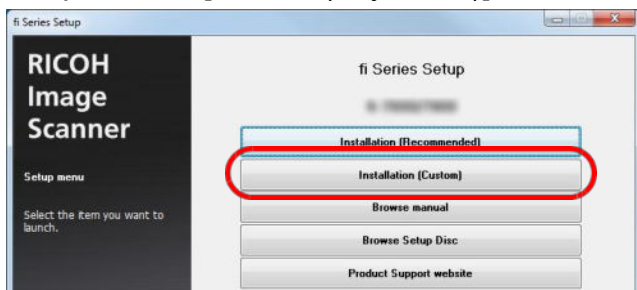
Appendix

Glossary

▪ Cài đặt (Tùy chỉnh)

1 Thực hiện các bước từ 1 đến 3 trong "Cài đặt (Khuyến nghị)" (trang 32).

2 Nhấp vào nút [Cài đặt (Tùy chỉnh)].



3 Kiểm tra nội dung được hiển thị trên cửa sổ và nhấp vào nút [Tiếp theo].

4 Chọn hộp kiểm để cài đặt phần mềm và nhấp vào nút [Tiếp theo].

5 Làm theo hướng dẫn trên cửa sổ để tiến hành cài đặt.

TOP

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Settings

Appendix

Glossary

Chương 2 Cách tải Tài liệu

Chương này giải thích cách nạp tài liệu vào máy quét.

1	Đang tải tài liệu	35
2	Tài liệu để quét	41

[TOP](#)[Contents](#)[Index](#)[Introduction](#)[Scanner Overview](#)[How to Load Documents](#)[How to Use the Operator Panel](#)[Various Ways to Scan](#)[Daily Care](#)[Replacing the Consumables](#)[Troubleshooting](#)[Operational Settings](#)[Appendix](#)[Glossary](#)

2.1 Đang tải tài liệu

Phần này giải thích cách nạp tài liệu vào ADF.

Chuẩn bị

BẬT MÍ

Để biết chi tiết về kích thước và chất lượng giấy cần thiết cho các thao tác bình thường, hãy tham khảo ["2.2 Tài liệu để quét" \(trang 41\)](#).

1 Nếu bạn đang tải nhiều tờ, hãy kiểm tra tài liệu.

- 1 Kiểm tra xem các tài liệu cần tải có cùng chiều rộng hay chiều rộng khác nhau không.

Cách tải tài liệu khác nhau tùy thuộc vào việc chúng có cùng chiều rộng hay không.

Nếu chiều rộng tài liệu khác nhau, hãy tham khảo ["Điều kiện quét hàng loạt hỗn hợp" \(trang 46\)](#) hoặc ["Tài liệu có chiều rộng khác nhau" \(trang 78\)](#).

2 Kiểm tra số tờ.

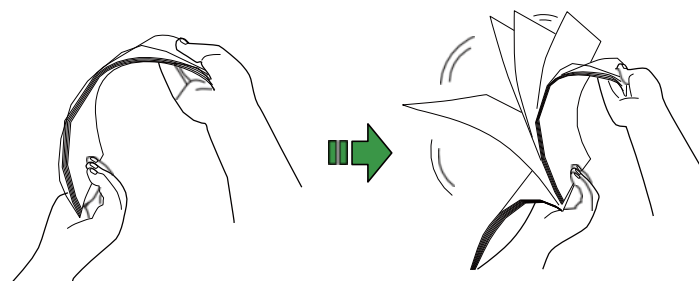
Số lượng tờ có thể được tải như sau:

- Tài liệu khổ A4/Letter trở xuống
100 tờ (với trọng lượng 80 g/m² [20 lb] và độ dày của chồng tài liệu dưới 10 mm)
- Tài liệu lớn hơn khổ A4/Letter
50 tờ (với trọng lượng giấy 80 g/m² [20 lb] và độ dày của chồng tài liệu dưới 5 mm)

Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["Khả năng tải" \(trang 44\)](#).

2. Quạt các tài liệu.

- 1 Lấy ra một chồng tài liệu, theo độ dày trong các hướng dẫn sau:
 - Tài liệu khổ A4 / Letter hoặc nhỏ hơn 10 mm trở xuống
 - Tài liệu lớn hơn A4 / Letter kích thước 5 mm trở xuống
- 2 Giữ cả hai đầu của tài liệu và quạt chúng một vài lần.



- 3 Xoay tài liệu 90 độ và quạt chúng theo cách tương tự.
- 4 Thực hiện các bước [từ 1 đến 3](#) cho tất cả các tài liệu.
- 5 Căn chỉnh các cạnh của tài liệu.

BẬT MÍ

Để biết thêm chi tiết về cách quạt tài liệu, hãy tham khảo Hướng dẫn khôi phục lỗi.

Cách tải tài liệu

Có hai cách để tải tài liệu.

Nạp tài liệu ở giữa máng giấy ADF (khay nạp)

Cách này được sử dụng chủ yếu khi các tài liệu có cùng kích thước.

Nạp tài liệu vào bên trái hoặc bên phải của máng giấy ADF (khay nạp)

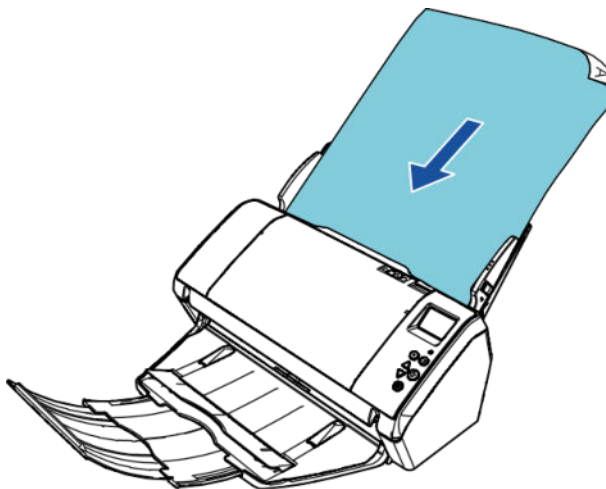
Cách này được sử dụng chủ yếu khi các tài liệu có kích thước khác nhau hoặc khi bạn muốn dịch chuyển tâm của tài liệu.

CHÚ Ý

Lưu ý rằng các điều kiện khác nhau áp dụng cho một số chức năng như phát hiện nhiều nguồn nạp khi bạn nạp tài liệu sang bên trái hoặc bên phải của máng giấy ADF (khay nạp).

Nạp tài liệu ở giữa máng giấy ADF (Khay nạp)

- 1 Kéo máng mở rộng 1 ra và nhấc máng mở rộng 2 lên theo chiều dài của tài liệu.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[1.5 Thiết lập máng giấy ADF \(Khay nạp\)](#)" (trang 22).
- 2 Hạ Ngăn xếp xuống và kéo ra Ngăn xếp mở rộng 1 và Ngăn xếp mở rộng 2 về phía bạn theo độ dài của tài liệu.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[1.6 Thiết lập ngăn xếp](#)" (trang 23).
- 3 Nạp tài liệu vào máng giấy ADF (khay nạp).
Nạp tài liệu úp xuống máng giấy ADF (khay nạp).



CHÚ Ý

Tháo tất cả các kẹp giấy và kim bấm. Giảm số lượng tờ nếu xảy ra lỗi đúp hoặc nhặt giấy.

Contents
Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

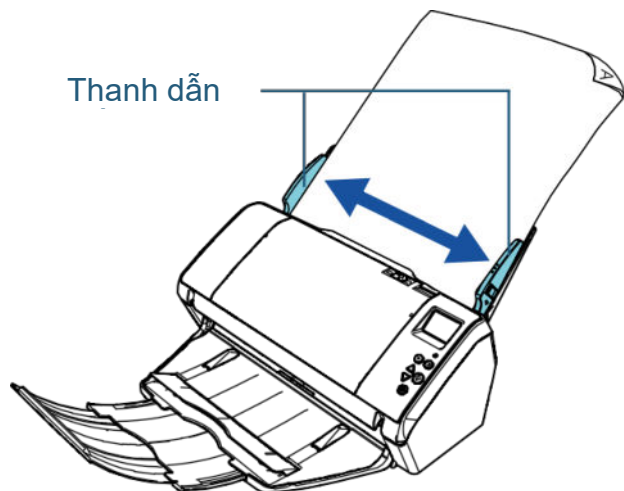
Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Glossary

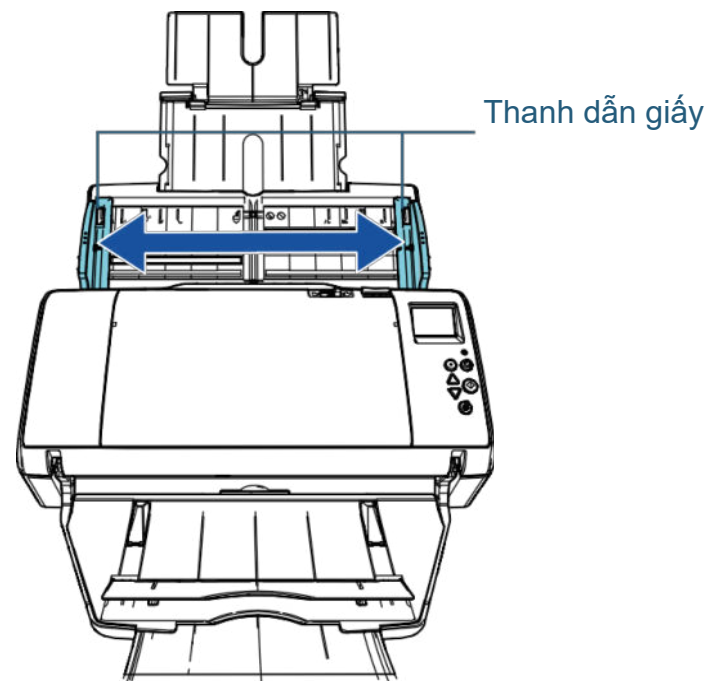
- 4 Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều rộng của tài liệu.
Không chừa khoảng trống giữa thanh dẫn bên và tài liệu. Nếu không, tài liệu có thể bị nạp giấy lệch.



- 5 Quét tài liệu bằng ứng dụng quét hình ảnh.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng ứng dụng quét hình ảnh.

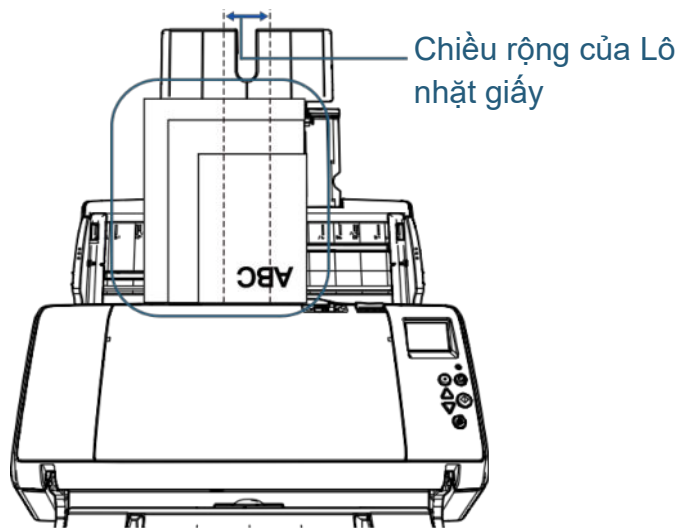
■ Nạp tài liệu vào bên trái hoặc bên phải của máng giấy ADF (khay nạp)

- 1 Kéo máng mở rộng 1 ra và nhấc máng mở rộng 2 lên theo chiều dài của tài liệu.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[1.5 Thiết lập máng giấy ADF \(Khay nạp\)](#)" (trang 22).
- 2 Hạ Ngăn xếp xuống và kéo ra Ngăn xếp mở rộng 1 và Ngăn xếp mở rộng 2 về phía bạn theo độ dài của tài liệu.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[1.6 Thiết lập ngăn xếp](#)" (trang 23).
- 3 Trượt hoàn toàn các thanh dẫn bên ra ngoài.



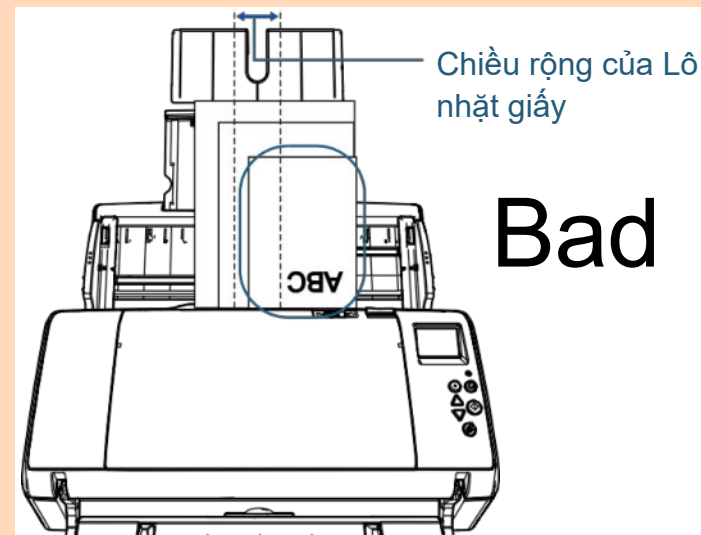
- 4 Nạp tài liệu vào máng giấy ADF (khay nạp) để có thể chọn tài liệu hẹp nhất bằng giấy Lô nhét.

Nạp tài liệu úp xuống máng giấy ADF (khay nạp).

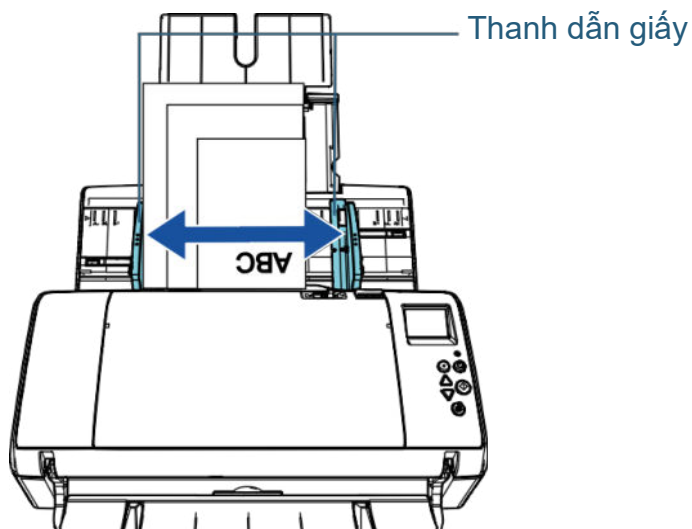


CHÚ Ý

Đảm bảo rằng tất cả các tài liệu được đặt trên con lô lấy (giữa ADF). Nếu không, một số tài liệu có thể bị lệch hoặc không được đưa vào ADF.

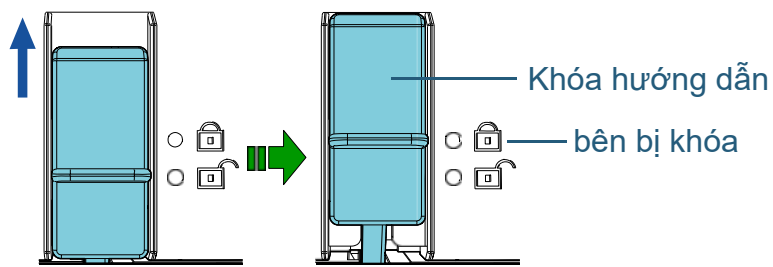


- 5 Điều chỉnh Thanh dẫn giấy theo chiều rộng của tài liệu.
Không để khoảng trống giữa Thanh dẫn giấy và tài liệu rộng nhất.

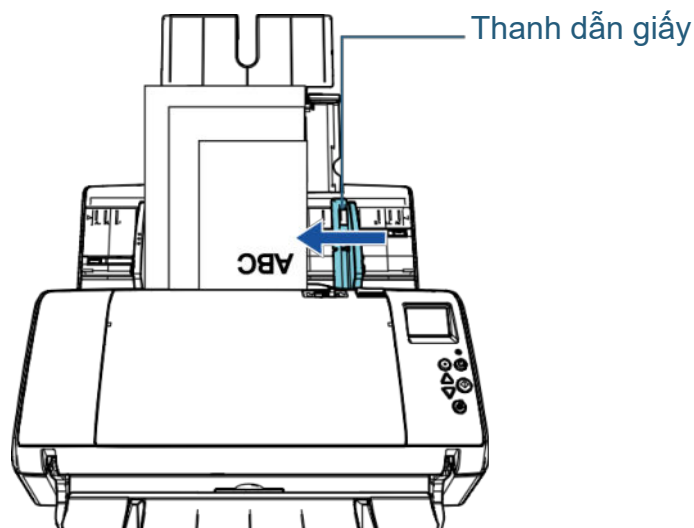


- 6 Khóa một trong các Thanh dẫn giấy.

Trong trường hợp này, hãy trượt khóa dẫn hướng bên ở mặt ngoài của thanh dẫn bên trái lên để khóa thanh dẫn bên.



- 7 Điều chỉnh thanh dẫn phía bên kia đến vị trí mục tiêu.
Không chừa khoảng trống giữa thanh dẫn bên và tài liệu. Nếu không, tài liệu có thể bị nạp giấy lệch.



- 8 Quét tài liệu bằng ứng dụng quét hình ảnh.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng ứng dụng quét hình ảnh.

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

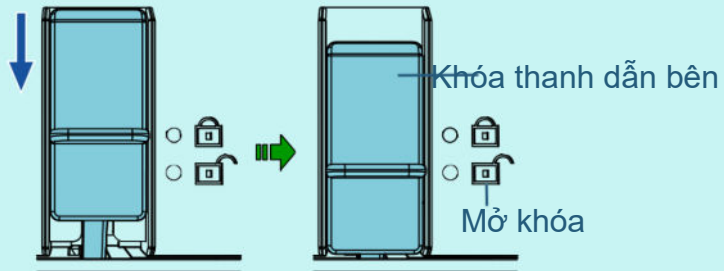
Operational
Settings

Glossary

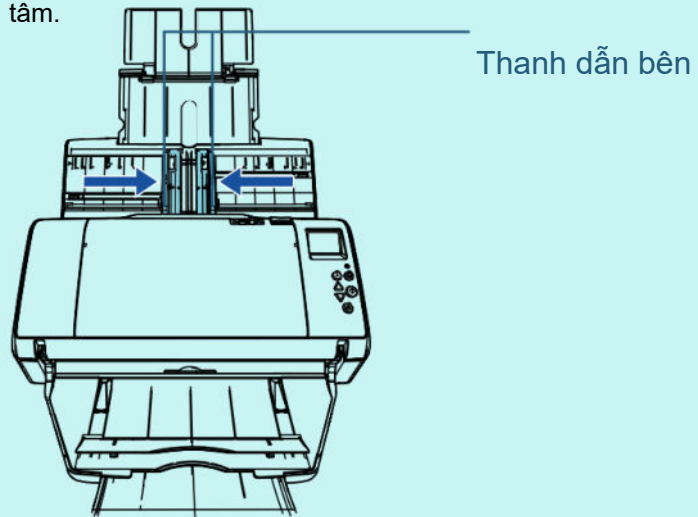
BẬT MÍ

Quy trình mở khóa các thanh dẫn bên như sau:

1. Trượt khóa dẫn hướng bên của các thanh dẫn bên bị khóa xuống.



1. Giữ cả hai thanh dẫn bên và di chuyển chúng về phía trung tâm.



⇒ The left and right side guides move in conjunction

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Glossary

2.2 Tài liệu để quét

Khổ giấy

Có thể quét các kích thước giấy sau:

ADF	
	- Kích thước tối đa (chiều rộng × chiều dài) - A3 chân dung (297 × 420 mm / 11,7 inch × 16,5 in.) - 12 × 17 trong. - Trang dài (*1) (304.8 × 863 mm / 12 inch × 34 in., 304.8 × 5588 mm / 12 trong. × 220 in.) - Kích thước tối thiểu (chiều rộng × chiều dài) 50.8 × 69 mm / 2 in. × 2.72 in.

*1: Tùy thuộc vào ứng dụng hoặc cài đặt quét cho trình điều khiển máy quét, có thể không đủ bộ nhớ để thực hiện quét. Quét trang dài hỗ trợ tài liệu có chiều dài lên đến 5.588 mm (220 in.) khi độ phân giải được đặt thành 200 dpi trở xuống.

Điều kiện

Loại giấy

Các loại giấy sau đây được khuyến nghị:

- Giấy không gỗ
- Giấy chứa gỗ
- Giấy PPC (tái chế)
- Thẻ nhựa

Khi sử dụng các loại giấy khác với các loại giấy trên, trước tiên hãy đảm bảo kiểm tra với cùng một loại giấy để kiểm tra xem tài liệu có thể được quét hay không.

Trọng lượng giấy (Độ dày)

Có thể sử dụng các trọng lượng giấy sau:

- 27 đến 413 g / m² (7.2 đến 110 lb)
- 127 đến 209 g/m² (34 đến 56 lb) đối với khổ A8
- 1,4 mm (0,06 in.) trở xuống đối với thẻ nhựa

Biện pháp phòng ngừa

Các loại tài liệu sau đây có thể không được quét thành công:

- Các tài liệu có độ dày không đồng đều (chẳng hạn như phong bì hoặc tài liệu có đính kèm)
- Tài liệu nhăn nheo hoặc cong
- Tài liệu bị gấp hoặc rách
- Giấy can
- Giấy trắng
- Giấy carbon
- Giấy cảm quang
- Tài liệu đục lỗ
- Tài liệu không phải là hình vuông hoặc hình chữ nhật

- Giấy rất mỏng/giấy rất dày có chiều rộng rộng

- Ảnh (giấy ảnh)

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

Appendix

Các loại tài liệu sau đây không được quét:

- Tài liệu kẹp giấy hoặc dập ghim
- Tài liệu trên đó mực vẫn còn ướt
- Tài liệu nhỏ hơn 50,8 × 69 mm (2 inch × 2,72 inch)
- Tài liệu rộng hơn 304,8 mm (12 in.)

Các tài liệu khác ngoài giấy / thẻ nhựa như vải, lá kim loại và màng OHP

- Các tài liệu quan trọng không được làm hỏng hoặc bị bẩn

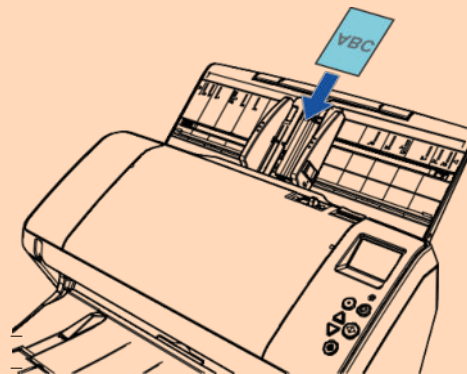
CHÚ Ý

- Vì giấy không carbon có chứa các chất hóa học có thể gây hại cho con lô (chẳng hạn như con lô gấp), hãy lưu ý những điều sau.
Làm sạch: Nếu kẹt giấy thường xuyên xảy ra, hãy làm sạch con lô phanh và con lô gấp.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Chương 5 Chăm sóc hàng ngày](#)" (trang 93).
Thay thế vật tư tiêu hao: Tuổi thọ của con lô phanh và con lô chọn có thể kết thúc sớm hơn so với việc quét giấy có chứa gỗ.
- Khi quét gỗ có chứa giấy, tuổi thọ của con lô phanh và con lô gấp có thể kết thúc sớm hơn so với quét giấy không gỗ.
- Con lô phanh và con lô nhặt có thể bị hỏng khi ảnh / ghi chú trên tài liệu tiếp xúc với các bộ phận này trong quá trình quét.
- Bề mặt của tài liệu có thể bị hỏng khi quét giấy bóng như ảnh.
- Ánh sáng của đèn LED có thể phản chiếu sáng khi quét giấy bóng.

Khi bạn quét thẻ nhựa, hãy lưu ý những điều sau.

Có thể nạp tối đa ba thẻ nhựa vào máng giấy ADF (khay nạp).

Lưu ý rằng bạn chỉ có thể nạp một thẻ tại một thời điểm nếu thẻ nhựa được dập nổi.



- Thẻ nhựa nên được nạp theo chiều dọc.

Nên đặt thẻ úp xuống máng giấy ADF.

Thẻ phải nằm trong các thông số kỹ thuật sau: tuân thủ loại ISO7810 ID-1

Kích thước: 85,6 × 53,98 mm

Độ dày: 1,4 mm trở xuống

Chất liệu: PVC (polyvinyl clorua) hoặc PVCA (polyvinyl clorua axetat)

Đảm bảo kiểm tra xem thẻ bạn muốn quét có thể được nạp hay không trước khi quét.

- Các thẻ dày hoặc cứng khó uốn cong có thể bị nạp giấy lệch.

Nếu có bụi bẩn trên bề mặt thẻ, chẳng hạn như vết dầu mỡ (dầu vân tay), hãy thực hiện quét sau khi lau sạch bụi bẩn.

- Không thể quét thẻ nhựa khi máy in được kết nối.

Quét các tài liệu dày như thẻ nhựa sẽ bị phát hiện nhầm là Nạp đúp giấy.

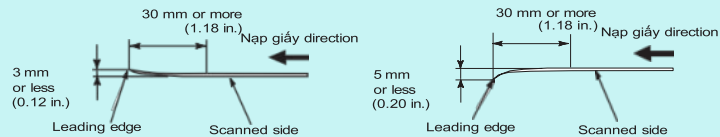
Để quét các tài liệu như vậy, hãy sử dụng chức năng hiển thị cửa sổ nhiều nguồn cấp dữ liệu của trình điều khiển máy quét, sử dụng chức năng Nạp đúp giấy thông minh hoặc tắt tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu. Bạn cũng có thể sử dụng chế độ Thủ công/Đơn để quét các tài liệu đó.

BẬT MÍ

1. Khi quét tài liệu bán trong suốt, hãy tăng độ sáng để quét để tránh bị chảy máu.
2. Khi bạn quét tài liệu được viết bằng bút chì, hãy đảm bảo vệ sinh các con lô thường xuyên. Nếu không, các con lô sẽ bị nhiễm bẩn có thể để lại dấu vết đen trên tài liệu hoặc gây ra lỗi nạp liệu.

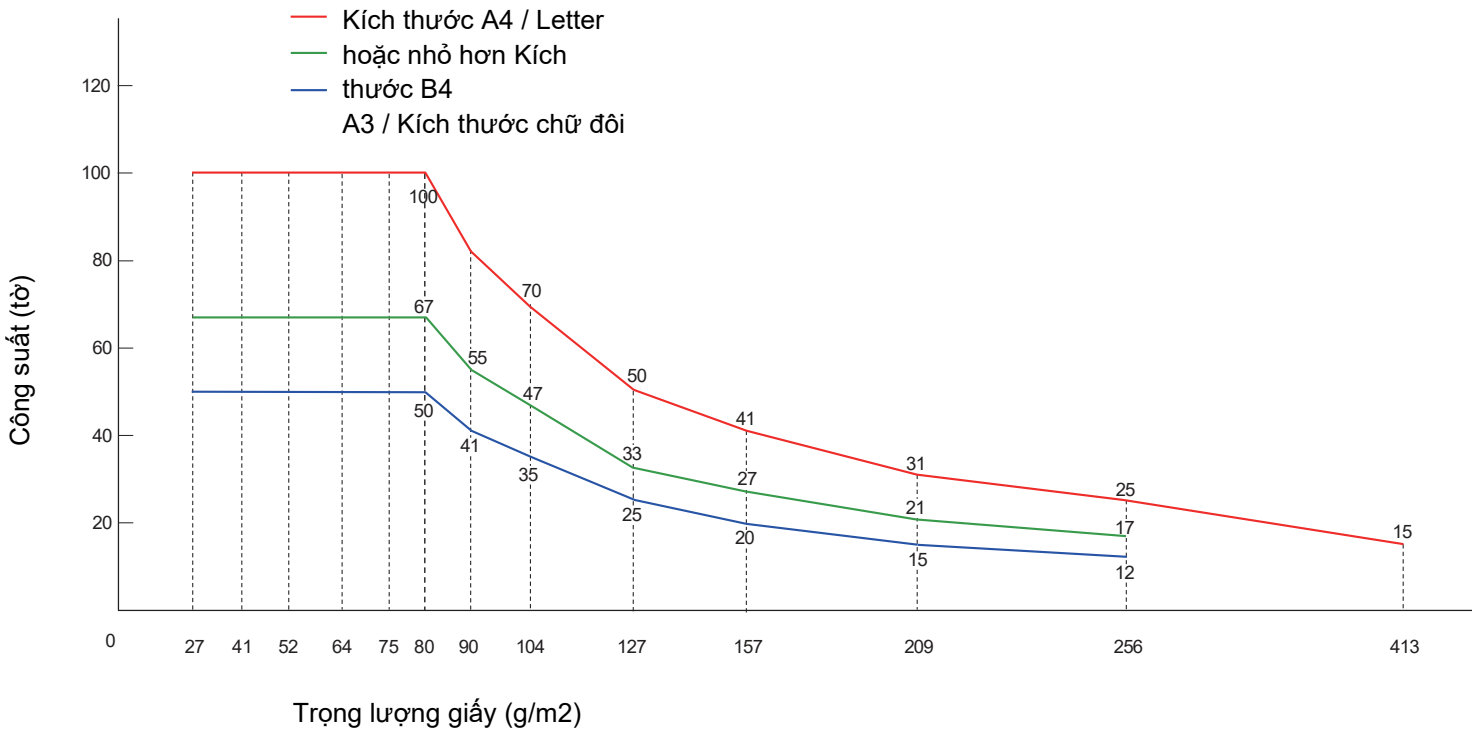
Để biết chi tiết về việc làm sạch, hãy tham khảo "[Chương 5 Chăm sóc hàng ngày](#)" (trang 93).

1. Nếu thường xuyên xảy ra nhiều nguồn cấp dữ liệu, lỗi chọn hoặc kẹt giấy, hãy tham khảo "[7.3 Khắc phục sự cố](#)" (trang 122).
1. Khi bạn quét tài liệu bằng ADF, tất cả các tài liệu phải phẳng ở cạnh trước. Đảm bảo rằng các lọn tóc trên the leading edge of the



Tải trọng

Số tờ có thể được nạp vào máng giấy ADF (khay nạp) được xác định bởi kích thước giấy và trọng lượng giấy. Xem biểu đồ bên dưới.

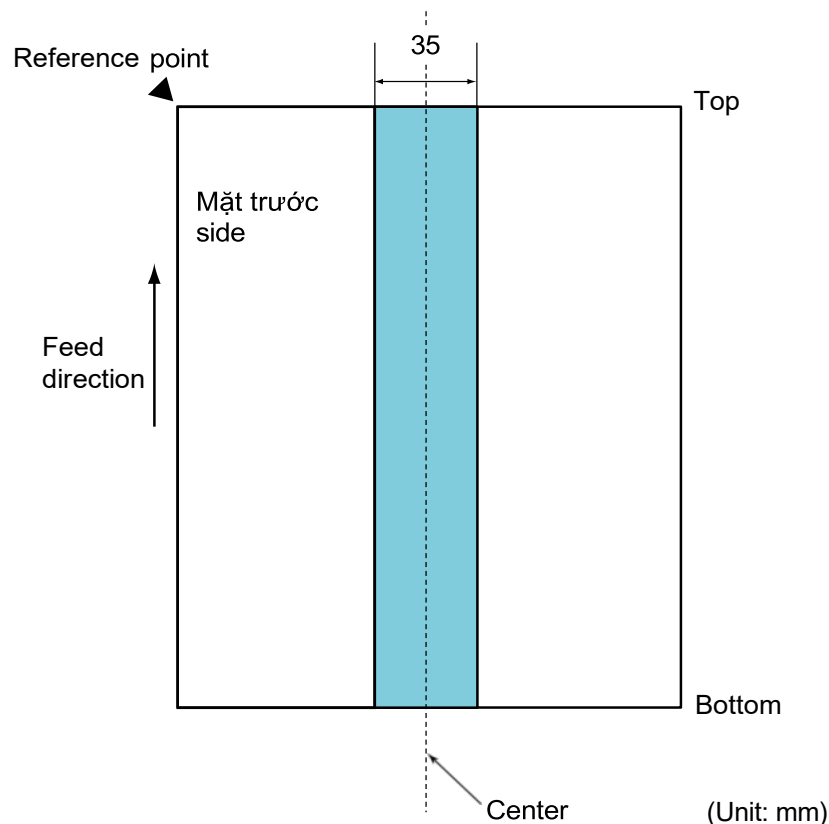


Đơn vị	Chuyển đổi												
g/m²	27	41	52	64	75	80	90	104	127	157	209	256	413
lb	7.2	11	14	17	20	21	24	28	34	42	56	68	110
kg	23	35	45	55	65	69	77	90	110	135	180	220	355

Khu vực không được đục lỗ

Lỗi có thể xảy ra khi có lỗ đục lỗ trên khu vực được tô màu xanh lam nhạt trong hình bên dưới.

Ảnh. 1



CHÚ Ý

Điều kiện trên áp dụng khi tài liệu được đặt ở giữa chiều rộng con lỏ gấp.

BẬT MÍ

Nếu có bất kỳ lỗ nào trên cột trung tâm rộng 35 mm, bạn có thể di chuyển tài liệu sang trái hoặc phải để tránh lỗi.

Điều kiện để phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu

Đúp giấy là lỗi trong đó hai hoặc nhiều tờ được nạp qua ADF cùng một lúc. Khi phát hiện độ dài tài liệu khác, kết quả được phát hiện này còn được gọi là Nạp đúp giấy.

Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu được thực hiện bằng cách kiểm tra sự chồng chéo của tài liệu, độ dài của tài liệu hoặc sự kết hợp của cả hai. Các điều kiện sau đây là bắt buộc để phát hiện chính xác.

Phát hiện bằng cách chồng chéo

- Trọng lượng giấy: 27 đến 413 g/m² (7,2 đến 110 lb)
- Không đục lỗ trong phạm vi 35 mm (1.38 in.) so với tâm tài liệu. Xem "[Hình 1](#)" ([trang 45](#)).
- Không dính kèm các tài liệu khác trong phạm vi 35 mm (1.38 in.) so với tâm của tài liệu. Xem "[Hình 1](#)" ([trang 45](#)).

Phát hiện theo chiều dài

- Nạp tài liệu có cùng chiều dài vào máng giấy ADF (khay nạp).
- Phương sai độ dài tài liệu: 1% trở xuống
- Không đục lỗ trong phạm vi 35 mm (1.38 in.) so với tâm tài liệu. Xem "[Hình 1](#)" ([trang 45](#)).

Phát hiện theo chồng lên nhau và chiều dài

- Nạp tài liệu có cùng chiều dài vào máng giấy ADF (khay nạp).
- Trọng lượng giấy: 27 đến 413 g/m² (7,2 đến 110 lb)
- Phương sai độ dài tài liệu: 1% trở xuống
- Không đục lỗ trong phạm vi 35 mm (1.38 in.) so với tâm tài liệu. Xem "[Hình 1](#)" ([trang 45](#)).
- Không dính kèm các tài liệu khác trong phạm vi 35 mm (1.38 in.) so với tâm của tài liệu. Xem "[Hình 1](#)" ([trang 45](#)).

Contents
Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix
Glossary

CHÚ Ý

- Điều kiện trên áp dụng khi tài liệu được đặt ở giữa chiều rộng con lô gấp.
- Khi bạn sử dụng tính năng phát hiện bằng cách chồng chéo, việc quét các tài liệu dày như thẻ nhựa sẽ bị phát hiện nhầm là đúp giấy

Để quét các tài liệu như vậy, hãy sử dụng chức năng hiển thị cửa sổ nhiều nguồn cấp dữ liệu của trình điều khiển máy quét, sử dụng chức năng Nạp đúp giấy thông minh hoặc tắt tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu. Bạn cũng có thể sử dụng chế độ Thủ công/Đơn để quét các tài liệu đó.

BẬT MÍ

- Độ chính xác của phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu có thể giảm với một số tài liệu. Không thể phát hiện Nạp đúp giấy cho 30 mm trên cùng của tài liệu.
- Đối với khu vực bóng mờ trong **"Hình 1" (trang 45)**, bạn cũng có thể chỉ định độ dài để không phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu trong Bảng điều khiển phần mềm. Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"8.6 Cài đặt liên quan đến phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu" (trang 179)**.

Điều kiện để quét hàng loạt hỗn hợp

Các điều kiện sau đây áp dụng khi quét một lô tài liệu hỗn hợp có trọng lượng giấy/hệ số ma sát/kích thước khác nhau. Trước tiên, hãy đảm bảo kiểm tra một vài tờ để kiểm tra xem lô tài liệu hỗn hợp có thể được nạp hay không.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Tài liệu có chiều rộng khác nhau" (trang 78)**.

Hướng giấy

Căn chỉnh hướng của sợi giấy với hướng nạp.

Trọng lượng giấy (Độ dày)

Có thể sử dụng các trọng lượng giấy sau:

27 đến 413 g / m² (7.2 đến 110 lb)

Hệ số ma sát

Nên sử dụng cùng một loại giấy của cùng một nhà sản xuất.

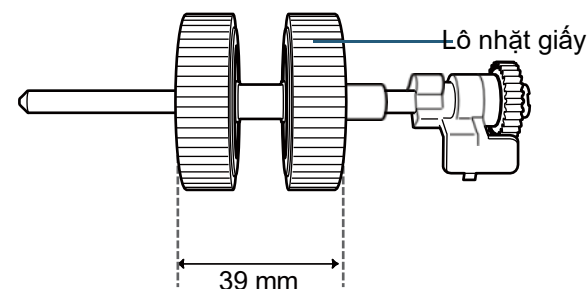
Khi giấy của các nhà sản xuất / thương hiệu khác nhau được trộn lẫn, nó ảnh hưởng đến hiệu suất nạp khi sự khác biệt về hệ số ma sát tăng lên.

Các hệ số ma sát sau được khuyến nghị:

0,35 đến 0,60 (giá trị tham chiếu cho hệ số ma sát giấy)

Vị trí tài liệu

Sử dụng khổ giấy phù hợp với chiều rộng 39 mm của Lô nhặt giấy ở giữa.



Khở giấy

Khi bạn quét một lô hỗn hợp với các kích thước khác nhau, việc không nạp tài liệu thẳng có thể gây ra sự cố như kẹt giấy hoặc một phần hình ảnh bị mất.

Bạn nên kiểm tra kỹ tài liệu trước khi quét và cũng kiểm tra hình ảnh nếu tài liệu bị lệch.

CHÚ Ý

- Khi quét một lô hỗn hợp với các kích thước khác nhau, tài liệu có nhiều khả năng bị lệch vì các thanh dẫn bên không tiếp xúc với mọi tờ giấy.
- Khi sử dụng tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu, chọn [Kiểm tra chồng chéo (Siêu âm)], không chọn [Kiểm tra chiều dài] hoặc [Kiểm tra chồng chéo và chiều dài].

Tài liệu không thể được quét trong một lô hỗn hợp

Các loại tài liệu sau đây không thể trộn lẫn trong cùng một lô:

- Giấy không carbon
- Giấy trái phiếu
- Tài liệu đục lỗ
- Giấy nhiệt
- Giấy Carbon-Mặt sau
- Phim OHP
- Giấy can

Contents
Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Glossary

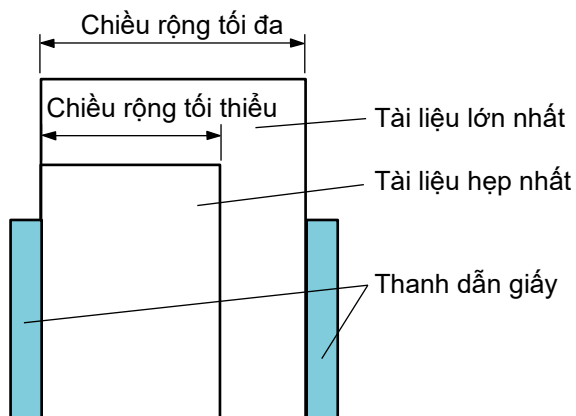
Kết hợp các kích thước giấy tiêu chuẩn trong một lô hỗn hợp

Tham khảo bảng dưới đây để biết hướng dẫn về phạm vi có sẵn cho quét hàng loạt hỗn hợp. Tuy nhiên, lưu ý rằng không nạp tài liệu thẳng có thể gây ra sự cố như kẹt giấy hoặc một phần hình ảnh bị mất. Bạn nên kiểm tra kỹ tài liệu trước khi quét và cũng kiểm tra hình ảnh nếu tài liệu bị lệch.

Kích thước tối đa			A3 (P) A4 (L)	DL (P) LTR (L)	B4 (P) B5 (L)	LTR (P)	A4 (P) A5 (L)	B5 (P) B6 (L)	A5 (P) A6 (L)	B6 (P) B7 (L)	A6 (P) A7 (L)	B7 (P)	A7 (P)	B8 (P)	A8 (P)
Chiều rộng (mm) (*1)			297	279	257	216	210	182	149	129	105	91	74.3	64.3	52.5
Kích thước tối thiểu	A3 (P) A4 (L)	297													
	DL (P) LTR (L)	279													
	B4 (P) B5 (L)	257													
	LTR (P)	216													
	A4 (P) A5 (L)	210													
	B5 (P) B6 (L)	182				Phạm vi có sẵn									
	A5 (P) A6 (L)	149													
	B6 (P) B7 (L)	129													
	A6 (P) A7 (L)	105													
	B7 (P)	91													
	A7 (P)	74.3													
	B8 (P)	64.3													
	A8 (P)	52.5													

DL: Kích thước chữ đôi (11 × 17 in.)
LTR: Kích
thước chữ (P):
Chân dung

*1: Hình dưới đây cho thấy cách tải tài liệu rộng nhất và hẹp nhất của lỗ giữa Thanh dẫn giấy.



CHÚ Ý

Không thể quét A8 (chân dung) bằng giấy có kích thước khác.

Điều kiện để tự động phát hiện kích thước trang

[Tự động phát hiện kích thước trang] không hoạt động với các loại tài liệu sau:

- Tài liệu không hình chữ nhật

[Tự động phát hiện kích thước trang] có thể không hoạt động với các loại tài liệu sau:

- Tài liệu màu trắng với các cạnh bóng
- Tài liệu có cạnh đậm (xám)

Chương 3 Cách sử dụng Bảng điều khiển

Chương này giải thích cách sử dụng bảng điều khiển.

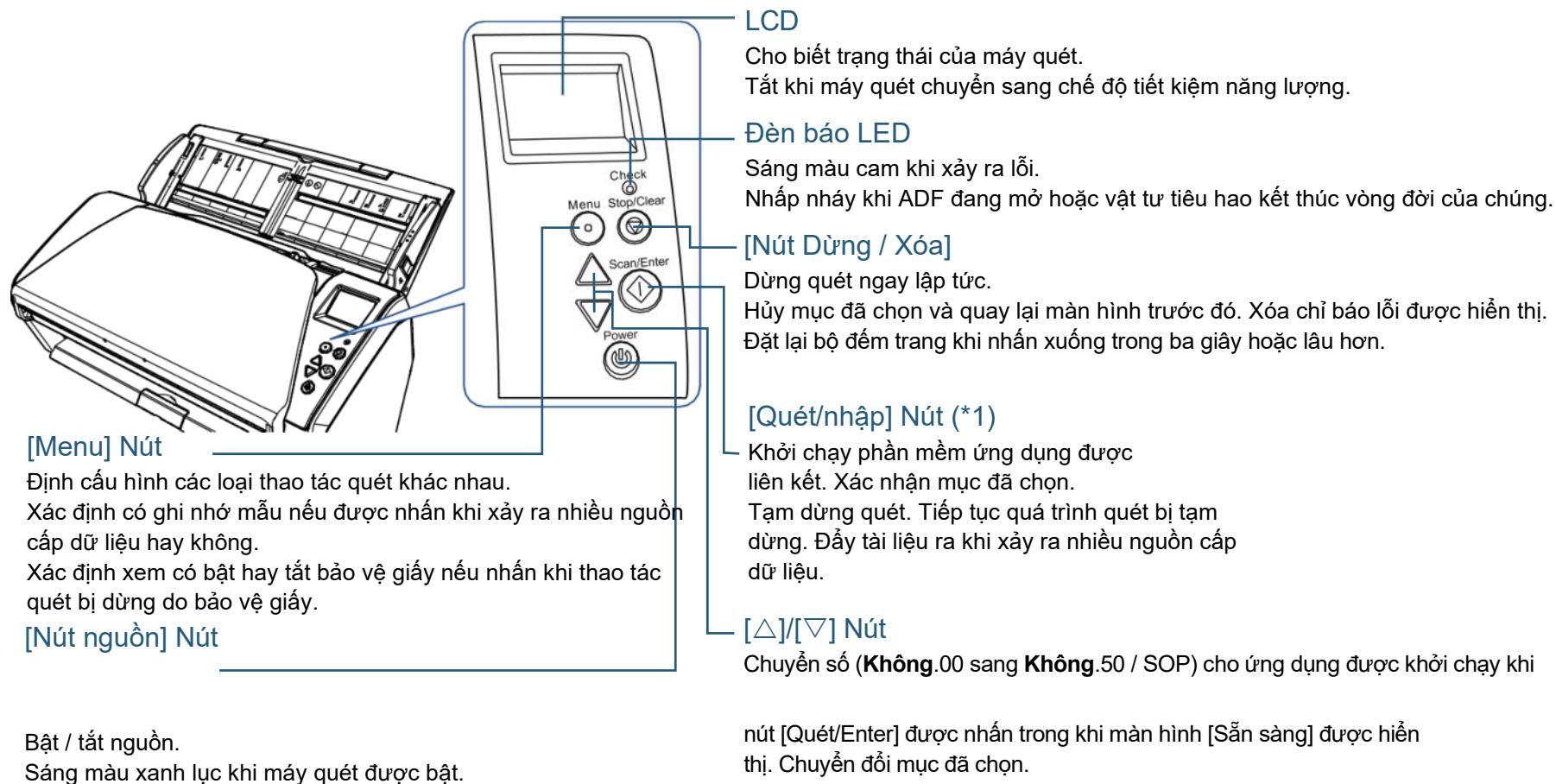
1. Bảng điều khiển	51
2. Menu cài đặt	55
3. Lựa chọn chức năng	74

[TOP](#)[Contents](#)[Index](#)[Introduction](#)[Scanner
Overview](#)[How to Load
Documents](#)[How to Use the
Operator Panel](#)[Various Ways to
Scan](#)[Daily Care](#)[Replacing the
Consumables](#)[Troubleshooting](#)[Operational
Settings](#)[Appendix](#)[Glossary](#)

3.1 Bảng điều khiển

Bảng điều khiển bao gồm một màn hình LCD, các nút và một đèn báo LED.

Tên và chức năng



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

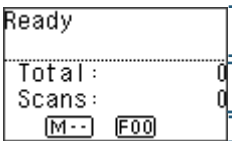
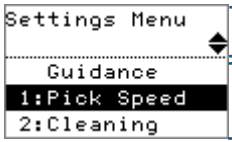
Troubleshooting

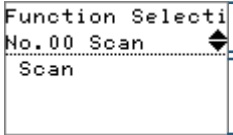
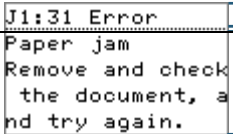
Operational
Settings

Chapter 3 How to Use the Operator Panel

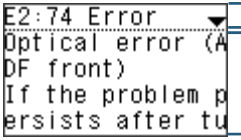
*1: Để biết chi tiết về phương pháp thiết lập quét bằng nút [Quét/nhập], hãy tham khảo Trợ giúp của trình điều khiển máy quét hoặc ["Sử dụng nút trên máy quét để bắt đầu quét" \(trang 85\)](#).

Chỉ báo trên màn hình LCD

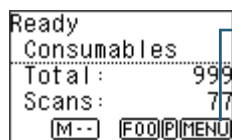
Hiện thị	Mô tả
	Khởi tạo xử lý.
 Tiêu đề Chỉ báo bộ đếm	Sẵn sàng để bắt đầu quét. Cho biết quá trình khởi tạo đã hoàn tất thành công. Để biết thêm chi tiết về các chỉ báo, hãy tham khảo "Chỉ báo" (trang 54).
 Nội dung mục	Một mục từ menu có thể được chọn. Khi bạn nhấn nút [Menu] trong khi màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị, màn hình [Menu cài đặt] sẽ hiển thị. Menu Cài đặt có thể được sử dụng để định cấu hình các cài đặt hoạt động khác nhau khi quét. Để biết chi tiết về màn hình Menu Cài đặt, hãy tham khảo "3.2 Menu Cài đặt" (trang 55).

Hiện thị	Mô tả
 Tiêu đề Mục	A Mục chức năng có thể được chọn. Khi bạn nhấn nút [△] hoặc [▽] trong khi màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị, màn hình [Chọn chức năng] sẽ hiển thị. Bằng cách sử dụng Lựa chọn chức năng, bạn có thể định cấu hình ứng dụng bạn muốn khởi chạy khi nhấn nút [Quét/Enter] trong khi màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị. Để biết chi tiết về màn hình Lựa chọn chức năng, hãy tham khảo "3.3 Lựa chọn chức năng" (trang 74).
 Mã lỗi Thông báo lỗi	Cho biết lỗi tạm thời đã xảy ra trong quá trình quét. Mã lỗi bắt đầu bằng chữ "J" hoặc "U" được hiển thị. Để biết thêm chi tiết về các lỗi, hãy tham khảo "Lỗi tạm thời" (trang 115). Bạn có thể xóa màn hình hiển thị lỗi bằng cách nhấn nút [Dừng/Xóa].

Contents
Index
Introduction
Scanner Overview
How to Load Documents
How to Use the Operator Panel
Various Ways to Scan
Daily Care
Replacing the Consumables
Troubleshooting
Operational Settings

Hiện thị	Mô tả
 Mã lỗi Thông báo lỗi	Cho biết lỗi thiết bị (báo động) đã xảy ra trong quá trình khởi tạo hoặc quét. Mã lỗi bắt đầu bằng chữ "E", "F", "C", "H", "A" hoặc "L" được hiển thị. Để biết thêm chi tiết về lỗi, hãy tham khảo "Lỗi thiết bị" (trang 117). Khi báo động này xảy ra, hãy tắt nguồn rồi bật lại. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.
	Khi máy quét không hoạt động trong khoảng thời gian ngủ đã đặt, nó sẽ chuyển sang chế độ tiết kiệm năng lượng. Nhấn bất kỳ nút nào trên bảng điều khiển để quay lại màn hình trước đó.

Chỉ số



Thông tin

[MENU] Nhấp nháy khi có thông báo thay thế vật tư tiêu hao/làm sạch/lau kính/bảo trì thường xuyên. [Vật tư tiêu hao], [Làm sạch], [Làm sạch kính!], hoặc [bảo trì] cũng nhấp nháy ở dòng thứ hai trong màn hình [Sẵn sàng].

Để biết thông tin về các hành động thích hợp cần thực hiện khi **[MENU]** nhấp nháy, hãy tham khảo ["3.2 Menu Cài đặt"](#) (trang 55).

Ưu tiên cài đặt bảng điều khiển

[P] xuất hiện khi cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên. Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["Menu cài đặt 3.2"](#) (trang 55).

Số ứng dụng

Hiện thị số cho ứng dụng bạn muốn khởi chạy khi bạn nhấn nút [Quét/Enter] trong khi màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["3.3 Lựa chọn chức năng"](#) (trang 74).

Cài đặt iMFF

Hiện thị cài đặt iMFF như sau:

Icon	Chế độ
[M--]	Chế độ thủ công
[A1-0]	Chế độ tự động 1
[A2-0]	Chế độ tự động 2

Ở chế độ Thủ công, **[M--]** luôn được hiển thị.

Ở chế độ Tự động 1 và Chế độ Tự động 2, nó hiển thị số lượng tài liệu ghi nhớ các mẫu chồng chéo. Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["Menu cài đặt 3.2"](#) (trang 55).

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

3.2 Menu cài đặt

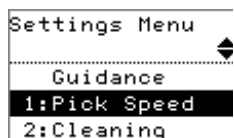
Phần này giải thích về Menu Cài đặt.

Khi bạn nhấn nút [Menu] trong khi màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị, màn hình [Menu cài đặt] sẽ hiển thị.

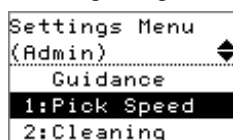
Menu Cài đặt có thể được sử dụng để định cấu hình các cài đặt hoạt động khác nhau khi quét.

Có hai menu trong màn hình [Menu cài đặt].

- Menu người dùng
Bạn có thể định cấu hình các cài đặt cơ bản để vận hành máy quét và sử dụng bằng điều khiển.



- Menu quản trị viên
Bạn có thể định cấu hình cài đặt nâng cao để vận hành máy quét và sử dụng bằng điều khiển.



Để chuyển đổi giữa các menu, nhấn đồng thời cả hai nút [△] và [▽] trong ba giây hoặc lâu hơn trong khi màn hình [Menu cài đặt] được hiển thị.

Khi máy quét bị tắt, menu người dùng sẽ xuất hiện.

[Contents](#)
[Index](#)
[Introduction](#)
[Scanner Overview](#)
[How to Load Documents](#)
[How to Use the Operator Panel](#)
[Various Ways to Scan](#)
[Daily Care](#)
[Replacing the Consumables](#)
[Troubleshooting](#)
[Operational Settings](#)

Cách sử dụng menu cài đặt

Phần này giải thích cách sử dụng Menu Cài đặt của bảng điều khiển theo các danh mục sau.

Hoạt động	Mô tả	Mục	Menu người dùng	Menu quản trị viên
			Có: Có sẵn -: Không có sẵn	
Kiểm tra nội dung hướng dẫn	Bạn có thể kiểm tra cách đặt lại bộ đếm trang. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo " Kiểm tra Nội dung Hướng dẫn " (trang 59).	Hướng dẫn	Có	Có
Kiểm tra thông tin	[MENU] Nhấp nháy khi có thông báo thay thế vật tư tiêu hao/làm sạch/lau kính/bảo dưỡng thường xuyên. Đọc tin nhắn và thực hiện các biện pháp phù hợp. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo " Kiểm tra thông tin " (trang 60).	Thông tin	Có	Có

Contents
Index
Introduction
Scanner Overview
How to Load Documents
How to Use the Operator Panel
Various Ways to Scan
Daily Care
Replacing the Consumables
Troubleshooting
Operational

Chapter 3 How to Use the Operator Panel

Hoạt động	Mô tả	Mục	Menu người dùng	Menu quản trị viên
			Có: Có sẵn -: Không có sẵn	
Cài đặt vận hành	Bạn có thể định cấu hình các cài đặt khác nhau để vận hành máy quét và sử dụng bảng điều khiển. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo " Cài đặt hoạt động " (trang 62).	1: Tốc độ nhặt giấy	Có	Có
		5: Ngôn ngữ	Có	Có
		6: Độ tương phản LCD	Có	Có
		7: Thời gian chiếu sáng đèn nền	Có	Có
		8: Chu kỳ nhấp nháy LED	Có	Có
		9: Tốc độ cuộn LCD	Có	Có
		10: Chế độ nạp tốc độ thấp	Có	Có
		12: Cài đặt iMFF	-	Có
		13: Số lần thử lại nguồn cấp giấy	-	Có
		14: Cài đặt nguồn cấp dữ liệu thủ công / liên tục	-	Có
		15: Thời gian chờ nguồn cấp dữ liệu thủ công	-	Có
		16: Bảo vệ giấy	-	Có
		17: Phát hiện vệt dọc	-	Có
		18: Ưu tiên cài đặt bảng điều khiển	-	Có
		19: Khởi tạo bảng điều khiển	-	Có
		20: Tiết kiệm điện năng	-	Có
		21: Thời gian tắt nguồn	-	Có
		22: Chọn trước	-	Có
		23: Điều khiển quét tràn viền	-	Có
		24: USB	-	Có

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

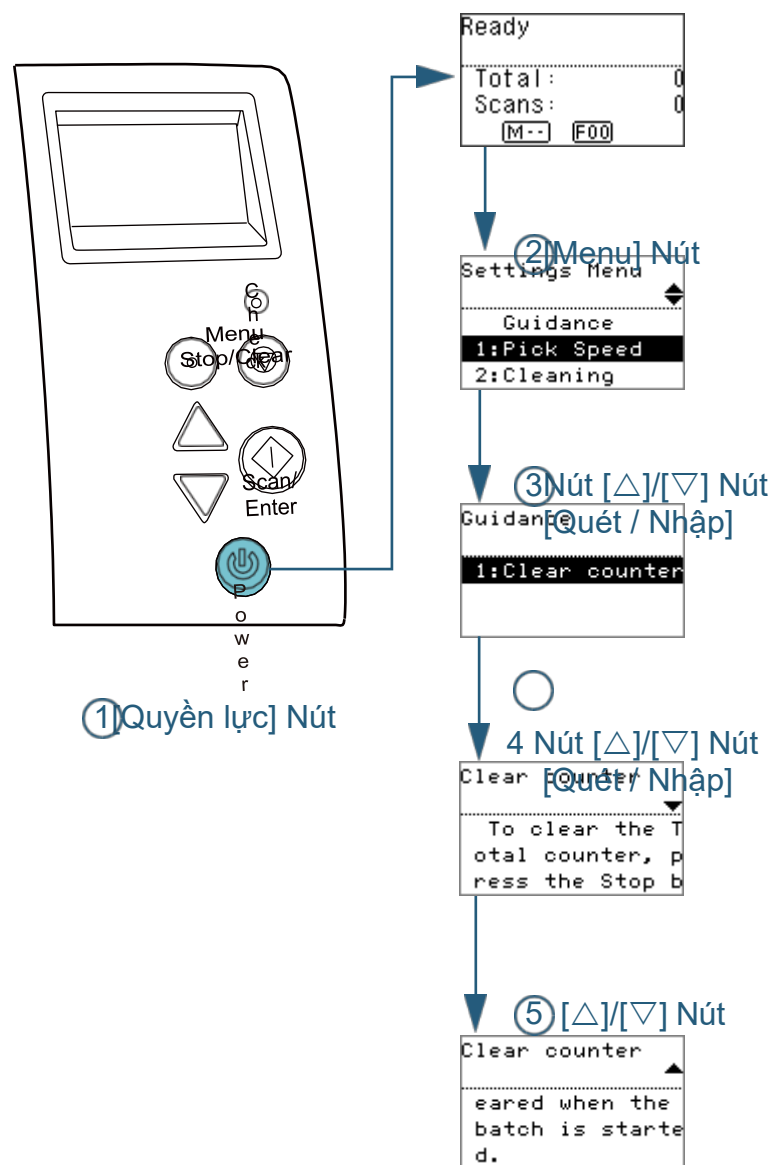
Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Hoạt động	Mô tả	Mục	Menu người dùng	Menu quản trị viên
			Có: Có sẵn -: Không có sẵn	
Vệ sinh máy quét	Bạn có thể làm sạch máy quét bằng cách sử dụng Giấy làm sạch, Khăn lau hoặc vải. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo " Chương 5 Chăm sóc hàng ngày " (trang 93).	2: Làm sạch	Có	Có
In thử cho bộ in đánh giá	Bạn có thể chạy in thử khi cài đặt máy in. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo Hướng dẫn vận hành máy in fi-748PRB.	3: In thử nghiệm	Có	Có
Kiểm tra và đặt lại bộ đếm trang tính	Bạn có thể kiểm tra chu kỳ thay thế của vật tư tiêu hao và tổng số trang. Ngoài ra, hãy sử dụng nó để đặt lại bộ đếm khi bạn đã thay thế vật tư tiêu hao hoặc thực hiện vệ sinh. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo " Kiểm tra và đặt lại bộ đếm tấm " (trang 63).	4: Bộ đếm tiêu hao	Có	Có
Đếm tài liệu	Bạn có thể đếm số lượng tài liệu được quét trong Chế độ đếm tài liệu. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo " Đếm tài liệu " (trang 64).	11: Chế độ đếm tài liệu	Có	Có

Checking the Guidance Contents



- 1 Nhấn nút [Nguồn] trên bảng điều khiển.
➢ Màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị trên màn hình LCD.
- 2 Nhấn nút [Menu].
➢ Màn hình [Menu cài đặt] được hiển thị trên màn hình LCD.
- 3 Nhấn nút [Δ] hoặc [▽] và chọn [Hướng dẫn], sau đó nhấn nút [Quét/Nhập] để xác nhận.
a. Màn hình [Hướng dẫn] được hiển thị trên màn hình LCD.
- 4 Nhấn nút [Δ] hoặc [▽] và chọn [1: Xóa bộ đếm], sau đó nhấn nút [Quét/Enter] để xác nhận.
a. Màn hình [Xóa bộ đếm] được hiển thị trên màn hình LCD.
- 5 Nhấn nút [Δ] hoặc [▽] để kiểm tra nội dung của hướng dẫn.
Bạn có thể kiểm tra cách đặt lại bộ đếm trang.

Nội dung chỉ
mục Giới

thiệu

Máy quét

Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

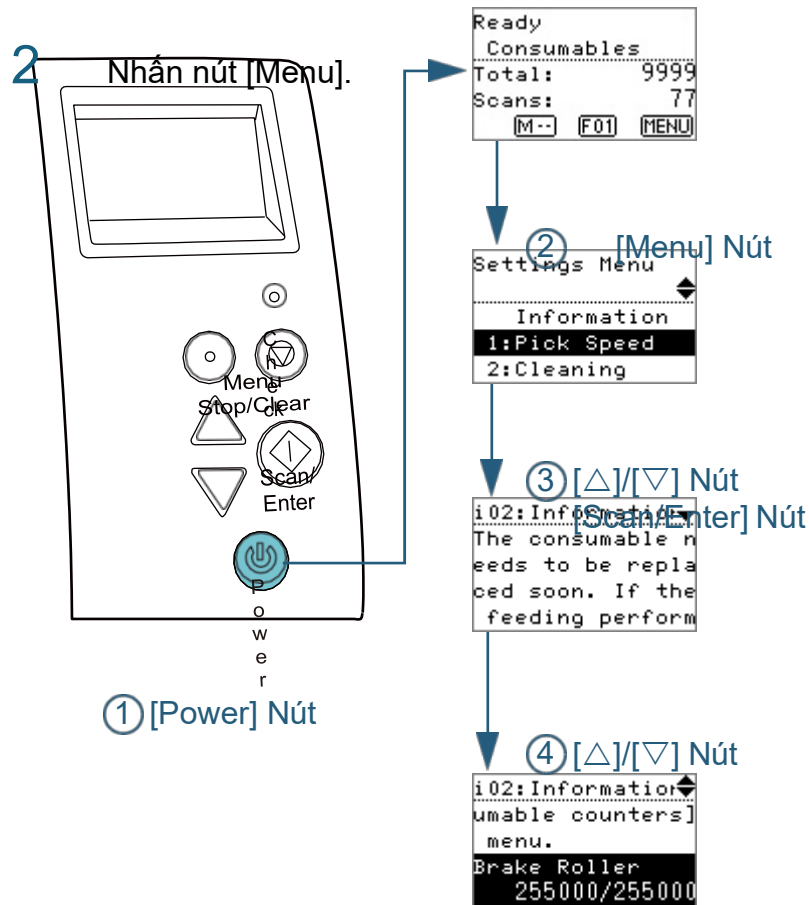
Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

▪ Kiểm tra thông tin



1 Nhấn nút [Nguồn] trên bảng điều khiển.

1. Màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị trên màn hình LCD.

1. Màn hình [Menu cài đặt] được hiển thị trên màn hình LCD.

3 Nhấn nút [△] hoặc [▽] và chọn [Thông tin], sau đó nhấn nút [Quét/Enter] để xác nhận.

1. Màn hình [Thông tin] được hiển thị trên màn hình LCD.

CHÚ Ý

[Thông tin] chỉ có thể được chọn khi có thông báo thay thế vật tư tiêu hao/làm sạch/lau kính/bảo dưỡng thường xuyên.

4 Nhấn nút [△] hoặc [▽] để kiểm tra nội dung thông tin.

Bạn có thể kiểm tra thông báo thay thế vật tư tiêu hao/làm sạch/lau kính/bảo dưỡng thường xuyên.

Khi thông báo nhắc thay thế / vệ sinh vật tư tiêu hao, bộ đếm tương ứng yêu cầu thay thế / vệ sinh vật tư tiêu hao sẽ được đánh dấu.

Bộ đếm sẽ xuất hiện được đánh dấu khi:

- Số trang sau khi vật tư tiêu hao được thay thế đạt 95% giá trị được định cấu hình trong "[Chu kỳ thay thế vật tư tiêu hao \[Cài đặt cảnh báo bộ đếm tuổi thọ\]](#)" (trang 165) trong Bảng điều khiển phần mềm. (Đối với quầy Lô hãm giấy/Lô nhặt giấy)
- Số trang sau khi máy quét được làm sạch đạt 100% giá trị được định cấu hình trong "[Chu trình làm sạch máy quét \[Chu trình làm sạch\]](#)" (trang 165) trong Bảng điều khiển phần mềm. (Đối với quầy làm sạch)
- Lượng mực còn lại dưới 33%. Điều này chỉ được hiển thị khi máy in được cài đặt. (Đối với bộ đếm mực)

Nội dung
chỉ mục

Giới thiệu

Máy quét

Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

5

Thực hiện các biện pháp theo nội dung của [Thông tin].

Làm theo hướng dẫn trong tin nhắn nếu nó nhắc thay thế / làm sạch / làm sạch kính tiêu hao.

Để biết chi tiết về việc thay thế vật tư tiêu hao, hãy tham khảo phần sau:

- Lô hãm giấy
"6.2 Thay thế Lô hãm giấy" (trang 105)
- Lô nhật giấy
"6.3 Thay thế Lô nhật giấy" (Trang 107)

Để biết chi tiết về việc làm sạch, hãy tham khảo "Chương 5 Chăm sóc hàng ngày" (trang 93).

Nếu thông báo nhắc bảo trì thường xuyên, vui lòng nhờ kỹ sư dịch vụ kiểm tra máy quét để bảo trì / kiểm tra thường xuyên.

Để được kỹ sư dịch vụ bảo trì và kiểm tra máy quét thường xuyên, hãy liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn.

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

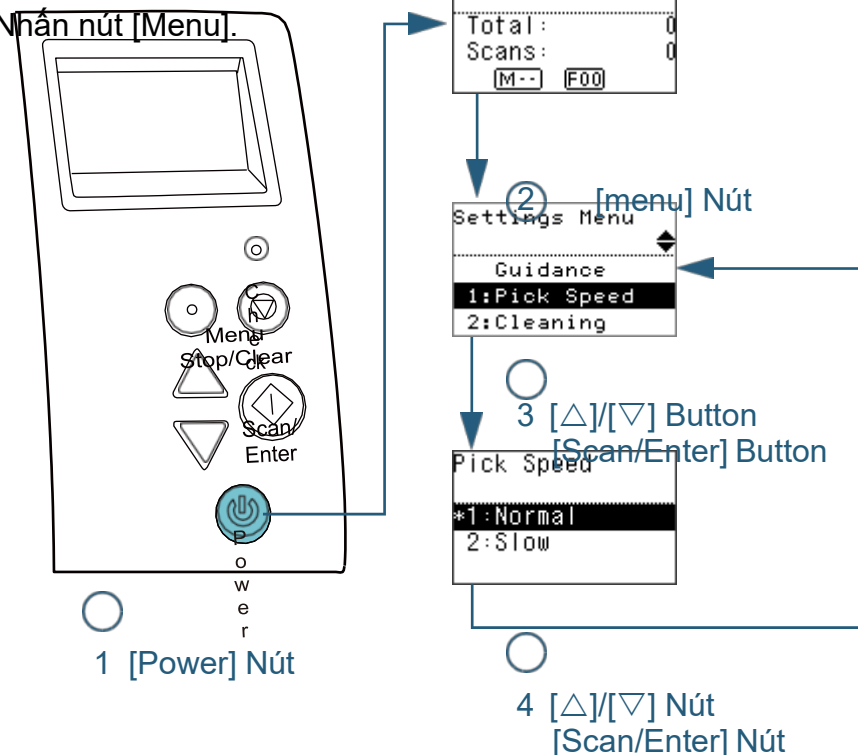
Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

1. Cài đặt hoạt động

2 Nhấn nút [Menu].



1 Nhấn nút [Nguồn] trên bảng điều khiển.

1. Màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị trên màn hình LCD.

a. Màn hình [Menu cài đặt] được hiển thị trên màn hình LCD.

3 Nhấn nút [△] hoặc [▽] và chọn một mục cài đặt, sau đó nhấn nút [Quét/Enter] để xác nhận.

Để biết thêm chi tiết về các mục cài đặt, hãy tham khảo "[Các mục có thể định cấu hình trong Menu Cài đặt](#)" (trang 65).

a. Mục đã chọn được hiển thị trên màn hình LCD.

4 Nhấn nút [△] hoặc [▽] và chọn một thông số, sau đó nhấn nút [Quét / Nhập] để xác nhận.

Để biết thêm chi tiết về các thông số cài đặt, hãy tham khảo "[Các mục có thể định cấu hình trong Menu Cài đặt](#)" (trang 65).

BẬT MÍ

- "*" được hiển thị cho cài đặt mặc định của nhà sản xuất.
- Khi bạn chọn một mục trong màn hình, thông số hiện được chọn sẽ được đánh dấu.

➤ Nếu màn hình [Menu cài đặt] hiển thị trên màn hình LCD, điều đó cho biết thiết lập đã hoàn tất.

Nếu màn hình LCD hiển thị mục cài đặt, hãy lặp lại bước 4 cho đến khi nó hiển thị màn hình [Menu cài đặt].

Nội dung
chỉ mục

Giới thiệu

Máy quét

Overview

How to Load
Documents

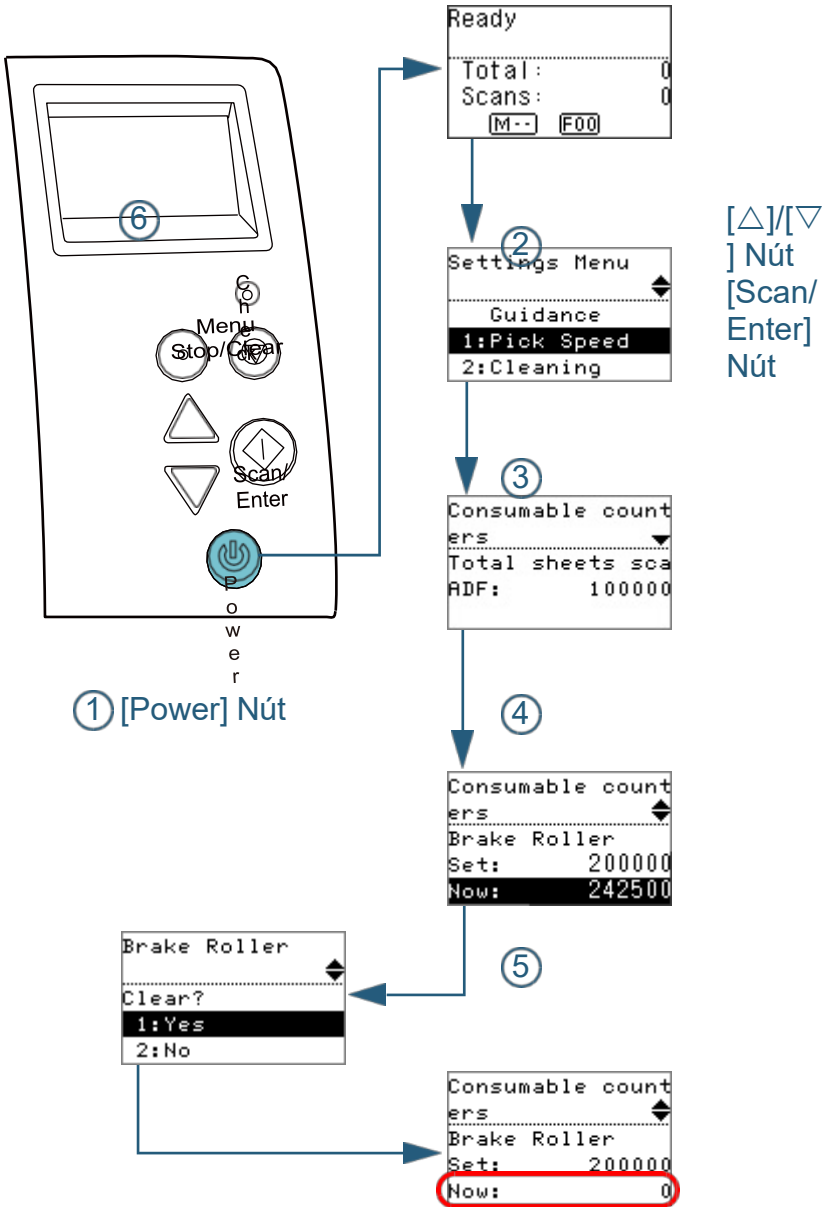
How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

▪ Kiểm tra và đặt lại bộ đếm trạng tính



- 1 Nhấn nút [Nguồn] trên bảng điều khiển.
➢ Màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị trên màn hình LCD.
2. Nhấn nút [Menu].
Màn hình [Menu cài đặt] được hiển thị trên màn hình LCD.

[Menu] Nút

$[\Delta]/[\nabla]$ Nút [Scan/Enter] Nút

$[\Delta]/[\nabla]$ Nút

$[\Delta]/[\nabla]$ Nút [Scan/Enter] Nút

For the ink counter, the value is set to 100.

Contents

Index

Introduction

Scanner

3 Nhấn nút $[\Delta]$ hoặc $[\nabla]$ và chọn [4: Bộ đếm vật tư tiêu hao], sau đó nhấn nút [Quét/Enter] để xác nhận.

- Màn hình [Bộ đếm tiêu hao] được hiển thị trên màn hình LCD.

4 Nhấn nút $[\Delta]$ hoặc $[\nabla]$ và kiểm tra bộ đếm.

Chapter 3 How to Use the Operator Panel

Bộ đếm được đánh dấu khi cần thay thế hoặc vệ sinh vật tư tiêu hao. Bộ đếm sẽ xuất hiện được đánh dấu khi:

- Số trang sau khi vật tư tiêu hao được thay thế đạt 95% giá trị được định cấu hình trong "[Chu kỳ thay thế vật tư tiêu hao \[Cài đặt cảnh báo bộ đếm tuổi thọ\]](#)" ([trang 165](#)) trong Bảng điều khiển phần mềm. (Đối với quầy Lô hãm giấy/Lô nhật giấy)
- Số trang sau khi máy quét được làm sạch đạt 100% giá trị được định cấu hình trong "[Chu trình làm sạch máy quét \[Chu trình làm sạch\]](#)" ([trang 165](#)) trong Bảng điều khiển phần mềm. (Đối với quầy làm sạch)
- Lượng mực còn lại dưới 33%. Điều này chỉ được hiển thị khi máy in được cài đặt. (Đối với bộ đếm mực)

Overview

How to Load Documents

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

BẬT MÍ

Tổng số tờ đã được quét sau khi mua được hiển thị trong bộ đếm tổng số tờ được quét. Không thể xóa bộ đếm tổng số tờ được quét.

- 5** Sau khi Thay thế vật tư hoặc vệ sinh máy quét, hãy chọn bộ đếm được đánh dấu bằng [△] hoặc [▽] Nút, và nhấn nút [Quét/Enter].

- Một thông báo xuất hiện để xác nhận rằng bạn muốn xóa bộ đếm.

- 6** Chọn [1: Có] bằng [△] hoặc [▽] Nút và nhấn nút [Scan/Enter] để xác nhận.

- Bộ đếm được đặt lại thành 0.

Appendix

For the ink counter, the value is set to 100.

Troubleshooting

Operational Settings

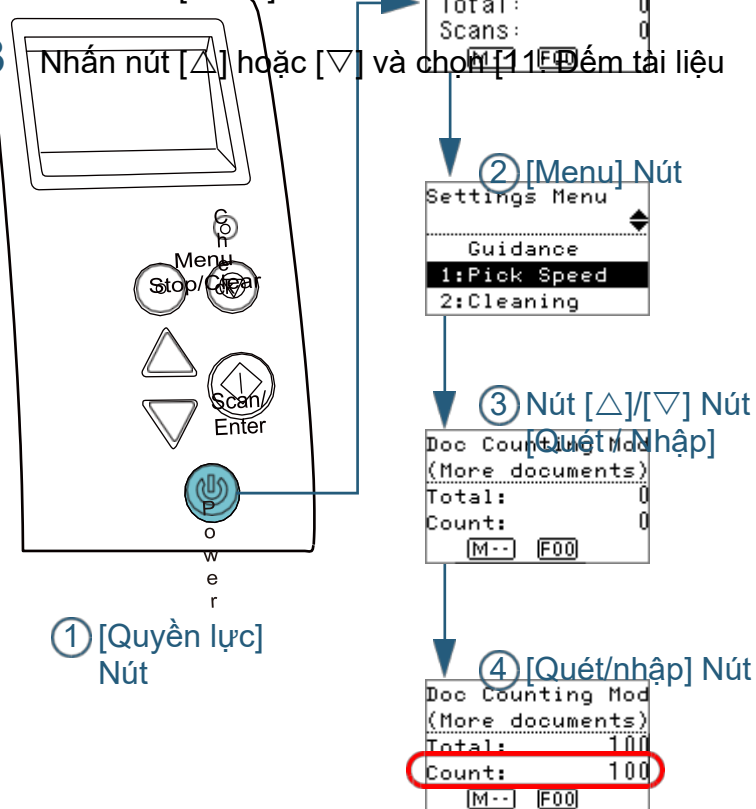
Glossary

▪ Đếm tài liệu

- Màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị trên màn hình LCD.

2 Nhấn nút [Menu].

3 Nhấn nút [Δ] hoặc [▽] và chọn 1 [Đếm tài liệu]



1 Nhấn nút [Nguồn] trên bảng điều khiển.

- Màn hình [Menu cài đặt] được hiển thị trên màn hình LCD.

Chế độ], sau đó nhấn nút [Quét / Enter] để xác nhận.

- Màn hình [Chế độ đếm tài liệu (Thêm tài liệu)] được hiển thị trên màn hình LCD.

4 Nạp tài liệu vào máng giấy ADF (khay nạp) và nhấn nút [Quét/Enter].

- Số tờ được quét được tính. Số trang tính được đếm được hiển thị trong Đếm.

CHÚ Ý

Tài liệu có thể không được đếm chính xác nếu xảy ra nhiều nguồn cấp dữ liệu trong quá trình quét.

BẬT MÍ

- Để đặt lại Đếm, nhấn nút [Dừng/Xóa] trong khi màn hình [Chế độ đếm tài liệu (Tài liệu khác)] được hiển thị.
- Để kết thúc Chế độ đếm tài liệu, nhấn nút [Dừng/Xóa] trong ba giây hoặc lâu hơn trong khi màn hình [Chế độ đếm tài liệu (Tài liệu khác)] được hiển thị.

Nội dung
chỉ mục

Giới thiệu

Máy quét

Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational

Các mục có thể định cấu hình trong menu cài đặt

Mục	Mô tả	Tham số (*1)/Giá trị	Mặc định ban đầu (*2)
		-: Không có thông số / giá trị	
Hướng dẫn	Hiển thị cách đặt lại bộ đếm trang.	1: Clear counter	1: Bộ đếm rõ ràng
Thông tin	[Thông tin] xuất hiện dưới dạng một mục trong [Cài đặt Menu] chỉ khi MENU nhấp nháy trên màn hình LCD.	Thông báo thay thế vật tư tiêu hao/vệ sinh/lau kính/bảo dưỡng thường xuyên	Chỉ hiển thị khi có thông tin
1: Tốc độ nhật giấy	Khi nhiều lần nạp và kẹt giấy xảy ra thường xuyên, bạn có thể cải thiện hiệu suất bằng cách làm chậm Tốc độ nhật giấy hoặc nạp tài liệu. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình từ Bảng điều hành phần mềm.	1: Bình thường 2: Chậm	1: Bình thường
2: Làm sạch	Sử dụng cài đặt này khi bạn vệ sinh máy quét. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo " Chương 5 Chăm sóc hàng ngày " (trang 93).	1: Giấy làm sạch 2: Lau con lô	-

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Mục	Mô tả	Tham số (*1)/Giá trị	Mặc định ban đầu (*2)
		-: Không có thông số / giá trị	
3: In thử	Sử dụng tùy chọn này để chạy in thử khi Imprinter được cài đặt. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo Hướng dẫn vận hành máy in fi-748PRB.	Không. Số tờ được quét: 1: Chỉ một tờ 2: Nhiều tờ Mẫu in: 1: (L)ABCDEFGHIJKLMKHÔNGPQRSTUVWXYZ[]^_'0000000 00 2: (L)abcdefghijklmKhôngpqrstuvwxyz[]^_'00000000 3: (L)! " # \$ % & ' () * + , - . / 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ; : < = > ? @ 00000000 4: (P)ABCDEFGHIJKLMKHÔNGPQRSTUVWXYZ[]^_'000000 000 5: (P)abcdefghijklmKhôngpqrstuvwxyz[]^_'00000000 6: (P)! " # \$ % & ' () * + , - . / 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ; : < = > ? @ 00000000 In thử nghiệm: 1: Có 2: Không	(*3)
4: Bộ đếm tiêu hao	Kiểm tra bộ đếm để xác định thời điểm thay thế vật tư tiêu hao và thực hiện vệ sinh. Ngoài ra, hãy sử dụng nó để đặt lại bộ đếm khi bạn đã thay thế vật tư tiêu hao hoặc thực hiện vệ sinh.	Tổng số tờ được quét / Con lô phanh / Con lô chọn / Làm sạch	0
		Mức còn lại (chỉ khi máy in được cài đặt)	Chỉ hiển thị khi máy in được cài đặt

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Mục	Mô tả	Tham số (*1)/Giá trị	Mặc định ban đầu (*2)
		-: Không có thông số / giá trị	
5: Ngôn ngữ	Chỉ định ngôn ngữ mà dữ liệu được hiển thị.	1: Tiếng Nhật 2: Tiếng Anh 3: Tiếng Pháp 4: Tiếng Đức 5: Tiếng Ý 6: Tiếng Tây Ban Nha 7: Tiếng Nga 8: Tiếng Trung (S) 9: Tiếng Trung (T) 10: Tiếng Bồ Đào Nha 11: Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ 12: Tiếng Hàn 13: Tiếng Ả Rập	2: Tiếng Anh
6: Độ tương phản LCD	Chỉ định độ tương phản cho màn hình LCD trên bảng điều khiển.	Yếu mạnh ■□□□□ ■ ■ □ □ □ ■ ■ ■ □ □ ■ ■ ■ ■ □ ■ ■ ■ ■ ■	■ ■ ■ □ □
7: Thời gian chiếu sáng đèn nền	Chỉ định khoảng thời gian BẬT đèn nền cho màn hình LCD trên bảng điều khiển. Cho đến khi quá trình khởi tạo hoàn tất sau khi bật nguồn, mục này hoạt động ở chế độ [BẬT] bất kể cài đặt được định cấu hình.	TẮT, BẬT, 5, 10, 20, 30, 40, 60, 90, 120, 150, 180, 210, 240, 270, 300 (giây)	BẬT
8: Chu kỳ nhấp nháy LED	Chỉ định khoảng thời gian nhấp nháy và MENU đèn báo LED nếu MENU nhấp nháy trên màn hình LCD.	0.5, 1.0, 1.5, 2.0, 2.5 (giây)	2.0
9: Tốc độ cuộn LCD	Chỉ định tốc độ cuộn màn hình theo chiều ngang. Mục hiển thị được cuộn theo chiều ngang khi văn bản không vừa với màn hình LCD.	1: Nhanh 2: Bình thường 3: Chậm 4: TẮT	2: Bình thường

Mục	Mô tả	Tham số (*1)/Giá trị	Mặc định ban đầu (*2)
		-: Không có thông số / giá trị	
10: Chế độ cấp dữ liệu tốc độ thấp	Chỉ định có giảm tốc độ quét để tránh làm hỏng giấy hay không. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình từ Bảng điều hành phần mềm.	1: Kích hoạt 2: Vô hiệu hóa	2: Vô hiệu hóa
11: Chế độ đếm tài liệu	Bạn có thể đếm số lượng tài liệu được quét trong Chế độ đếm tài liệu.	-	-
12: IMFF Setting	Khi có một tờ giấy có cùng kích thước được dính kèm vào một vị trí được chỉ định trên trang, bạn có thể định cấu hình máy quét để ghi nhớ vị trí của tệp dính kèm và không phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu cho vị trí đó. Lưu ý rằng bạn cần chỉ định [Kiểm tra chồng chéo (Siêu âm)] trong trình điều khiển máy quét hoặc cài đặt phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu trong "Chỉ định phương pháp phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu [Đa nguồn cấp dữ liệu]" (trang 179) trước. Bằng cách chọn [4: Xóa mẫu], bạn có thể xóa các mẫu chồng lên nhau (chiều dài, vị trí) đã được ghi nhớ trước đó ở chế độ Tự động. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình từ Bảng điều hành phần mềm.	1: Chế độ thủ công 2: Chế độ tự động 1 3: Chế độ tự động 2 4: Mẫu rõ ràng	1: Chế độ thủ công
13: Số lần thử lại nguồn cấp giấy	Định cấu hình cài đặt này để thay đổi số lần thử lại nạp giấy khi xảy ra lỗi nhặt. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình từ Bảng điều hành phần mềm.	1 đến 12 (lần)	3
14: Cài đặt nguồn cấp dữ liệu thủ công / liên tục	Schọn bật hay tắt chế độ nguồn cấp dữ liệu liên tục. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình từ Bảng điều hành phần mềm.	1: Kích hoạt 2: Vô hiệu hóa	2: Vô hiệu hóa

Mục	Mô tả	Tham số (*1)/Giá trị	Mặt định ban đầu (*2)
		-: Không có thông số / giá trị	
15: Thời gian chờ nguồn cấp dữ liệu thủ công	Chỉ định thời gian chờ máy quét hủy nạp thủ công. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình từ Bảng điều hành phần mềm.	5, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, 100, 110 (giây)	10

[Contents](#)
[Index](#)
[Introduction](#)
[Scanner Overview](#)
[How to Load Documents](#)
[How to Use the Operator Panel](#)
[Various Ways to Scan](#)
[Daily Care](#)
[Replacing the Consumables](#)
[Troubleshooting](#)
[Operational Settings](#)

Mục	Mô tả	Tham số (*1)/Giá trị	Mặc định ban đầu (*2)
		-: Không có thông số / giá trị	
16: Bảo vệ giấy	Chọn phương pháp phát hiện bảo vệ giấy. Chức năng này có thể giảm nguy cơ tài liệu bị hỏng bằng cách phát hiện lỗi nạp và dừng quét trong các trường hợp sau: Khi máy quét phát hiện tài liệu bị cong vênh bất thường do lỗi nạp liệu Khi máy quét phát hiện tiếng ồn kẹt giấy Khi máy quét phát hiện tài liệu bị cong vênh bất thường do lỗi nạp hoặc phát hiện tiếng kẹt giấy Chỉ định mức độ nhạy để phát hiện bất thường khi nạp tài liệu khi bật bảo vệ giấy. Tài liệu bị biến dạng (ví dụ: cong vênh) hoặc tiếng ồn kẹt giấy được tạo ra khi tài liệu không được nạp bằng con lô đúng cách. Để phát hiện các triệu chứng như vậy và dừng quét, hãy chọn [1: Thấp] để chỉ phát hiện các tài liệu bị biến dạng cao hoặc tiếng ồn kẹt giấy lớn. Để phát hiện tài liệu bị biến dạng nhẹ hoặc nhiều kẹt giấy nhỏ, chọn [3: Cao]. Bạn cũng có thể định cấu hình phương pháp phát hiện bảo vệ giấy từ trình điều khiển máy quét hoặc Bảng điều khiển phần mềm. Khi cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên, cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên hơn cài đặt Bảng điều khiển phần mềm. Lưu ý rằng ngay cả khi cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên, cài đặt trình điều khiển máy quét có mức độ ưu tiên cao nhất. Bạn cũng có thể định cấu hình mức độ nhạy để phát hiện tài liệu bị cong vênh và tiếng ồn kẹt giấy từ Bảng điều khiển phần mềm. Khi cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên, cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên hơn cài đặt Bảng điều khiển phần mềm.	1: Vô hiệu hóa 2: Độ chính xác nạp giấy 3: Tiếng ồn nạp giấy 4: Độ chính xác nạp giấy và tiếng ồn Độ nhạy cho độ chính xác nạp giấy: 1: Thấp 2: Bình thường 3: Cao Độ nhạy cho độ chính xác nạp giấy: 1: Thấp 2: Bình thường 3: Cao	2: Độ nạp giấy chính xác Độ nhạy đối với độ chính xác nạp giấy: 2: Bình thường Độ nhạy đối với tiếng ồn nạp giấy : 2: Bình thường

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Mục	Mô tả	Tham số (*1)/Giá trị	Mặc định ban đầu (*2)
		-: Không có thông số / giá trị	
17: Phát hiện vật đọc	Chọn bật hoặc tắt phát hiện vật đọc. Sau khi bật cài đặt này, nhấn [MENU] nháy trên màn hình LCD khi có thể xuất hiện vật đọc trong hình ảnh được quét qua ADF. [Kính sạch!] cũng nháy nháy ở dòng thứ hai trong màn hình [Sẵn sàng]. Kiểm tra thông tin, sau đó làm sạch kính. Để biết chi tiết về cách kiểm tra thông tin, hãy tham khảo "Kiểm tra thông tin" (trang 60). Để biết chi tiết về việc làm sạch, hãy tham khảo "Chương 5 Chăm sóc hàng ngày" (trang 93). Chỉ định mức độ nhạy để phát hiện các vật đọc (bụi bắn trên kính) khi bật tính năng phát hiện vật đọc. Chọn [1: Thấp] để chỉ phát hiện một lượng lớn bụi bắn trên kính. Chọn [3: Cao] để cũng phát hiện một lượng nhỏ bụi bắn trên kính. Bật / Tắt cũng có thể được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét hoặc Bảng điều khiển phần mềm. Độ nhạy cũng có thể được chỉ định trong Bảng điều khiển phần mềm.	1: Kích hoạt 2: Vô hiệu hóa Độ nhạy: 1: Thấp 2: Bình thường 3: Cao	2: Vô hiệu hóa Độ nhạy: 2: Bình thường
18: Ưu tiên cài đặt bảng điều khiển	Đối với cài đặt bảo vệ giấy, ưu tiên cài đặt bảng điều khiển hơn cài đặt Bảng điều khiển phần mềm. Bạn không thể ưu tiên cài đặt bảng điều khiển hơn cài đặt trình điều khiển máy quét. Khi chọn [1: Bảo vệ giấy], cài đặt Bảo vệ giấy của bảng điều khiển được ưu tiên. Khi chọn [2: Xóa], cài đặt Bảo vệ giấy không còn được ưu tiên.	1: Bảo vệ giấy 2: Xóa (*5)	2: Xóa

Mục	Mô tả	Tham số (*1)/Giá trị	Mặc định ban đầu (*2)
		-: Không có thông số / giá trị	
19: Khởi tạo bảng điều khiển	Khởi tạo cài đặt của bảng điều khiển. Lưu ý rằng cài đặt ngôn ngữ và bất kỳ mục nào không có cài đặt mặc định của nhà sản xuất không được khởi tạo.	1: Có 2: Không	(*4)
20: Tiết kiệm điện năng	Chỉ định thời gian chờ máy quét vào chế độ tiết kiệm năng lượng. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình từ Bảng điều hành phần mềm.	5 đến 115 (với gia số 5) (phút)	15
21: Thời gian tắt nguồn	Chỉ định khoảng thời gian để máy quét tự động tắt. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình từ Bảng điều hành phần mềm.	Tắt, 1, 2, 4, 8 (giờ)	4
22: Chọn trước	Chọn [1: Có] để ưu tiên tốc độ xử lý. Nếu không, hãy chọn [2: Không]. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình từ trình điều khiển máy quét hoặc Bảng điều hành phần mềm. Lưu ý rằng ưu tiên được dành cho cài đặt trình điều khiển máy quét.	1: Có 2: Không	1: Có
23: Kiểm soát Quét quá mức	Mở rộng lượng quét quá mức và xuất ra hình ảnh nếu một phần của hình ảnh bị thiếu do độ lệch bất thường trong quá trình quét quá mức. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình từ Bảng điều hành phần mềm.	1: Bình thường 2: Mở rộng	1: Bình thường
24: USB	Thay đổi cài đặt USB nếu không thể thiết lập kết nối giữa máy quét và máy tính. Sau khi cài đặt được thay đổi, máy quét sẽ được khởi động lại.	1: Tự động 2: USB 2.0	1: Tự động

*1: Khi bạn chọn một Mục trong màn hình, thông số hiện được chọn sẽ được đánh dấu.

2: "" được hiển thị cho cài đặt Mặc định ban đầu trên màn hình.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

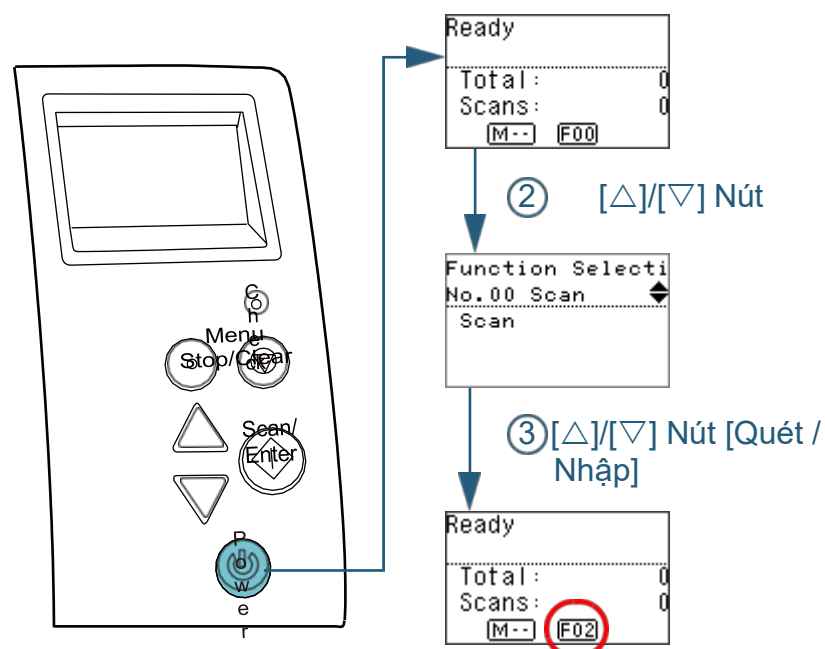
Operational
Settings

- *3: Mặc dù không có cài đặt Mặc định ban đầu, nhưng các cài đặt được cấu hình như sau khi bạn bật nguồn:
[2: Nhiều tờ] cho [Số tờ được quét], [1:(L)ABCDEFGHIJKLM**KHÔNG**PQRSTUVWXYZ[\]^_'000000000] cho [Mẫu in] và [1: Có] cho [In thử]. Các cài đặt không thay đổi ngay cả khi bạn khởi tạo bảng điều khiển vì không có cài đặt Mặc định ban đầu.
- *4: Mặc dù không có cài đặt Mặc định ban đầu, nhưng nó được đặt thành [2: Không] khi bạn bật nguồn. Các cài đặt không thay đổi ngay cả khi bạn khởi tạo bảng điều khiển vì không có cài đặt Mặc định ban đầu.
- *5: Khi bạn hiển thị màn hình này, thông số hiện được chọn không được đánh dấu nhưng thông số ở trên cùng được đánh dấu.
- Để kiểm tra thông số nào hiện đang được chọn, hãy kiểm tra xem  có được hiển thị trên chỉ báo  hay không. Nếu  được hiển thị trên chỉ báo, [1: Bảo vệ giấy] hiện đang được chọn.
- Nếu  không được hiển thị trên chỉ báo, [2: Xóa] hiện đang được chọn. Để biết chi tiết về chỉ báo, hãy tham khảo "[Chỉ báo](#)" (trang 54).

3.3 Lựa chọn chức năng

Phần này giải thích về Lựa chọn chức năng. Khi bạn nhấn nút [△] hoặc [▽] trong khi màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị, màn hình [Chọn chức năng] sẽ hiển thị. Bằng cách sử dụng Lựa chọn chức năng, bạn có thể định cấu hình ứng dụng bạn muốn khởi chạy khi nhấn nút [Quét / Enter] trong khi màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị. Các ứng dụng được định cấu hình được áp dụng cho số ứng dụng (F00 đến F50 / SOP) được hiển thị trong chỉ báo.

Cách sử dụng lựa chọn chức năng



1

Nhấn nút [Nguồn] trên bảng điều khiển.

1. Màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị trên màn hình LCD. Đèn báo hiển thị [F00] khi nguồn vừa được bật.

2

Nhấn nút [△] hoặc [▽].

1. Màn hình [Lựa chọn chức năng] được hiển thị trên màn hình LCD.

3

Nhấn nút [△] hoặc [▽] và chọn một thông số, sau đó nhấn nút [Quét / Nhập] để xác nhận.

Để biết thêm chi tiết về các thông số cài đặt, hãy tham khảo "[Mục có thể cấu hình trong lựa chọn chức năng](#)" (trang 75).

1. Quá trình thiết lập hoàn tất khi màn hình LCD hiển thị màn hình [Sẵn sàng]. Chỉ báo hiển thị thông số đã định cấu hình. Trong ví dụ này, chỉ báo hiển thị "F02" vì "**Không.02**" được chọn.

BẬT MÍ

1. Khi chọn "**Không.00**" đến "**Không.50**", chỉ báo sẽ hiển thị "F00" đến "F50".
2. Khi "SOP" được chọn, "SOP" được hiển thị trên chỉ báo. SOP cho biết Bảng điều khiển phần mềm.

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Glossary

① [Nút nguồn]

Mục Có thể định cấu hình trong lựa chọn chức năng

Mục	Mô tả	Cài đặt	Mặc định ban đầu
Lựa chọn chức năng	Định cấu hình ứng dụng bạn muốn khởi chạy khi bạn nhấn nút [Quét/Enter] trong khi màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị. Nó hiển thị các sự kiện nút máy quét được định cấu hình trong máy tính ([Nút quét]/[Gửi đến 1] đến [Gửi đến 50]). Đối với "Không.00", sự kiện cho [Nút quét] được hiển thị. Đối với [Không.01] đến [Không.50], các sự kiện cho [Gửi đến 1] đến [Gửi đến 50] được hiển thị. Để biết thông tin về cách định cấu hình các sự kiện nút máy quét, hãy tham khảo "Sử dụng nút trên máy quét để bắt đầu quét" (trang 85).	Số 00 đến Số 50 / SOP (SOP cho biết Bảng điều khiển phần mềm)	(*1)

*1: Mặc dù không có cài đặt Mặc định ban đầu, nhưng nó được đặt thành [**Không**.00] khi bạn bật nguồn. Các cài đặt không thay đổi ngay cả khi bạn khởi tạo bảng điều khiển vì không có cài đặt Mặc định ban đầu.

TOP

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Chương 4 Các cách khác nhau để quét

Chương này giải thích cách cấu hình cài đặt máy quét và quét các loại tài liệu khác nhau bằng ứng dụng quét hình ảnh.

1. Tóm tắt.....	77
2. Quét tài liệu với các loại và kích thước khác nhau.....	78
3. Quét nâng cao.....	83
4. Tùy chỉnh cài đặt máy quét.....	85

[TOP](#)[Contents](#)[Index](#)[Introduction](#)[Scanner
Overview](#)[How to Load
Documents](#)[How to Use the
Operator Panel](#)[Various Ways to
Scan](#)[Daily Care](#)[Replacing the
Consumables](#)[Troubleshooting](#)[Operational
Settings](#)

4.1 Tóm tắt

Sau đây liệt kê các cách quét tài liệu chính:

Quét tài liệu với các loại và kích thước khác nhau

- "Tài liệu có chiều rộng khác nhau" (trang 78)
- "Tài liệu gấp đôi" (trang 79)
- "Các tài liệu như phong bì hoặc giấy đa dạng" (trang 81)
- "Quét trang dài" (trang 82)

Quét nâng cao

- "Nạp tài liệu theo cách thủ công trong ADF" (trang 83)

Tùy chỉnh cài đặt máy quét

- "Sử dụng một nút trên máy quét để bắt đầu quét" (trang 85)
- "Bỏ qua Nạp đúp giấy cho một mẫu thiết lập" (trang 88)

• "Tắt tính năng bảo vệ giấy cho một lần quét sau khi tắt tính năng bảo vệ giấy" (trang 91)

Để biết thông tin về các cách quét khác, hãy tham khảo Trợ giúp của trình điều khiển máy quét.

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

4.2 Quét tài liệu với các loại và kích thước khác nhau

Tài liệu có chiều rộng khác nhau

CHÚ Ý

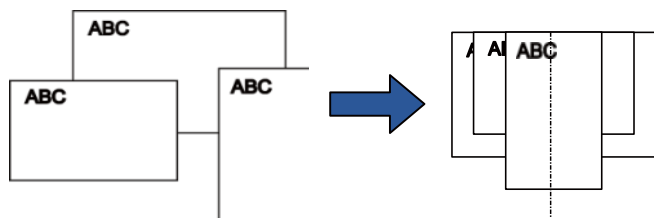
Khi bạn quét một lô hỗn hợp với các chiều rộng khác nhau, một số tài liệu hẹp hơn có thể bị lệch hoặc không được đưa vào máy quét. Trong trường hợp đó, bạn nên đặt các tài liệu hẹp hơn ở giữa ADF để tài liệu được đưa vào máy quét bằng các con lô nạp mà không gặp bất kỳ vấn đề gì.

BẬT MÍ

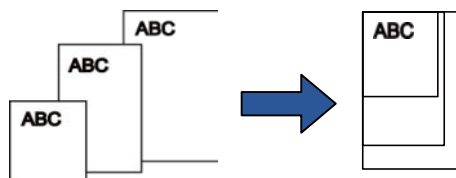
Để biết thêm chi tiết về việc quét một lô tài liệu hỗn hợp, hãy tham khảo "[Điều kiện để quét hàng loạt hỗn hợp](#)" (trang 46).

1 Căn chỉnh phần trên cùng của tài liệu.

- Căn chỉnh ở trung tâm



- Căn chỉnh ở một bên



2 Đặt tài liệu ở giữa máng giấy ADF (khay nạp) và điều chỉnh Thanh dẫn giấy thành tài liệu rộng nhất trong lô.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Chương 2 Cách tải tài liệu](#)" (trang 34).

Index

Introduction

Scanner Overview

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

Appendix

Glossary

3

Điều chỉnh Ngăn xếp để phù hợp với tài liệu dài nhất.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Tài liệu có kích thước khác nhau / Tài liệu kích thước nhỏ](#)" (trang 25).

4

Trong trình điều khiển máy quét, cấu hình cài đặt quét để tự động phát hiện kích thước giấy.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo Trợ giúp của trình điều khiển máy quét.

5

Quét tài liệu bằng ứng dụng quét hình ảnh.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng ứng dụng quét hình ảnh.

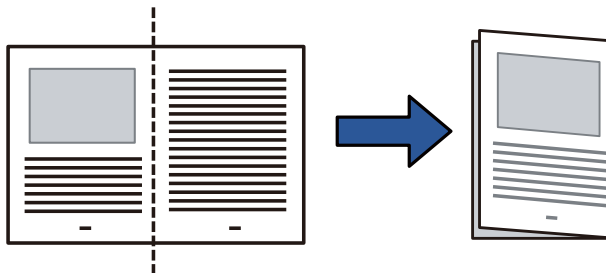
Tài liệu gấp đôi

Trượt công tắc chế độ nạp sang trái để chuyển chế độ nạp sang chế độ Thủ công/Đơn cho phép bạn quét tài liệu được gấp đôi (tài liệu khổ A2 gấp đôi) như hiện tại.

CHÚ Ý

Khi quét tài liệu gấp đôi, tài liệu có thể bị đưa sai lệch nếu phần gấp quá dày.

- 1 Gấp đôi tài liệu sao cho các mặt cần quét hướng ra ngoài. Gấp nó chắc chắn và làm phẳng mọi nếp nhăn. Nếu không, nó có thể khiến tài liệu bị lệch trong khi quá trình nạp liệu đang diễn ra.



Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

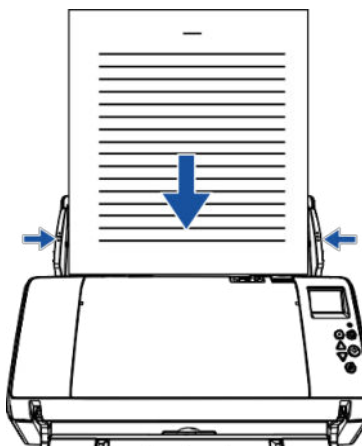
Troubleshooting

Operational
Settings

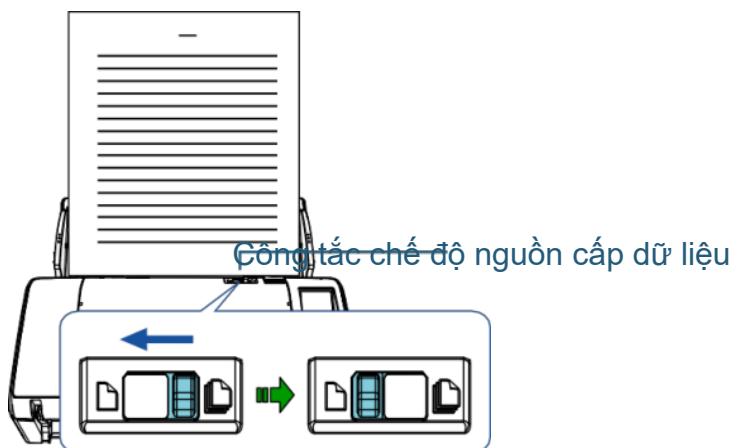
Appendix

Glossary

- 2 Nạp tài liệu đã gấp đôi vào máng giấy ADF (khay nạp).
Cố định tài liệu gấp đôi bằng Thanh dẫn giấy để tránh bị lệch.



- 3 Trượt công tắc chế độ nạp sang trái để chuyển chế độ nạp sang chế độ Thủ công / Đơn.



➢ Màn hình sau được hiển thị trên màn hình LCD của bảng điều khiển.

```
Ready
(Manual/Single)
Total: 9999
Scan : 77
[M--] [F01]
```

- 4 Quét tài liệu bằng ứng dụng quét hình ảnh.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng ứng dụng quét hình ảnh.

CHÚ Ý

- Vận hành công tắc chế độ nguồn cấp dữ liệu trong quá trình quét gây ra lỗi.
- Đặt công tắc chế độ nguồn cấp dữ liệu thành chế độ Thủ công/Đơn sẽ tắt [Kiểm tra chồng chéo (Siêu âm)] trong cài đặt nhất hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu.

BẬT MÍ

Máy quét sẽ đợi tài liệu tiếp theo được nạp cho đến khi hết thời gian được chỉ định cho thời gian chờ trôi qua, ngay cả khi không có tài liệu nào trong máng giấy ADF (khay nạp).

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Các tài liệu như Phong bì hoặc Giấy Manifold

Trượt công tắc chế độ nạp sang trái để chuyển chế độ nạp sang chế độ Thủ công/Đơn cho phép bạn quét các tài liệu như phong bì hoặc giấy ống góp. Chế độ Thủ công/Đơn giúp giảm tải cho các tài liệu được đặt trong khay nạp để tài liệu được nạp mà không có bất kỳ lỗi nào để quét thành công.

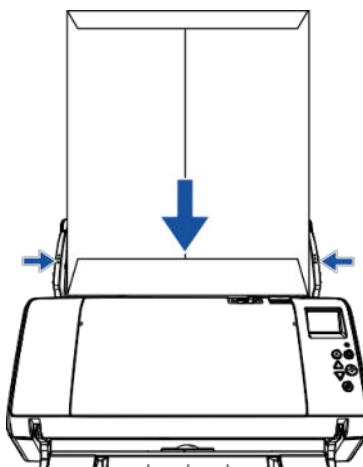
CHÚ Ý

Để biết chi tiết về độ dày cho phép của tài liệu được quét, hãy tham khảo "2.2 Tài liệu để quét" (trang 41).

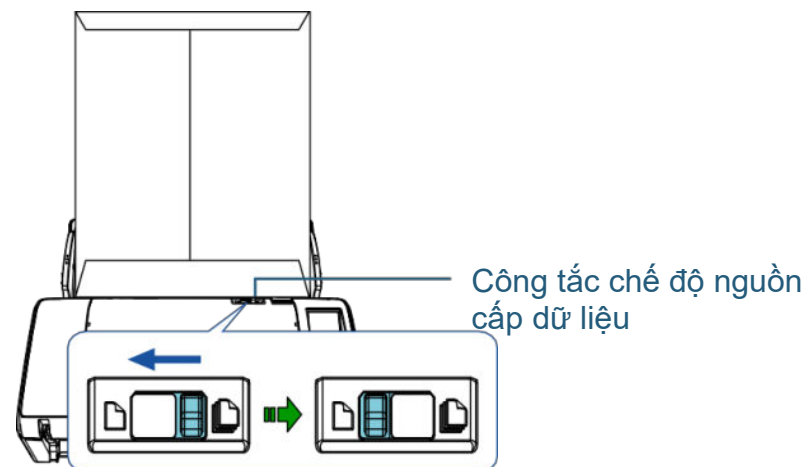
1 Nạp tài liệu vào máng giấy ADF (khay nạp).

Để quét giấy ống góp, hãy định vị cạnh đóng trước khi nạp giấy.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "Chương 2 Cách tải tài liệu" (trang 34).



2 Trượt công tắc chế độ nạp sang trái để chuyển chế độ nạp sang chế độ Thủ công / Đơn.



➤ Màn hình sau được hiển thị trên màn hình LCD của bảng điều khiển.

```
Ready
<Manual/Single>
Total: 9999
Scan : 77
[M--] [F01]
```

3 Quét tài liệu bằng ứng dụng quét hình ảnh.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng ứng dụng quét hình ảnh.

CHÚ Ý

1. Vận hành công tắc chế độ nguồn cấp dữ liệu trong quá trình quét gây ra lỗi.
2. Đặt công tắc chế độ nguồn cấp dữ liệu thành chế độ Thủ công/Đơn sẽ tắt [Kiểm tra chông chéo (Siêu âm)] trong cài đặt phát hiện nhiễu nguồn cấp dữ liệu.

BẬT MÍ

Máy quét sẽ đợi tài liệu tiếp theo được nạp cho đến khi hết thời gian được chỉ định cho thời gian chờ trôi qua, ngay cả khi không có tài liệu nào trong máng giấy ADF (khay nạp).

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Quét trang dài

Tài liệu có chiều dài lên đến 5.588 mm (220 in.) có thể được quét bằng cách quét trang dài.

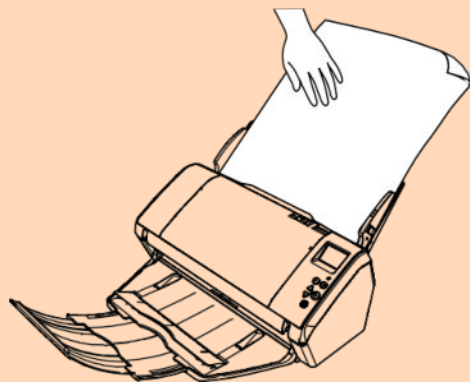
Tùy thuộc vào cài đặt độ phân giải hoặc ứng dụng quét hình ảnh, kích thước tài liệu có thể được quét có thể khác nhau. Để biết chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng ứng dụng quét hình ảnh.

1 Nạp tài liệu vào máng giấy ADF (khay nạp).

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Chương 2 Cách tải tài liệu](#)" (trang 34).

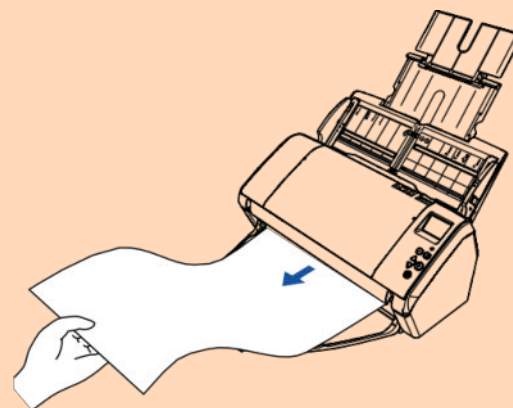
CHÚ Ý

- Tài liệu trang dài nên được nạp từng tờ một trong máng giấy ADF (khay nạp).
- Khi bạn quét các trang dài, hãy lưu ý những điều sau:
 - Tải
Giữ tài liệu bằng tay để tài liệu không rơi ra khỏi máng giấy ADF (khay nạp).



- Loại bỏ

Đảm bảo đủ không gian xung quanh xe xếp và giữ tài liệu đã quét để tránh rơi ra khỏi xe xếp chồng.



BẬT MÍ

Để quét tài liệu dài hơn khổ A3, hãy thực hiện như sau:

- Kéo máng mở rộng 1 ra, nâng máng mở rộng 2 lên và kéo nhẹ máng mở rộng 2 lên rồi đẩy xuống phía sau.
- Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[1.5 Thiết lập máng giấy ADF \(Khay nạp\)](#)" (trang 22).

- Đưa xe xếp xuống và kéo máy xếp mở rộng 1 và máy xếp mở rộng 2 về phía bạn suốt chặng đường.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[1.6 Thiết lập ngăn xếp](#)" (trang 23).

- Trong trình điều khiển máy quét, cấu hình cài đặt quét để quét khổ giấy của trang dài.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo Trợ giúp của trình điều khiển máy quét.

Đối với một số ứng dụng quét hình ảnh, cửa sổ thiết lập cho trình điều khiển máy quét có thể không xuất hiện.

- Quét tài liệu bằng ứng dụng quét hình ảnh.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Appendix

Glossary

ết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng ứng dụng quét hình ảnh.

4.3 Quét nâng cao

Nhập tài liệu theo cách thủ công trong ADF

Tài liệu cũng có thể được nạp thủ công từng tờ một trong ADF.

Thông thường, trong quá trình nạp tự động, máy quét sẽ ngừng quét sau khi tất cả các tài liệu được nạp vào máng giấy ADF (khay nạp) đã được quét. Khi nạp thủ công, máy quét đợi tài liệu tiếp theo được tải trong một thời gian quy định. Quá trình quét sẽ tiếp tục miễn là một tài liệu khác được tải trong thời gian đã đặt và dừng nếu không có tài liệu nào được tải. Bằng cách sử dụng phương pháp này, bạn có thể thực hiện quét khi kiểm tra từng tài liệu một.

Nạp giấy thủ công có hiệu quả trong các trường hợp sau:

- Để quét khi bạn kiểm tra nội dung của mỗi trang tính.
- Để quét tài liệu gây ra nhiều nguồn nạp hoặc kẹt giấy khi các tài liệu được nạp cùng nhau trong cùng một lô.
- Để tiếp tục quét các tài liệu như tạp chí hoặc các mẫu báo không thể nạp cùng nhau.

1 Cho phép nạp giấy thủ công.

- Khi quét nhiều tài liệu liên tiếp theo cách thủ công
 - 1 Thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Chọn tùy chọn Bật cho [14: Cài đặt nguồn cấp dữ liệu thủ công/liên tục] và đặt [15: Thời gian chờ nguồn cấp dữ liệu thủ công] trong màn hình [Menu cài đặt] của bảng điều khiển. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Menu cài đặt 3.2](#)" (trang 55).
 - Chọn tùy chọn Bật cho [Chế độ cấp dữ liệu liên tục] và đặt

[Thời gian chờ] trên Bảng điều khiển phần mềm.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Thời gian chờ khi nạp giấy thủ công \[Nạp giấy thủ công\]](#)" (trang 185).

CHÚ Ý

Để biết chi tiết về độ dày cho phép của tài liệu được quét, hãy tham khảo "[2.2 Tài liệu để quét](#)" (trang 41).

Khi quét tài liệu gấp đôi, tài liệu có thể bị đưa sai lệch nếu phần gấp quá dày.

- When scanning a document folded in half or a document such as an envelope or manifold paper one at a time manually

1 Slide the feed Chế độ switch to the left to switch the feed Chế độ to Manual/Single Chế độ.

2 Perform one of the following operations:

1. Set [15: Manual Feed Thời gian chờ] trong màn hình [Menu cài đặt] của bảng điều khiển. Để biết chi tiết,

Appendix

Glossary

Chapter 4 Various Ways to Scan

hãy tham khảo "[Menu cài đặt 3.2](#)" (trang 55).

2. Đặt [Thời gian chờ] trong [Nạp giấy thủ công] trên bảng điều khiển phần mềm.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Thời gian chờ khi nạp giấy thủ công \[Nạp giấy thủ công\]](#)" (trang 185).

- Khi quét tài liệu gấp đôi hoặc một tài liệu như phong bì hoặc giấy đa dạng theo cách thủ công

Trượt công tắc chế độ nạp sang trái để chuyển chế độ nạp sang

1. Chế độ thủ công / đơn.

2. Thực hiện một trong các thao tác sau:

- Đặt [15: Thời gian chờ nguồn cấp dữ liệu thủ công] trong màn hình [Menu cài đặt] của bảng điều khiển.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Menu cài đặt 3.2](#)" (trang 55).

- Đặt [Thời gian chờ] trong [Nạp giấy thủ công] trên bảng điều khiển phần mềm.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Thời gian chờ khi nạp giấy thủ công \[Nạp giấy thủ công\]](#)" (trang 185).

Scanner Overview

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Daily Care

Replacing the Consumables

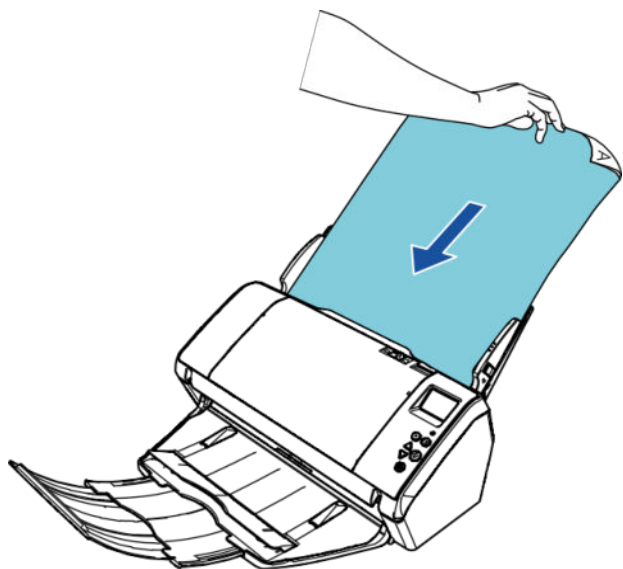
Troubleshooting

Operational Settings

2 Nạp tài liệu vào máng giấy ADF (khay nạp).

Nạp tài liệu úp xuống máng giấy ADF (khay nạp).

Để quét giấy đa dạng, hãy đặt cạnh đóng trước khi nạp giấy.



3 Quét tài liệu bằng ứng dụng quét hình ảnh.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng ứng dụng quét hình ảnh.

- Sau khi tài liệu được quét, các con lô bên trong ADF tiếp tục quay, đợi tài liệu tiếp theo được nạp cho đến thời gian được chỉ định trong bảng điều khiển hoặc Bảng điều khiển phần mềm.

4 Nạp tài liệu tiếp theo vào máng giấy ADF (khay nạp).

- Tài liệu được quét.

5 Lặp lại bước 4 cho đến khi tất cả các tài liệu được quét.

- Quá trình quét sẽ dừng nếu không có tài liệu nào được tải trong thời gian đã đặt.

BẬT MÍ

1. Nhấn nút [Dừng/Xóa] trên bảng điều khiển trong khi máy quét đang chờ nạp tài liệu tiếp theo sẽ dừng quá trình quét ngay lập tức.
2. Khi thời gian chờ được đặt, máy quét sẽ đợi tài liệu tiếp theo được nạp cho đến khi hết thời gian được chỉ định cho Thời gian chờ trôi qua, ngay cả khi bạn bắt đầu quét mà không có tài liệu trong máng giấy ADF (khay nạp).
3. Khi bạn sử dụng nạp giấy thủ công thường xuyên, chu kỳ thay thế vật tư tiêu hao có thể bị rút ngắn.

4.4 Tùy chỉnh cài đặt máy quét

Sử dụng một nút trên máy quét để bắt đầu quét

Nút [Quét/Nhập] trên bảng điều khiển có thể được cấu hình để thực hiện quét bằng cách nhấn nút. Để định cấu hình cài đặt này, trước tiên bạn cần chỉ định một ứng dụng sẽ được khởi chạy từ nút [Quét / Enter].

BẬT MÍ

Nếu [**Không**.00] được chọn trong màn hình [Chọn chức năng], ứng dụng quét hình ảnh được khởi động khi nhấn nút [Quét/Enter] sẽ khác nhau tùy thuộc vào việc PaperStream ClickScan có nằm trong thanh tác vụ hay không.

- Khi nó nằm trong thanh tác vụ, PaperStream ClickScan sẽ được khởi động.
- Khi nó không nằm trong thanh tác vụ, PaperStream Capture sẽ được

Thiết lập máy tính

- 1 Xác nhận rằng máy quét đã được kết nối với máy tính, sau đó bật máy quét.

Để biết chi tiết về cách kết nối máy quét với máy tính, hãy tham khảo Bảng cài đặt nhanh.

Để biết chi tiết về cách bật máy quét, hãy tham khảo "[1.3 BẬT / TẮT nguồn](#)" (trang 19).

- 2 Hiển thị cửa sổ [Bảng điều khiển].

- Windows 10 / Windows Server 2016 / Windows Server 2019 / Windows Server 2022

Nhấp vào menu [Bắt đầu] → [Hệ thống Windows] → [Bảng điều khiển].

- 3 Nhấp vào [Xem thiết bị và máy in].

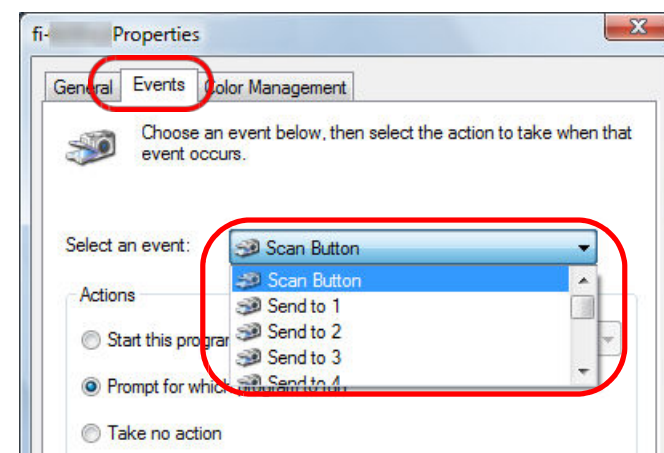
➤ Cửa sổ [Thiết bị và Máy in] xuất hiện.

- 4 Nhấp chuột phải vào biểu tượng máy quét và chọn [Thuộc tính quét] từ menu được hiển thị.

➤ Cửa sổ thuộc tính của máy quét xuất hiện.

- 5 Nhấp vào tab [Sự kiện] và chọn một sự kiện.

Từ danh sách thả xuống [Chọn sự kiện], hãy chọn một sự kiện mà bạn muốn khởi chạy ứng dụng.



ng]
ng điều

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Trong hàm này,
các sự kiện sau
có thể được chỉ
định:

1. [Nút quét]
Nhấn nút
[Quét/Enter]
trong khi
màn hình

Glossary

[Sẵn sàng] hiển thị [F00]

2. [Gửi đến 1] đến [Gửi đến 50]

Nhấn nút [Quét/Enter] trong khi màn hình [Sẵn sàng] hiển thị [F01]
đến [F50]

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

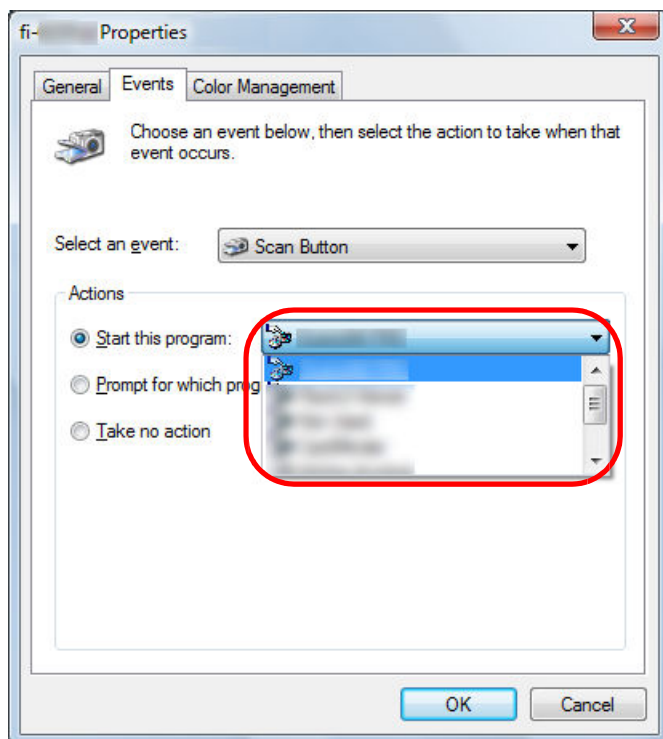
TOP

Appendix

Glossary

6 Chọn một hành động và một ứng dụng sẽ được khởi chạy bởi sự kiện nút máy quét.

Nhấp vào [Bắt đầu chương trình này] trong [Hành động] và chọn một ứng dụng từ danh sách thả xuống ở bên phải.



7 Nhấp vào nút [OK].

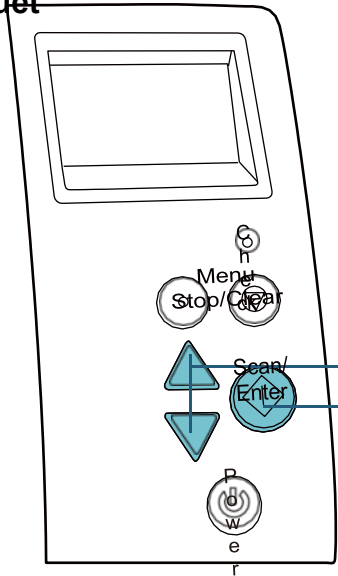
Quá trình thiết lập máy tính đã hoàn tất. Tiến hành định cấu hình cài đặt máy quét.

BẬT MÍ

Để định cấu hình nhiều sự kiện, hãy lặp lại các bước từ 4 đến 7.

[Contents](#)[Index](#)[Introduction](#)[Scanner Overview](#)[How to Load Documents](#)[How to Use the Operator Panel](#)[Various Ways to Scan](#)[Daily Care](#)[Replacing the Consumables](#)[Troubleshooting](#)[Operational Settings](#)[Appendix](#)[Glossary](#)

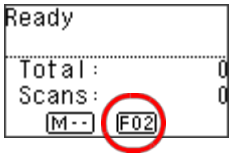
Thiết lập máy
quét



1 Nhấn nút [Δ] hoặc [▽] trong khi màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị trên bảng điều khiển.
➢ Màn hình [Lựa chọn chức năng] được hiển thị.

2 Nhấn nút [Δ] hoặc [▽] và chọn một thông số, sau đó nhấn nút [Quét / Nhập] để xác nhận.
Định cấu hình ứng dụng bạn muốn khởi chạy khi bạn nhấn nút [Quét/Enter] trong khi màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị.
Các thông số trong màn hình [Chọn chức năng], số ứng dụng trong chỉ báo và các sự kiện được định cấu hình trên máy tính tương ứng với nhau như sau:

Tham số trong màn hình [Lựa chọn chức năng]	Số ứng dụng trong chỉ báo	Sự kiện được định cấu hình trên máy tính
Số 00	F00	[Nút quét]
Số 01 đến Số 50	F01 đến F50	[Gửi đến 1] đến [Gửi đến 50]
SOP	SOP	N/A

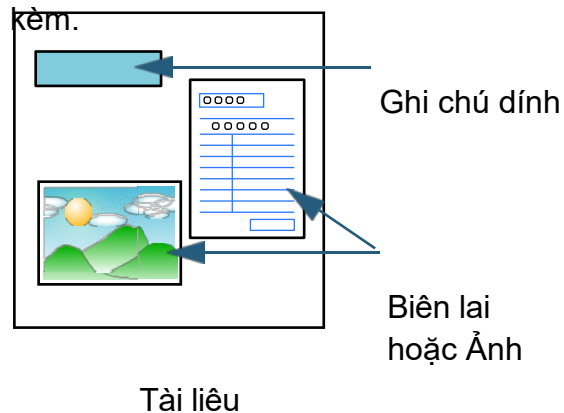


3 Nhấn nút [Quét / Enter].
➢ Ứng dụng được chỉ định được khởi chạy.

Bỏ qua nạp đúp tài liệu cho một mẫu đã thiết lập

Nếu bạn cố gắng quét tài liệu có tệp đính kèm như ghi chú, biên lai hoặc ảnh trong khi tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu được bật, máy quét có thể nhận ra sai đây là lỗi nhiều nguồn cấp dữ liệu và dừng quét. Để quét các loại tài liệu này, "Chức năng đa cấp dữ liệu thông minh" có sẵn.

Có hai chế độ trong chức năng này. Ở một chế độ, bạn có thể triệt tiêu nhiều nguồn cấp dữ liệu một cách cưỡng bức bằng cách sử dụng bảng điều khiển trên máy quét. Ở chế độ khác, bạn có thể tự động triệt tiêu nhiều nguồn cấp dữ liệu bằng cách để máy quét ghi nhớ vị trí và độ dài của tệp đính kèm.



Chức năng Nạp đúp giấy thông minh

Ba chế độ sau có sẵn:

Chế độ	Mô tả
Chế độ thủ công (Bỏ qua bằng Mặt trước nút bảng điều khiển)	Kiểm tra bất kỳ giấy nào được đính kèm mỗi khi xảy ra nhiều nguồn cấp và tiếp tục quét.
Chế độ tự động 1 (Bỏ qua bằng sự kết hợp giữa chiều dài và vị trí)	Được sử dụng để quét tài liệu có giấy có cùng kích thước được gắn ở cùng một vị trí.
Chế độ tự động 2 (Bỏ qua theo chiều)	Được sử dụng để quét tài liệu với giấy có kích thước khác nhau được gắn ở các vị trí khác

CHÚ Ý

Hình ảnh không đều có thể được xuất ra khi xảy ra nhiều nguồn cấp dữ liệu.

Chọn chế độ bằng cách thực hiện một trong các thao tác sau:

- Chọn chế độ trong [12: Cài đặt iMFF] trên màn hình [Menu cài đặt] của bảng điều khiển.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Menu cài đặt 3.2](#)" ([trang 55](#)).

- Chọn chế độ trong Bảng điều khiển phần mềm. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Chỉ định khu vực không phát hiện Nạp đúp giấy \[Chức năng Nạp đúp giấy thông minh\]](#)" ([trang 184](#)).

Quy trình hoạt động

C
h
Menu
Stop/Clear

Scan/
Enter

P
o
w
e
r

LCD

[Menu] Nút
[Quét / Nhập]

1 Sau khi xảy ra lỗi nạp nhiều lần, nhấn nút [Quét/ Enter] để đẩy tài liệu ra khỏi đường dẫn giấy hoặc mở ADF để lấy tài liệu ra.

Sau khi tài liệu được lấy ra, chỉ báo trên màn hình LCD của người vận hành

thay đổi bằng điều khiển như sau:

Khi một nguồn cấp dữ liệu đã cấp dữ liệu xảy ra	Khi một tài liệu được đẩy ra
Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu (Chồng chéo) Nhấn nút Quét để đẩy tài liệu. Sau khi đẩy tài liệu ra, nạp nhiều nguồn cấp dữ liệu phát hiện cho tài liệu tiếp theo có thể là bật / tắt từ Menu nút.	Chỉ định xem có nên phát hiện nạp đúp giấy cho tài liệu tiếp theo hay không. ----- Phát hiện: Quét (Công tắc: Menu)
Đã phát hiện nạp nhiều giấy (Trùng lặp) Nhấn nút Quét để đẩy tài liệu ra. Nhấn nút Menu để ghi nhớ kiểu nạp nhiều giấy.	Chỉ định xem có nên Ghi nhớ mẫu. ----- Không nhớ: Quét (Công tắc: Menu)
Đã phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu (Chồng chéo) Nhấn nút Quét để đẩy tài liệu ra.	Chỉ định giữ lại hay loại bỏ hình ảnh được phát hiện là nhiều nguồn cấp dữ liệu. ----- Giữ: Quét (Công tắc: Menu)
Đã phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu (Chiều dài) Nhấn nút Quét để đẩy tài liệu ra.	[Màn hình Ready]



Khi ADF mở, nó có thể vô tình đóng. Hãy cẩn thận để không bị kẹt ngón tay.

Nội dung
chỉ mục

Giới thiệu

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

2 Nếu bạn mở ADF để lấy tài liệu ra, hãy đóng nó.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "1.4 Mở/Đóng ADF" (trang 21).



Cẩn thận để không bị kẹt ngón tay khi đóng ADF.

CHÚ Ý

Xác nhận rằng ADF đã được đóng đúng cách. Nếu không, tài liệu có thể không được đưa vào ADF.

3 Nạp tài liệu Mặt sau vào máng giấy ADF (khay nạp).

Nếu phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu theo sự khác biệt về chiều dài,

Nhấn nút [Quét/Enter] hoặc thực hiện quét từ máy tính (không nhấn nút [Menu]).

Nếu có tệp đính kèm có khả năng là nguyên nhân gây ra lỗi nhiều nguồn cấp dữ liệu, hãy chuyển sang bước tiếp theo.

4 Nhấn nút [Menu] và xác nhận rằng màn hình LCD hiển thị [Không phát hiện] hoặc [Nhớ], sau đó nhấn nút [Quét/Enter] hoặc thực hiện quét từ máy tính.

Từ thời điểm này, lưu ý rằng chỉ báo trên màn hình LCD chuyển đổi giữa [Phát hiện] □ [Không phát hiện] hoặc [Nhớ] ↔ [Không nhớ] mỗi khi bạn nhấn nút [Menu]. Khi [Không phát hiện] hoặc [Ghi nhớ] được hiển thị, máy quét hoạt động ở từng chế độ như sau:

- Chế độ thủ công ((Bỏ qua bằng nút bảng điều khiển phía trước)
Quét trang tiếp theo mà không phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu và từ trang thứ hai, nhiều nguồn cấp dữ liệu được phát hiện dựa trên cài đặt được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét hoặc Bảng điều khiển phần mềm.

• Chế độ tự động 1 (Bỏ qua theo kết hợp chiều dài và vị trí) Ghi nhớ chiều dài và vị trí của tệp đính kèm giấy được phát hiện là nhiều lần nạp và tiếp tục quét. Khi phát hiện tệp đính kèm giấy có mẫu tương tự, tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp sẽ tự động bị triệt tiêu. (*1)(*2)

- Chế độ tự động 2 (Bỏ qua theo chiều dài)

Ghi nhớ độ dài của tệp đính kèm giấy dài nhất được phát hiện là Nạp đúp giấy, và tiếp tục quét. Khi phát hiện tệp đính kèm giấy có cùng độ dài hoặc ngắn hơn, phát hiện nhiều nguồn cấp sẽ tự động bị triệt tiêu. (*2)

*1: Có thể ghi nhớ các mẫu chồng lên tối đa tám tài liệu (khi quét tài liệu, có thể ghi nhớ tối đa bốn mẫu chồng chéo). Khi số lượng mẫu vượt quá giới hạn này, tài liệu mà mẫu chồng chéo đầu tiên đã được ghi nhớ sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ.

*2: Để xóa các mẫu chồng chéo đã ghi nhớ và độ dài chồng chéo dài nhất, hãy sử dụng [12: Cài đặt iMFF] trên màn hình [Menu cài đặt] của bảng điều khiển hoặc Bảng điều khiển phần mềm. Sau khi xóa xong, chỉ báo trên màn hình LCD thay đổi

đến hoặc **A1-0** . **A2-0** Điều này cho phép bạn xóa các mẫu nhiều nguồn cấp dữ liệu và độ dài chồng chéo dài nhất không được ghi nhớ. Hãy cẩn thận với thao tác này vì tất cả các mẫu ghi nhớ sẽ bị xóa.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

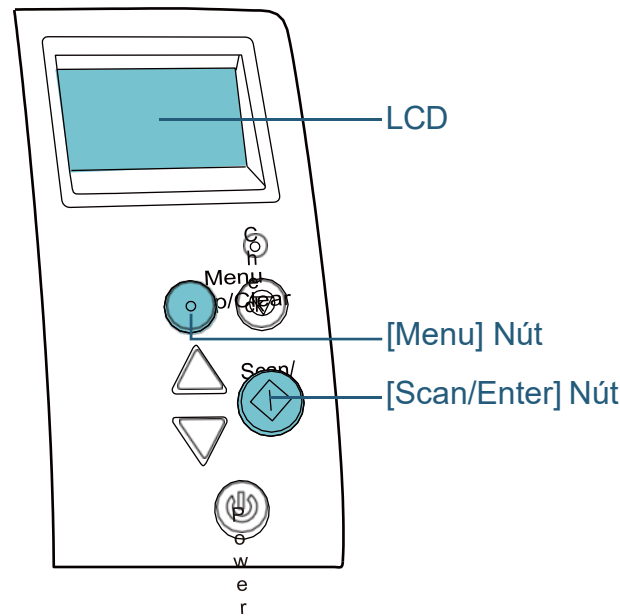
Appendix

Glossary

Tắt tính năng bảo vệ giấy cho một lần quét sau khi tắt tính năng bảo vệ giấy

Nếu bạn cố gắng quét tài liệu bị nhấn trong khi tính năng bảo vệ giấy đang bật, máy quét có thể phát hiện ra tài liệu đó là kẹt giấy, khiến bảo vệ giấy bị tắt và buộc dừng quét mặc dù giấy được nạp bình thường. Trong trường hợp này, bạn có thể tắt tính năng bảo vệ giấy trên bảng điều khiển cho một lần quét sau khi tắt tính năng bảo vệ giấy.

Quy trình hoạt động



3 Nạp tài liệu Mặt sau vào máng giấy ADF (khay nạp).

1 Sau khi tắt bảo vệ giấy, hãy mở ADF và lấy tài liệu ra.

Sau khi tài liệu được lấy ra, chỉ báo trên màn hình LCD của bảng điều khiển sẽ thay đổi như sau:

Khi bảo vệ giấy được tắt	Khi một tài liệu được đẩy ra
Bảo vệ giấy (tiếng ồn khi nạp giấy) Lấy giấy ra và kiểm tra, sau đó thử lại cẩn thận.	Tắt chế độ bảo vệ giấy. -----
Bảo vệ giấy (tiếng ồn khi tải giấy) Lấy giấy ra và kiểm tra, sau đó thử lại cẩn thận.	Bật: Quét (Công tắc: Menu)

**CAUTION**

Khi ADF mở, nó có thể vô tình đóng. Hãy cẩn thận để không bị kẹt ngón tay.

2 Nếu bạn mở ADF để lấy tài liệu ra, hãy đóng nó. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "1.4 Mở/Đóng ADF" (trang 21).

**CAUTION**

Cẩn thận để không bị kẹt ngón tay khi đóng ADF.

CHÚ Ý
Xác nhận rằng ADF đã được đóng đúng cách. Nếu không, tài liệu có thể không được đưa vào ADF.

Contents
Index
Introduction
Scanner Overview
How to Load Documents
How to Use the Operator Panel
Various Ways to Scan
Daily Care
Replacing the Consumables
Troubleshooting
Operational Settings
Appendix
Glossary

- 4 Nhấn nút [Menu] và xác nhận rằng màn hình LCD hiển thị [Tắt], sau đó nhấn nút [Quét/Enter] hoặc thực hiện quét từ máy tính.

Từ thời điểm này, lưu ý rằng chỉ báo trên màn hình LCD chuyển đổi giữa [Bật]□[Tắt] mỗi khi bạn nhấn nút [Menu]. Khi [Tắt] được hiển thị, tài liệu tiếp theo được quét với tính năng bảo vệ giấy bị tắt. Sau đó, các tài liệu tiếp theo được quét theo cài đặt bảo vệ giấy của một trong hai máy quét

trình điều khiển, Bảng điều khiển phần mềm hoặc bảng điều khiển.

BẬT MÍ

Nếu bảo vệ giấy thường xuyên bị tắt, hãy tham khảo "[Bảo vệ giấy được tắt thường xuyên](#)". (trang 135).

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Chương 5 Chăm sóc hàng ngày

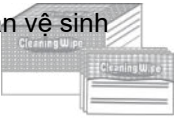
Chương này mô tả cách làm sạch máy quét.

 CAUTION	Không sử dụng bình xịt hoặc bình xịt có chứa cồn. Bụi giấy bị thổi lên bởi không khí mạnh từ bình xịt có thể xâm nhập vào bên trong máy quét, điều này có thể khiến máy quét bị lỗi hoặc trục trặc.
 CAUTION	Cũng lưu ý rằng tia lửa do tĩnh điện tạo ra có thể gây ra hỏa hoạn.
 	Bên trong ADF trở nên rất nóng khi máy quét đang được sử dụng. Trước khi bạn bắt đầu vệ sinh bên trong, hãy đảm bảo tắt nguồn, rút cáp nguồn và đợi ít nhất 15 phút cho bên trong ADF nguội.

1. Làm sạch vật liệu và vị trí cần làm sạch.....	94
2. Làm sạch bên ngoài.....	96
3. Làm sạch bên trong	97

5.1 Vật liệu làm sạch và vị trí cần làm sạch

Vệ sinh vật liệu

Name	Phần số	Ghi chú
Phụ kiện vệ sinh F1 	PA03950-0352	100 ml Làm ẩm một miếng vải hoặc Giấy làm sạch bằng chất lỏng này để lau sạch máy quét. Có thể mất nhiều thời gian để khô nếu sử dụng quá nhiều Phụ kiện vệ sinh F1. Sử dụng nó với số lượng nhỏ. Lau sạch hoàn toàn chất tẩy rửa để không để lại cặn trên các bộ phận đã làm sạch.
Giấy làm sạch 	CA99501-0012	10 tờ Sử dụng tấm vải không dệt này với Phụ kiện vệ sinh F1.
Khăn vệ sinh 	PA03950-0419	24 gói Được làm ẩm trước bằng Phụ kiện vệ sinh F1. Nó có thể được sử dụng thay vì làm ẩm một miếng vải bằng Phụ kiện vệ sinh F1.
Tấm bông	Có sẵn trên thị trường	
Vải khô		

CHÚ Ý

Để sử dụng vật liệu tẩy rửa một cách an toàn và chính xác, hãy đọc kỹ các biện pháp phòng ngừa trên từng sản phẩm.

Để biết thêm thông tin về vật liệu tẩy rửa, hãy liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Vị trí và tần suất

Vị trí		Tần số
ADF	Lô hãm giấy	Mỗi 5.000 tờ
	Lô nhặt giấy	
	Lô cao su	
	Kính	
	Cảm biến siêu âm	
	Cảm biến tài liệu	
	Lô nạp giấy	
	Lô đẩy giấy	

CHÚ Ý

Chu kỳ làm sạch có thể khác nhau tùy thuộc vào tình trạng của tài liệu. Ngoài ra, việc làm sạch phải được thực hiện thường xuyên hơn khi quét các loại tài liệu sau:

- Các tài liệu có mặt mịn như giấy tráng
- Tài liệu có văn bản/đồ họa in gần như bao phủ toàn bộ bề mặt
- Các tài liệu được xử lý hóa học như giấy không carbon
- Tài liệu chứa một lượng lớn canxi cacbonat
- Tài liệu viết bằng bút chì
- Tài liệu không được hợp nhất đủ mực
-

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

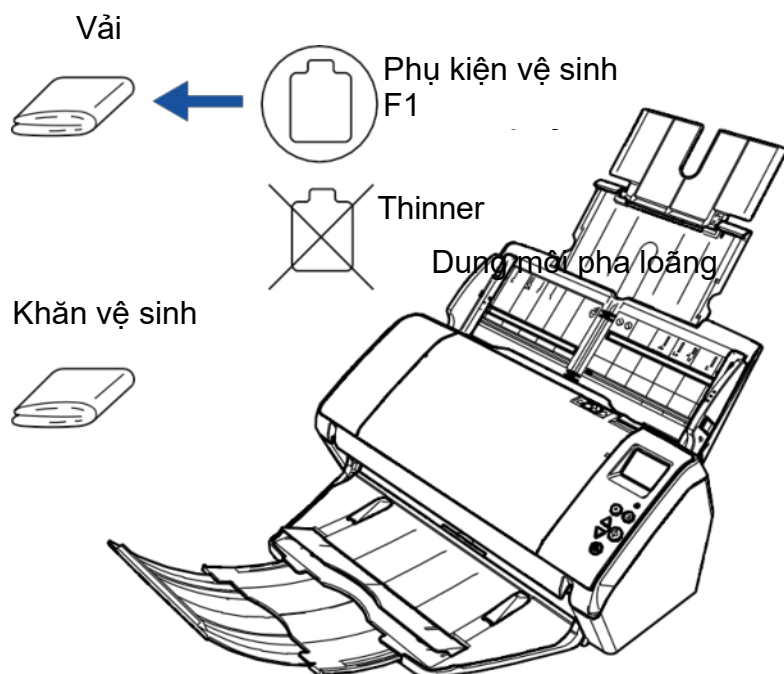
Operational
Settings

5.2 Làm sạch bên ngoài

Bên ngoài máy quét, bao gồm máng giấy ADF (khay nạp) và Ngăn xếp, nên được làm sạch bằng một mảnh vải khô, một miếng vải thấm Chất tẩy rửa F1 / chất tẩy rửa nhẹ hoặc một tờ Khăn lau sạch.

CHÚ Ý

- Để tránh biến dạng và đổi màu, không bao giờ sử dụng chất pha loãng sơn hoặc bất kỳ dung môi hữu cơ nào khác.
- Cần thận không để hơi ẩm hoặc nước bên trong máy quét trong quá trình vệ sinh.
- Có thể mất nhiều thời gian để khô nếu sử dụng quá nhiều chất tẩy rửa F1 / chất tẩy rửa nhẹ. Sử dụng nó với số lượng nhỏ. Lau sạch hoàn toàn chất tẩy rửa để không để lại cặn trên các bộ phận đã làm sạch.



Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

5.3 Làm sạch bên trong

Làm sạch ADF (bằng Giấy làm sạch)

ADF có thể được làm sạch bằng một tờ Giấy làm sạch được làm ẩm bằng Chất tẩy rửa F1.

Khi máy quét tiếp tục nạp tài liệu, bụi giấy sẽ tích tụ bên trong ADF và có thể gây ra lỗi quét.

Việc làm sạch nên được thực hiện khoảng sau mỗi 5.000 tờ được quét. Lưu ý rằng hướng dẫn này khác nhau tùy thuộc vào loại tài liệu bạn quét. Ví dụ: có thể cần phải vệ sinh máy quét thường xuyên hơn khi bạn quét các tài liệu mà mực không được nung chảy đầy đủ.

CHÚ Ý

1. Không sử dụng nước hoặc chất tẩy rửa nhẹ để làm sạch ADF.
2. Có thể mất nhiều thời gian để khô nếu sử dụng quá nhiều Chất tẩy rửa F1. Sử dụng nó với số lượng nhỏ.

- 4 Chọn [1: Giấy làm sạch] bằng [Δ] hoặc [∇] Nút và nhấn nút [Scan/Enter] để xác nhận.

1. Một thông báo được hiển thị trên màn hình LCD.

CHÚ Ý

Không thực hiện quét từ trình điều khiển máy quét trong quá trình vệ sinh.

- 5 Xịt giấy làm sạch bằng chất tẩy rửa F1.
- 6 Kéo máng mở rộng 1 ra và nhấc máng mở rộng 2 lên theo chiều dài của Giấy làm sạch.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[1.5 Thiết lập máng giấy ADF \(Khay nạp\)](#)" (trang 22).
- 7 Đưa Ngăn xếp xuống và kéo Ngăn xếp mở rộng 1 và Ngăn xếp mở rộng 2 về phía bạn theo chiều dài của Giấy làm sạch.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[1.6 Thiết lập ngăn xếp](#)" (trang 23).
- 8 Nạp Giấy làm sạch vào máng giấy ADF (khay nạp).

- 1 Bật máy quét.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[1.3 BẬT / TẮT nguồn](#)" (trang 19).

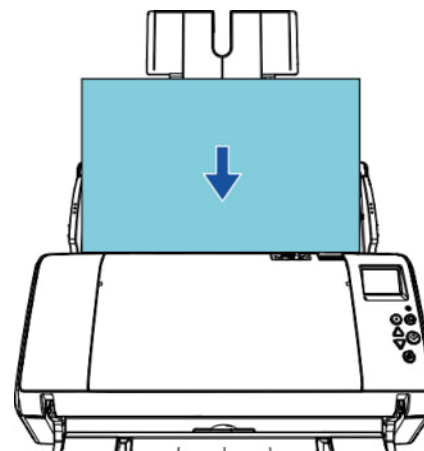
1. Màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị trên màn hình LCD.

- 2 Nhấn nút [Menu].

➢ Màn hình [Menu cài đặt] được hiển thị trên màn hình LCD.

- 3 Nhấn nút [Δ] hoặc [∇] và chọn [2: Làm sạch], sau đó nhấn nút [Quét/Enter] để xác nhận.

➢ Màn hình [Làm sạch] được hiển thị trên màn hình LCD.



Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
ScanReplacing the
Consumables

Troubleshooting

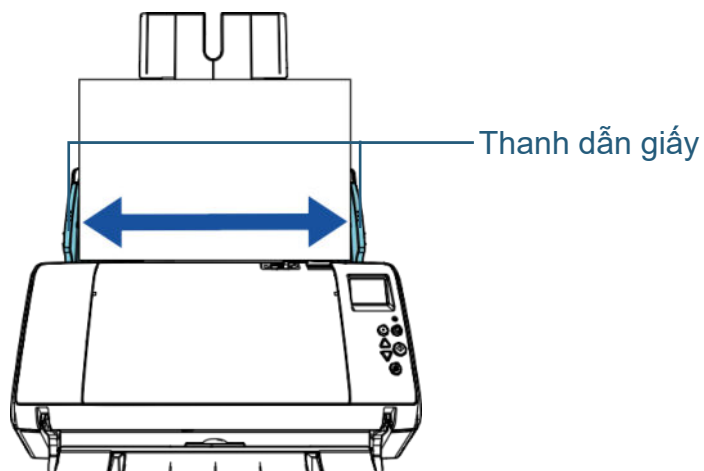
Operational
Settings

Appendix

Glossary

9 Điều chỉnh Thanh dẫn giấy theo chiều rộng của Giấy làm sạch.

Không để khoảng trống giữa Thanh dẫn giấy và Giấy làm sạch. Nếu không, Giấy làm sạch có thể bị nạp giấy lệch.



10 Nhấn nút [Quét / Enter].

➤ Giấy làm sạch được nạp và đẩy ra Ngăn xếp.

11 Đặt lại bộ đếm làm sạch.

Đặt lại bộ đếm bằng cách thực hiện một trong các hành động sau:

- Đặt lại bộ đếm trong [4: Bộ đếm tiêu hao] trên màn hình [Menu cài đặt] của bảng điều khiển.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Menu cài đặt 3.2](#)" ([trang 55](#)).

- Đặt lại bộ đếm trong Bảng điều khiển phần mềm.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Đặt lại bộ đếm tám](#)" ([trang 163](#)).

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Vệ sinh ADF (bằng vải)

ADF có thể được làm sạch bằng một mảnh vải được làm ẩm bằng Chất tẩy rửa F1 hoặc một tờ Khăn lau làm sạch.

Khi máy quét tiếp tục nạp tài liệu, bụi giấy sẽ tích tụ bên trong ADF và có thể gây ra lỗi quét.

Việc làm sạch nên được thực hiện khoảng sau mỗi 5.000 tờ được quét. Lưu ý rằng hướng dẫn này khác nhau tùy thuộc vào loại tài liệu bạn quét. Ví dụ: có thể cần phải vệ sinh máy quét thường xuyên hơn khi bạn quét các tài liệu mà mực không được nung chảy đầy đủ.



Bên trong ADF trở nên rất nóng khi máy quét đang được sử dụng. Trước khi bạn bắt đầu vệ sinh bên trong, hãy đảm bảo tắt nguồn, rút cáp nguồn và đợi ít nhất 15 phút cho bên trong ADF nguội.

- 1 Tắt máy quét và đợi ít nhất 15 phút.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["1.3 BẬT / TẮT nguồn" \(trang 19\)](#).

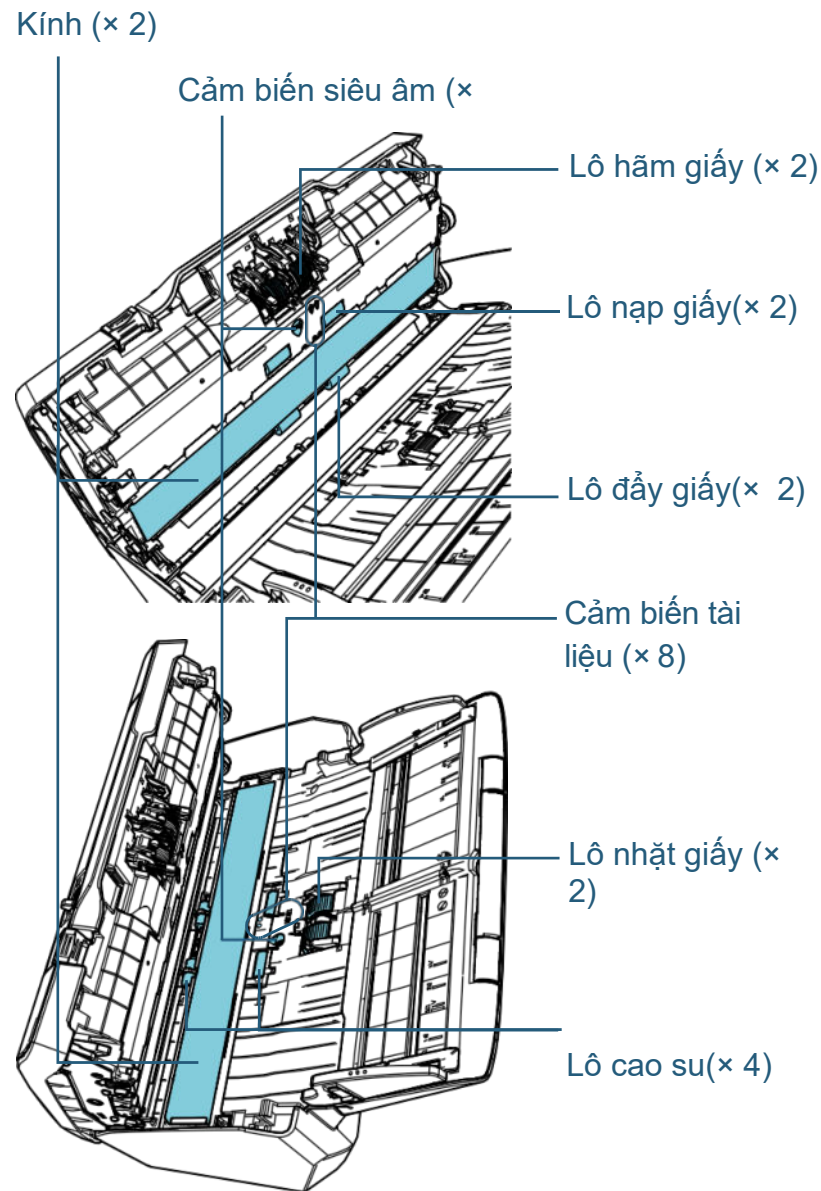
- 2 Mở ADF.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["1.4 Mở/Đóng ADF" \(trang 21\)](#).



Khi ADF mở, nó có thể vô tình đóng. Hãy cẩn thận để không bị kẹt ngón tay.

- 3 Làm sạch các vị trí sau bằng vải thấm Chất tẩy rửa F1 hoặc một tờ Khăn lau sạch.



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

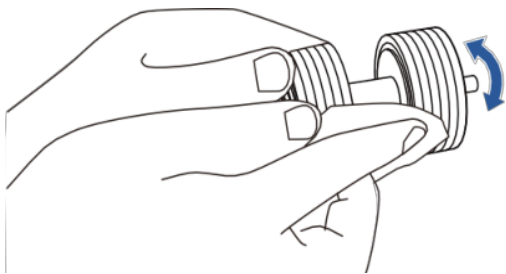
Appendix

Lô hãm giấy (× 2)

Tháo con lô ra khỏi máy quét.

Để biết chi tiết về việc loại bỏ Lô hãm giấy, hãy tham khảo ["6.2 Thay thế Lô hãm giấy"](#) (trang 105).

Nhẹ nhàng lau sạch bụi bẩn dọc theo các rãnh, cẩn thận để không làm hỏng bề mặt con lô.

**Lô nhặt giấy (× 2)**

Nhẹ nhàng lau sạch bụi bẩn dọc theo các rãnh khi bạn xoay con lô bằng tay, cẩn thận để không làm hỏng bề mặt con lô. Đảm bảo rằng nó được lau đúng cách vì cặn đen trên con lô sẽ ảnh hưởng đến hiệu suất nạp giấy.

Lô cao su (× 4)

Nhẹ nhàng lau sạch bụi bẩn trên bề mặt con lô. Đảm bảo rằng nó được lau đúng cách vì cặn đen trên con lô sẽ ảnh hưởng đến hiệu suất nạp giấy.

Cẩn thận để không làm hỏng miếng bọt biển được gắn vào con lô.

Kính (× 2)

Nhẹ nhàng lau sạch bụi bẩn trên bề mặt của các phần kính.

CHÚ Ý

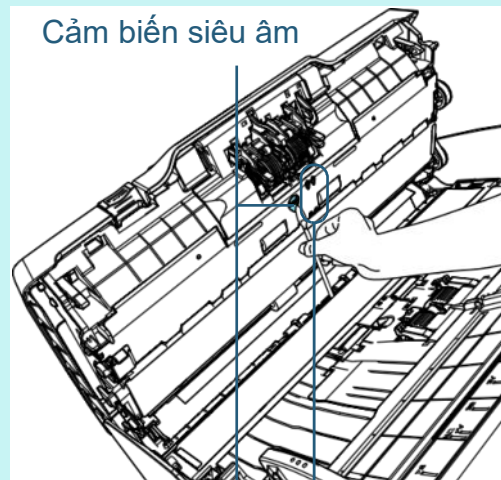
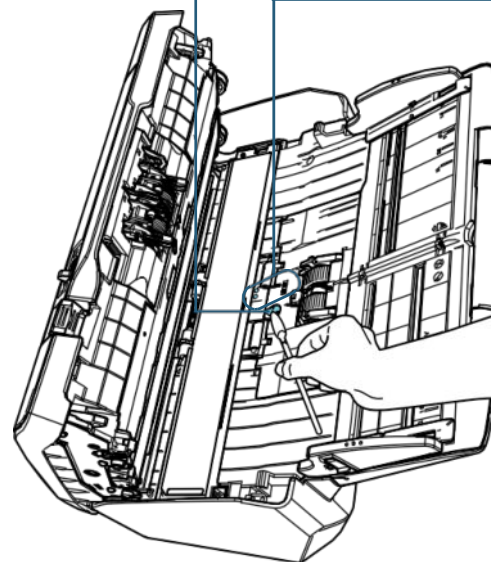
Các vết dọc có thể xuất hiện trên hình ảnh được quét khi kính bị bẩn.

Cảm biến siêu âm (× 2) / Cảm biến tài liệu (× 8)

Nhẹ nhàng lau sạch bụi bẩn trên bề mặt của cảm biến siêu âm / tài liệu.

BẬT MÍ

Nếu khó làm sạch, hãy sử dụng tăm bông.

Cảm biến siêu âm**Cảm biến tài liệu**

Lô nạp giấy(× 2)/Lô đẩy giấy(× 2)

Phải bật nguồn để xoay các con lô nạp / đẩy.

- 1 Bật máy quét.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "1.3 BẬT / TẮT nguồn" (trang 19).

 - Màn hình [Sẵn sàng] được hiển thị trên màn hình LCD.
- 2 Nhấn nút [Menu].
 - a. Màn hình [Menu cài đặt] được hiển thị trên màn hình LCD.
- 3 Nhấn nút [$\triangle$] hoặc [∇] và chọn [2: Làm sạch], sau đó nhấn nút [Quét/Enter] để xác nhận.
 - a. Màn hình [Làm sạch] được hiển thị trên màn hình LCD.
- 4 Nhấn nút [$\triangle$] hoặc [∇] và chọn [2: Roller Wipe], sau đó nhấn nút [Quét/Enter] để xác nhận.
 - a. Một thông báo được hiển thị trên màn hình LCD.

CHÚ Ý

Không thực hiện quét từ trình điều khiển máy quét trong quá trình vệ sinh.

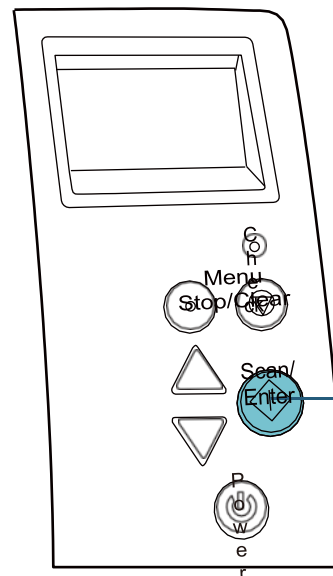
5 Mở ADF.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "1.4 Mở/Đóng ADF" (trang 21).



Khi ADF mở, nó có thể vô tình đóng. Hãy cẩn thận để không bị kẹt ngón tay.

- 6 Khi bạn nhấn nút [Quét / Enter], các con lô nạp / đẩy sẽ quay một lượng nhất định.



Khi bạn nhấn nút [Quét/Enter], các con lô nạp / đẩy sẽ quay cùng một lúc. Hãy cẩn thận không chạm vào các con lô bằng tay của bạn khi chúng đang quay.

- 7 Đặt một mảnh vải thấm Chát tẩy rửa F1 hoặc một tờ Lau sạch lên bề mặt con lô và lau theo chiều ngang. Lau sạch bụi bẩn trên bề mặt bằng cách nhấn nút [Quét / Enter] để xoay các con lô. Đảm bảo rằng nó được lau đúng cách vì cặn đen trên con lô sẽ ảnh hưởng đến hiệu suất nạp giấy. Theo hướng dẫn, nhấn nút [Quét / Enter] bảy lần sẽ xoay các con lô nạp / đẩy một vòng.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

4 Đóng ADF.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[1.4 Mở/Đóng ADF](#)" (trang 21).



Cẩn thận để không bị kẹt ngón tay khi đóng ADF.

CHÚ Ý

Xác nhận rằng ADF đã được đóng đúng cách. Nếu không, tài liệu có thể không được đưa vào ADF.

5 Đặt lại bộ đếm làm sạch.

Đặt lại bộ đếm bằng cách thực hiện một trong các hành động sau:

- Đặt lại bộ đếm trong [4: Bộ đếm tiêu hao] trên màn hình [Menu cài đặt] của bảng điều khiển.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Menu cài đặt 3.2](#)" (trang 55).

- Đặt lại bộ đếm trong Bảng điều khiển phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Đặt lại bộ đếm tám](#)" (trang 163).

TOP

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Chương 6 Thay thế vật tư tiêu hao

Chương này mô tả cách thay thế vật tư tiêu hao cho máy quét.



Bên trong ADF trở nên rất nóng khi máy quét đang được sử dụng.
Trước khi bạn thay thế vật tư tiêu hao, hãy đảm bảo tắt nguồn, rút cáp nguồn và đợi ít nhất 15 phút cho bên trong ADF nguội.

1. Vật tư tiêu hao và chu kỳ thay thế.....	104
2. Thay thế Lô hãm giấy.....	105
3. Thay thế Lô nhặt giấy.....	107

TOP
Contents

Index

Giới thiệu

Tổng
quan về
máy quét

Cách tải tài liệu

Cách sử dụng
bảng điều khiển
Operator

Nhiều cách
khác nhau để
quét

Chăm sóc hàng
ngày

Thay thế
Consumables

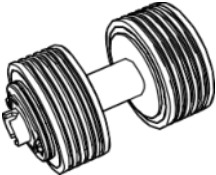
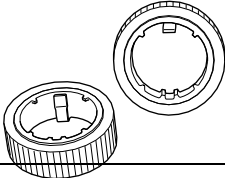
Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

6.1 Vật tư tiêu hao và chu kỳ thay thế

Bảng sau đây cho thấy các vật tư tiêu hao được sử dụng cho máy quét.

Tên	Phần số	Chu kỳ thay thế được đề xuất
Lô hãm giấy 	PA03710-0001	200.000 tờ hoặc một năm
Lô nhặt giấy 	PA03670-0002	200.000 tờ hoặc một năm

Vật tư tiêu hao cần được thay thế định kỳ. Bạn nên giữ một kho vật tư tiêu hao mới và thay thế chúng trước khi hết tuổi thọ tiêu hao. Máy quét ghi lại số tờ được quét sau khi thay thế vật tư tiêu hao (Lô hãm giấy/Lô nhặt giấy), cho phép bạn kiểm tra trạng thái trên từng vật tư tiêu hao.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["8.4 Cài đặt liên quan đến bộ đếm tấm" \(trang 162\)](#).

Lưu ý rằng các chu kỳ thay thế được đề xuất là hướng dẫn cho

sử dụng giấy A4 (80 g/m2 [20 lb]) không có gỗ hoặc có chứa gỗ, vì các chu kỳ này khác nhau tùy thuộc vào loại tài liệu được quét và tần suất sử dụng và làm sạch máy quét.

BẬT MÍ

Chỉ sử dụng các vật tư tiêu hao được chỉ định.

Để mua vật tư tiêu hao, hãy liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn.

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

6.2 Thay thế Lô hãm giấy

Thay thế Lô hãm giấy theo quy trình sau.

1 Lấy tất cả các tài liệu ra khỏi máng giấy ADF (khay nạp).

2 Mở ADF.

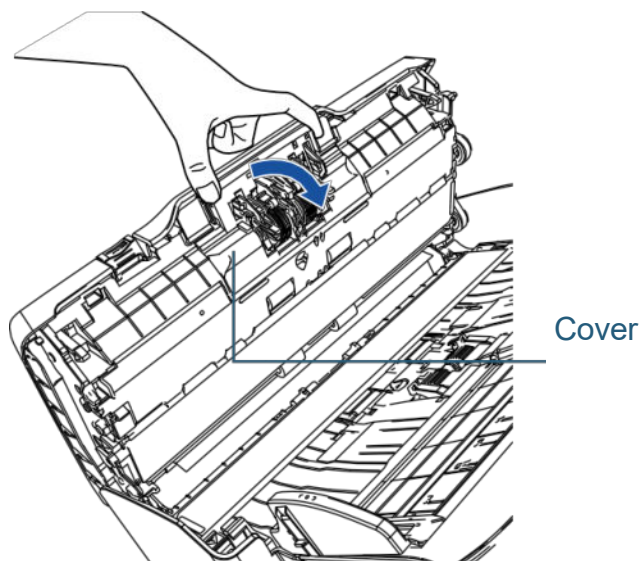
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "1.4 Mở/Đóng ADF" (trang 21).



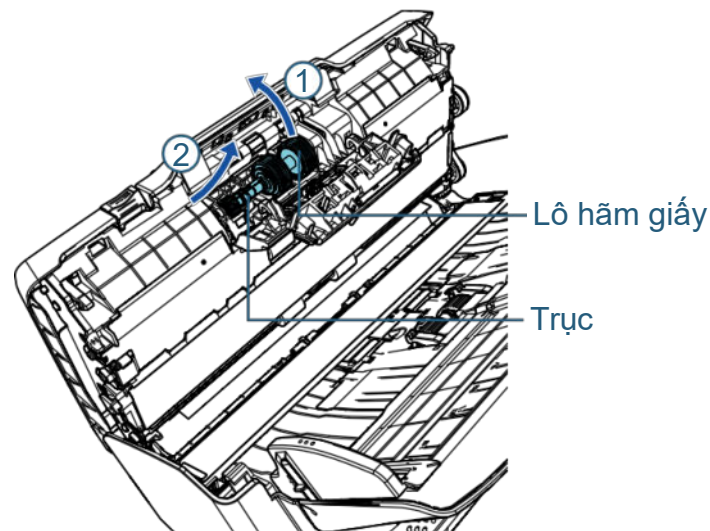
Khi ADF mở, nó có thể vô tình đóng. Hãy cẩn thận để không bị kẹt ngón tay.

3 Loại bỏ Lô hãm giấy.

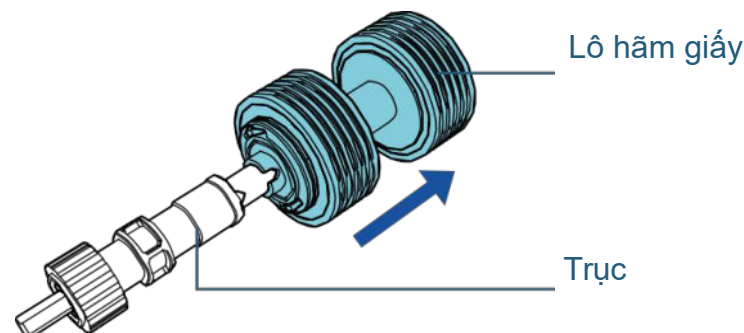
1. Giữ cả hai đầu của nắp và mở nó theo hướng mũi tên.



2. Trước tiên, hãy nhấc mặt phải của con lô lên, sau đó kéo trục ra khỏi khe bên trái.



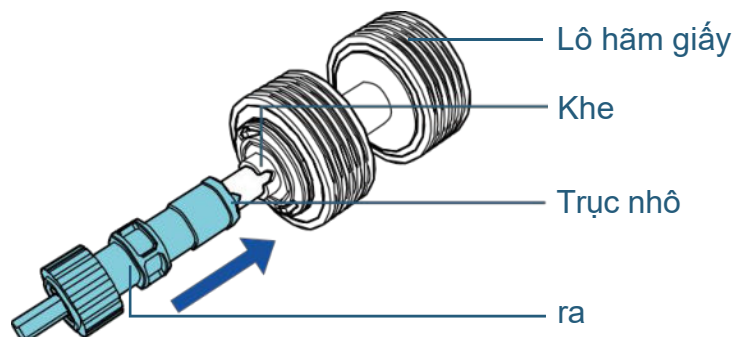
4 Loại bỏ Lô hãm giấy khỏi trục của nó.



5

Gắn một Lô hãm giấy mới trên trục.

Chèn phần nhô ra trên trục vào khe.



6

Gắn trục.

1. Chèn đầu bên trái của trục vào lỗ phù hợp với hình dạng lỗ, sau đó gắn phía bên phải của trục.

2 Đóng nắp.

CHÚ Ý

Xác nhận rằng con lô phanh đã được lắp đúng cách. Nếu không, nó có thể gây ra lỗi nạp liệu như kẹt giấy.

7

Đóng ADF.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[1.4 Mở/Đóng ADF](#)" (trang 21).



Cẩn thận để không bị kẹt ngón tay khi đóng ADF.

8

Đặt lại bộ đếm của Lô hãm giấy .

Đặt lại bộ đếm bằng cách thực hiện một trong các hành động sau động:

- Đặt lại bộ đếm trong [4: Bộ đếm tiêu hao] trên [Cài đặt Menu] màn hình của bảng điều khiển.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Menu cài đặt 3.2](#)" (trang 55).
 - Đặt lại bộ đếm trong Bảng điều khiển phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Đặt lại bộ đếm tờ](#)" (trang 163).

Nội dung
chỉ mục

Giới thiệu

Tổng
quan về
máy quét

Cách tải tài liệu

Cách sử dụng
bảng điều khiển
Operator

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

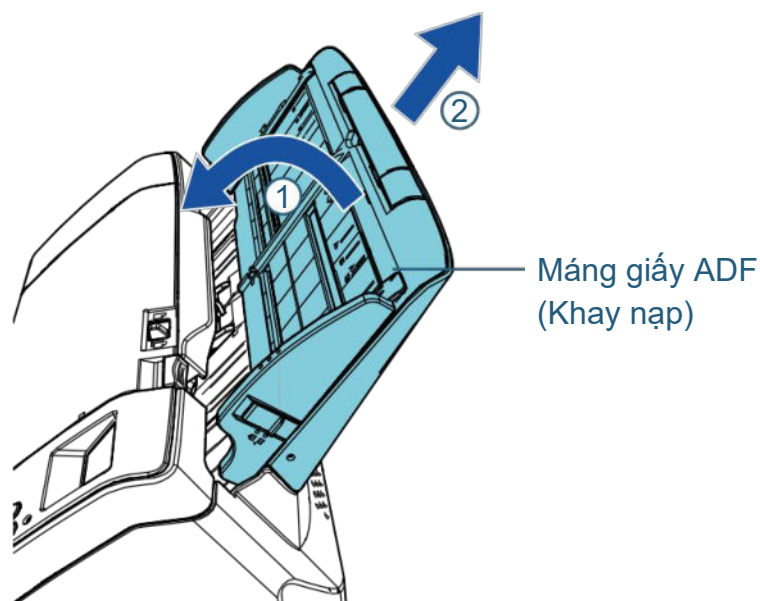
Glossary

Appendix

6.3 Thay thế Lô nhặt giấy

Thay thế Lô nhặt giấy theo quy trình sau.

- 1 Lấy tất cả các tài liệu ra khỏi máng giấy ADF (khay nạp).
- 2 Tháo máng giấy ADF (khay nạp).
Giữ cả hai đầu của máng giấy ADF (khay nạp), sau đó nhấc nó vào hướng mũi tên và kéo nó ra theo hướng mũi tên.



3 Mở ADF.

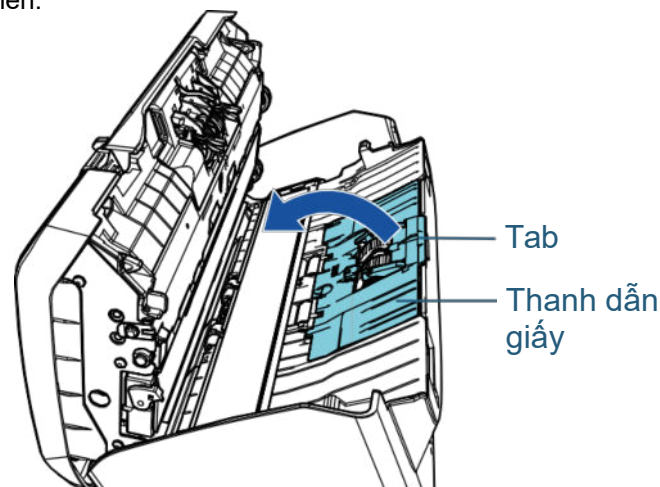
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "1.4 Mở/Đóng ADF" (trang 21).



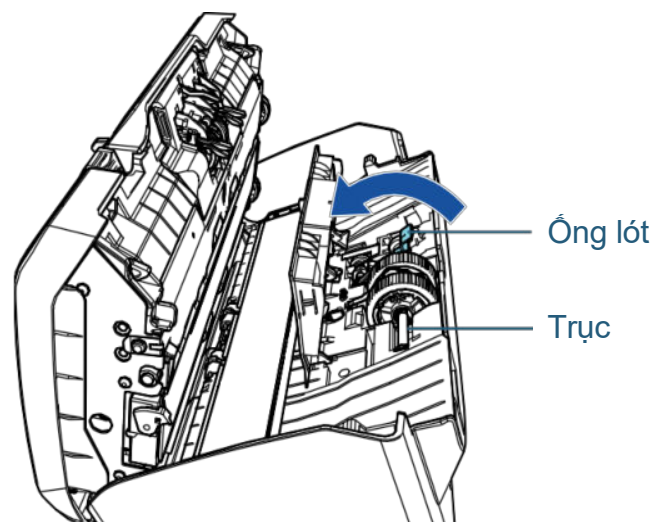
Khi ADF mở, nó có thể vô tình đóng. Hãy cẩn thận để không bị kẹt ngón tay.

4 Loại bỏ Lô nhặt giấy.

1. Mở thanh dẫn trang bằng cách nhấc tab lên.



2. Xoay ống lót trên Trục theo hướng mũi tên.



Contents

Index

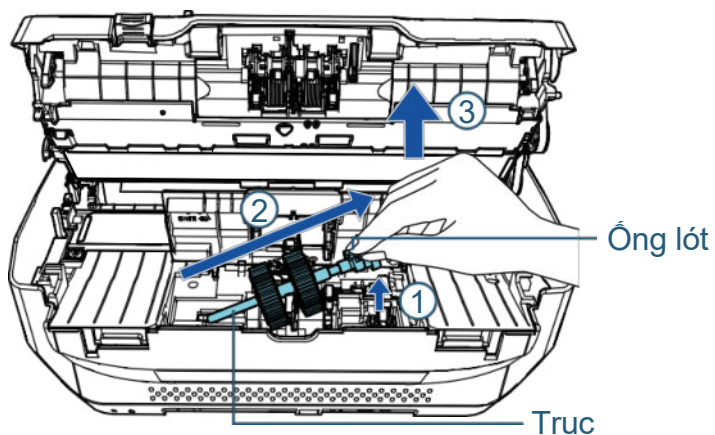
Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
ScanChăm sóc hàng
ngàyReplacing the
Consumables

Troubleshooting

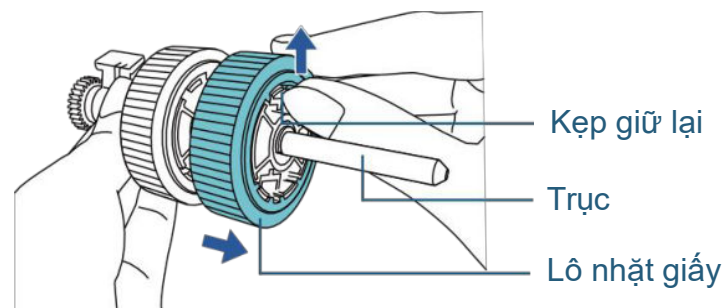
Operational
SettingsAppendix
Glossary

3. Nhấc ống lót lên theo hướng ① (khoảng 5 mm), và trượt trục theo hướng ② để kéo đầu dẫn ra khỏi rãnh, sau đó Nâng trục theo hướng ③ để tháo nó ra.

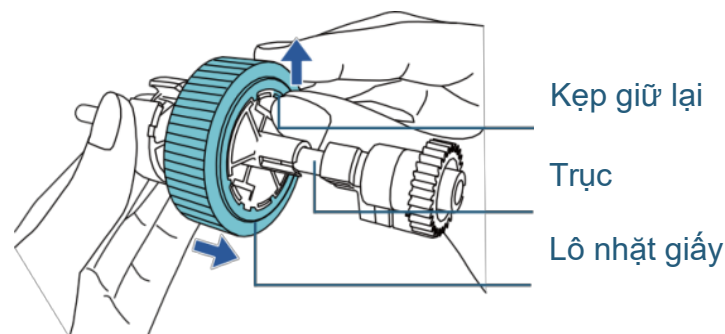


5 Loại bỏ hai Lô nhặt giấy ra khỏi trục từng cái một.

1. Kéo Lô nhặt giấy ra khỏi trục khi bạn nhấn kẹp giữ lên.



2. Kéo Lô nhặt giấy còn lại ra khỏi trục khi bạn nhấn kẹp giữ lên.



Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

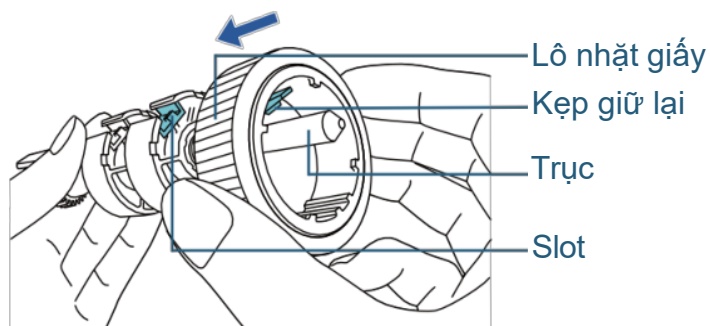
Operational
Settings

Appendix

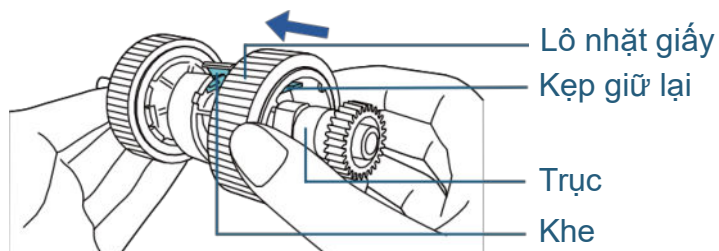
Glossary

6 Gắn từng tờ giấy Lô nhặt giấy mới vào trục.

1. Chèn kẹp giữ của Lô nhặt giấy vào khe.



1. Chèn kẹp giữ của Lô nhặt giấy khác vào khe.

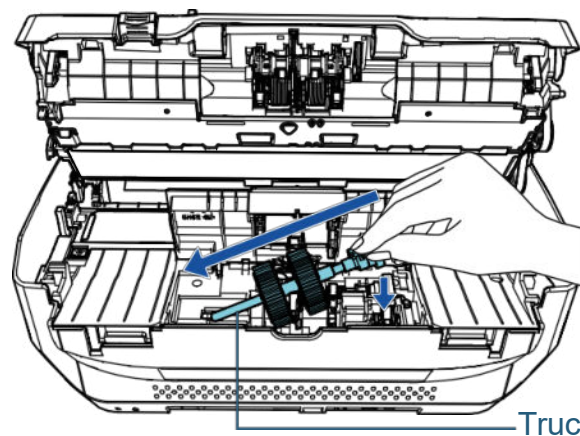


CHÚ Ý

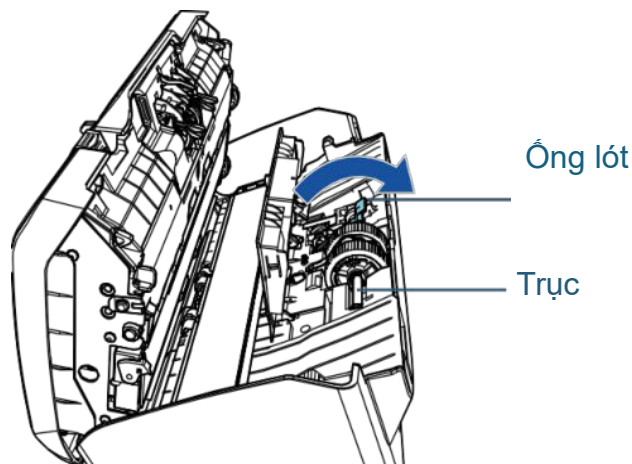
Xác nhận rằng con lô chọn đã được lắp đặt đúng cách. Nếu không, nó có thể gây ra lỗi nạp liệu như kẹt giấy. Đảm bảo lắp con lô chọn cho đến khi nó khớp vào vị trí.

7 Gắn trục.

1. Chèn đầu bên trái của trục vào rãnh và hạ đầu kia xuống dần dần.



2. Xoay ống lót trên trục theo hướng mũi tên.



3. Đóng hướng dẫn trang tính. Đảm bảo rằng cả hai đầu của thanh dẫn tờ được khóa chắc chắn.

CHÚ Ý

Xác nhận rằng con lô chọn đã được lắp đặt đúng cách. Nếu không, nó có thể gây ra lỗi nạp liệu như kẹt giấy.

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

8 Đóng ADF.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["1.4 Mở/Đóng ADF" \(trang 21\)](#).



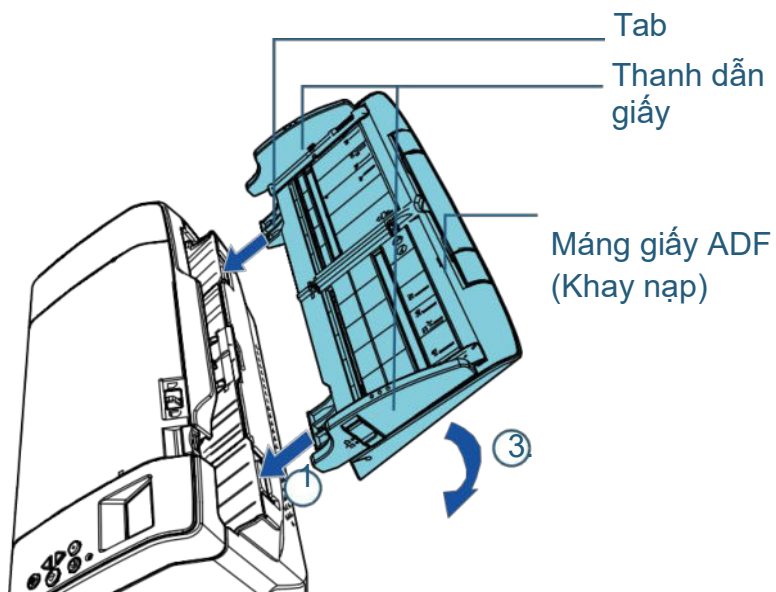
Cẩn thận để không bị kẹt ngón tay khi đóng ADF.

9 Gắn máng giấy ADF (khay nạp).

Chèn các mẫu vào các khe trên Mặt sau của máy quét theo

hướng mũi tên ① và nghiêng máng giấy ADF (khay nạp)

xuống theo hướng mũi tên ② cho đến khi nó khóa vào vị trí. Gắn máng giấy ADF (khay nạp) với Thanh dẫn giấy hướng lên trên.



CHÚ Ý

Không để lại bất kỳ khoảng trống nào giữa máng giấy ADF (khay nạp) và máy quét.

10

Reset the Lỗi nhật giấy counter.

Đặt lại bộ đếm bằng cách thực hiện một trong các hành động sau:

Đặt lại bộ đếm trong [4: Bộ đếm tiêu hao] trên màn hình [Menu cài đặt] của bảng điều khiển.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["Menu cài đặt 3.2" \(trang 55\)](#).

- Đặt lại bộ đếm trong Bảng điều khiển phần mềm. Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["Đặt lại bộ đếm tấm" \(trang 163\)](#).

Chương 7 Xử lý sự cố

Chương này giải thích về các biện pháp đối phó với kẹt giấy và các rắc rối khác, Mục cần kiểm tra trước khi liên hệ với nhà phân phối/đại lý của bạn và cách đọc nhãn sản phẩm trên máy quét.

CHÚ Ý

Để biết chi tiết về các lỗi/sự cố khác không được đề cập trong chương này, hãy tham khảo Trợ giúp của trình điều khiển máy quét hoặc Hướng dẫn khôi phục lỗi.

1. Kẹt giấy	112
2. Chỉ báo lỗi trên bảng điều khiển.....	114
3. Khắc phục sự cố.....	122
4. Trước khi liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn	142
5. Kiểm tra nhãn sản phẩm	144

7.1 Kẹt giấy

Khi tài liệu của bạn bị kẹt bên trong máy quét, hãy lấy tài liệu ra theo quy trình sau:



1. Không dùng lực để kéo tài liệu bị kẹt ra và đảm bảo mở ADF trước.
2. Cần thận không chạm vào bất kỳ bộ phận sắc nhọn nào khi lấy tài liệu bị kẹt.
3. Hãy cẩn thận để không để những thứ như tóc, cà vạt hoặc dây chuyền vướng vào bên trong máy quét.
 - Bên trong ADF có thể trở nên cực kỳ nóng trong quá trình hoạt động.

1. Lấy tất cả các tài liệu ra khỏi máng giấy ADF (khay nạp).

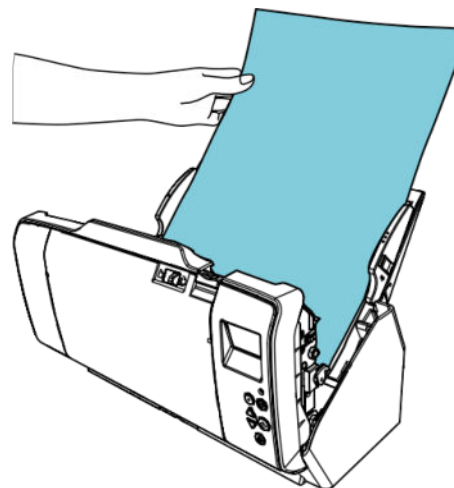
3. Mở ADF.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["1.4 Mở/Đóng ADF" \(trang 21\)](#).



Khi ADF mở, nó có thể vô tình đóng. Hãy cẩn thận để không bị kẹt ngón tay.

1 Loại bỏ tài liệu bị kẹt.



CHÚ Ý

1. Đảm bảo kiểm tra kỹ các tài liệu và đường dẫn giấy. Loại bỏ bất kỳ vật kim loại nào như kim bấm hoặc kẹp giấy để tránh kẹt giấy.
2. Cẩn thận để không làm hỏng bề mặt kính và thanh dẫn khi lấy tài liệu bằng các vật kim loại như kim bấm hoặc kẹp giấy.

1. Đóng ADF.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["1.4 Mở/Đóng ADF" \(trang 21\)](#).



Cẩn thận để không bị kẹt ngón tay khi đóng ADF.

CHÚ Ý

1. Xác nhận rằng ADF đã được đóng đúng cách. Nếu không, tài liệu có thể không được đưa vào ADF.
2. Đôi khi khi quá trình quét hoàn tất hoặc bị hủy, tài liệu có thể vẫn còn trong ADF mà không hiển thị bất kỳ thông báo lỗi nào. Trong trường hợp đó, hãy loại bỏ các tài liệu bằng cách làm theo các bước từ 1 đến 4 ở trên.
3. Để tiếp tục quét, hãy kiểm tra trang bạn muốn tiếp tục và nạp lại tài liệu vào máng giấy ADF (khay nạp).



Index

Introduction

Scanner Overview

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

Appendix

Glossary

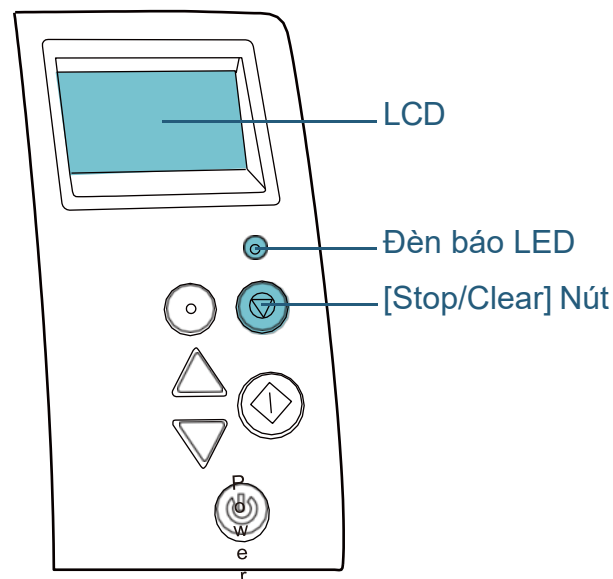
7.2 Chỉ báo lỗi trên bảng điều khiển

Khi xảy ra lỗi trong quá trình hoạt động, đèn báo LED sẽ sáng màu cam.

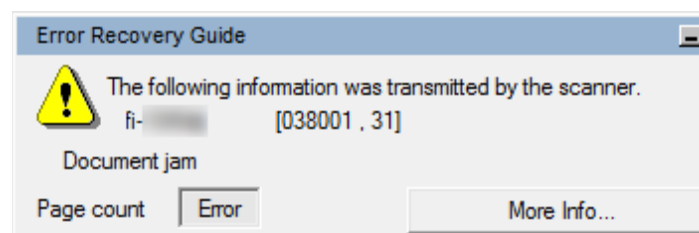
Ngoài ra, chỉ báo trên màn hình LCD thay đổi như sau:

1. Đối với lỗi tạm thời
Mã lỗi bắt đầu bằng chữ "J" hoặc "U" được hiển thị.
2. Đối với lỗi thiết bị
Mã lỗi bắt đầu bằng chữ "E", "F", "C", "H", "A" hoặc "L" được hiển thị.

Người vận hành có thể khôi phục lỗi tạm thời, trong khi lỗi thiết bị yêu cầu kỹ sư dịch vụ khắc phục sự cố. Bạn có thể xóa màn hình hiển thị lỗi bằng cách nhấn nút [Dừng/Xóa]. Lưu ý rằng thông báo kẹt giấy sẽ biến mất sau một khoảng thời gian nhất định nếu không có tài liệu (trạng thái [Sẵn sàng]) trong máy quét.



Nếu Hướng dẫn khôi phục lỗi được cài đặt trong máy tính, cửa sổ Hướng dẫn khôi phục lỗi sẽ xuất hiện khi hệ điều hành Windows được khởi động. Khi xảy ra lỗi, cửa sổ Hướng dẫn khôi phục lỗi hiển thị thông tin liên quan như tên lỗi và Mã lỗi (số). Viết ra thông tin hiển thị trong cửa sổ và nhấp vào nút [Thông tin thêm] để kiểm tra các phương pháp khắc phục sự cố.



Lỗi tạm thời

Sau đây là danh sách các lỗi tạm thời có thể được khôi phục bởi các nhà khai thác.

▪ Lỗi nạp giấy

Mã lỗi bắt đầu bằng chữ "J" được hiển thị

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
J0:37	Bảo vệ giấy (tiếng ồn nạp liệu) Tháo và kiểm tra tài liệu, sau đó thử lại một cách cẩn thận.	Loại bỏ tài liệu bị kẹt. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "7.1 Kẹt giấy" (trang 112). Kiểm tra xem tài liệu có phù hợp để quét bằng ADF hay không. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "2.2 Tài liệu để quét" (trang 41). 3 Nhấn nút [Menu] trên bảng điều khiển, chọn bật hoặc tắt chức năng bảo vệ tài liệu, sau đó nhấn nút [Quét/Enter] hoặc thực hiện quét từ máy tính.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
J0:51	Bảo vệ giấy (độ chính xác của việc nạp giấy) Lấy và kiểm tra tài liệu, sau đó thử lại một cách cẩn thận.	1 Loại bỏ tài liệu bị kẹt. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "7.1 Kẹt giấy" (trang 112). 2 Đảm bảo rằng các tài liệu được gấp lại hoặc tài liệu không phù hợp với thông số kỹ thuật của giấy, chẳng hạn như giấy mỏng, không được bao gồm. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "2.2 Tài liệu để quét" (trang 41). 3 Nhấn nút [Menu] trên bảng điều khiển, chọn bật hoặc tắt chức năng bảo vệ tài liệu, sau đó nhấn nút [Quét/Enter] hoặc thực hiện quét từ máy tính.
J1:31 J1:5A	Kẹt giấy Tháo và kiểm tra tài liệu, sau đó thử lại.	1 Loại bỏ tài liệu bị kẹt. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "7.1 Kẹt giấy" (trang 112). 2 Kiểm tra xem tài liệu có phù hợp để quét bằng ADF hay không. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "2.2 Tài liệu để quét" (trang 41).
J1:50	Lỗi nhặt giấy Xóa và kiểm tra tài liệu, sau đó thử lại.	3 Làm sạch các con lô. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "Chương 5 Chăm sóc hàng ngày" (trang 93).

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
J2:55	Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu (Chồng chéo) Nhấn nút Quét để đẩy tài liệu ra. Sau khi đẩy tài liệu ra, có thể bật / tắt tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu cho tài liệu tiếp theo từ nút Menu.	Nhấn nút [Quét/Enter] trên bảng điều khiển để đẩy tài liệu ra. 1 Nhấn nút [Menu] trên bảng điều khiển, chọn có phát hiện nhiều nguồn cấp hay không, sau đó nhấn nút [Quét/Enter] hoặc thực hiện quét từ máy tính.
	Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu (Chồng chéo) Nhấn nút Quét để đẩy tài liệu ra. Nhấn nút Menu để ghi nhớ mẫu đa nguồn cấp dữ liệu.	Nhấn nút [Quét/Enter] trên bảng điều khiển để đẩy tài liệu ra. 1 Nhấn nút [Menu] trên bảng điều khiển, chọn ghi nhớ mẫu hay không, sau đó nhấn nút [Quét/Enter] hoặc thực hiện quét từ máy tính.
	Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu (Chồng chéo) Nhấn nút Quét để đẩy tài liệu ra.	Nhấn nút [Quét/Enter] trên bảng điều khiển để đẩy tài liệu ra. 1 Nhấn nút [Quét/Enter] trên bảng điều khiển hoặc thực hiện quét từ máy tính.
J2:56	Đã phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu (Chiều dài) Nhấn nút Quét để đẩy tài liệu ra.	Nhấn nút [Quét/Enter] trên bảng điều khiển để đẩy tài liệu ra. 1 Nhấn nút [Quét/Enter] trên bảng điều khiển hoặc thực hiện quét từ máy tính.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
J7:5F	Đã chuyển chế độ nguồn cấp dữ liệu Kiểm tra công tắc chế độ nguồn cấp dữ liệu cài đặt, tải lại tài liệu và thử lại.	Kiểm tra cài đặt công tắc chế độ nạp, tải lại tài liệu và thử lại.
J8:01	Cảm biến bẩn Làm sạch Cảm biến chọn.	Mở ADF và làm sạch tám cảm biến tài liệu. Để biết chi tiết, hãy tham khảo " Chương 5 Chăm sóc hàng ngày " (trang 93).
J8:04	(Các) cảm biến bẩn Làm sạch Cảm biến READ-TOP.	

▪ Lỗi mở bìa và in

Mã lỗi bắt đầu bằng chữ "U" được hiển thị

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
U4:40 (*1)	ADF Mở	Đóng ADF và tải lại tài liệu.
U5:4A (*2)	Mở nắp máy in (chỉ khi máy in được cài đặt)	Đóng phần in của máy in và nạp lại tài liệu.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
U6:B4	Hộp mực in chưa được lắp đặt Kiểm tra xem Hộp mực in đã được lắp đúng chưa. (chỉ khi máy in được cài đặt)	Lỗi này liên quan đến máy in. Để biết chi tiết, hãy tham khảo Hướng dẫn vận hành máy in fi-748PRB.

*1: Khi bạn mở ADF trong khi máy quét ở chế độ chờ, chỉ có thông báo lỗi sẽ xuất hiện mà không có mã lỗi.

Ngoài ra, lưu ý rằng các nút trên bảng điều khiển bị tắt trong khi ADF đang mở.

*2: Khi bạn mở phần in của máy in trong khi máy quét ở chế độ chờ, chỉ có thông báo lỗi sẽ xuất hiện mà không có mã lỗi. Ngoài ra, lưu ý rằng các nút trên bảng điều khiển bị tắt trong khi phần in của máy in đang mở.

Lỗi thiết bị

Sau đây là danh sách các lỗi thiết bị yêu cầu kỹ sư dịch vụ khắc phục sự cố.

Lỗi bên trong và quang học

Mã lỗi bắt đầu bằng chữ "E" được hiển thị.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
E2:74	Optical error (ADF Mặt trước) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật nguồn Mặt sau, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về Mã lỗi trên.	1. Làm sạch phần kính. Để biết chi tiết, hãy tham khảo " Chương 5 Chăm sóc hàng ngày " (trang 93). 2. Tắt máy quét rồi bật Mặt sau. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy ghi lại lỗi Mã được hiển thị và liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.
E3:75	Lỗi quang học (ADF Mặt sau) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật nguồn Mặt sau, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về Mã lỗi trên.	

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
E6:D3	Lỗi Bảng điều khiển Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	Tắt máy quét rồi bật lại. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy ghi lại mã lỗi được hiển thị và liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.
E7:D2	Lỗi EEPROM Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	
E9:F5	Lỗi đọc-ghi bộ nhớ hình ảnh (Mặt trước) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	Tắt máy quét rồi bật lại. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy ghi lại mã lỗi được hiển thị và liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.
E9:F6	Lỗi đọc-ghi bộ nhớ hình ảnh (Quay lại) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	

■ Lỗi chạy quá mức

Mã lỗi bắt đầu bằng chữ "F" được hiển thị.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
F4:C2	Lỗi cơ chế chuyển đổi nền (ADF Mặt trước) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật nguồn Mặt sau, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về Mã lỗi trên.	Tắt máy quét rồi bật Mặt sau. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy ghi lại lỗi Mã được hiển thị và liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.
F4:C3	Lỗi cơ chế chuyển mạch Mặt sau(ADF Mặt sau) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật nguồn Mặt sau, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về Mã lỗi trên.	

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

■ Lỗi chip

Mã lỗi bắt đầu bằng chữ "C" được hiển thị.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
C0:E5	Lỗi bộ nhớ (Mặt trước) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	Tắt máy quét rồi bật lại. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy ghi lại mã lỗi được hiển thị và liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.
C0:E6	Lỗi bộ nhớ (Quay lại) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	
C0:E9	LSI error (Mặt trước) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	
C0:EA	Lỗi LSI (Mặt sau) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
C6:F9	Lỗi USB Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ về mã lỗi trên. Lỗi USB	Tắt máy quét rồi bật lại. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy ghi lại mã lỗi hiển thị và liên hệ nhà phân phối/đại lý nơi bạn đã mua sản phẩm này.
C8:F2	Lỗi giao tiếp nội bộ của máy quét Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	

■ Lỗi mạch động cơ

- Mã lỗi bắt đầu bằng chữ "H" được hiển thị.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
H2:81 H8:88	Lỗi mạch động cơ Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật nguồn Mặt sau, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	Tắt máy quét rồi bật Mặt sau. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy ghi lại mã lỗi được hiển thị và liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.
H6:B1	Lỗi hệ thống máy in Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật nguồn Mặt sau, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên. (chỉ khi máy in được cài đặt)	
H7:84	Lỗi mạch đèn Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật nguồn Mặt sau, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	

■ Lỗi tùy chọn (khi cài đặt máy in)

- Mã lỗi bắt đầu bằng chữ "A" được hiển thị.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
A0:B2	Lỗi máy in (RAM) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo nhà cung cấp dịch vụ của mã lỗi trên.	- Xác nhận rằng cáp EXT của máy in được kết nối đúng cách với đầu nối EXT ở mặt sau của máy quét. Để biết chi tiết về cáp EXT, hãy tham khảo "Mặt sau" (trang 16). - Để biết chi tiết về cách kết nối cáp EXT, hãy tham khảo Hướng dẫn vận hành máy in fi-748PRB. - Xác nhận rằng hộp mực in đã được lắp đúng cách. Để biết chi tiết, hãy tham khảo Hướng dẫn vận hành máy in fi-748PRB. - Tắt máy quét rồi bật lại. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy ghi lại mã lỗi được hiển thị và liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.
A1:B3	Lỗi máy in (hết thời gian chờ giao tiếp) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	
A2:B5	Lỗi máy in (đầu in) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	
A3:B6	Lỗi máy in (EEPROM) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	
A4:B8	Lỗi máy in (ROM) Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật lại nguồn, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

▪ Lỗi cảm biến

Mã lỗi bắt đầu bằng chữ "L" được hiển thị.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Hành động
L0:11 L2:13	Lỗi cảm biến Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật nguồn Mặt sau, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	1. Dọn sạch bụi giấy xung quanh cảm biến tài liệu. 2. Tắt máy quét rồi bật Mặt sau. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy ghi lại mã lỗi được hiển thị và liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.
L6:1B	Lỗi cảm biến Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi bật nguồn Mặt sau, vui lòng thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ của bạn về mã lỗi trên.	1. Loại bỏ bụi giấy xung quanh cảm biến siêu âm. 2. Tắt máy quét rồi bật Mặt sau. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy ghi lại mã lỗi được hiển thị và liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

7.3 Troubleshooting

Phần này mô tả các hành động cần thực hiện đối với các sự cố có thể xảy ra trong khi bạn đang sử dụng máy quét. Vui lòng kiểm tra các Mục sau trước khi bạn yêu cầu sửa chữa. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy kiểm tra từng Mục trong **"7.4 Trước khi liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn"** (trang 142), sau đó liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.

Sau đây là một số ví dụ về những rắc rối mà bạn có thể gặp phải.

Lỗi
"Không thể BẬT nguồn máy quét." (trang 123)
"Đèn LCD hoặc nút [Nguồn] hoặc cả hai đều TẮT. (trang 124)
"Quá trình quét không bắt đầu." (trang 125)
"Quét mất nhiều thời gian." (trang 126)
"Chất lượng hình ảnh kém." (trang 127)
"Chất lượng của văn bản hoặc dòng được quét không đạt yêu cầu." (trang 128)
"Hình ảnh bị bóp méo hoặc không rõ ràng." (trang 129)
"Các vật dọc xuất hiện trên hình ảnh được quét." (trang 130)
"Lỗi (mã lỗi "U4:40" hoặc "U5:4A") đã được hiển thị trên màn hình LCD sau khi bật nguồn." (trang 131)
"Lỗi nhiều nguồn cấp dữ liệu xảy ra thường xuyên." (trang 132)
"Tình hướng tài liệu không được đưa vào ADF xảy ra thường xuyên." (trang 134)
"Bảo vệ giấy được tắt thường xuyên." (trang 135)
"Lỗi kẹt giấy / chọn thường xuyên xảy ra. (trang 137)

Lỗi
"Hình ảnh được quét hóa ra kéo dài." (trang 138)
"Một bóng xuất hiện ở trên cùng hoặc dưới cùng của hình ảnh được quét." (trang 139)
"Có những dấu vết đen trên tài liệu." (trang 140)
"Không thể kết nối máy quét và máy tính qua cáp USB." (trang 141)

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

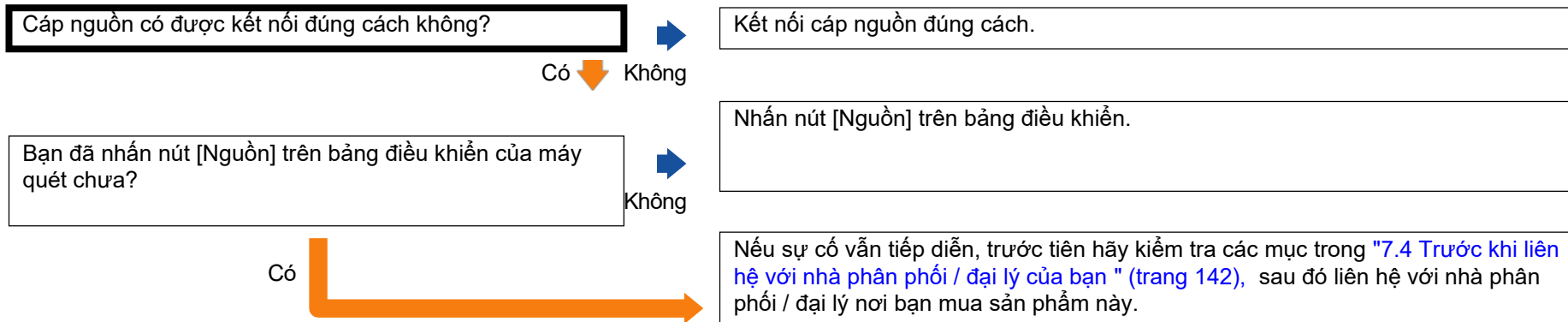
Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Không thể BẬT nguồn máy quét.

[Contents](#)[Index](#)[Introduction](#)[Scanner
Overview](#)[How to Load
Documents](#)[How to Use the
Operator Panel](#)[Various Ways to
Scan](#)[Daily Care](#)[Replacing the
Consumables](#)[Troubleshooting](#)[Operational
Settings](#)[Appendix](#)[Glossary](#)

Màn hình LCD hoặc đèn Nút [Nguồn] hoặc cả hai sẽ TẮT.

Máy quét đã không hoạt động trong một thời gian dài sau khi được bật nguồn?



Có

Máy quét đã vào chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc đã được tự động tắt.

- Nếu máy quét đã vào chế độ tiết kiệm năng lượng
Màn hình LCD tắt và nút [Nguồn] nhấp nháy màu xanh lục. Tiếp tục từ chế độ tiết kiệm năng lượng bằng một trong các phương pháp sau:
 - Nạp tài liệu vào máng giấy ADF (khay nạp)
 - Nhấn bất kỳ nút nào trên bảng điều khiển
 - Lưu ý rằng nhấn nút [Nguồn] trong hơn 2 giây sẽ tắt nguồn.
 - Thực hiện quét từ một ứng dụng
- Nếu máy quét đã được tự động tắt Màn hình LCD và đèn nút [Nguồn] tắt. Bật máy quét.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["1.3 BẬT / TẮT nguồn" \(trang 19\)](#).

Không



Màn hình LCD và đèn nút [Nguồn] có vẫn tắt ngay cả khi bạn tắt máy quét rồi bật lại không?



Không

Máy quét đang hoạt động chính xác.

Có



Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, trước tiên hãy kiểm tra các mục trong ["7.4 Trước khi liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn" \(trang 142\)](#), sau đó liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

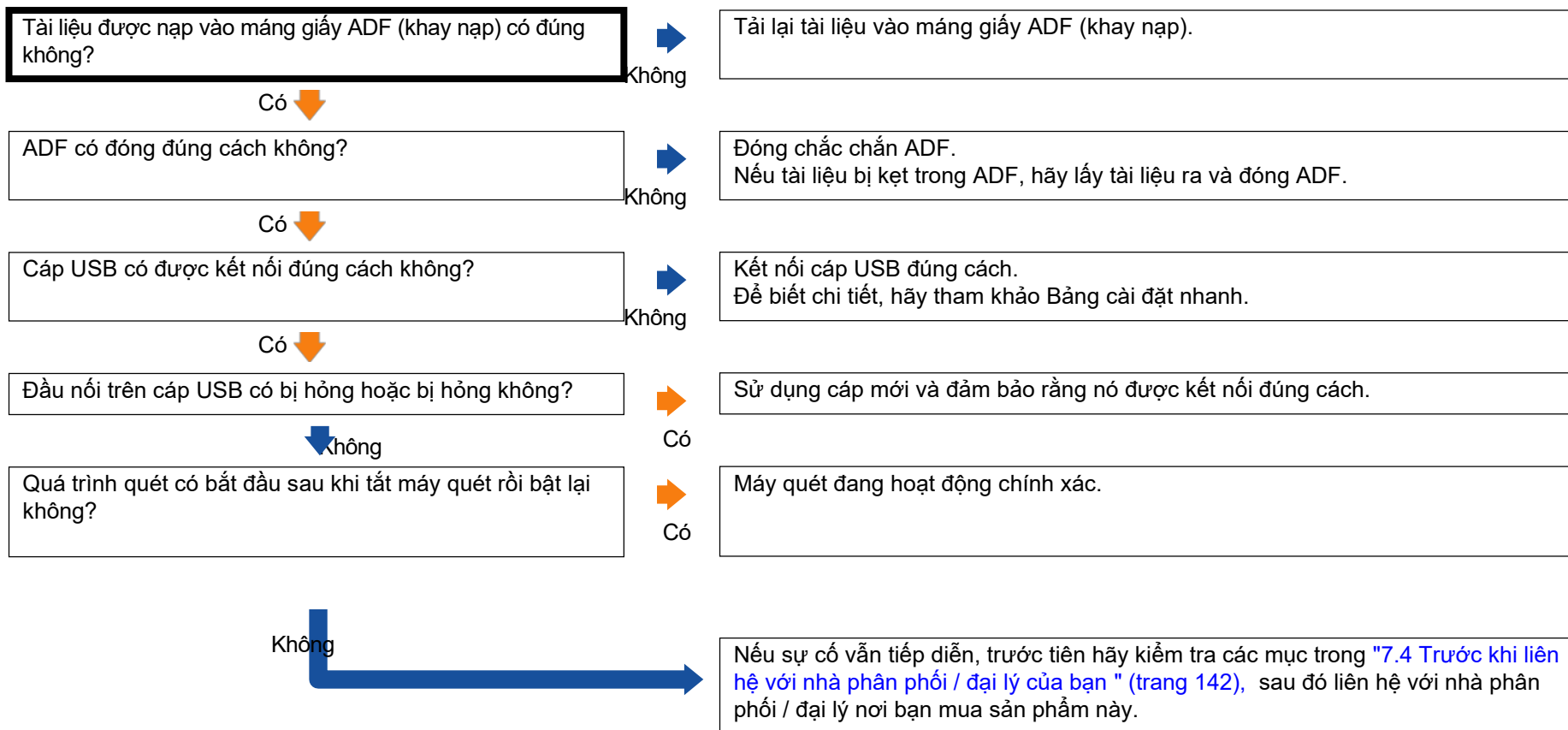
Troubleshooting

Operational

Appendix

Glossary

Máy quét không bắt đầu.



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

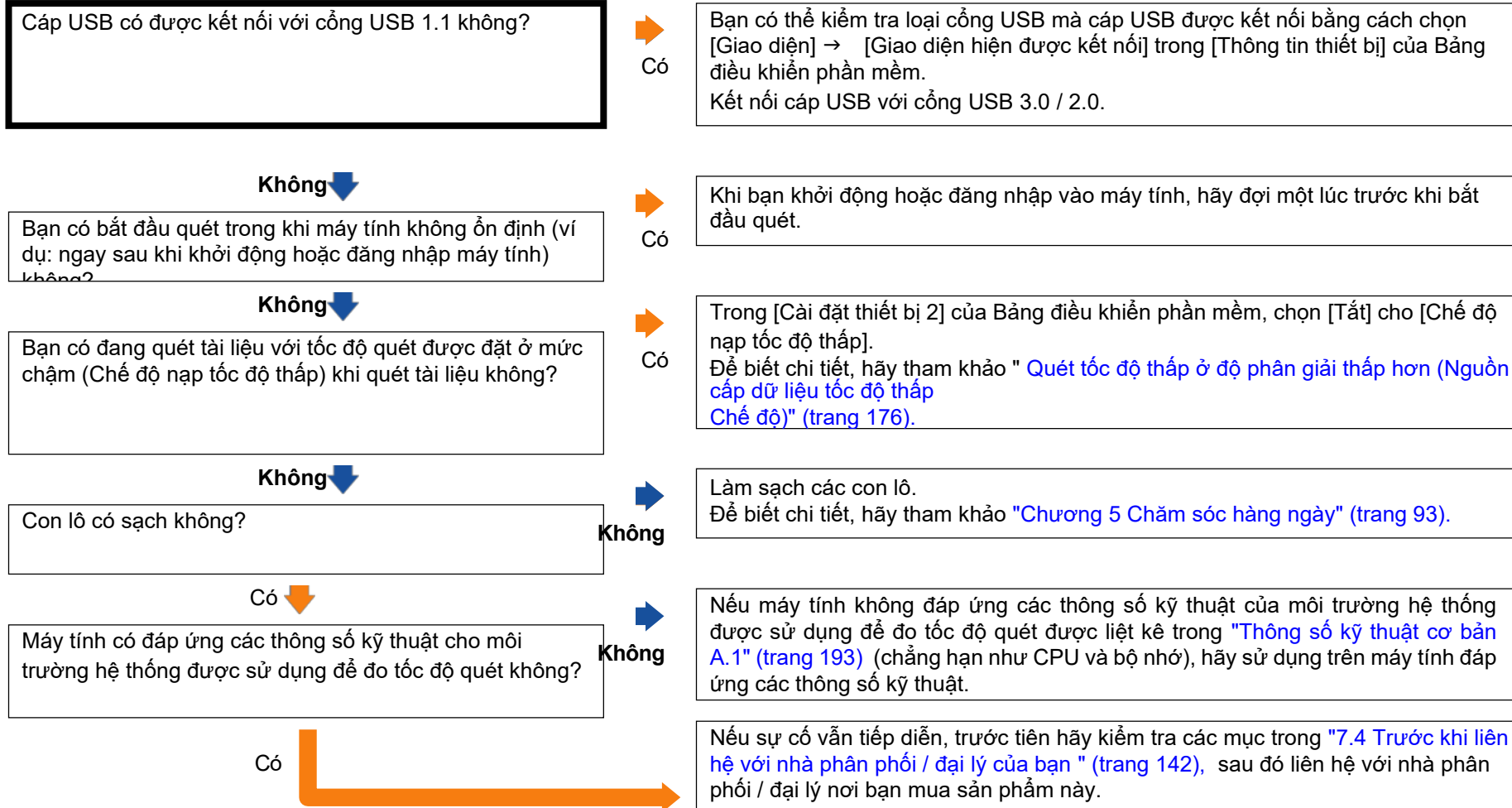
Troubleshooting

Operational

Appendix

Glossary

Quá trình quét mất nhiều thời gian.



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Chất lượng hình ảnh kém.

Bạn có định cấu hình cài đặt trong trình điều khiển máy quét để quét ở chế độ đen trắng không?

→
Có

Sử dụng trình điều khiển máy quét để định cấu hình cài đặt quét không "nhị phân hóa" (xuất ra đen trắng), sau đó thực hiện quét. (*1)

↓
Không

Kính bên trong ADF có sạch không?

→
Không

Làm sạch bên trong ADF.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Chương 5 Chăm sóc hàng ngày](#)" (trang 93).

↓
Có

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, trước tiên hãy kiểm tra các mục trong "[7.4 Trước khi liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn](#)" (trang 142), sau đó liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.

*1: Hình ảnh được quét có thể khác biệt đáng kể so với hình ảnh gốc nếu bạn chỉ cần "nhị phân hóa" (xuất ra đen trắng) một bức ảnh hoặc một bức ảnh.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

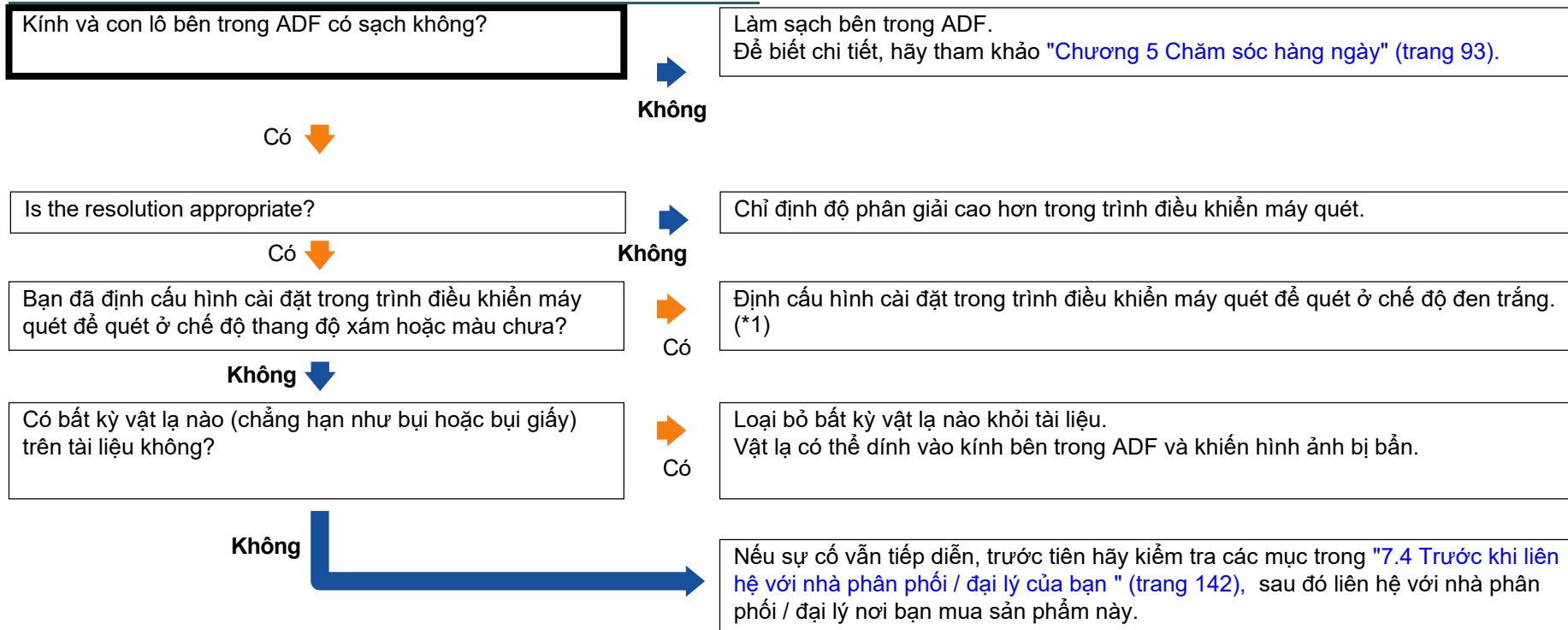
Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Chất lượng của văn bản hoặc dòng được quét không đạt yêu cầu.



*1: Khi bạn quét ở chế độ xám hoặc ở chế độ màu, hình ảnh được quét có thể **không** trở nên sắc nét và rõ ràng.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

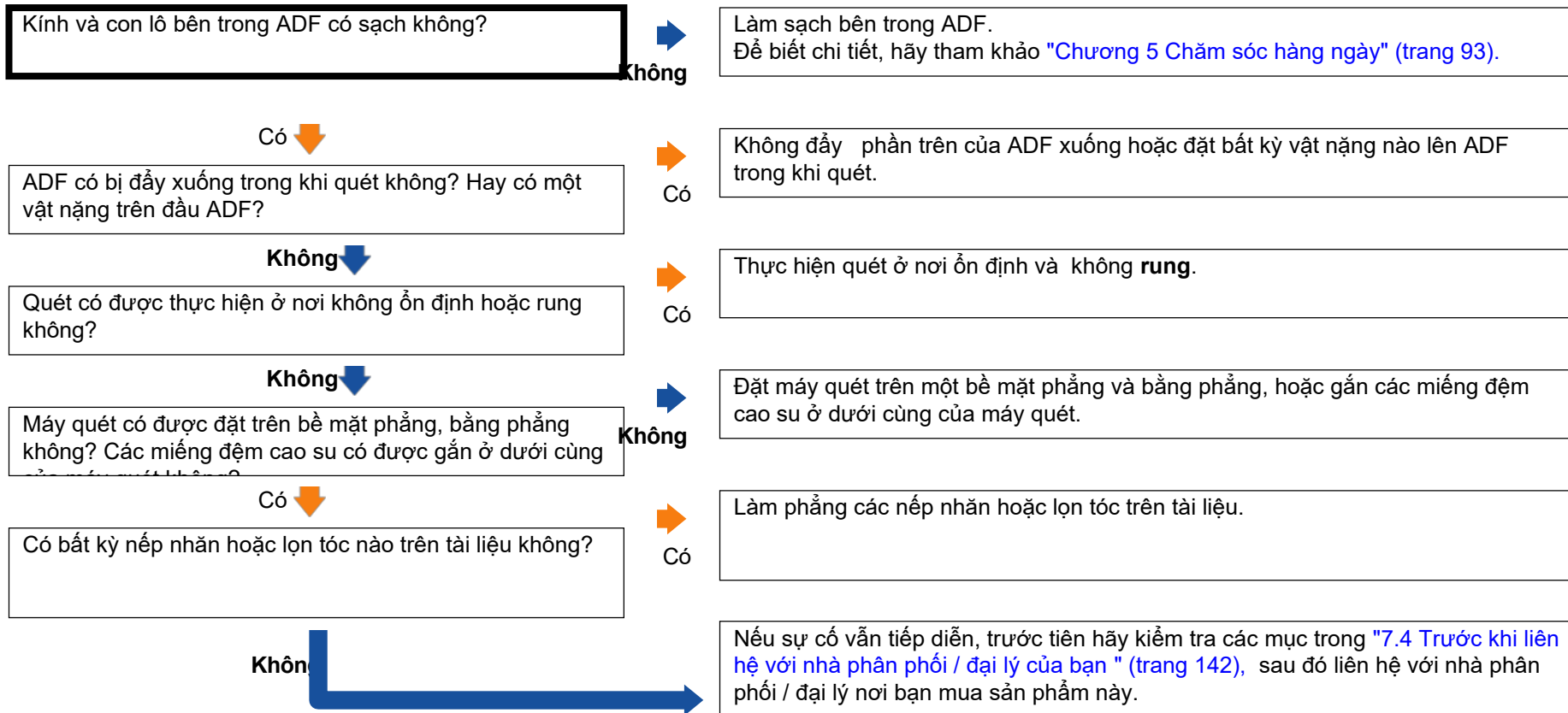
Thay thế
Consumables

Troubleshooting

Appendix

Glossary

Hình ảnh bị méo hoặc không rõ ràng.



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

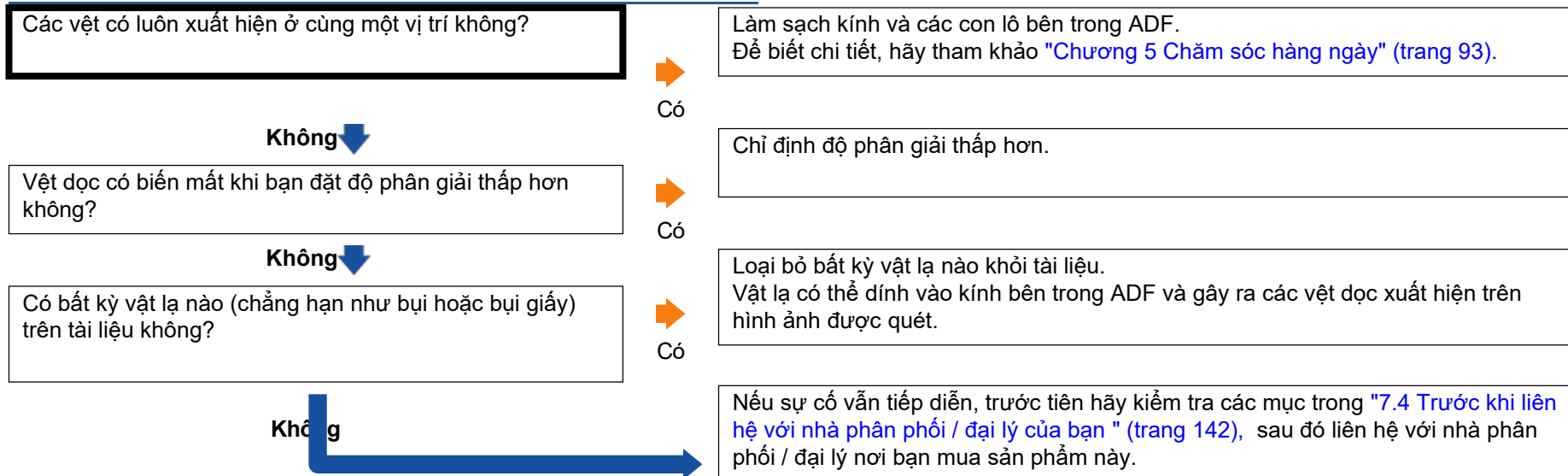
Troubleshooting

Operational

Appendix

Glossary

Các vết dọc xuất hiện trên hình ảnh được quét.



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

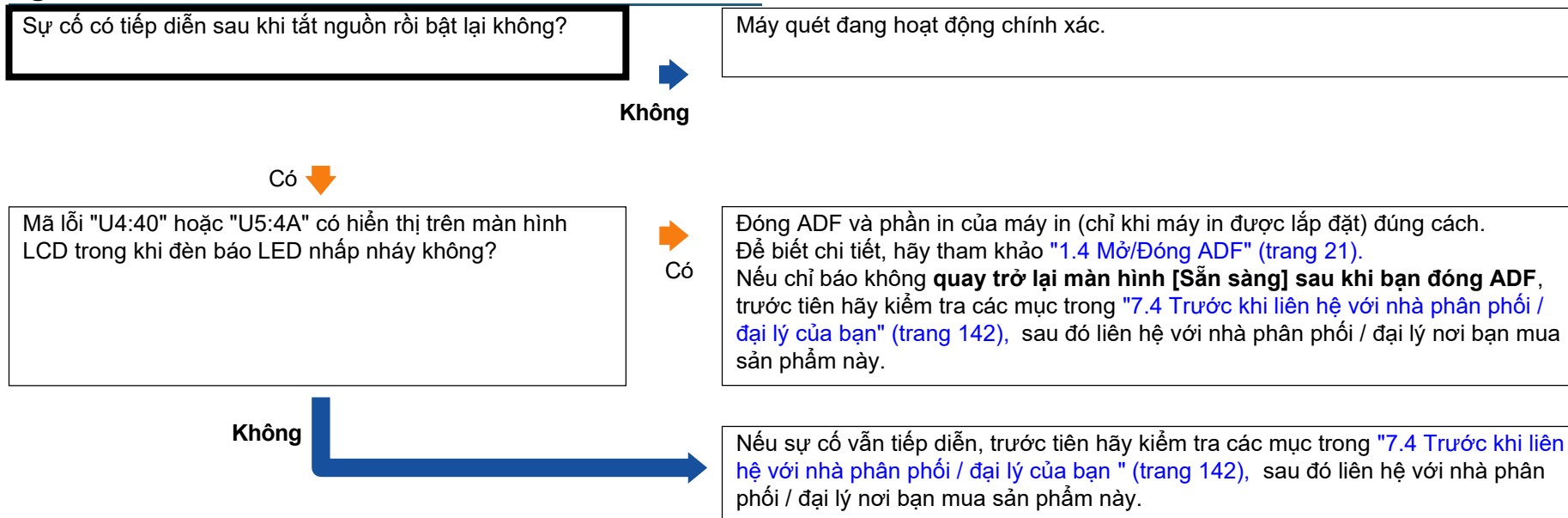
Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Lỗi (Mã lỗi "U4:40" hoặc "U5:4A") đã được hiển thị trên màn hình LCD sau khi bật nguồn.



Lỗi nhiều nguồn cấp dữ liệu xảy ra thường xuyên.

Các tài liệu có đáp ứng các yêu cầu được mô tả trong "Biện pháp phòng ngừa" trong **"Điều kiện"** (trang 41)



Không

Sử dụng các tài liệu đáp ứng yêu cầu.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"2.2 Tài liệu để quét"** (trang 41).

Có

Nếu tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu được bật, lô tài liệu có đáp ứng các điều kiện để phát hiện chính xác không?



Không

Đáp ứng các điều kiện để phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu chính xác.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Điều kiện phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu"** (trang 45).

Đồng thời chỉ định khu vực phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu nếu cần (**"Chỉ định khu vực để phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu [Đặc điểm kỹ thuật khu vực kiểm tra tài liệu để Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu]"** (trang 49)).

Có

Bạn đã quét thẻ nhựa hoặc bất kỳ tài liệu dày nào khác chưa?



Có

Để quét một tài liệu như vậy, hãy sử dụng chức năng hiển thị cửa sổ nhiều nguồn cấp dữ liệu của trình điều khiển máy quét, sử dụng chức năng Nạp đúp giấy thông minh hoặc tắt tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu. Bạn cũng có thể sử dụng chức năng Thẻ nhựa (Đang thử nghiệm) để quét tài liệu nhựa.

Không

Bạn đã quét các tài liệu trước khi tải chúng chưa?



Không

Quạt tài liệu trước khi nạp chúng.

Có

Tài liệu vừa được in ra từ máy photocopy hoặc máy in laser?



Có

Quạt tài liệu một vài lần để loại bỏ tĩnh điện.

Không

Vật tư tiêu hao (*1) có được lắp đặt đúng cách không?



Kh
ôn
g

Có

Vật tư tiêu hao (*1) có sạch không?



Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Có

Appendix

Glossary

Cài đặt vật tư tiêu hao (* 1) một cách chính xác.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Chương 6 Thay thế vật tư tiêu hao](#)" (trang 103).

Operational Settings

Làm sạch vật tư tiêu hao (*1).

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Chương 5 Chăm sóc hàng ngày](#)" (trang 93).

Có (tiếp tục) 

Vật tư tiêu hao (*1) có bị mòn không?


Có

Kiểm tra các bộ đếm tiêu hao và thay thế chúng nếu cần.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Chương 6 Thay thế vật tư tiêu hao](#)" (trang 103).

Không 

Máy quét được sử dụng ở độ cao 2.000 m hoặc cao hơn?


Có

Chọn [Bật] cho [Chế độ độ cao cao] (*2) trong [Cài đặt thiết bị 2] trên bảng điều khiển phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Quét ở độ cao cao \[Chế độ độ cao cao\]](#)" (trang 179).

Không
g

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, trước tiên hãy kiểm tra các mục trong "[7.4 Trước khi liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn](#)" (trang 142), sau đó liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.

*1: "Vật tư tiêu hao" đề cập đến Lô hãm giấy và Lô nhặt giấy.

*2: Nếu máy quét được sử dụng ở độ cao thấp hơn 2.000 m với [Bật] được chọn cho [Chế độ độ cao cao], không **thể** phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu.

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Appendix

Glossary

Tình huống tài liệu không được đưa vào ADF xảy ra thường xuyên.

Các tài liệu có đáp ứng các yêu cầu được mô tả trong "Biện pháp phòng ngừa" trong **"Điều kiện"** (trang 41)



Không

Sử dụng các tài liệu đáp ứng yêu cầu.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"2.2 Tài liệu để quét"** (trang 41).

Có

Bạn có quạt tài liệu trước khi nạp chúng vào máng giấy ADF (khay nạp) không?



Kh
ôn
g

Quạt tài liệu trước khi nạp chúng. Hoặc giảm số lượng tài liệu.

Có

Vật tư tiêu hao (*1) có được lắp đặt đúng cách không?



Kh
ôn
g

Cài đặt vật tư tiêu hao (* 1) một cách chính xác.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Chương 6 Thay thế vật tư tiêu hao"** (trang 103).

Có

Vật tư tiêu hao (*1) có sạch không?



Kh
ôn
g

Kiểm tra các bộ đếm tiêu hao và thay thế chúng nếu cần.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Chương 6 Thay thế vật tư tiêu hao"** (trang 103).

Có

Vật tư tiêu hao (*1) có bị mòn không?



Có

Không



Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Appendix

Glossary

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, trước tiên hãy kiểm tra các mục trong ["7.4 Trước khi liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn "](#) (trang 142), sau đó liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.

*1: "Vật tư tiêu hao" đề cập đến Lô hãm giấy và Lô nhật giấy.

Bảo vệ giấy thường xuyên bị tắt.

Các tài liệu có đáp ứng các yêu cầu được mô tả trong "Biện pháp phòng ngừa" trong **"Điều kiện"** (trang 41)



Không

Sử dụng các tài liệu đáp ứng yêu cầu.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"2.2 Tài liệu để quét"** (trang 41).

Có

Có bất kỳ vật lạ nào bên trong ADF không?



Có

Làm sạch ADF. Nếu có bất kỳ vật lạ nào trong ADF, hãy lấy nó ra.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Chương 5 Chăm sóc hàng ngày"** (trang 88).

Không

Vật tư tiêu hao (*1) có được lắp đặt đúng cách không?



Không

Cài đặt vật tư tiêu hao (*1) một cách chính xác.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Chương 6 Thay thế vật tư tiêu hao"** (trang 103).

Có

Vật tư tiêu hao (*1) có sạch không?



Không

Làm sạch vật tư tiêu hao (*1).
Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Chương 5 Chăm sóc hàng ngày"** (trang 93).

Có

Vật tư tiêu hao (*1) có bị mòn không?



Có

Kiểm tra các bộ đếm tiêu hao và thay thế chúng nếu cần.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Chương 6 Thay thế vật tư tiêu hao"** (trang 103).

Không

Chế độ độ cao có được bật trong Bảng điều khiển phần mềm không?



Có

Tắt chế độ độ cao trong Bảng điều khiển phần mềm khi sử dụng máy quét ở những nơi thấp hơn 2,000 m.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Quét ở độ cao cao [Chế độ độ cao cao]"** (trang 179).

Không

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational

Appendix

Glossary

Không(tiếp
tục)



Mức độ nhạy của bảo vệ giấy có được đặt ở mức cao trong bảng điều khiển hoặc Bảng điều khiển phần mềm không?

→
Có

- Đặt mức độ nhạy cho bảo vệ giấy ở mức thấp theo một trong các cách sau:
1. Chọn [16: Bảo vệ giấy] trong màn hình [Menu cài đặt] trên bảng điều khiển và chọn [1: Thấp] để có độ nhạy để phát hiện tài liệu bị cong vênh hoặc nhiều kẹt giấy.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Menu cài đặt 3.2](#)" (trang 55).
 2. Chọn [Độ nhạy bảo vệ giấy] trên Bảng điều khiển phần mềm và chọn [Thấp] cho mức độ nhạy để phát hiện tài liệu bị cong vênh hoặc nhiều kẹt giấy.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Chỉ định mức độ nhạy để bảo vệ giấy \[Độ nhạy bảo vệ giấy\]](#)" (trang 175).

Không



Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, trước tiên hãy kiểm tra các mục trong "[7.4 Trước khi liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn](#)" (trang 142), sau đó liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.

*1: "Vật tư tiêu hao" đề cập đến Lô hãm giấy và Lô nhặt giấy.

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Lỗi kẹt giấy/chọn giấy thường xuyên xảy ra.

Các tài liệu có đáp ứng các yêu cầu được mô tả trong "Biện pháp phòng ngừa" trong **"Điều kiện"** (trang 41)

Có ↓

Công tắc chế độ cấp dữ liệu có được đặt ở chế độ Thủ công/Đơn không?

Không ↓

Có bất kỳ vật lạ nào bên trong ADF không?

Không ↓

Vật tư tiêu hao (*1) có được lắp đặt đúng cách không?

Có ↓

Vật tư tiêu hao (*1) có sạch không?

Có ↓

Vật tư tiêu hao (*1) có bị mòn không?

Không



Kh
ôn
g



Có



Có



Kh
ôn
g



Kh
ôn
g



Có

Sử dụng các tài liệu đáp ứng yêu cầu.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"2.2 Tài liệu để quét"** (trang 41).

Nhả công tắc chế độ nạp từ chế độ Thủ công/Đơn và quét tài liệu. Khi quét tài liệu ở chế độ Thủ công/Đơn, hãy nạp từng tài liệu một. Khi chọn chế độ Thủ công/Đơn, cài đặt phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu sẽ bị tắt.

Làm sạch ADF. Nếu có bất kỳ vật lạ nào trong ADF, hãy lấy nó ra.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Chương 5 Chăm sóc hàng ngày"** (trang 88).

Cài đặt vật tư tiêu hao (*1) một cách chính xác.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Chương 6 Thay thế vật tư tiêu hao"** (trang 103).

Làm sạch vật tư tiêu hao (*1).

Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Chương 5 Chăm sóc hàng ngày"** (trang 93).

Kiểm tra các bộ đếm tiêu hao và thay thế chúng nếu cần.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo **"Chương 6 Thay thế vật tư tiêu hao"** (trang 103).

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, trước tiên hãy kiểm tra các mục trong **"7.4 Trước khi liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn"** (trang 142), sau đó liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Operational
Settings

*1: "Vật tư tiêu hao" đề cập đến Lô hãm giấy và Lô nhặt giấy.

Appendix

Glossary

Hình ảnh được quét trở nên dài.



*1: "Vật tư tiêu hao" đề cập đến Lô hãm giấy và Lô nhặt giấy.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

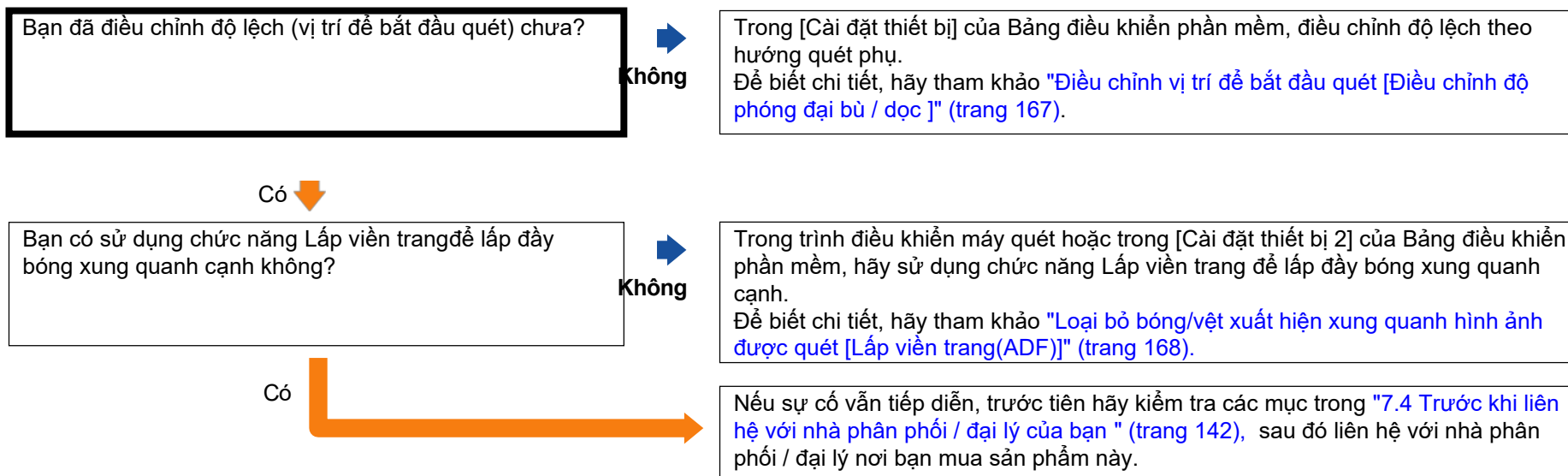
Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Một bóng xuất hiện ở trên cùng hoặc dưới cùng của hình ảnh được quét.



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

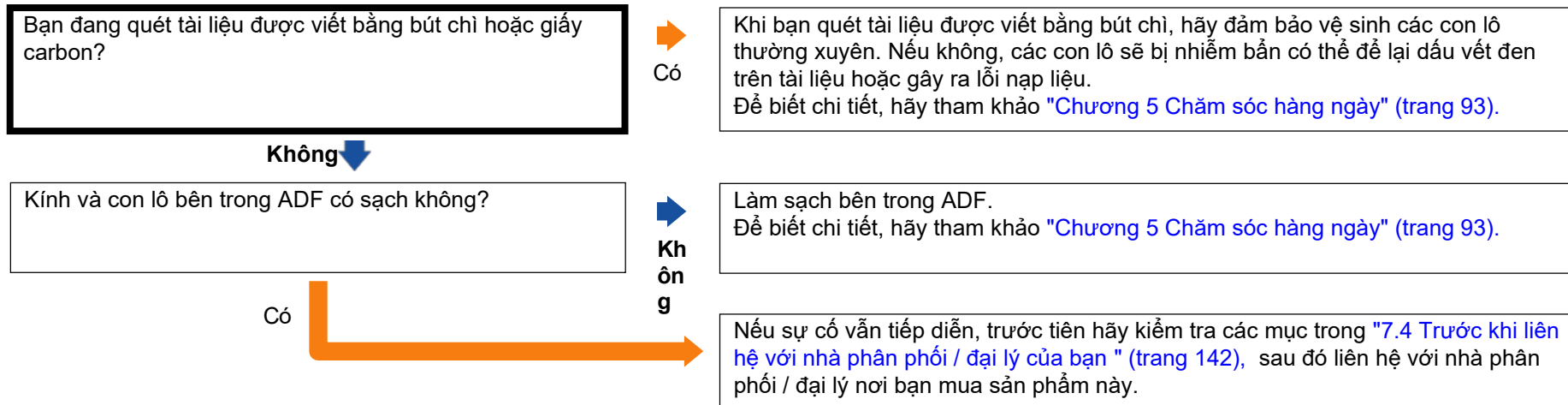
Troubleshooting

Operational

Appendix

Glossary

Có dấu vết đen trên tài liệu.



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

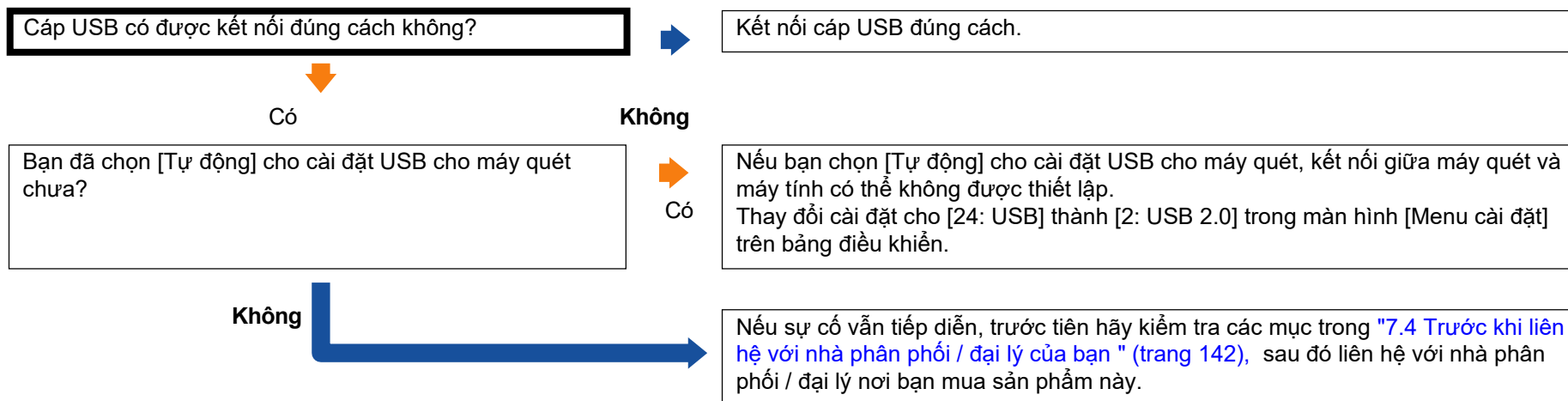
Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Không thể kết nối máy quét và máy tính qua cáp USB.



Contents

Index

Introduction

Scanner

Overview

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational

Appendix

Glossary

7.4 Trước khi liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn

Vui lòng kiểm tra các Mục sau trước khi liên hệ với nhà phân phối/đại lý của bạn.

Tổng quan

Mục	Kết quả
Tên mẫu máy quét	Ví dụ: fi-7480 Để biết chi tiết, hãy tham khảo " 7.5 Kiểm tra nhãn sản phẩm " (trang 144).
Số seri	Ví dụ: XXXX000001 Để biết chi tiết, hãy tham khảo " 7.5 Kiểm tra nhãn sản phẩm " (trang 144).
Ngày sản xuất	Ví dụ: 2016-03 (tháng 3 năm 2016) Để biết chi tiết, hãy tham khảo " 7.5 Kiểm tra nhãn sản phẩm " (trang 144).
Ngày mua	
Triệu chứng lỗi	
Tần suất của sự cố	
Bảo đảm	
Các tùy chọn được sử dụng	Ví dụ: fi-748PRB Để biết chi tiết, hãy tham khảo " Tùy chọn máy quét A.4 " (trang 198).

Trạng thái lỗi

▪ Sự cố kết nối máy tính

Mục	Kết quả
Hệ điều hành (Windows)	
Thông báo lỗi	
Giao diện	Ví dụ: Giao diện USB
Bộ điều khiển giao diện	

▪ Vấn đề nạp giấy

Mục	Kết quả
Loại giấy	
Mục đích sử dụng chính	
Ngày vệ sinh cuối cùng	
Ngày thay thế vật tư tiêu hao	
Trạng thái bảng điều khiển	

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

■ Các vấn đề về chất lượng hình ảnh

Mục	Kết quả
Trình điều khiển và phiên bản máy quét	
Bộ điều khiển giao diện	
Hệ điều hành (Windows)	
Ứng dụng	Ví dụ: PaperStream ClickScan
Các mặt quét	Ví dụ: Mặt trước, Mặt sau, cả hai
Độ phân giải	Ví dụ: 600 dpi, 75 dpi
Chế độ hình ảnh	Ví dụ: màu, thang độ xám, đen trắng

■ Khác

Mục	Kết quả
Bạn có thể gửi hình ảnh đầu ra và ảnh hiển thị tình trạng giấy qua e-mail hoặc fax không?	

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

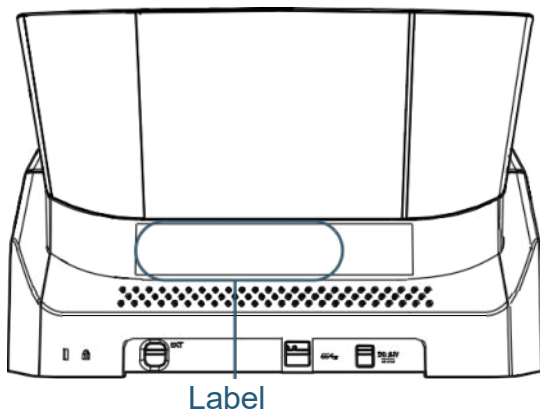
Glossary

7.5 Kiểm tra nhãn sản phẩm

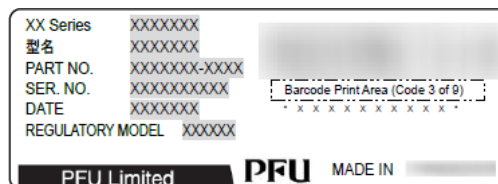
Phần này giải thích về nhãn sản phẩm trên máy quét.

Vị trí

Nhãn nằm trên Mặt sau của máy quét.



Nhãn (ví dụ): Hiển thị thông tin máy quét.


[TOP](#)
[Contents](#)
[Index](#)
[Introduction](#)
[Scanner Overview](#)
[How to Load Documents](#)
[How to Use the Operator Panel](#)
[Various Ways to Scan](#)
[Daily Care](#)
[Replacing the Consumables](#)
[Troubleshooting](#)
[Operational](#)
[Appendix](#)
[Glossary](#)

Chương 8 Cài đặt vận hành

Chương này giải thích cách sử dụng Bảng điều khiển phần mềm để định cấu hình cài đặt máy quét.

1. Khởi động bảng điều khiển phần mềm	146
2. Cài đặt mật khẩu cho bảng điều khiển phần mềm	148
3. Mục hình ảnh	154
4. Cài đặt liên quan đến bộ đếm từ	162
5. Cài đặt liên quan đến Quét	167
6. Cài đặt liên quan đến Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu	179
7. Cài đặt liên quan đến thời gian chờ	185
8. Cài đặt liên quan đến BẬT / TẮT nguồn	188
9. Cài đặt liên quan đến Bảo trì máy quét	189

8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm

Bảng điều khiển phần mềm được cài đặt cùng với trình điều khiển IP PaperStream.

Ứng dụng này cho phép bạn định cấu hình các cài đặt khác nhau như hoạt động của máy quét và quản lý vật tư tiêu hao.

CHÚ Ý

- Không khởi động Bảng điều khiển phần mềm trong khi quét.
- Nếu bạn thay đổi cài đặt Bảng điều khiển phần mềm trong khi cửa sổ thiết lập cho trình điều khiển máy quét được hiển thị, các thay đổi có thể không được áp dụng cho hình ảnh được quét.
- Không sử dụng bảng điều khiển khi Bảng điều khiển phần mềm đang chạy.
- Nếu bạn kết nối nhiều máy quét, máy quét thứ hai cũng như các máy quét tiếp theo sẽ không được nhận dạng. Chỉ kết nối một máy quét tại một thời điểm.

- 1 Xác nhận rằng máy quét đã được kết nối với máy tính, sau đó bật máy quét.

Để biết chi tiết về cách kết nối máy quét với máy tính, hãy tham khảo Bảng cài đặt nhanh.

Để biết chi tiết về cách bật máy quét, hãy tham khảo "[1.3 BẬT / TẮT nguồn](#)" (trang 19).

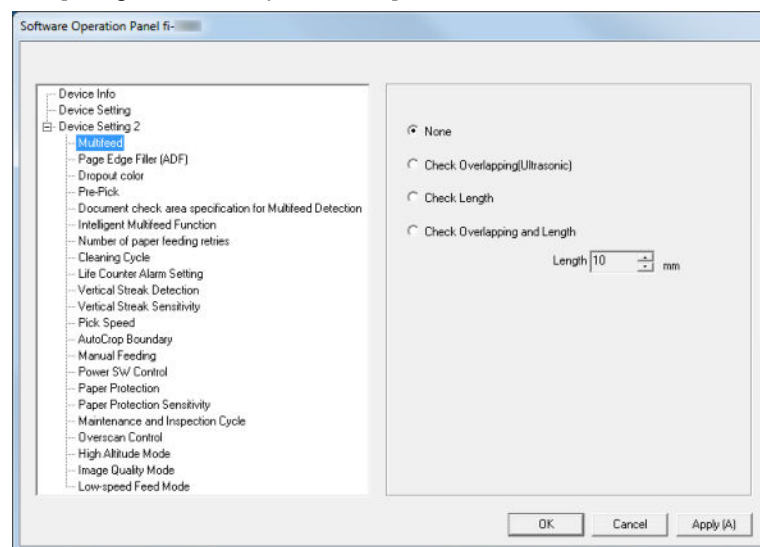
- 2 Hiển thị cửa sổ [Bảng điều khiển phần mềm].

- Windows 10 / Windows Server 2016 / Windows Server 2019 / Windows Server 2022

Nhấp vào menu [Bắt đầu] → [fi Series] → [Bảng điều khiển phần mềm].

- Cửa sổ 11

Nhấp vào menu [Bắt đầu] → [Tất cả ứng dụng] → [fi Series] → [Bảng điều khiển phần mềm].



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

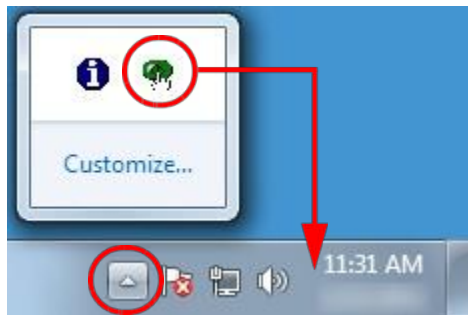
Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Appendix

Glossary

- Biểu tượng Bảng điều khiển phần mềm được hiển thị trong menu xuất hiện khi bạn nhấp vào  khu vực thông báo.
- Để biểu tượng Bảng điều khiển phần mềm luôn hiển thị trong khu vực thông báo, hãy kéo biểu tượng và thả nó vào khu vực thông báo. Khu vực thông báo nằm ở ngoài cùng bên phải của thanh tác vụ.



Các quy trình từ đây sẽ được giải thích với giả định rằng biểu tượng Bảng điều khiển phần mềm luôn hiển thị trong khu vực thông báo.

[Contents](#)[Index](#)[Introduction](#)[Scanner
Overview](#)[How to Load
Documents](#)[How to Use the
Operator Panel](#)[Various Ways to
Scan](#)[Daily Care](#)[Replacing the
Consumables](#)[Troubleshooting](#)[Appendix](#)[Glossary](#)

8.2 Cài đặt mật khẩu cho bảng điều khiển phần mềm

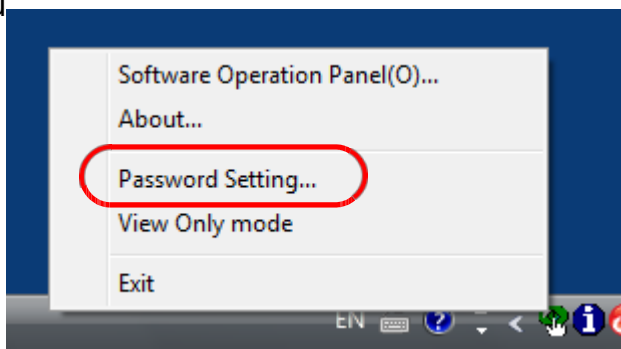
Bằng cách đặt mật khẩu, Bảng điều khiển phần mềm có thể chạy ở [Chế độ chỉ xem] cho phép người dùng chỉ ở chế độ người xem cài đặt máy quét.

Cài đặt máy quét có thể được định cấu hình nếu không đặt mật khẩu. Để ngăn chặn những thay đổi không cần thiết đối với cài đặt, mật khẩu có thể được sử dụng để hạn chế hoạt động của người dùng.

Đặt mật khẩu

Đặt mật khẩu theo quy trình sau:

- 1 Nhấp chuột phải vào biểu tượng Bảng điều khiển phần mềm trong khu vực thông báo và chọn [Cài đặt mật khẩu] từ menu

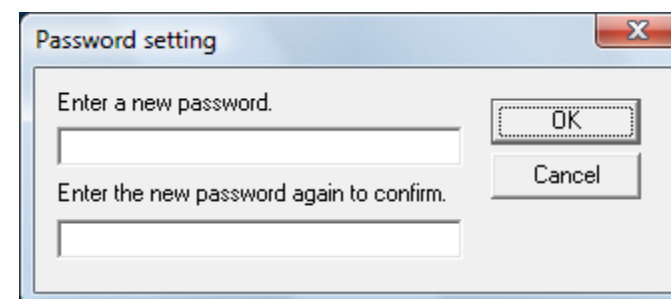


⇒ Cửa sổ [Cài đặt mật khẩu] xuất hiện.

- 2 Nhập mật khẩu mới rồi nhập lại để xác nhận và nhấp vào nút [OK].

Có thể sử dụng tối đa 32 ký tự cho mật khẩu.

Lưu ý rằng chỉ cho phép các ký tự chữ và số (a đến z, A đến Z, 0 đến 9).



➤ Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện.

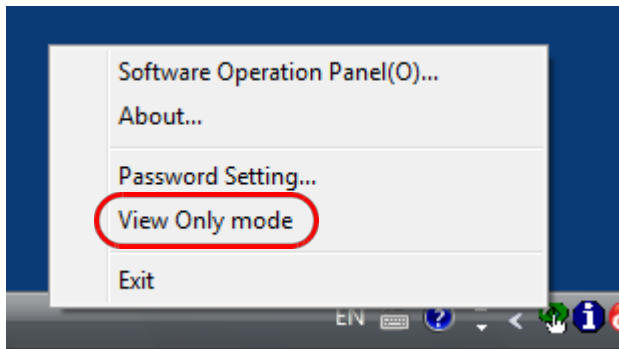
- 3 Nhấp vào nút [OK].
➤ Mật khẩu đã được đặt.

[Contents](#)
[Index](#)
[Introduction](#)
[Scanner
Overview](#)
[How to Load
Documents](#)
[How to Use the
Operator Panel](#)
[Various Ways to
Scan](#)
[Daily Care](#)
[Replacing the
Consumables](#)
[Troubleshooting](#)
[Operational
Settings](#)
[Appendix](#)
[Glossary](#)

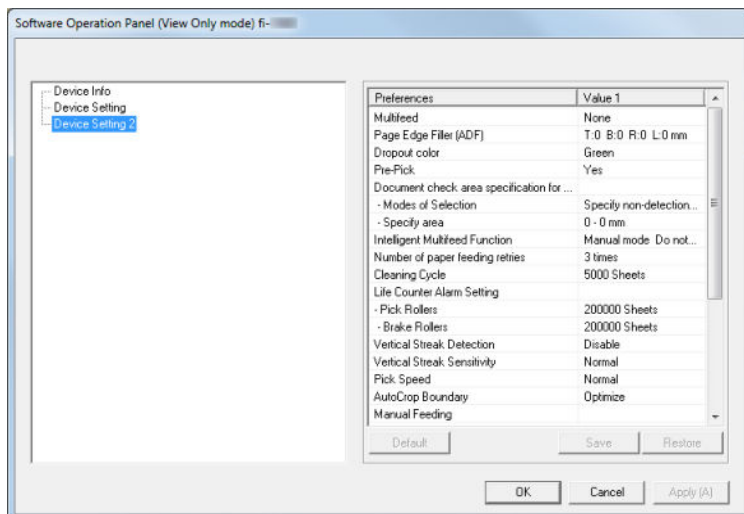
Cài đặt [Chế độ chỉ xem]

Đặt Bảng điều khiển phần mềm thành [View Chỉ chế độ] trong quy trình sau:

- 1 Đặt mật khẩu.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "Đặt mật khẩu" (trang 148).
- 2 Nhấp chuột phải vào biểu tượng Bảng điều khiển phần mềm trong khu vực thông báo và chọn [Chế độ chỉ xem] từ menu.

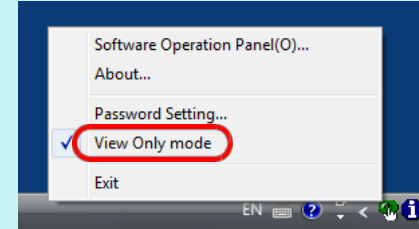


➤ Bảng điều khiển phần mềm chuyển sang [Chế độ chỉ xem].



BẬT MÍ

In [View Only mode], a check mark appears next to [View Only mode] in the menu that is displayed by right-clicking the Software Operation Panel icon in the **Notification** area.



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

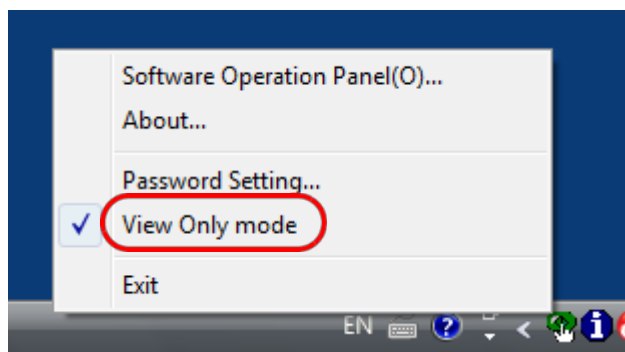
Appendix

Glossary

Thoát khỏi [Chế độ chỉ xem]

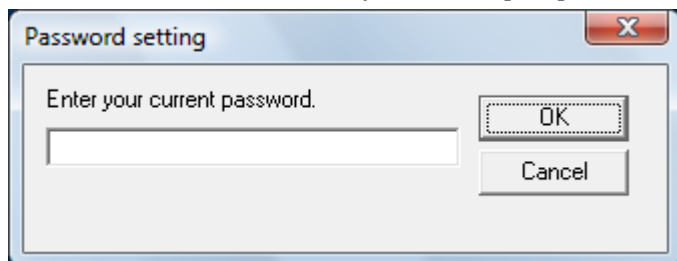
Thoát [Chế độ chỉ xem] theo quy trình sau:

- 1 Nhấp chuột phải vào biểu tượng Bảng điều khiển phần mềm trong khu vực thông báo và chọn [Chế độ chỉ xem] từ menu.

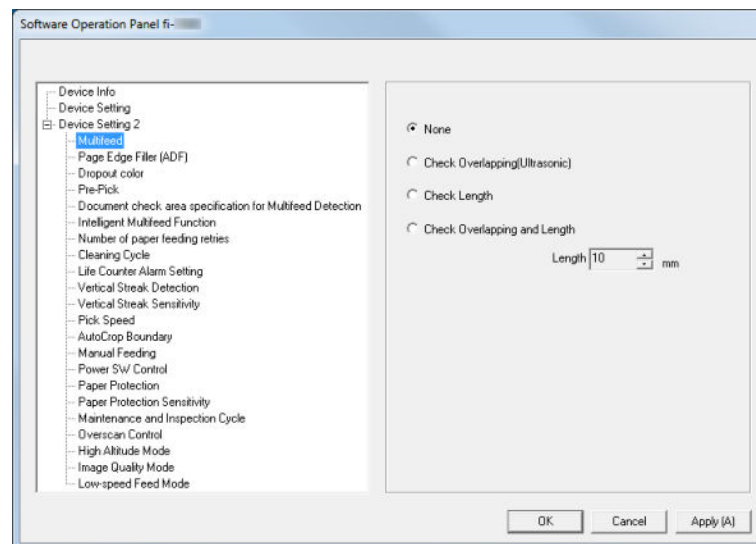


➤ Cửa sổ [Cài đặt mật khẩu] xuất hiện.

- 2 Nhập mật khẩu hiện tại và nhấp vào nút [OK].

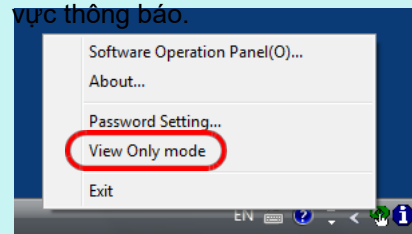


⇒ Bạn đã thoát khỏi [Chế độ Chỉ xem] và cài đặt máy quét **Bây giờ** có thể được thay đổi.



BẬT MÍ

Khi bạn thoát khỏi [Chế độ chỉ xem], dấu kiểm bên cạnh [Chế độ chỉ xem] sẽ biến mất khỏi menu được hiển thị bằng cách nhấp chuột phải vào biểu tượng Bảng điều khiển phần mềm trong khu vực thông báo.



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

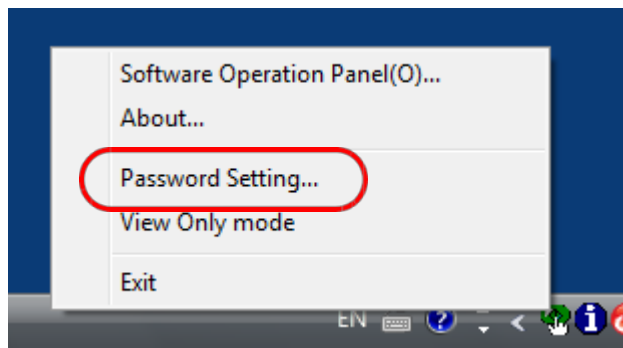
Appendix

Glossary

Thay đổi mật khẩu

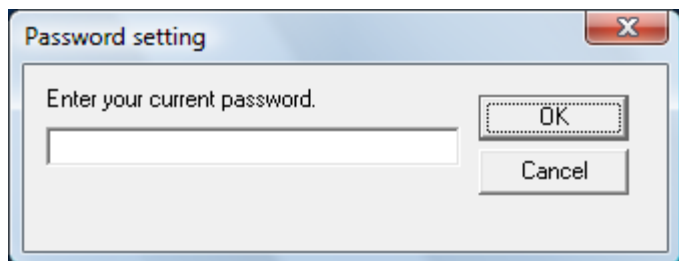
Thay đổi mật khẩu theo quy trình sau:

1. Nhấp chuột phải vào biểu tượng Bảng điều khiển phần mềm trong khu vực thông báo và chọn [Cài đặt mật khẩu] từ menu.



➤ Cửa sổ [Cài đặt mật khẩu] xuất hiện.

2. Nhập mật khẩu hiện tại và nhấp vào nút [OK].

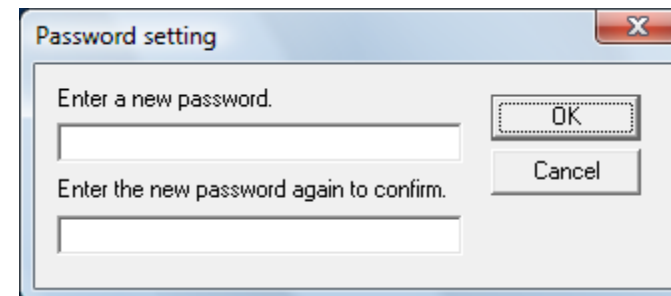


➤ Cửa sổ [Cài đặt mật khẩu] xuất hiện.

3. Nhập mật khẩu mới rồi nhập lại để xác nhận và nhấp vào nút [OK].

Có thể sử dụng tối đa 32 ký tự cho mật khẩu.

Lưu ý rằng chỉ cho phép các ký tự chữ và số (a đến z, A đến Z, 0 đến 9).



➤ Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện.

4. Nhấp vào nút [OK].

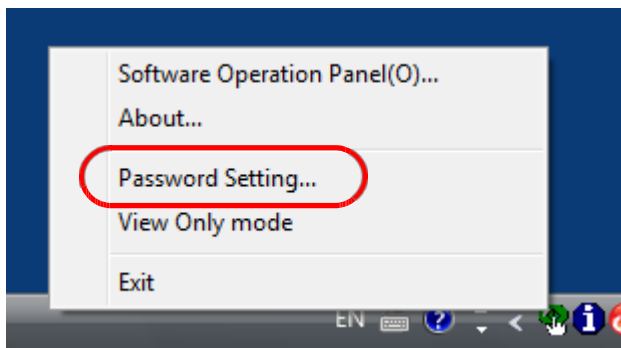
➤ Mật khẩu đã được đặt.

[Contents](#)
[Index](#)
[Introduction](#)
[Scanner Overview](#)
[How to Load Documents](#)
[How to Use the Operator Panel](#)
[Various Ways to Scan](#)
[Daily Care](#)
[Replacing the Consumables](#)
[Troubleshooting](#)
[Operational Settings](#)
[Appendix](#)
[Glossary](#)

Xóa mật khẩu

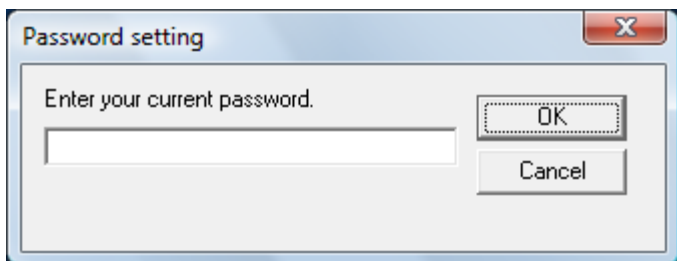
Xóa mật khẩu theo quy trình sau:

1. Nhấp chuột phải vào biểu tượng Bảng điều khiển phần mềm trong khu vực thông báo và chọn [Cài đặt mật khẩu] từ menu.



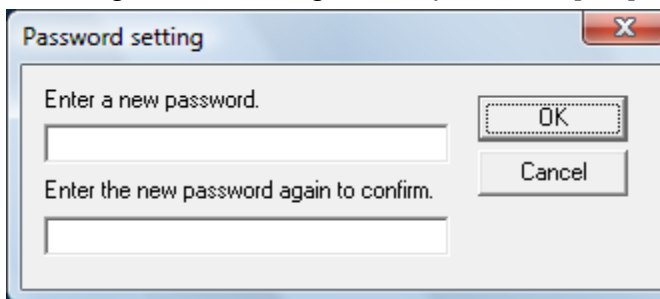
➤ Cửa sổ [Cài đặt mật khẩu] xuất hiện.

2. Nhập mật khẩu hiện tại và nhấp vào nút [OK].



➤ Cửa sổ [Cài đặt mật khẩu] xuất hiện.

3. Để trống cả hai trường và nhấp vào nút [OK].



➤ Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện.

4. Nhấp vào nút [OK].

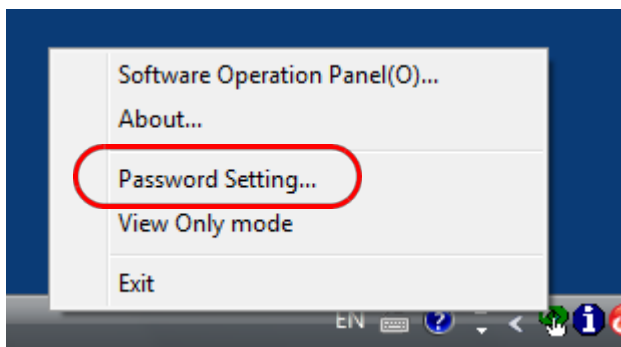
➤ Mật khẩu đã bị xóa.

[Contents](#)
[Index](#)
[Introduction](#)
[Scanner Overview](#)
[How to Load Documents](#)
[How to Use the Operator Panel](#)
[Various Ways to Scan](#)
[Daily Care](#)
[Replacing the Consumables](#)
[Troubleshooting](#)
[Operational Settings](#)
[Appendix](#)
[Glossary](#)

Thay đổi mật khẩu

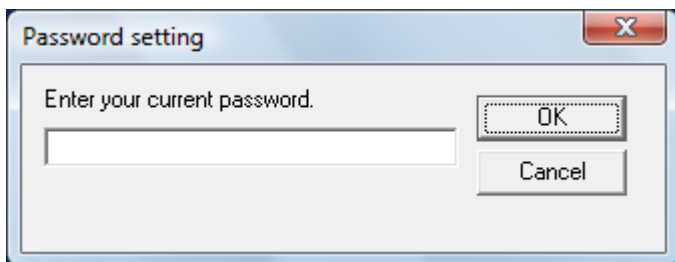
Trong trường hợp bạn quên mật khẩu, bạn có thể đặt lại mật khẩu theo quy trình sau:

- 1 Nhấp chuột phải vào biểu tượng Bảng điều khiển phần mềm trong khu vực thông báo và chọn [Cài đặt mật khẩu] từ menu.



➤ Cửa sổ [Cài đặt mật khẩu] xuất hiện.

- 2 Nhập mật khẩu mặc định là "fi-scanner" và nhấp vào nút [OK].

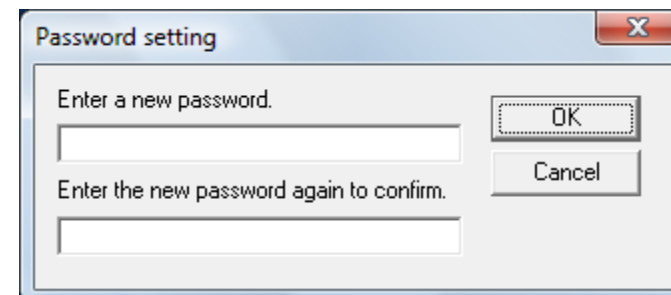


➤ Cửa sổ [Cài đặt mật khẩu] xuất hiện.

- 3 Nhập mật khẩu mới rồi nhập lại để xác nhận và nhấp vào nút [OK].

Có thể sử dụng tối đa 32 ký tự cho mật khẩu.

Lưu ý rằng chỉ cho phép các ký tự chữ và số (a đến z, A đến Z, 0 đến 9).



➤ Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện.

- 4 Nhấp vào nút [OK].
⇒ Mật khẩu đã được đặt.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

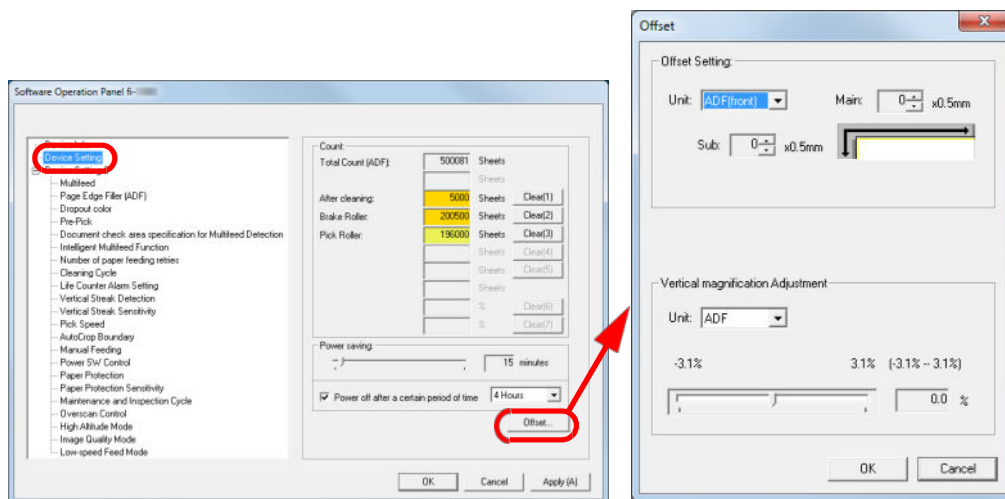
Glossary

8.3 Mục cấu hình

Bảng điều khiển phần mềm cho phép cấu hình các cài đặt sau cho máy quét được kết nối với máy tính.

Cài đặt thiết bị

- 1 Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).
- 2 Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị].



Các mục có thể được cấu hình trong cửa sổ trên được hiển thị trong trang tiếp theo.

Mục	Mô tả	Tham số/Giá trị	Mặt định ban đầu
Đếm(trang 162)	Kiểm tra bộ đếm để xác định thời điểm thay thế vật tư tiêu hao và thực hiện vệ sinh. Ngoài ra, hãy sử dụng nó để đặt lại bộ đếm khi bạn đã thay thế vật tư tiêu hao hoặc thực hiện vệ sinh. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	Tổng số lượng (ADF) / Sau khi làm sạch / Lô hãm giấy/ Lô nhật giấy	0
		Mức còn lại (khi máy in được lắp đặt)	(*1)
Tiết kiệm năng lượng (trang 187)	Chỉ định thời gian chờ máy quét vào chế độ tiết kiệm năng lượng. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	Phạm vi: 5 đến 115 phút (với giá số 5)	15 phút.
	Tắt nguồn sau một khoảng thời gian nhất định: Chọn để đặt máy quét tự động tắt nguồn nếu máy quét được bật trong một khoảng thời gian nhất định mà không được sử dụng. Chỉ định khoảng thời gian chờ để máy quét được tự động tắt. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	[Tắt nguồn sau một khoảng thời gian nhất định] hộp kiểm 1 giờ / 2 giờ / 4 giờ / 8 giờ (Khi hộp kiểm [Tắt nguồn sau một khoảng thời gian nhất định] được chọn)	Chọn 4 tiếng
Cài đặt bù đắp (trang 167)	Điều chỉnh vị trí để bắt đầu quét ở phía quét đã chọn.	Unit: ADF (Mặt trước)/ADF (mặt sau) Chính / phụ: -2 đến 2 mm (với giá số 0,5)	Chính / phụ: 0 mm
Điều chỉnh độ phóng đại dọc (trang 167)	Điều chỉnh mức độ phóng đại theo hướng nạp cho phương pháp quét đã chọn.	Đơn vị: ADF Phạm vi: -3.1 đến 3.1% (với giá số 0.1)	0%

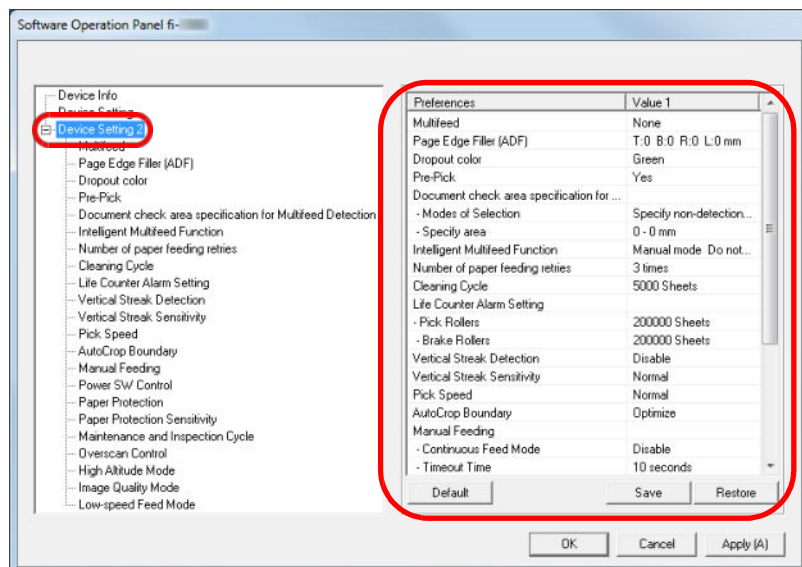
*1: Hiện thị khi máy in được cài đặt.

Cài đặt thiết bị 2

1 Khởi động Bảng điều hành phần mềm.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).

2 Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2].



Các cài đặt hiện được định cấu hình trong [Cài đặt thiết bị 2] được liệt kê ở bên phải cửa sổ.

Các mục có thể được cấu hình trong cửa sổ trên được hiển thị trong trang tiếp theo.

BẬT MÍ

1. Cài đặt Bảng điều khiển phần mềm có thể được khôi phục về mặc định ban đầu.
Để khôi phục cài đặt về mặc định ban đầu, hãy nhấp vào nút [Mặc định]. Sau khi thông báo được hiển thị, hãy nhấp vào nút [OK].
Lưu ý rằng các cài đặt bạn đã định cấu hình sẽ bị xóa.
2. Cài đặt Bảng điều khiển phần mềm có thể được sao lưu.
Để sao lưu cài đặt, nhấp vào nút [Lưu], sau đó chỉ định tên tệp và nhấp vào nút [Lưu] trong cửa sổ hiển thị.
3. Bạn có thể sử dụng tệp sao lưu của cài đặt Bảng điều khiển phần mềm để khôi phục cài đặt trên các máy quét khác chỉ khi Loại máy quét giống nhau.
Để khôi phục cài đặt, nhấp vào nút [Khôi phục], sau đó chỉ định tệp sao lưu và nhấp vào nút [Mở] trong cửa sổ hiển thị. Sau khi thông báo được hiển thị, hãy nhấp vào nút [OK]. Lưu ý rằng không thể thực hiện khôi phục cho các loại máy quét khác.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

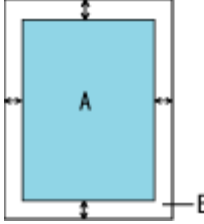
Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Mục	Mô tả	Tham số/Giá trị	Mặt định ban đầu
Nạp đúp giấy (trang 179)	Chỉ định phương pháp phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu. Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu bằng cách theo dõi sự chồng chéo, độ dài tài liệu hoặc sự kết hợp của cả hai. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét. Không ưu tiên đó được dành cho cài đặt trình điều khiển máy quét.	Không / Kiểm tra chồng chéo (Siêu âm) / Kiểm tra chiều dài / Kiểm tra chồng chéo và chiều dài Chiều dài (Khi [Kiểm tra chiều dài] được chỉ định: Chọn từ 10/15/20 mm)	Không Chiều dài: 10 mm
Lắp viền trang(ADF) (trang 168)	Chỉ định chiều rộng cho lề xung quanh hình ảnh được quét để lấp đầy lề bằng màu trắng hoặc đen. Khu vực được chỉ định được tô màu trắng hoặc đen, theo màu nền. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét. Trong trường hợp đó, Lắp viền trang của trình điều khiển máy quét được sử dụng trên hình ảnh đầu ra.	Trên cùng / Trái / Phải: 0 đến 15 mm Dưới: -7 đến 7 mm (với gia số 1)  (A: hình ảnh, B: vùng lấp đầy, A + B: đầu ra)	Trên / Dưới / Trái / Phải: 0 mm
Màu bị loại bỏ(trang 169)	Chọn một màu sẽ bị xóa khỏi hình ảnh được quét (chỉ khả dụng ở chế độ đen trắng hoặc thang độ xám). Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét. Không ưu tiên đó được dành cho cài đặt trình điều khiển máy quét.	Đỏ / Xanh lá cây / Xanh lam / Không	Xanh
Chọn trước (trang 170)	Chọn [Có] để ưu tiên tốc độ xử lý. Nếu không, hãy chọn [Không]. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét hoặc với bảng điều khiển. Không ưu tiên đó được dành cho cài đặt trình điều khiển máy quét.	Có/Không	Có

Mục	Mô tả	Tham số/Giá trị	Mặt định ban đầu
Đặc điểm kỹ thuật khu vực kiểm tra tài liệu cho Phát hiện Nạp đúp giấy (trang 181)	Selected range: Select this Mục to restrict the area to run Nạp đúp giấy detection.	[Phạm vi đã chọn] hộp kiểm	Không được chọn
	Bật / Tắt (Giữa): Chỉ định bật hay tắt phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu trong khu vực đã chọn.	Bật/Tắt (Khi [Phạm vi đã chọn] được chọn)	Vô hiệu hóa
	Bắt đầu (giữa): Chỉ định vị trí bắt đầu của khu vực có chiều dài (mm) tính từ cạnh trước của tài liệu.	0 đến 510 mm (với gia số 2)	0 mm
	Kết thúc (giữa): Chỉ định vị trí kết thúc của khu vực có chiều dài (mm) tính từ cạnh trước của tài liệu.	0 đến 510 mm (với gia số 2)	0 mm
Chức năng nạp đúp giấy thông minh (trang 184)	Khi có một tờ giấy có cùng kích thước được dính kèm vào một vị trí được chỉ định trên trang, bạn có thể định cấu hình máy quét để ghi nhớ vị trí của tệp dính kèm và Không phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu cho vị trí đó. Trước tiên, bạn cần chọn [Kiểm tra chồng chéo (Siêu âm)] hoặc [Kiểm tra chồng chéo và Chiều dài] trong trình điều khiển máy quét hoặc cài đặt phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu trong "Chỉ định phương pháp phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu [Nhiều nguồn cấp dữ liệu]" (trang 179). Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	Chế độ thủ công / Chế độ tự động 1 / Chế độ tự động 2	Chế độ thủ công
	Chọn để xóa mẫu chồng chéo (chiều dài, vị trí) đã ghi nhớ ở chế độ Tự động. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	[Xóa mẫu chồng chéo] hộp kiểm	Không được chọn
	Chọn để bật chức năng ghi nhớ mẫu chồng chéo khi phát hiện tài liệu chồng lên nhau ở chế độ Tự động.	[Tự động ghi nhớ mẫu chồng chéo] hộp kiểm	Không được chọn
	Chỉ định có ghi nhớ mẫu chồng chéo khi tắt nguồn hay không.	Nhớ/Không nhớ	Không nhớ

Mục	Mô tả	Tham số/Giá trị	Mặt định ban đầu
Số lần thử nạp giấy (trang 171)	Định cấu hình cài đặt này để thay đổi số lần thử lại nạp giấy khi xảy ra lỗi nhét. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	1 đến 12 lần	3 lần
Chu kỳ làm sạch (trang 165)	Chỉ định chu trình làm sạch máy quét. Chọn không hoặc Không để hiển thị thông báo hướng dẫn vệ sinh từ trình điều khiển máy quét.	1.000 đến 255.000 tờ (gia số 1.000) Hộp kiểm [Hiển thị hướng dẫn vệ sinh]	5.000 tờ Không được chọn
Cài đặt bộ đếm tuổi thọ thiết bị (trang 165)	Chỉ định chu kỳ thay thế cho vật tư tiêu hao.	Chọn con lô / con lô phanh: 10.000 đến 2.550.000 tờ (với gia số 10.000)	Lô nhét giấy: 200,000 tờ Lô hãm giấy: 200,000 tờ
Phát hiện vệt dọc (trang 189)	Chọn bật hay tắt tính năng phát hiện vệt dọc. Bật để phát hiện các vệt dọc (bụi bắn trên kính) khi bạn thực hiện quét bằng ADF. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	Kích hoạt/Vô hiệu hóa	Vô hiệu hóa
Độ nhạy dọc (trang 190)	Chỉ định mức độ nhạy để phát hiện các vệt dọc (bụi bắn trên kính) khi bật tính năng phát hiện vệt dọc. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	Thấp/Bình thường/Cao	Bình thường
Tốc độ nhét (trang 172)	Khi nhiều lần nạp và kẹt giấy xảy ra thường xuyên, bạn có thể cải thiện hiệu suất bằng cách làm chậm tốc độ chọn hoặc nạp tài liệu. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	Bình thường/Chậm	Bình thường
Ranh giới cắt viền (trang 173)	Chỉ định có hoặc Không để tối ưu hóa (làm tròn lên / xuống) phần phân số của dữ liệu hình ảnh được quét.	Tối ưu hóa/Làm tròn xuống	Tối ưu hóa

Mục	Mô tả	Tham số/Giá trị	Mặt định ban đầu
Thủ công nạp giấy (trang 185)	Chọn bật hoặc tắt chế độ cấp dữ liệu liên tục. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	Vô hiệu hóa/Kích hoạt	Vô hiệu hóa
	Thời gian chờ: Chỉ định thời gian chờ máy quét hủy nạp thủ công. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	5, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, 100, 110 (giây)	10 giây
Điều khiển công tắc nguồn (trang 188)	Chỉ định phương pháp bật / tắt nguồn máy quét.	Kích hoạt công tắc nguồn/Vô hiệu hóa công tắc nguồn/ Kích hoạt Nguồn điện USB	Kích hoạt Công tắc nguồn
Bảo vệ giấy (trang 174)	Chọn phương pháp phát hiện bảo vệ giấy. Chức năng này có thể giảm nguy cơ tài liệu bị hỏng bằng cách phát hiện lỗi nạp và dừng quét trong các trường hợp sau: • Khi máy quét phát hiện tài liệu bị cong vênh bất thường do lỗi nạp liệu • Khi máy quét phát hiện tiếng ồn kẹt giấy • Khi máy quét phát hiện tài liệu bị cong vênh bất thường do lỗi nạp hoặc phát hiện tiếng kẹt giấy Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét hoặc với bảng điều khiển. Khi cài đặt bằng bảng điều khiển được ưu tiên, cài đặt bằng bảng điều khiển được ưu tiên hơn cài đặt Bảng điều khiển phần mềm. Lưu ý rằng ngay cả khi cài đặt bằng bảng điều khiển được ưu tiên, cài đặt trình điều khiển máy quét có mức độ ưu tiên cao nhất.	Vô hiệu hóa / Độ chính xác nạp giấy / Tiếng ồn Nạp giấy / Độ chính xác nạp giấy & Tiếng ồn	Độ chính xác nạp giấy

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Mục	Mô tả	Tham số/Giá trị	Mặt định ban đầu
Độ nhạy bảo vệ giấy (trang 175)	Chỉ định mức độ nhạy để phát hiện dị thường khi nạp tài liệu khi bật bảo vệ giấy. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển. Khi cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên, cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên hơn cài đặt Bảng điều khiển phần mềm.	Phát hiện: Độ chính xác nạp giấy / Độ nhạy tiếng ồn nạp giấy: Thấp/ Bình thường /Cao	Bình thường
Chu kỳ bảo trì và kiểm tra (trang 191)	Chỉ định chu kỳ bảo trì và kiểm tra thường xuyên được thực hiện trên máy quét bởi kỹ sư dịch vụ.	Vô hiệu hóa/Kích hoạt Chu kỳ bảo trì và kiểm tra: 1 đến 12 tháng	Vô hiệu hóa
Kiểm soát quá trình quét (trang 177)	Đặt tùy chọn này để mở rộng lượng quét quá mức và xuất ra hình ảnh nếu một phần của hình ảnh bị thiếu do độ lệch abnormal trong quá trình quét quá mức. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	Bình thường/Mở rộng	Bình thường
Chế độ độ cao (trang 178)	Chọn bật hay tắt chế độ độ cao lớn. Cho phép sử dụng máy quét ở độ cao 2.000 m trở lên.	Kích hoạt/Vô hiệu hóa	Vô hiệu hóa
Chế độ chất lượng hình ảnh (trang 178)	Đặt chế độ chất lượng hình ảnh. Để có được chất lượng hình ảnh gần với chất lượng hình ảnh để quét bằng fi-5530C2, hãy đặt chế độ chất lượng hình ảnh.	fi-5530C2/Vô hiệu hóa	Vô hiệu hóa
Chế độ nạp tốc độ thấp (trang 176)	Chỉ định xem có hoặc Không để giảm tốc độ quét để tránh làm hỏng giấy. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.	Vô hiệu hóa/Kích hoạt	Vô hiệu hóa

8.4 Cài đặt liên quan đến bộ đếm trang tính

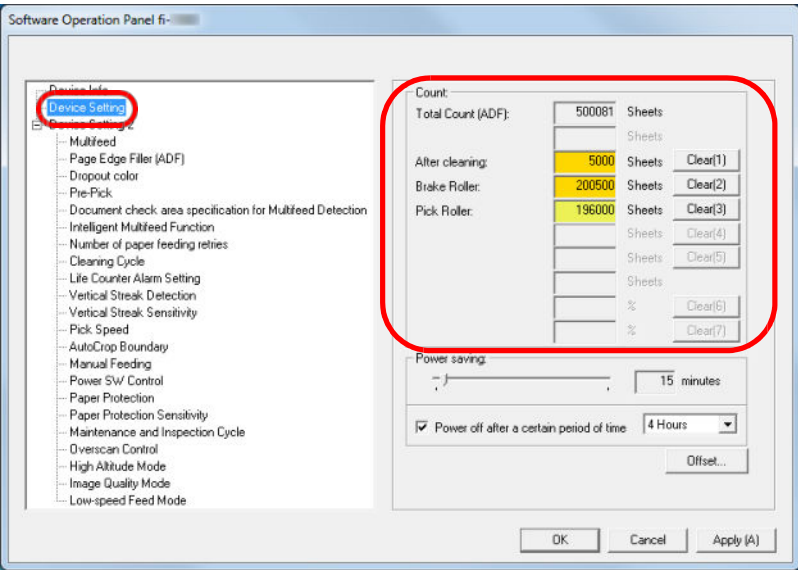
Kiểm tra và đặt lại bộ đếm trang tính

1. Kiểm tra bộ đếm tờ

Trạng thái của từng bộ phận tiêu hao có thể được xem để xác định thời điểm thay thế hoặc làm sạch vật tư tiêu hao. Màu sắc của quầy thay đổi dần khi cần thay thế vật tư tiêu hao hoặc khi cần vệ sinh. Màu sắc của mỗi bộ đếm thay đổi như sau:

- Lô hãm giấy counter/Lô nhặt giấy counter**
Các bộ đếm này chuyển sang màu vàng nhạt khi số lượng tờ sau khi thay thế vật tư tiêu hao đạt 95% giá trị được chỉ định trong "**Chu kỳ thay thế vật tư tiêu hao [Cài đặt cảnh báo bộ đếm tuổi thọ]**" (trang 165) trong Bảng điều khiển phần mềm và chuyển sang màu vàng khi số lượng tờ đạt 100%.
- Quầy làm sạch**
Bộ đếm này chuyển sang màu vàng khi số tờ sau khi làm sạch đạt 100% giá trị được chỉ định trong "**Chu trình làm sạch máy quét [Chu trình làm sạch]**" (trang 165) trong Bảng điều khiển phần mềm.
- Bộ đếm mực**
Bộ đếm này chuyển sang màu vàng khi lượng mực còn lại đạt dưới 33% (chỉ hiển thị khi máy in được lắp đặt).

- Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "**8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm**" (trang 146).
- Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị].



Trong cửa sổ này, bạn có thể kiểm tra các Mục sau:

Mục	Mô tả
Tổng số lượng (ADF)	Tổng số tờ gần đúng được quét qua ADF
Sau khi làm sạch	Tổng số tờ được quét gần đúng sau khi làm sạch
Lô hãm giấy	Số tờ được quét sau khi thay thế lô hãm giấy Số tờ được tính theo gia số 500.

Mục	Mô tả
Lô nhặt giấy	Số tờ được quét sau khi thay thế con lô gấp Số tờ được tính theo gia số 500.
Mực còn lại	Lượng mực còn lại trong hộp mực in của máy in (chỉ hiển thị khi cài đặt máy in)

CHÚ Ý

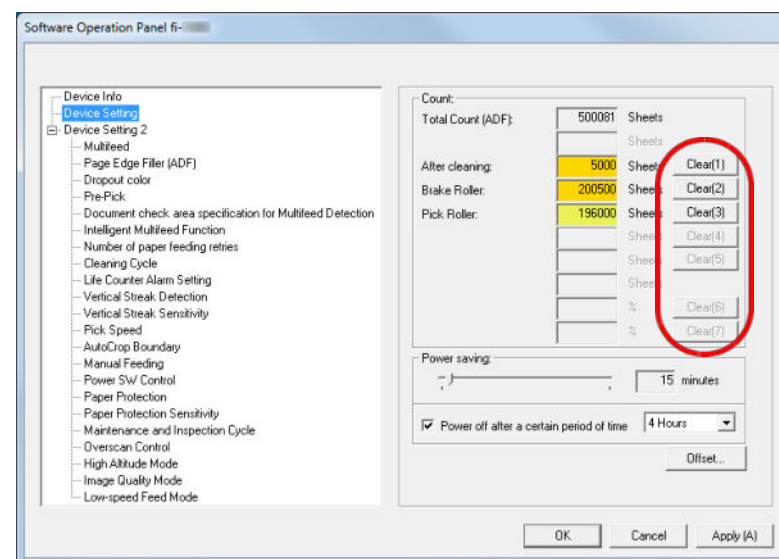
Nếu bạn đã tắt máy quét bằng cách rút cáp nguồn hoặc chọn [Tắt công tắc nguồn], số tờ được quét có thể không được tính trong [Tổng số đếm].

Để biết chi tiết về cách tắt công tắc nguồn, hãy tham khảo "**Phương pháp BẬT / TẮT máy quét [Điều khiển công tắc nguồn]**" (trang 188).

1. Đặt lại bộ đếm trang tính

Khi bạn đã thay thế hoặc làm sạch bộ phận tiêu hao, hãy đặt lại bộ đếm tương ứng bằng cách sử dụng quy trình sau:

Nếu bạn đã thay thế vật tư tiêu hao, hãy nhấp vào nút [Xóa] của vật tư tiêu hao mà bạn đã thay thế. Nếu bạn đã thực hiện làm sạch, hãy nhấp vào nút [Xóa] của [Sau khi làm sạch].



1. Bộ đếm được đặt lại thành 0.
Đối với bộ đếm mực, giá trị sẽ được đặt thành 100.

Nhấp vào nút [OK].

1. Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện.

1. Các cài đặt được lưu.

- 1.
2. Nhấp vào nút [OK].

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

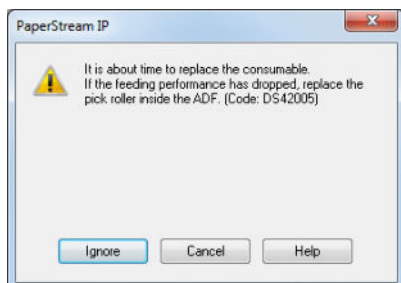
Appendix

Glossary

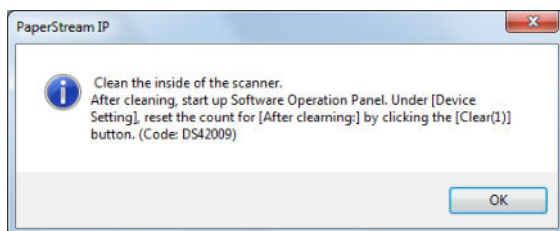
1. Thông báo làm sạch hoặc thay thế vật tư tiêu hao

Thông báo sau đây có thể xuất hiện trong khi máy quét đang được sử dụng:

Thông báo thay thế vật tư tiêu hao



Tin nhắn để làm sạch



Kiểm tra thông báo và thay thế vật tư tiêu hao hoặc thực hiện vệ sinh cho phù hợp.

Nếu bạn nhấp vào nút [Ignore], thông qua báo sẽ biến mất và quá trình quét có thể được tiếp tục. Tuy nhiên, bạn nên thay thế vật tư tiêu hao càng sớm càng tốt. Để dừng quét và thay thế vật tư tiêu hao ngay lập tức, hãy nhấp vào nút [Cancel].

Ngoài ra, trong khi thông báo này xuất hiện, sẽ **[MENU]** nhấp nháy trên màn hình LCD.

Tùy thuộc vào thông báo, một trong các chỉ báo sau xuất hiện trên dòng thứ hai trong cửa sổ [Sẵn sàng].

1. Thông báo thay thế vật tư tiêu hao [Vật tư tiêu hao] nhấp nháy.
2. Thông báo làm sạch [Làm sạch] nhấp nháy.

Kiểm tra thông tin và thay thế vật tư tiêu hao hoặc thực hiện vệ sinh cho phù hợp.

Để biết chi tiết về cách kiểm tra thông tin, hãy tham khảo "[Kiểm tra thông tin](#)" (trang 60).

Để biết chi tiết về việc thay thế vật tư tiêu hao, hãy tham khảo phần sau:

3. Lô hãm giấy
"[6.2 Thay thế Lô hãm giấy](#)" (trang 105)
4. Lô nhặt giấy
"[6.3 Thay thế Lô nhặt giấy](#)" (trang 107)

Để biết chi tiết về việc làm sạch, hãy tham khảo "[Chương 5 Chăm sóc hàng ngày](#)" (trang 93).

[Contents](#)
[Index](#)
[Introduction](#)
[Scanner Overview](#)
[How to Load Documents](#)
[How to Use the Operator Panel](#)
[Various Ways to Scan](#)
[Daily Care](#)
[Replacing the Consumables](#)
[Troubleshooting](#)
[Operational Settings](#)
[Appendix](#)
[Glossary](#)

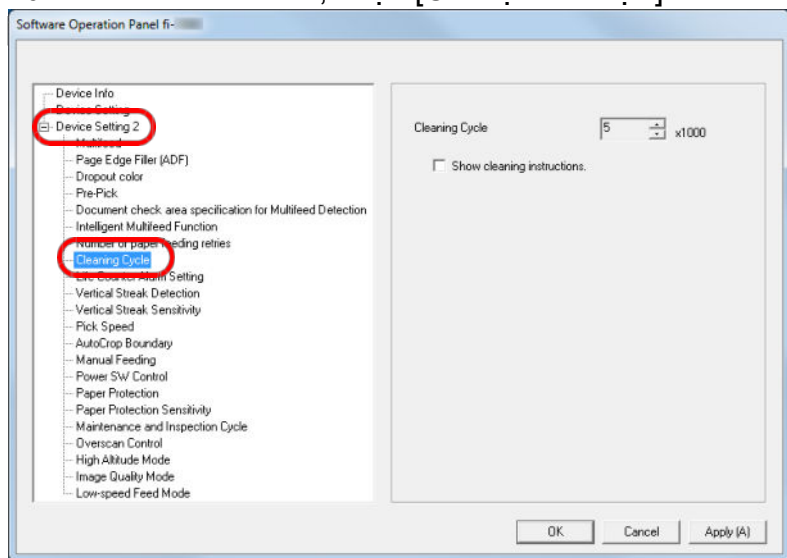
Chu trình làm sạch máy quét [Chu trình làm sạch]

Chu trình làm sạch cho máy quét có thể được chỉ định. Mặt saumàu mặt của quây làm sạch trong [Thiết bị Cài đặt] chuyển sang màu vàng khi số lượng tờ sau khi thực hiện làm sạch đạt 100% giá trị được chỉ định. Bạn cũng có thể hiển thị thông báo hướng dẫn vệ sinh (trang 164).

1. Khởi động Bảng điều khiển phần mềm.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động Bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).

1 Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] →



1. Chỉ định giá trị cho chu trình làm sạch.

Giá trị có thể nằm trong khoảng từ 1.000 đến 255.000 tờ (với giá số 1.000).

Chỉ định có **hiển thị thông báo hướng dẫn dọn dẹp** hay không.

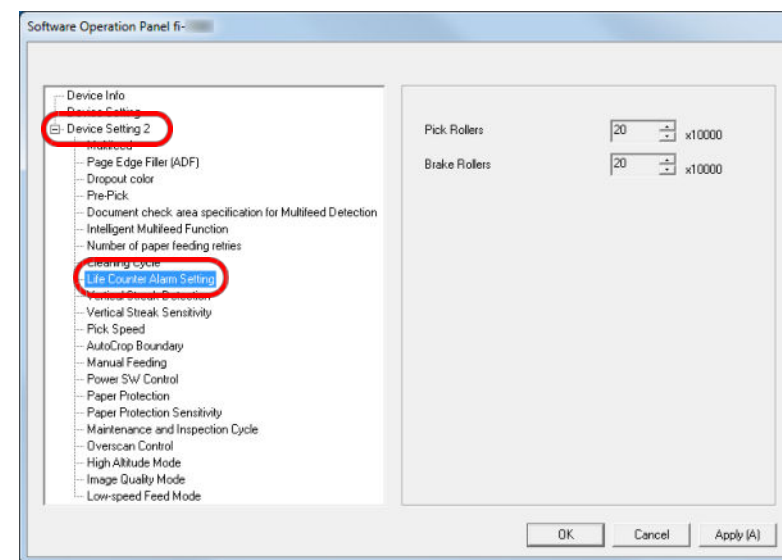
Chu kỳ thay thế vật tư tiêu hao [Cài đặt bộ đếm tuổi thọ thiết bị]

Chu kỳ thay thế cho mỗi vật tư tiêu hao có thể được chỉ định. Màu nền của bộ đếm Lô hãm giấy/Lô nhặt giấy trong [Cài đặt thiết bị] thay đổi thành màu vàng nhẹ khi số lượng tờ sau khi thay thế vật tư tiêu hao đạt 95% giá trị được chỉ định ở đây và chuyển sang màu vàng khi số tờ đạt 100%. Một thông báo thay thế vật tư tiêu hao (trang 164) cũng xuất hiện.

1. Khởi động Bảng điều khiển phần mềm.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động Bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).

1 Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Cài đặt bộ đếm tuổi thọ thiết bị].



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

- 3** Chỉ định một giá trị làm chu kỳ thay thế cho từng vật tư tiêu hao (Lô hãm giấy và Lô nhật giấy).
Giá trị có thể nằm trong khoảng từ 10.000 đến 2.550.000 tờ (với giá số 10.000).

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

8.5 Cài đặt liên quan đến quét

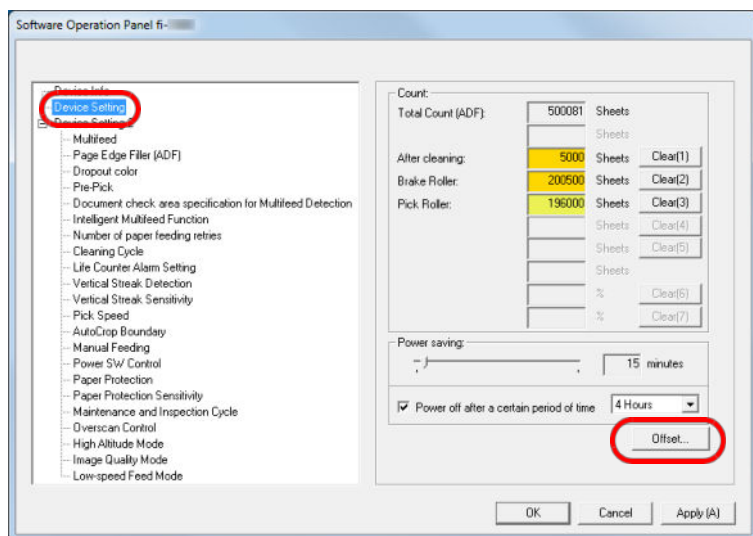
Điều chỉnh vị trí để bắt đầu quét [Điều chỉnh độ phóng đại bù / dọc]

Khi vị trí đầu ra của hình ảnh được quét không chính xác hoặc hình ảnh có vẻ bị rút ngắn/kéo dài (theo chiều dọc), hãy điều chỉnh độ lệch và độ phóng đại dọc theo quy trình sau.

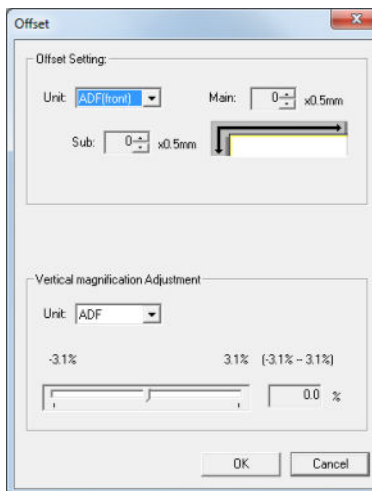
CHÚ Ý

Thông thường, bạn sẽ không phải thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào vì cài đặt mặc định của nhà sản xuất được định cấu hình ở các giá trị thích hợp.

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).
2. Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị] và nhấp vào nút [Offset].



- 1 Điều chỉnh mức độ phóng đại bù / dọc nếu cần.



Cài đặt bù đắp	Mô tả
Đơn vị	Chọn [ADF (Mặt trước)] hoặc [ADF (Mặt sau)] làm mục tiêu để điều chỉnh độ bù.
Chính	Điều chỉnh độ lệch ngang (chiều rộng). Giá trị có thể nằm trong khoảng từ -2 đến +2 mm (với gia số 0,5).
Phụ	Điều chỉnh độ lệch dọc (chiều dài). Giá trị có thể nằm trong khoảng từ -2 đến +2 mm (với gia số 0,5).

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Điều chỉnh độ phóng đại đọc	Mô tả
Đơn vị	Mục tiêu để điều chỉnh độ phóng đại đọc được cố định thành [ADF].
Điều chỉnh độ phóng đại đọc (Phụ: chiều dài)	Điều chỉnh độ phóng đại đọc (chiều dài). Giá trị có thể nằm trong khoảng từ -3.1 đến +3.1% (với giá số 0.1).

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.

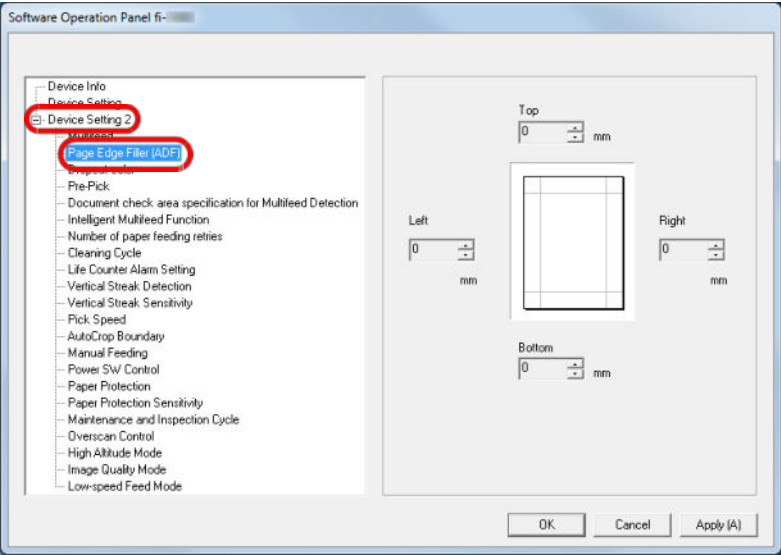
↕ Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] →

Loại bỏ bóng / vết xuất hiện xung quanh hình ảnh được quét
[Bộ nạp cạnh trang (ADF)]

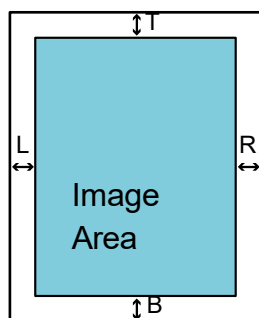
Tùy thuộc vào tình trạng của tài liệu bạn quét, bóng của tài liệu có thể xuất hiện dưới dạng vết đen. Trong trường hợp đó, bạn có thể cải thiện chất lượng hình ảnh xung quanh các cạnh của tài liệu bằng cách sử dụng chức năng "Trang Edge Filler" để điền vào các cạnh.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).

[Lắp viền trang(ADF)].



1. Chỉ định chiều rộng của mỗi lề để điền: trên / dưới / trái / phải.



T: trên cùng = 0 đến 15 mm

B: đáy = -7 đến 7 mm

R: phải = 0 đến 15 mm

L: trái = 0 đến 15 mm

(với gia số 1 mm)

Khu vực được chỉ định được tô màu trắng hoặc đen, theo màu Mặt sau.

CHÚ Ý

Lưu ý rằng nếu phạm vi mục tiêu của Lấp viền trang quá rộng, một số ký tự gần cạnh có thể bị thiếu.

BẬT MÍ

- Màu của nền thường là màu trắng. Bạn có thể thay đổi nền thành màu đen trong trình điều khiển máy quét. Để biết chi tiết, hãy tham khảo Trợ giúp của trình điều khiển máy quét.
- Tùy thuộc vào giá trị bạn chỉ định cho lề dưới trong [Lấp viền trang(ADF)], chức năng Lấp viền trang hoạt động như sau:
 - 1 đến 7 mm
Điền vào lề bằng màu trắng, từ dưới cùng của trang được phát hiện.
 - 1 đến -7 mm
Xuất ra hình ảnh mà không điền vào lề. (Xuất ra hình ảnh với khu vực được chỉ định được thêm vào khi chế độ phát hiện kết thúc trang được đặt.)
"Đáy trang được phát hiện" đề cập đến cạnh dưới của tài liệu được quét được máy quét phát hiện.
- Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét. Trong trường hợp đó, Lấp viền trang của

Xóa màu khỏi hình ảnh được quét [Màu bỏ cuộc]

Với "Màu bỏ học", bạn có thể chọn màu xanh lá cây, đỏ hoặc xanh lam (màu cơ bản) để xóa chi tiết của màu đã chọn khỏi hình ảnh được quét.

Ví dụ: khi quét tài liệu có ký tự màu đen và mặt sauground màu xanh lá cây, bạn chỉ có thể quét các ký tự màu đen của tài liệu bằng cách chọn màu xanh lá cây cho màu bỏ cuộc.

CHÚ Ý

Màu bị loại bỏ hoạt động tốt nhất với màu sáng (Cường độ thấp) và màu tối có thể **không** bị rút đi.

BẬT MÍ

Màu bị loại bỏ Chỉ khả dụng ở chế độ đen trắng hoặc thang độ xám.

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

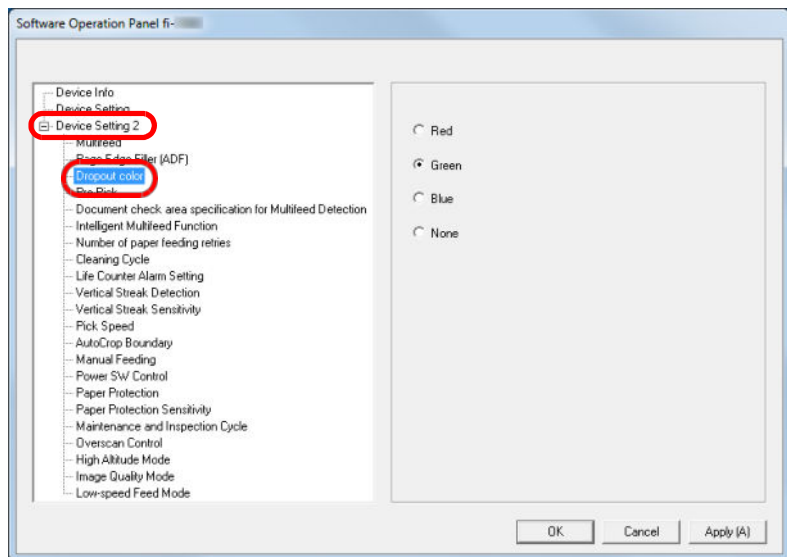
Operational
Settings

Appendix

Glossary

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).

1. Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Màu bị loại bỏ].



3. Chọn một màu để loại bỏ.
Đỏ, Xanh lá cây, Xanh lam: Màu đã chọn bị loại bỏ.
Không có: Không có màu nào bị loại bỏ.

CHÚ Ý

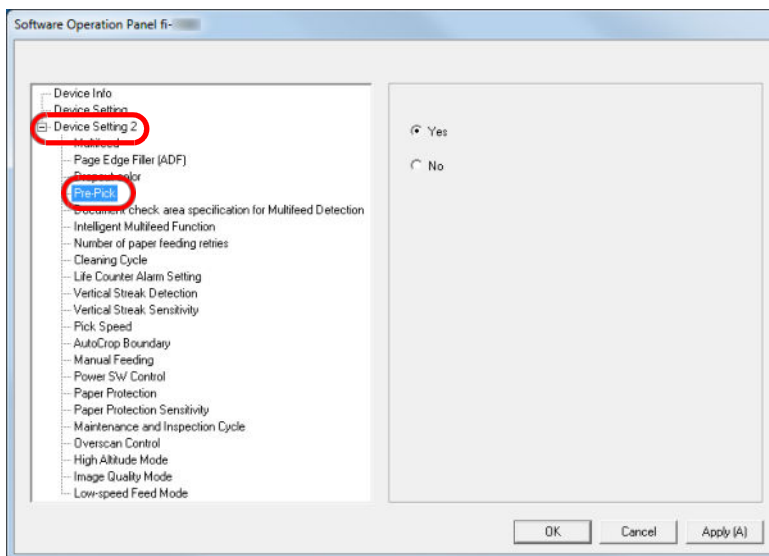
Bảng điều khiển phần mềm chỉ cho phép bạn chọn màu từ đỏ, xanh lá cây và xanh lam. Để loại bỏ các màu khác, hãy định cấu hình cài đặt trong trình điều khiển máy quét.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo Trợ giúp của trình điều khiển máy quét.

Rút ngắn khoảng thời gian quét [Chọn trước]

"Chọn trước" đề cập đến việc đưa tài liệu đến vị trí bắt đầu để quét trước lần quét tiếp theo.

Bật [Chọn trước] sẽ rút ngắn khoảng thời gian giữa các lần quét mỗi tài liệu.

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).
1. Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Chọn trước].



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

BẬT MÍ

Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét. Lưu ý rằng ưu tiên được dành cho cài đặt trình điều khiển máy quét.

1. Chỉ định có bật chọn trước hay không.

Chọn [Có] or [Không].

BẬT MÍ

Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét. Lưu ý rằng ưu tiên được dành cho cài đặt trình điều khiển máy quét.

1. Nếu bạn hủy giữa chừng trong khi chọn trước là Kích hoạt, bạn sẽ phải xóa tài liệu đã chọn trước, sau đó tải lại tài liệu.
2. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét hoặc với bảng điều khiển. **Lưu ý rằng ưu tiên được dành cho cài đặt trình điều khiển máy quét.**

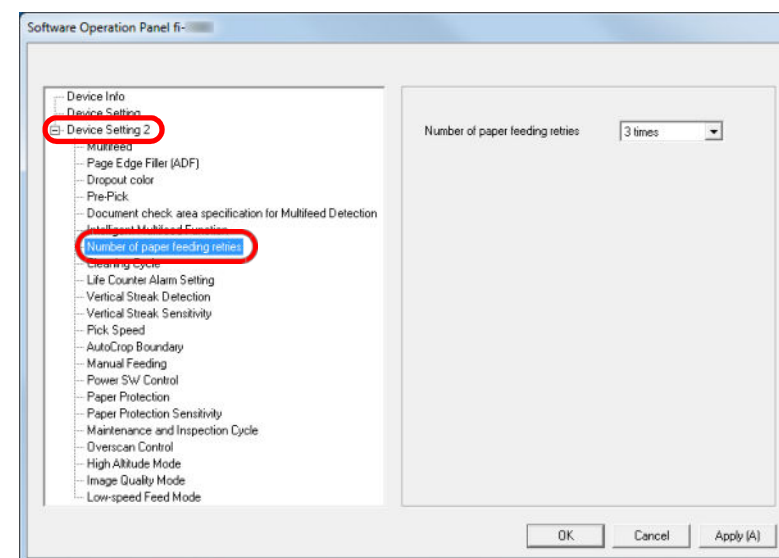
Số lần thử nạp giấy

Định cấu hình cài đặt này để thay đổi số lần thử lại nạp giấy khi xảy ra lỗi nhặt.

Khởi động Bảng điều hành phần mềm.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).

Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Số lần thử nạp giấy].



1. Chỉ định số lần nạp lại giấy.

Giá trị có thể dao động từ 1 đến 12 lần.

BẬT MÍ

Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Tốc độ nạp tài liệu [Tốc độ nhật giấy]

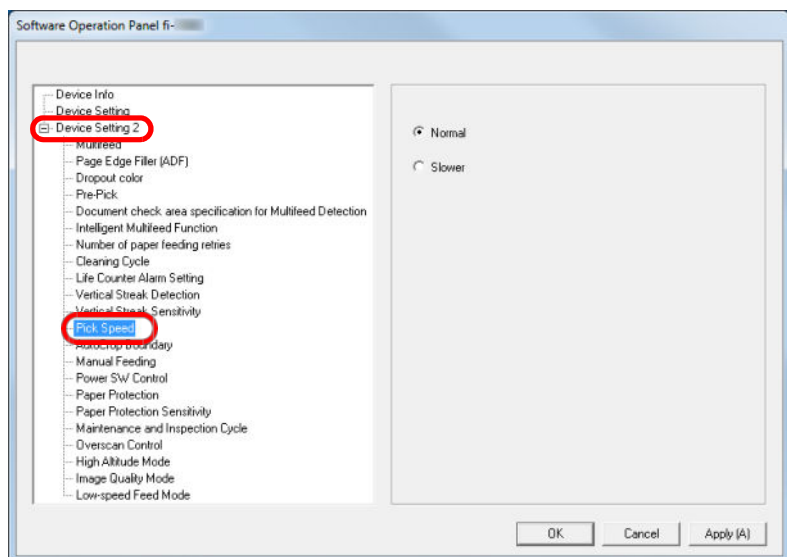
Khi nhiều lần nạp và kẹt giấy xảy ra thường xuyên, bạn có thể cải thiện hiệu suất bằng cách làm chậm Tốc độ nhật giấy hoặc nạp tài liệu.

Cài đặt này có hiệu quả khi bạn quét giấy mỏng.

1 Khởi động Bảng điều hành phần mềm.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm"](#) (trang 146).

↔ Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Chọn tốc độ].



2. Chỉ định tốc độ nạp tài liệu.

Bình thường: Tốc độ nạp tài liệu bình thường

Chậm: Tốc độ nạp tài liệu chậm hơn bình thường

BẬT MÍ

Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.

Giới thiệu

Tổng
quan về
máy quét

Cách tải tài liệu

Cách sử dụng
bảng điều khiển
Operator

Nhiều cách
khác nhau để
quét

Chăm sóc hàng
ngày

Thay thế Consumables

Troubleshooting

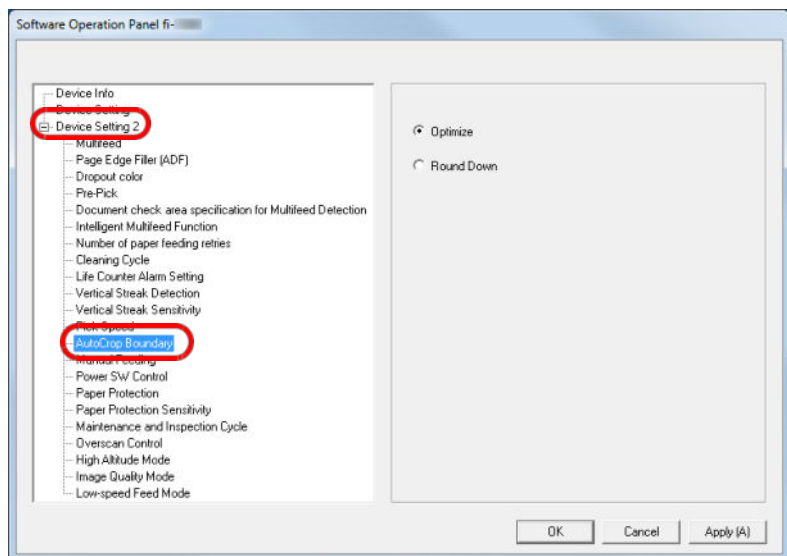
CHÚ Ý

Tổng thời gian quét lâu hơn vì tốc độ nạp tài liệu chậm lại.

Cắt ranh giới hình ảnh [Khoảng cách cắt viền]

Một số dữ liệu phân số có thể được tạo ra trong hình ảnh trong quá trình quét. Bạn có thể chỉ định xem có bao gồm hay loại trừ dữ liệu phân số như vậy bằng cách sử dụng hàm "Khoảng cách cắt viền".

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm"](#) (trang 146).
- ↑ Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Khoảng cách cắt viền].



3. Chọn bao gồm hay loại trừ dữ liệu phân số.
Chọn [Tối ưu hóa] để tránh loại trừ dữ liệu phân đoạn khỏi ảnh được quét.

CHÚ Ý

1. Mặc dù chọn [Tối ưu hóa] có thể tránh mất dữ liệu, nhưng nó cũng có thể tạo ra các đường đen gần cạnh phải.
2. Khi bạn quét tài liệu có văn bản gần cạnh phải trong khi chọn [Làm tròn xuống], một số dữ liệu pixel ở đó có thể bị mất.
3. Để biết chi tiết về cách cài đặt tự động phát hiện kích thước trang, hãy tham khảo Trợ giúp của trình điều khiển máy quét.

BẬT MÍ

Cài đặt này chỉ được áp dụng ở chế độ đen trắng.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Bảo vệ tài liệu khỏi bị hư hỏng [Bảo vệ giấy]

Chọn phương pháp phát hiện bảo vệ giấy.

Lỗi nạp trong quá trình quét có thể làm hỏng hoặc rách các tài liệu có giá trị.

Chức năng này có thể giảm nguy cơ tài liệu bị hỏng bằng cách phát hiện lỗi nạp và dừng quét trong các trường hợp sau:

- Khi máy quét phát hiện tài liệu bị cong vênh bất thường do lỗi nạp liệu
 - Khi máy quét phát hiện tiếng ồn kẹt giấy
- Khi máy quét phát hiện tài liệu bị cong vênh bất thường do lỗi nạp hoặc phát hiện tiếng kẹt giấy

Chức năng này có thể được sử dụng để quét các tài liệu như giấy mỏng khó nạp.

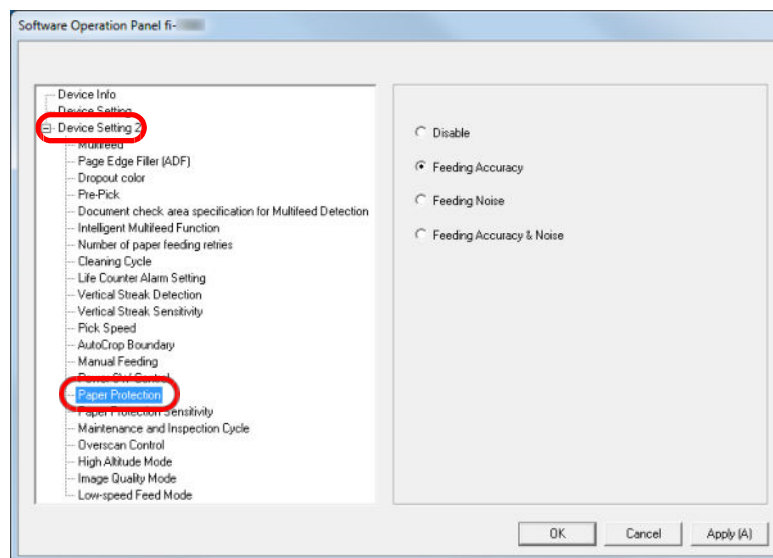
1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).

↓ Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Bảo vệ giấy].

1.

Nhấp vào phương pháp phát hiện.



Phương pháp phát hiện	Mô tả
Vô hiệu hóa	Tắt bảo vệ giấy.
Độ chính xác nạp giấy	Dừng quét khi máy quét phát hiện tài liệu bị cong vênh bất thường do lỗi nạp liệu.
Tiếng ồn nạp giấy	Dừng quét khi máy quét phát hiện tiếng ồn kẹt giấy.
Nạp giấy Độ chính xác và tiếng ồn	Dừng quét khi máy quét phát hiện tài liệu bị cong vênh bất thường do lỗi nạp hoặc khi máy quét phát hiện tiếng ồn kẹt giấy.

Contents

Index

Introduction

Scanner Overview

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

Appendix

Glossary

CHÚ Ý

1. Lưu ý rằng bảo vệ giấy là một chức năng ngăn chặn tài liệu bị hư hỏng và không đảm bảo tất cả các tài liệu sẽ được lưu.
2. Khi bạn sử dụng bảo vệ giấy, hãy đảm bảo nạp tài liệu với các cạnh trên thẳng hàng (đặc biệt là đối với một lô hỗn hợp có độ dài khác nhau).
Nếu các cạnh trên không được căn chỉnh chính xác, chức năng bảo vệ giấy có thể được kích hoạt và dừng quét ngay cả khi tài liệu đang được nạp đúng cách.

BẬT MÍ

1. Nếu bạn quét tài liệu bị nhăn, bảo vệ giấy có thể bị tắt buộc phải dừng quét mặc dù giấy được nạp bình thường. Trong trường hợp này, bạn có thể tắt tính năng bảo vệ giấy bằng bảng điều khiển cho một lần quét sau khi tắt tính năng bảo vệ giấy. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[Tắt tính năng bảo vệ giấy cho một lần quét sau khi tắt tính năng bảo vệ giấy](#)" (trang 91).
2. Nếu bảo vệ giấy thường xuyên bị tắt, hãy tham khảo "[Bảo vệ giấy được tắt thường xuyên](#)". (trang 135).
3. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét hoặc với bảng điều khiển. Khi cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên, cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên hơn cài đặt Bảng điều khiển phần mềm. Lưu ý rằng ngay cả khi cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên, cài đặt

Chỉ định mức độ nhạy để bảo vệ giấy [Độ nhạy bảo vệ giấy]

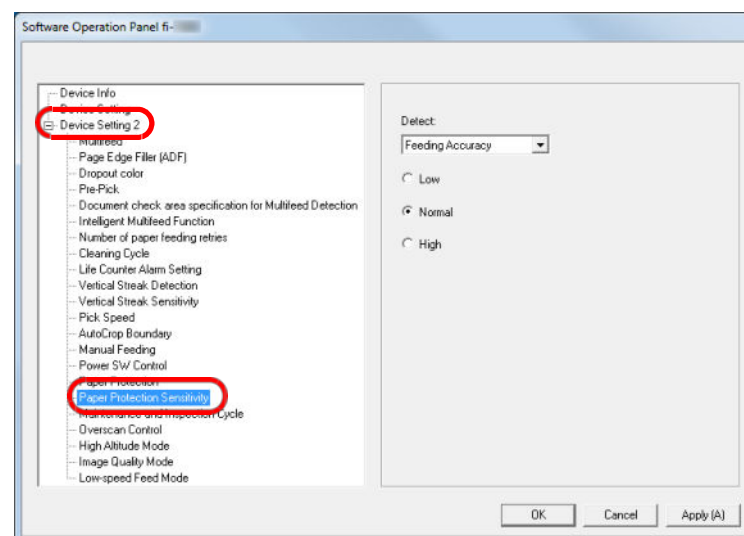
Chỉ định mức độ nhạy để phát hiện bất thường khi nạp tài liệu khi bật bảo vệ giấy.

Tài liệu bị biến dạng (ví dụ: cong vênh) hoặc tiếng ồn kẹt giấy được tạo ra khi tài liệu không được nạp bằng con lô đúng cách. Để phát hiện triệu chứng như vậy và dừng quét, chọn [Thấp] để chỉ phát hiện các tài liệu bị biến dạng nhiều hoặc tiếng ồn kẹt giấy lớn. Chọn [Cao] để cũng phát hiện các tài liệu bị biến dạng nhẹ hoặc nhiều kẹt giấy nhẹ.

Khởi động Bảng điều khiển phần mềm

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm](#)" (trang 146).

Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Độ nhạy bảo vệ giấy].



Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

1. Chọn phương pháp phát hiện bảo vệ giấy mà bạn muốn thay đổi mức độ nhạy.
Độ chính xác của việc nạp: Chọn tùy chọn này để phát hiện tài liệu bị cong vênh bất thường khi xảy ra lỗi nạp.
Tính năng này khả dụng khi bạn đã chọn [Độ chính xác của việc nạp] hoặc [Độ chính xác của việc nạp & tiếng ồn] cho phương pháp phát hiện bảo vệ giấy.
Tiếng ồn nạp giấy: Chọn tùy chọn này để phát hiện tiếng ồn kẹt giấy.
Tính năng này khả dụng khi bạn đã chọn [Tiếng ồn nạp] hoặc [Độ chính xác & tiếng ồn của việc nạp liệu] cho phương pháp phát hiện bảo vệ giấy.
2. Chỉ định mức độ nhạy.
Thấp: Giảm mức độ nhạy để phát hiện tài liệu bị cong vênh hoặc tiếng ồn kẹt giấy.
Bình thường: Giám sát tài liệu bị cong vênh hoặc tiếng ồn kẹt giấy với độ nhạy bình thường.
Giữ cài đặt này để sử dụng bình thường.
Cao: Tăng mức độ nhạy để phát hiện tài liệu bị cong vênh hoặc tiếng ồn kẹt giấy.

BẬT MÍ

1. Để phát hiện cong vênh giấy hoặc nhiễu kẹt giấy nhanh hơn và dừng quét, chọn [Cao].
2. Để giảm tần suất phát hiện kẹt giấy nếu kẹt giấy thường xuyên xảy ra trong khay nạp, hãy chọn [Thấp].
3. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển. Khi cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên, cài đặt bảng điều khiển được ưu tiên hơn cài đặt Bảng điều khiển phần mềm.

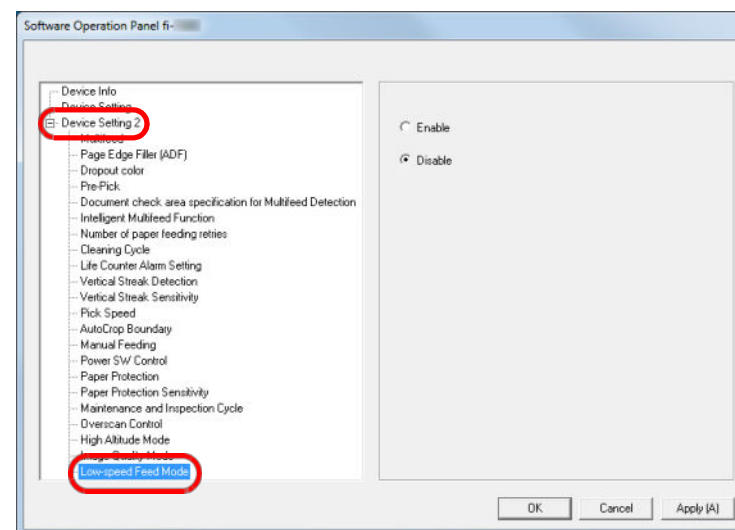
Quét tốc độ thấp ở độ phân giải thấp hơn (Chế độ nạp tốc độ thấp)

Khi quét ở độ phân giải thấp hơn (dưới 400 dpi), bạn có thể định cấu hình máy quét để quét tài liệu chậm bất kể cài đặt độ phân giải.

Quét tài liệu chậm có thể ngăn tài liệu bị hỏng.

Cài đặt này có hiệu quả khi bạn quét tài liệu trang dài.

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).
- ↑ Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Chế độ nạp tốc độ thấp].



1. Chọn xem có Vô hiệu hóa or Kích hoạt [Thấp-Chế độ nạp tốc độ].

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

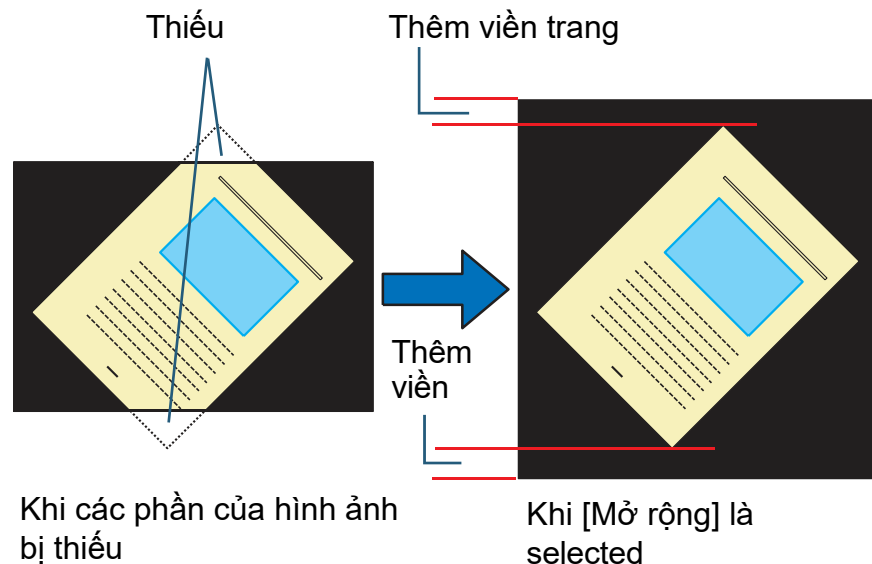
Operational

BẬT MÍ

Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình bằng bảng điều khiển.

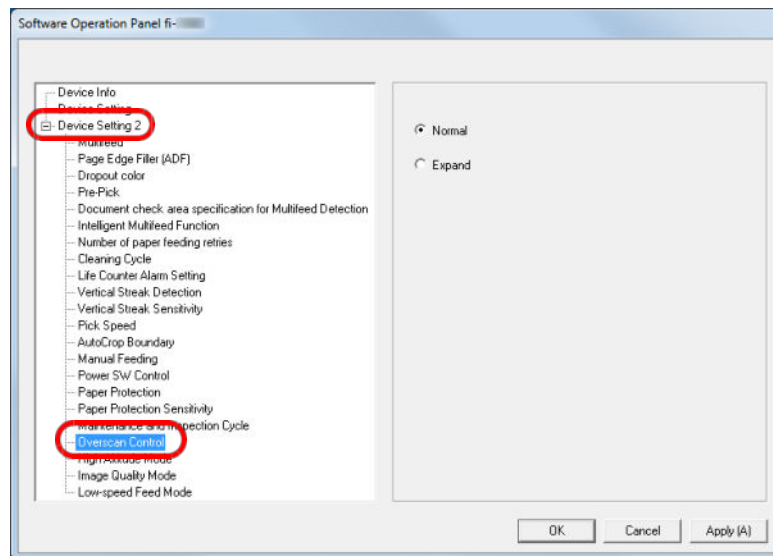
Điều chỉnh kết quả đầu ra cho Quét tràn viền [Điều chỉnh quét tràn viền]

Máy quét có thể được cấu hình để tăng lượng lề đen ở trên cùng và dưới cùng của khu vực quét để một phần của hình ảnh được quét không bị thiếu ngay cả khi xảy ra hiện tượng lệch bất thường trong quá trình quét quá mức.



1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).

↑ Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Kiểm soát quét quá mức].



1. Chọn số tiền ký quỹ đen.

BẬT MÍ

1. Nên chỉ định kích thước tài liệu tối đa có thể quét.
2. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

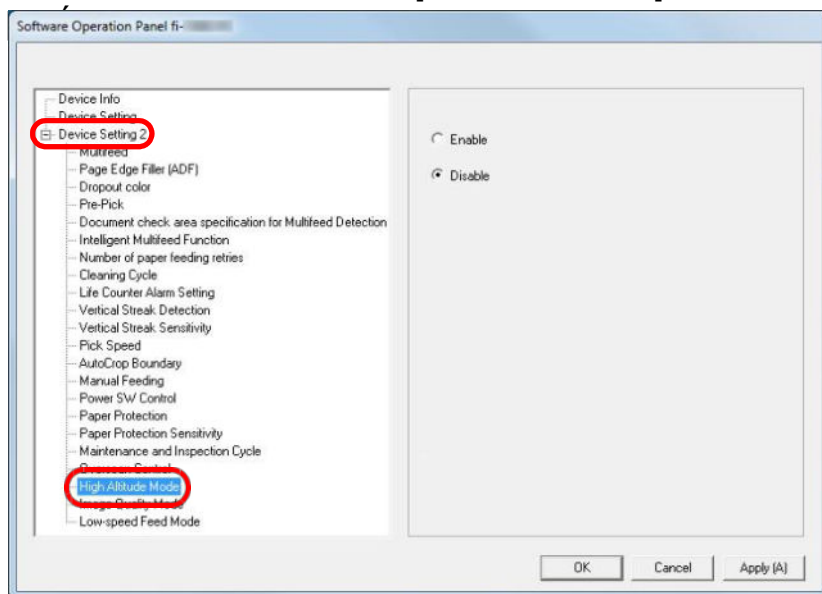
Quét ở độ cao [Chế độ độ cao]

Chọn chế độ Kích hoạt hoặc Vô hiệu hóa Cao độ cao. Áp suất khí quyển thấp ở độ cao Cao có thể làm giảm độ chính xác trong việc phát hiện nạp đúp giấy bằng cảm biến siêu âm.

Bật chế độ độ cao Cao cho phép bạn sử dụng máy quét ở độ cao 2,000 m hoặc cao hơn.

1. Khởi động Bảng điều khiển phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["8.1 Khởi động Bảng điều khiển phần mềm"](#) (trang 146).

↑ Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] →



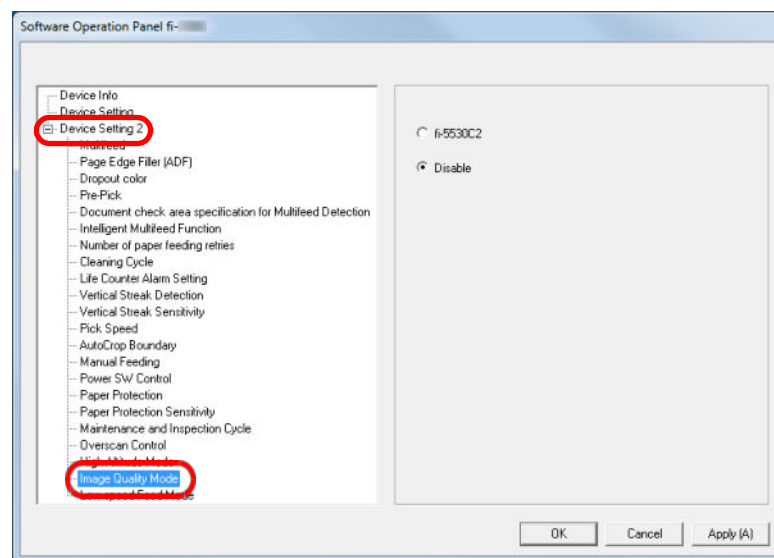
1. Chọn chế độ Kích hoạt hoặc Vô hiệu hóa Độ cao.

Cài đặt chất lượng hình ảnh để quét [Chế độ chất lượng hình ảnh]

Đặt chế độ chất lượng hình ảnh.

Để có được chất lượng hình ảnh gần với chất lượng hình ảnh để quét bằng fi-5530C2, hãy đặt chế độ chất lượng hình ảnh.

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm"](#) (trang 146).
- ↑ Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Chế độ chất lượng hình ảnh].



Chọn xem có có được chất lượng hình ảnh gần với chất lượng hình ảnh của fi-5530C2 hay không.

8.6 Cài đặt liên quan đến phát hiện Nạp đúp giấy

Chỉ định phương pháp phát hiện nạp đúp giấy [Nạp đúp giấy]

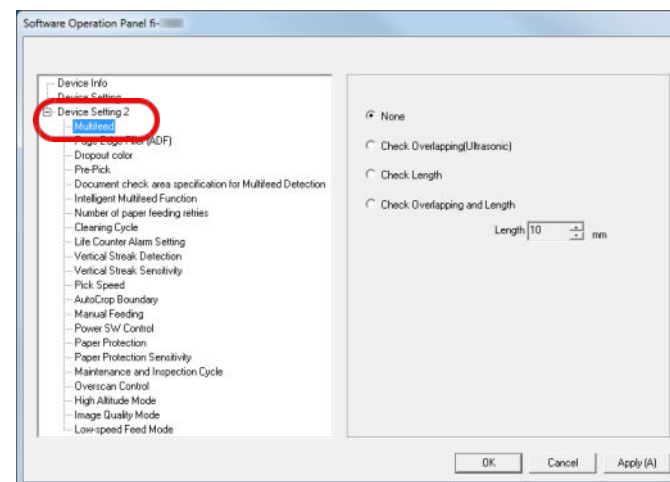
Nạp đúp giấy là một lỗi trong đó hai hoặc nhiều tờ được nạp qua ADF cùng một lúc. Khi phát hiện độ dài tài liệu khác, kết quả được phát hiện này còn được gọi là Nạp đúp giấy.

Not Not icing nạp đúp giấy lỗi trong khi quét có thể khiến bạn rơi vào tình huống thiếu dữ liệu quan trọng trong hình ảnh được quét.

Nạp phát hiện đúp giấy có thể được sử dụng để ngăn chặn những rắc rối như vậy. Khi chức năng này được Kích hoạt, một thông báo lỗi sẽ hiển thị ngay khi nó phát hiện ra Nạp đúp giấy, và dừng quét. **Ghi**

mà nạp đúp giấy không thể bị phát hiện trong phạm vi 30 mm tính từ mép trước của tài liệu.

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).
- Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Nạp đúp giấy].



1 Chọn phương pháp phát hiện.

Phương pháp	Mô tả
Không	Không phát hiện Nạp đúp giấy.
Kiểm tra chồng chéo (siêu âm)	Phát hiện Nạp đúp giấy bằng cách chồng chéo các tài liệu. Khi chọn tùy chọn này, bạn cũng có thể chỉ định hai tùy chọn sau: 1. Chỉ định phạm vi phát hiện theo độ dài từ trên cùng của tài liệu. Tiếp tục đến "Chỉ định khu vực để phát hiện Nạp đúp giấy [Đặc điểm kỹ thuật khu vực kiểm tra tài liệu để phát hiện Nạp đúp giấy]" (trang 181) để biết thêm chi tiết. 2. Bỏ qua Nạp đúp giấy khi có giấy có cùng kích thước được gắn vào một vị trí được chỉ định trên trang. Tiếp tục "Bỏ qua Nạp đúp giấy cho một mẫu đã đặt" (trang 88) để biết thêm chi tiết.

Giới thiệu

chỉ mục

Tổng quan về máy quét

Cách tải tài liệu

Cách sử dụng bảng điều khiển Operator

Nhiều cách khác nhau để quét

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Glossary Appendix

Phương pháp	Mô tả
Kiểm tra độ dài	Phát hiện Nạp đúp giấy bằng sự khác biệt về độ dài của tài liệu. Lưu ý rằng không thể phát hiện chính xác nhiều nguồn cấp dữ liệu khi quét một lô hỗn hợp có kích thước khác nhau.
Kiểm tra chồng chéo và độ dài	Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu bằng cách kết hợp [Kiểm tra chồng chéo (Siêu âm)] và [Kiểm tra độ dài]. Lưu ý rằng không thể phát hiện chính xác nhiều nguồn cấp dữ liệu khi quét một lô hỗn hợp có kích thước khác nhau. Khi chọn tùy chọn này, bạn cũng có thể chỉ định hai tùy chọn sau: - Chỉ định phạm vi phát hiện theo độ dài từ trên cùng của tài liệu. Tiếp tục đến "Chỉ định khu vực để phát hiện Nạp đúp giấy [Đặc điểm kỹ thuật khu vực kiểm tra tài liệu để phát hiện Nạp đúp giấy]" (trang 181) để biết thêm chi tiết. - Bỏ qua Nạp đúp giấy khi có giấy có cùng kích thước được gắn vào một vị trí được chỉ định trên trang. Tiếp tục "Bỏ qua Nạp đúp giấy cho một mẫu đã đặt" (trang 88) để biết thêm chi tiết.
Chiều dài	Chọn chênh lệch chiều dài từ 10/15/20 mm khi phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu bằng sự khác biệt về chiều dài của tài liệu. Bất kỳ độ dài nào dưới giá trị được chỉ định sẽ không được phát hiện là Nạp đúp giấy.

CHÚ Ý

- Để quét tài liệu có độ dài khác nhau, chỉ định [Kiểm tra chồng chéo (Siêu âm)].
- Khi một tệp đính kèm như ghi chú dán, biên lai hoặc ảnh được đính kèm trên tài liệu, phần chồng chéo của tài liệu có thể bị phát hiện sai là nhiều nguồn cấp nếu [Kiểm tra chồng chéo (Siêu âm)] được chỉ định. Trong trường hợp đó, hãy chỉ định [Kiểm tra độ dài].
Tuy nhiên, lưu ý rằng bạn vẫn có thể sử dụng [Kiểm tra chồng chéo (Siêu âm)] bằng cách hạn chế phạm vi phát hiện.

BẬT MÍ

Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình trong trình điều khiển máy quét. Lưu ý rằng ưu tiên được dành cho cài đặt trình điều khiển máy quét.

Index

Introduction

Scanner Overview

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

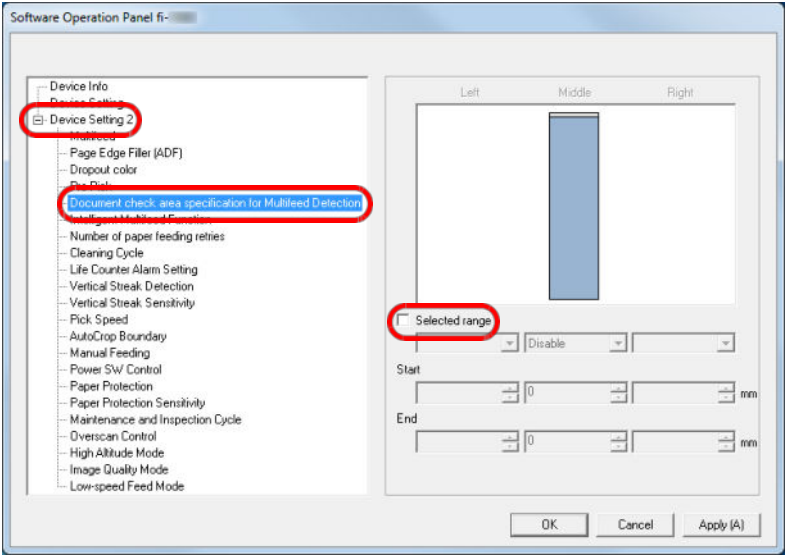
Appendix

Glossary

Chỉ định khu vực để phát hiện Nạp đúp giấy[Đặc điểm kỹ thuật khu vực kiểm tra tài liệu cho Phát hiện Nạp đúp giấy]

Cài đặt sau đây chỉ khả dụng khi bạn chỉ định [Kiểm tra chồng chéo (Siêu âm)] hoặc [Kiểm tra chồng chéo và chiều dài].

1. Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2]
→ [Đặc điểm kỹ thuật khu vực kiểm tra tài liệu cho Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu].
Chọn hộp kiểm [Phạm vi đã chọn] trong cửa sổ.



1 Chỉ định phạm vi phát hiện.

Phạm vi	Mô tả
Phạm vi đã chọn	Chọn hộp kiểm để chỉ định phạm vi phát hiện (có màu xanh lam nhạt) trong hình bên dưới. Trung 35 Phạm vi Chỉ đường Đơn vị: mm Nạp giấy Tài liệu Chọn hộp kiểm để bật cài đặt trong cửa sổ này. Bỏ chọn hộp kiểm để tắt cài đặt. Bỏ chọn hộp kiểm này đặt cả vị trí bắt đầu và kết thúc thành "0", làm cho toàn bộ tài liệu được phát hiện cho nhiều nguồn cấp dữ liệu. Điều kiện trên áp dụng khi tài liệu được đặt ở giữa chiều rộng lô nhật giấy. Không thể phát hiện Nạp đúp giấy cho 30 mm trên cùng của tài liệu.
Vô hiệu hóa (giữa)	Không phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu cho khu vực đã chọn.
Kích hoạt	Phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu cho khu vực đã chọn.

Contents
Index
Introduction
Scanner Overview
How to Load Documents
How to Use the Operator Panel
Various Ways to Scan
Daily Care
Replacing the Consumables
Troubleshooting
Operational Settings
Appendix
Glossary

Phạm vi	Mô tả
Bắt đầu (Giữa)	Hiển thị vị trí bắt đầu của phát hiện theo độ dài tính từ cạnh trước của tài liệu. Phạm vi: 0 đến 510 mm, với gia số 2 mm, Bắt đầu < Kết thúc
Kết thúc (Giữa)	Hiển thị vị trí kết thúc của phát hiện theo chiều dài tính từ cạnh trước của tài liệu. Phạm vi: 0 đến 510 mm, với gia số 2 mm, Bắt đầu < Kết thúc

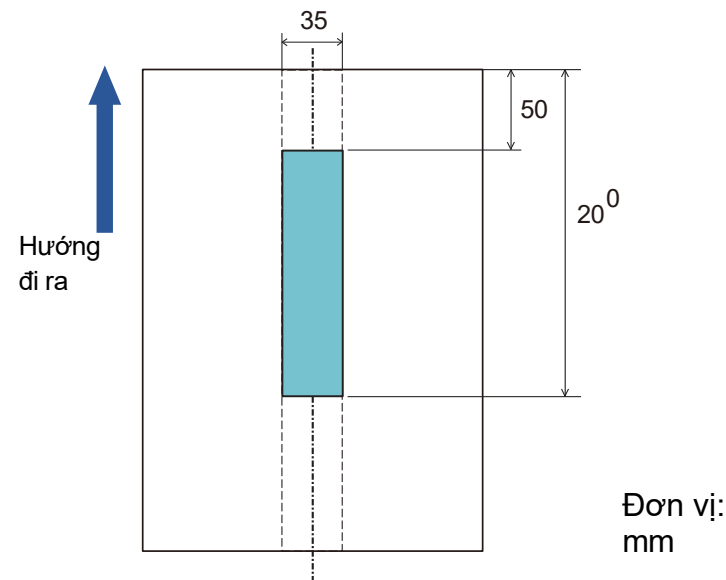
BẬT MÍ

- Khi cả [Bắt đầu] và [Kết thúc] được đặt thành "0", tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu sẽ được thực hiện cho toàn bộ khu vực bất kể nó được bật hay tắt.
- Để tắt tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu cho toàn bộ tài liệu, hãy chọn [Tắt] và đặt vị trí bắt đầu thành "0" và vị trí kết thúc bằng độ dài tài liệu hoặc dài hơn.
- Nếu bạn đặt giá trị lớn hơn độ dài tài liệu cho vị trí bắt đầu, chọn [Tắt] sẽ phát hiện toàn bộ độ dài của tài liệu và chọn [Bật] sẽ tắt tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu.
- Để phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu, phạm vi phát hiện phải có chiều dài ít nhất là 5 mm.
Định cấu hình cài đặt sao cho giá trị của vị trí kết thúc trừ đi vị trí bắt đầu từ 6 mm trở lên.
- Bạn cũng có thể đặt vị trí bắt đầu và kết thúc bằng các phương pháp sau:
 - Vẽ một khu vực bằng chuột trên hình ảnh được hiển thị.
 - Kéo tay cầm cho các vị trí [Bắt đầu] và [Kết thúc] trên hình ảnh được hiển thị.

Ví dụ 1:

Chức vụ: Giữa

Phạm vi đã chọn = Kích hoạt, Bắt đầu = 50 mm, Kết thúc = 200 mm



Nạp đúp giấy chỉ được phát hiện trong khu vực màu xanh lam nhạt.

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational

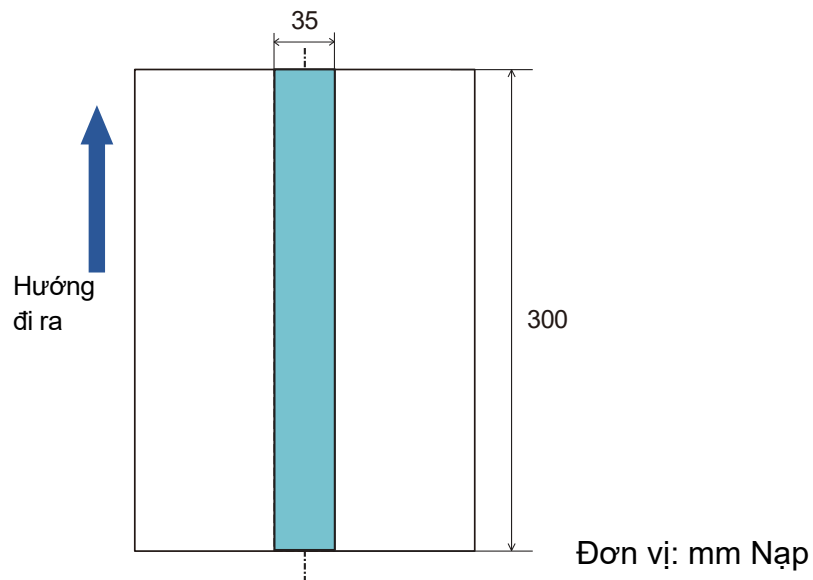
Appendix

Glossary

Ví dụ 2:

Vị trí: Giữa

Phạm vi đã chọn = Kích hoạt, Bắt đầu = 0 mm, Kết thúc = 300 mm



đúp giấy chỉ được phát hiện trong khu vực màu xanh

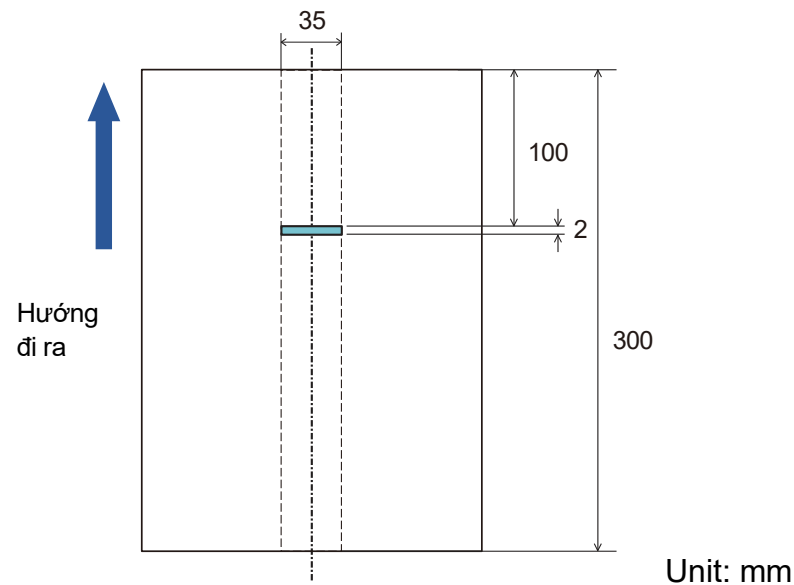
BẬT MÍ

Khi bạn sử dụng tính năng phát hiện bằng cách chồng lên nhau, độ chính xác của tính năng phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu có thể giảm nếu các tài liệu được dán chắc chắn hoặc được gắn vào nhau bằng tính điện

Ví dụ 3: (Ví dụ xấu)

Chức vụ: Giữa

Phạm vi đã chọn = Kích hoạt, Bắt đầu = 100 mm, Kết thúc = 102 mm



Vì phạm vi phát hiện (chiều dài) nhỏ hơn 5 mm, Nạp đúp giấy không thể được phát hiện chính xác.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

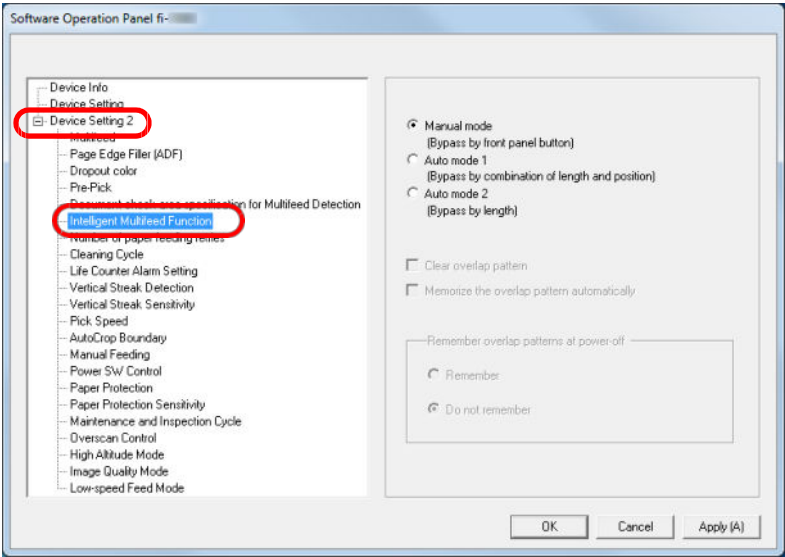
Appendix

Glossary

Chỉ định khu vực không phát hiện Nạp đúp giấy[Chức năng Nạp đúp giấy thông minh]

Khi có giấy có cùng kích thước được gắn vào một vị trí được chỉ định trên trang, máy quét sẽ ghi nhớ vị trí của tệp đính kèm và có thể được cấu hình để không phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu cho vị trí đó. Lưu ý rằng trước tiên bạn cần chọn [Kiểm tra chồng chéo (Siêu âm)] hoặc [Kiểm tra chồng chéo và chiều dài] trong trình điều khiển máy quét hoặc cài đặt phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu trong "Chỉ định phương pháp phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu [Nhiều nguồn cấp dữ liệu]" (trang 179).

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).
2. Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Chức năng nạp đúp giấy thông minh].



1 Chỉ định chế độ hoạt động.

Mode	Mô tả
Chế độ thủ công	Bỏ qua Nạp đúp giấy khi bạn nạp lại tài liệu vào máng giấy ADF (khay nạp) và quét lại. Không ghi nhớ kích thước hoặc vị trí của tệp đính kèm giấy khi phát hiện Nạp đúp giấy.
Chế độ tự động 1	Ghi nhớ kích thước và vị trí của tệp đính kèm giấy khi phát hiện Nạp đúp giấy. Mẫu được ghi nhớ là bỏ qua từ lần quét tiếp theo.
Chế độ tự động 2	Ghi nhớ kích thước của tệp đính kèm giấy khi phát hiện Nạp đúp giấy. Mẫu được ghi nhớ (bao gồm bất kỳ độ dài nào nhỏ hơn tệp đính kèm) là bỏ qua từ lần quét tiếp theo.

BẬT MÍ

- Bằng cách chọn hộp kiểm [Xóa mẫu chồng chéo], bạn có thể xóa các mẫu chồng chéo (độ dài, vị trí) đã được ghi nhớ ở chế độ Tự động.
- Bằng cách chọn hộp kiểm [Tự động ghi nhớ mẫu chồng chéo], bạn có thể Kích hoạt chức năng ghi nhớ mẫu chồng chéo khi phát hiện thấy tài liệu chồng chéo ở chế độ Tự động.
- Trong [Ghi nhớ các mẫu chồng chéo khi tắt nguồn], bạn có thể chọn có giữ nguyên mẫu chồng chéo khi tắt nguồn hay không. Khi chọn [Nhớ], bạn có thể sử dụng các mẫu chồng chéo gần đây nhất được ghi nhớ ở chế độ Tự động 1 (cho tám tài liệu) và mẫu chồng chéo được ghi nhớ ở chế độ Tự động 2 vào lần bật nguồn máy quét tiếp theo.
- Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình bằng bảng điều khiển

Để biết chi tiết về quy trình sau bước này, hãy tham khảo "Bỏ qua

[Nạp đúp giấy](#) cho một mẫu thiết lập" ([trang 88](#)).

8.7 Cài đặt liên quan đến thời gian chờ đợi

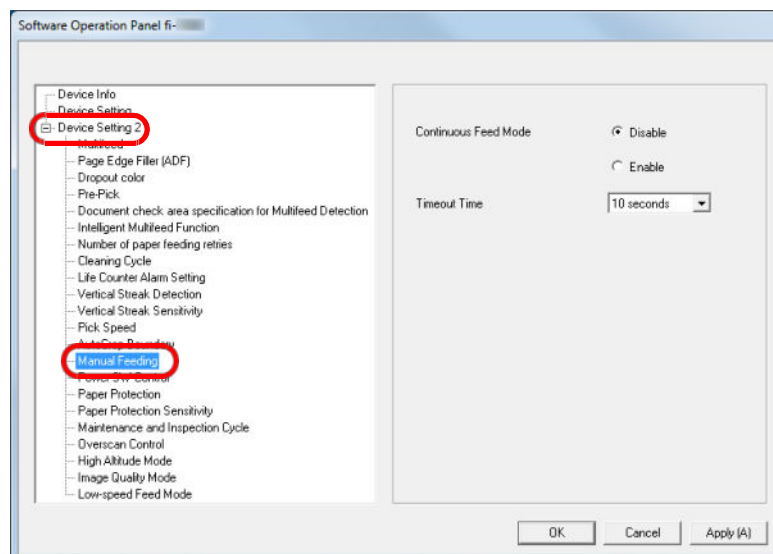
Thời gian chờ khi nạp giấy thủ công [Nạp giấy thủ công]

Khi bạn quét bằng cách nạp thủ công từng tờ một, bạn có thể chỉ định thời gian chờ (khoảng thời gian) để nạp tài liệu tiếp theo vào máng giấy ADF (khay nạp). Điều này cho phép quét liên tục miễn là bạn tải tài liệu trong thời gian quy định. Nếu vượt quá thời gian quy định, quá trình quét sẽ tự động kết thúc và nạp thủ công sẽ bị hủy.

Lưu ý rằng bạn cũng có thể nhấn nút [Dừng/Xóa] trên bảng điều khiển để hủy nạp thủ công.

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm"](#) (trang 146).

↔ Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Nạp giấy thủ công].



2. Đặt [Thời gian chờ].

Đối với [Thời gian chờ], chỉ định khoảng thời gian mà máy quét chờ để xác nhận rằng không có tài liệu nào được nạp vào máng giấy ADF (khay nạp), là khoảng thời gian giữa thời gian máy quét tài liệu cuối cùng và thời gian máy quét kiểm tra xem tài liệu tiếp theo cần quét có được nạp hay không.

1. Khi quét nhiều tài liệu liên tiếp theo cách thủ công.
 1. Chọn tùy chọn Bật cho [Chế độ cấp dữ liệu liên tục].
 2. Chọn thời gian cho [Thời gian chờ].

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

1. Khi quét tài liệu gấp đôi hoặc một tài liệu như phong bì hoặc giấy đa dạng theo cách thủ công

1. Trượt công tắc chế độ nạp sang trái để chuyển chế độ nạp sang chế độ Thủ công / Đơn.

2. Chọn thời gian cho [Thời gian chờ].

BẬT MÍ

1. Khi bật [Chế độ nạp liên tục], máy quét sẽ đợi tài liệu tiếp theo được nạp cho đến khi hết thời gian quy định ngay cả khi bạn bắt đầu quét mà không có tài liệu trong máng giấy ADF (khay nạp).
2. Khi công tắc chế độ nạp được đặt thành Chế độ Thủ công/Đơn, ngay cả khi tùy chọn Bật được chọn cho [Chế độ nạp liên tục] trong [Cấp liệu thủ công], máy quét sẽ hoạt động ở chế độ Thủ công/Đơn.
3. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

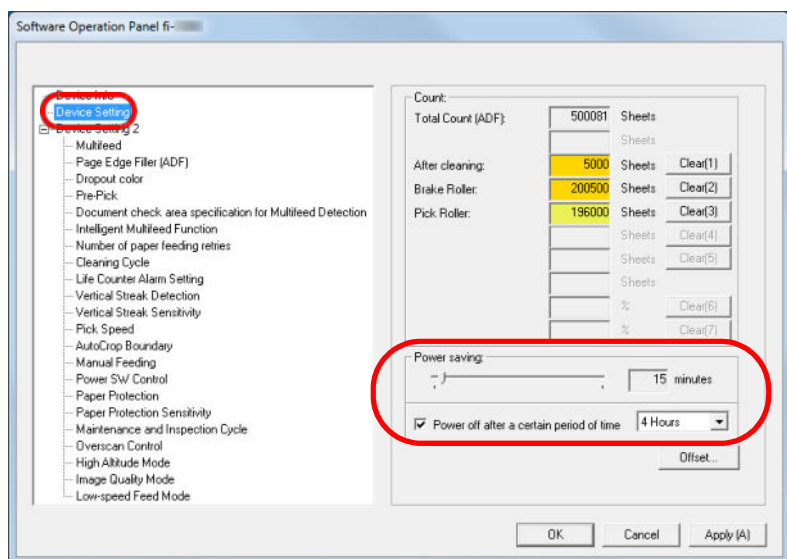
Appendix

Glossary

Thời gian chờ máy quét vào chế độ tiết kiệm năng lượng [Tiết kiệm năng lượng]

Thời gian chờ máy quét chuyển sang chế độ tiết kiệm năng lượng có thể được chỉ định.

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).
2. Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị].



1. Sử dụng thanh trượt để chỉ định thời gian chờ máy quét vào chế độ tiết kiệm năng lượng.
Giá trị có thể nằm trong khoảng từ 5 đến 115 phút (với gia số 5).

BẬT MÍ

1. Chọn hộp kiểm [Tắt nguồn sau một khoảng thời gian nhất định] sẽ tự động tắt nguồn nếu máy quét được bật trong một khoảng thời gian nhất định mà không được sử dụng. Bạn có thể chọn khoảng thời gian chờ để máy quét tự động tắt bởi [1 giờ]/[2 giờ]/[4 giờ]/[8 giờ].
2. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

8.8 Cài đặt liên quan đến BẬT / TẮT nguồn

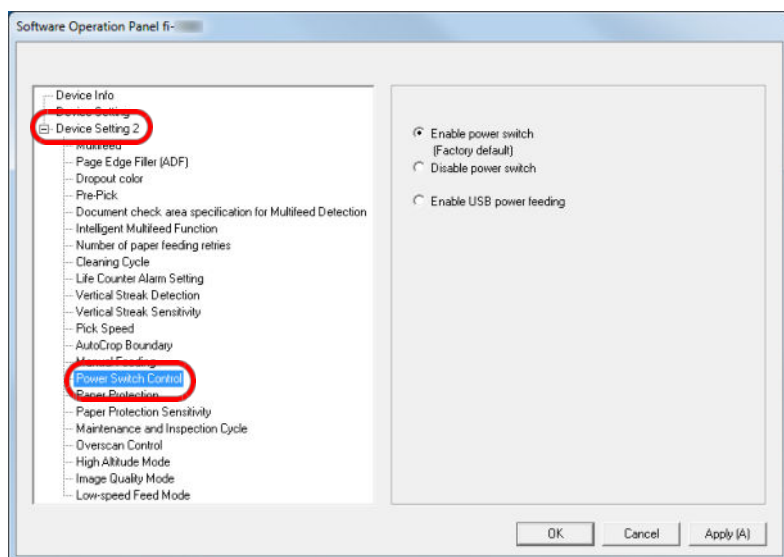
Phương pháp BẬT / TẮT máy quét [Điều khiển công tắc nguồn]

Phương pháp bật/tắt nguồn máy quét có thể được chỉ định từ một trong các cách sau:

1. Nhấn nút [Nguồn] trên bảng điều khiển
2. Sử dụng dải nguồn AC để điều khiển nguồn điện cho các thiết bị ngoại vi như máy quét phù hợp với nguồn điện của máy tính.
3. Bật / tắt máy quét phù hợp với nguồn điện của máy tính.

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).

2. Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Điều khiển công tắc nguồn].



1. Chọn một trong các tùy chọn sau:
[Bật công tắc nguồn]: Nhấn nút [Nguồn] trên người vận hành Bảng.
[Tắt công tắc nguồn]: Sử dụng dải nguồn AC để điều khiển nguồn cung cấp cho các thiết bị ngoại vi như máy quét phù hợp với nguồn điện của máy tính.
[Bật cấp nguồn USB]: Bật / tắt máy quét phù hợp với sức mạnh của máy tính.

CHÚ Ý

1. Khi bạn chọn [Tắt công tắc nguồn], máy quét không bị tắt ngay cả khi hộp kiểm [Tắt nguồn sau một khoảng thời gian nhất định] được chọn trong [Cài đặt thiết bị] trên Bảng điều khiển phần mềm.
2. Một số loại máy tính và bộ chia USB tiếp tục cung cấp năng lượng cho bus USB ngay cả sau khi máy tính đã tắt. Trong trường hợp đó, chế độ [Bật cấp nguồn USB] có thể không hoạt động bình thường.

8.9 Cài đặt liên quan đến bảo trì máy quét

Phát hiện vệt dọc [Phát hiện vệt dọc]

Chọn bật hay tắt tính năng phát hiện vệt dọc.

Sau khi bật cài đặt này, nhấp **[MENU]** nhảy trên màn hình LCD khi có thể xuất hiện vệt dọc trong hình ảnh được quét qua ADF.

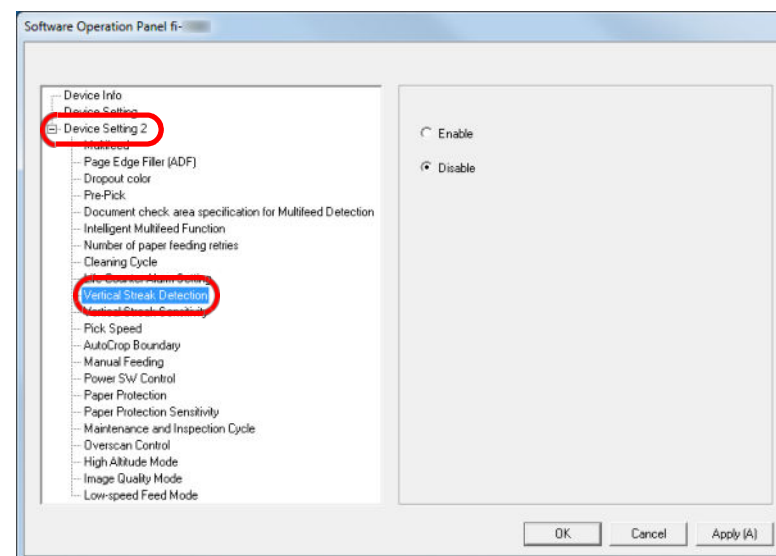
[Kính sạch!] cũng nhấp nhảy ở dòng thứ hai trong màn hình [Sẵn sàng].

Kiểm tra thông tin, sau đó làm sạch kính.

Để biết chi tiết về cách kiểm tra thông tin, hãy tham khảo "[Kiểm tra thông tin](#)" (trang 60).

Để biết chi tiết về việc làm sạch, hãy tham khảo "[Chương 5 Chăm sóc hàng ngày](#)" (trang 93).

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm](#)" (trang 146).
- ↕ Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Phát hiện vệt dọc].



1. Chọn bật hay tắt [Phát hiện vệt dọc].
Khi bạn chọn [Bật], máy quét sẽ phát hiện các vệt dọc (bụi bẩn trên kính) trong khi quét bằng ADF.

BẬT MÍ

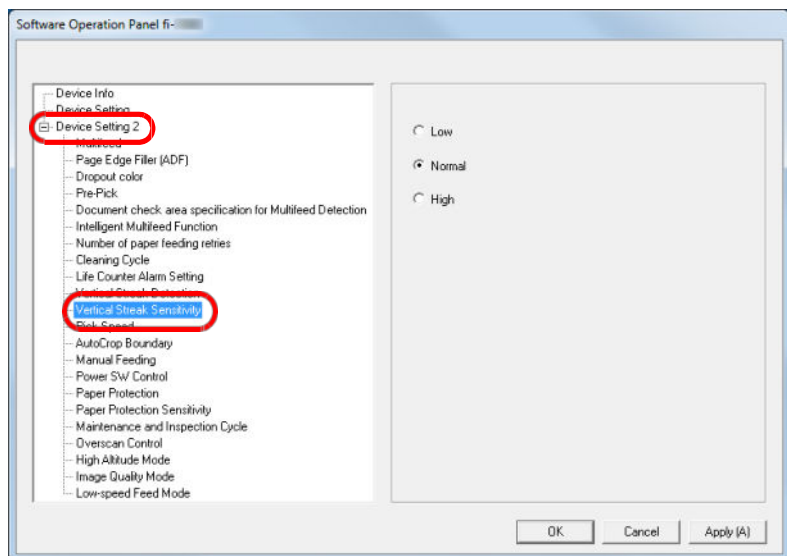
Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển.

Chỉ định mức độ nhạy để phát hiện vết dọc [Độ nhạy vết dọc]

Chỉ định mức độ nhạy để phát hiện các vết dọc (bụi bẩn trên kính) khi bật tính năng phát hiện vết dọc.

Chọn [Thấp] để chỉ phát hiện một lượng lớn bụi bẩn trên kính. Chọn [Cao] để cũng phát hiện một lượng nhỏ bụi bẩn trên kính.

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo "[8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm](#)" (trang 146).
2. Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Độ nhạy vết dọc].



1. Chỉ định mức độ nhạy.
Thấp: Giảm mức độ nhạy để phát hiện bụi bẩn trên kính.
Bình thường: Theo dõi bụi bẩn trên kính với **độ nhạy** Bình thường.

Giữ cài đặt này để **Bình thường** sử dụng.

Cao: Tăng mức độ nhạy để phát hiện bụi bẩn trên kính.

BẬT MÍ

1. Nếu [Làm sạch kính!] thường xuyên nhấp nháy ở dòng thứ hai trong màn hình [Sẵn sàng], hãy chọn [Thấp].
2. Cài đặt này cũng có thể được định cấu hình với bảng điều khiển

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Chu kỳ bảo trì và kiểm tra máy quét [Chu kỳ bảo trì và kiểm tra]

Chỉ định chu kỳ bảo trì và kiểm tra thường xuyên được thực hiện trên máy quét bởi kỹ sư dịch vụ.

Khi khoảng thời gian quy định đã trôi qua sau thời gian thường xuyên cuối cùng

ngày bảo trì và kiểm tra, nhấp **MENU** nháy trên màn hình LCD.

Trong trường hợp này, [bảo trì] nhấp nháy trên dòng thứ hai trong màn hình [Sẵn sàng].

Kiểm tra thông tin và thực hiện bảo trì và kiểm tra thường xuyên trên máy quét bởi kỹ sư dịch vụ.

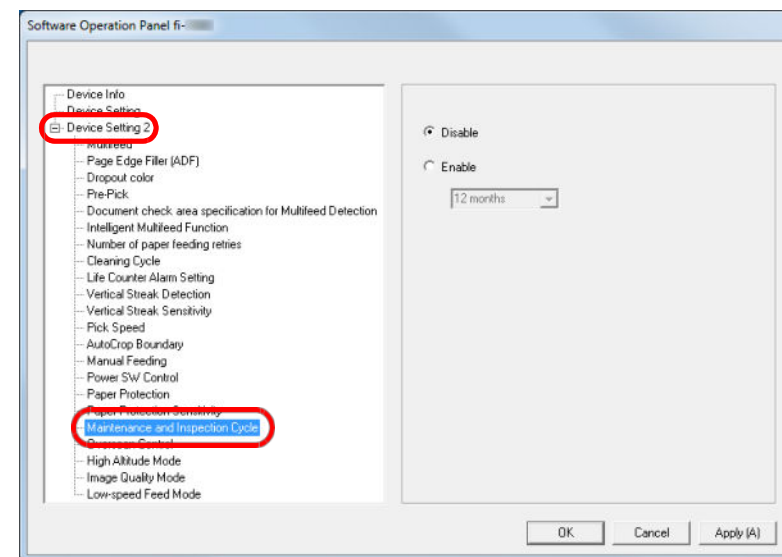
Để biết chi tiết về cách kiểm tra thông tin, hãy tham khảo "Kiểm tra thông tin" (trang 60).

Để được kỹ sư dịch vụ bảo trì và kiểm tra máy quét thường xuyên, hãy liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn.

1. Khởi động Bảng điều hành phần mềm.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo "8.1 Khởi động bảng điều khiển phần mềm" (trang 146).

1. Từ danh sách bên trái, chọn [Cài đặt thiết bị 2] → [Chu kỳ bảo trì và kiểm tra].



1. Chọn bật hay tắt [Chu kỳ bảo trì và kiểm tra].
Nếu bạn chọn [Bật], hãy chọn một chu kỳ cho việc bảo trì và kiểm tra thường xuyên được thực hiện trên máy quét bởi kỹ sư dịch vụ.

Nội dung
chỉ mục

Giới thiệu

Tổng
quan về
máy quét

Cách tải tài liệu

Cách sử dụng
bảng điều khiển
Operator

Nhiều cách
khác nhau để
quét

Chăm sóc hàng
ngày

Thay thế
Consumables

Troubleshooting

Appendix

Glossary

Phụ lục

Phụ lục này cung cấp thông tin sau.

1. Đặc điểm kỹ thuật cơ bản	193
2. Đặc điểm kỹ thuật cài đặt	196
3. Kích thước bên ngoài	197
4. Tùy chọn máy quét	198
A.1 Gỡ cài đặt phần mềm	199

[TOP](#)[Contents](#)[Index](#)[Introduction](#)[Scanner
Overview](#)[How to Load
Documents](#)[How to Use the
Operator Panel](#)[Various Ways to
Scan](#)[Daily Care](#)[Replacing the
Consumables](#)[Troubleshooting](#)[Operational
Settings](#)[Appendix](#)[Glossary](#)

A.1 Kỹ thuật cơ bản

Mục		Kĩ thuật		Ghi chú
		fi-7460	fi-7480	
Loại máy quét		ADF		Nạp giấy thủ công (Đơn / Liên tục) có sẵn.
Cảm biến hình ảnh		Color CCD × 2 (Mặt trước, mặt sau)		-
Nguồn sáng		White LED × 4 (Mặt trước × 2, Mặt sau × 2)		-
Khu vực quét	Kích thước tối thiểu (chiều rộng × chiều dài)	50.8 × 69 mm/2 × 2.72 in.		
	Kích thước tối đa (chiều rộng × chiều dài)	Chân dung A3 (297 × 420 mm/11,7 inch × 16,5 inch) 12 × 17 inch.		(*1)
Trọng lượng giấy (độ dày)		27 đến 413 g / m2 (7,2 đến 110 lb) 127 đến 209 g/m2 (34 đến 56 lb) đối với khổ A8 1,4 mm trở xuống đối với thẻ nhựa (* 2)		-
Tốc độ quét (A4 phong cảnh) (*3)	Nhi phân (đen trắng)	Một mặt: 60 trang/phút, Hai mặt: 120 ảnh/phút	Một mặt: 80 trang/phút, Hai mặt: 160 ảnh/phút	300 dpi
	Thang độ xám			
	Màu			
Tải trọng (* 4)		A4: 100 tờ A3: 50 tờ		Trọng lượng giấy: 80 g / m2 (20 lb)
Độ phân giải quang học		600 dpi		-

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Mục		Kĩ thuật		Ghi chú
		fi-7460	fi-7480	
Độ phân giải đầu ra	Nhị phân (đen trắng)	50 đến 600 dpi, 1200 dpi		50 đến 600 dpi: có thể định cấu hình với giá số 1 dpi 1.200 dpi: Được tạo bởi trình điều khiển máy quét
	Thang độ xám			
	Màu			
Mức độ thang độ xám	Nhị phân (đen trắng)	1-bit		12-bit cho mỗi màu trong quá trình xử lý nội bộ
	Thang độ xám	8-bit		
	Màu	24-bit		
Giao diện		USB 3.0/2.0/1.1 (*5)		Loại B
LCD		Màn hình: FSTN (đen trắng) Chấm hiển thị: 110 × 65 chấm Dòng hiển thị: 16 × 5 (ký tự × hàng)		Đi kèm với đèn nền

*1: Quét trang dài hỗ trợ tài liệu có chiều dài lên đến 5.588 mm (220 in.) khi độ phân giải được đặt thành 200 dpi trở xuống.
*2: Khi quét thẻ nhựa từ ADF, bạn có thể nạp tối đa 3 thẻ vào máng giấy ADF (khay nạp).
*3: Lưu ý rằng đây là giới hạn phần cứng và thời gian xử lý của phần mềm như thời gian truyền dữ liệu được cộng vào thời gian quét thực tế.
Môi trường hệ thống được sử dụng để đo tốc độ quét như sau:

Hệ điều hành	Windows 10
CPU	Intel® Core™ i3-10105 3.7 GHz
Bộ nhớ	8 GB
Kho chứa	SSD

*4: Dung lượng khác nhau tùy thuộc vào trọng lượng giấy.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo ["2.2 Tài liệu để quét"](#) (trang 41).

Index

Introduction

Scanner Overview

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Thay thế Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

*5: Sử dụng cáp USB được cung cấp.
Khi kết nối cáp USB với bộ chia USB, hãy đảm bảo rằng bạn kết nối nó với bộ chia USB được kết nối với cổng USB của máy tính.
Kết nối với USB 3.0 / 2.0 yêu cầu cổng USB và trung tâm hỗ trợ USB 3.0 / 2.0. Cũng lưu ý rằng tốc độ quét chậm lại khi sử dụng USB 1.1.

Nội dung
chỉ mục
Giới thiệu
Scanner Overview
How to Load Documents
How to Use the Operator Panel
Various Ways to Scan
Daily Care
Replacing the Consumables
Troubleshooting
Operational Settings

A.2 Đặc điểm kỹ thuật cài đặt

Mục		Kĩ thuật	
		fi-7460	fi-7480
Kích thước bên ngoài (W × D × H) (*1)		380 × 209 × 168 mm / 14.96 × 8.23 × 6.61 in.	
Mẫu được hỗ trợ (W × D × H) (*2)		580 × 957 × 552 mm / 22.83 × 37.68 × 21.73 in.	
Trọng lượng		7.6 kg (16.76 lb)	
Nguồn điện đầu vào	Dải điện áp	AC 100 đến 240 V ± 10%	
	Pha	Một pha	
	Dải tần số	50/60 Hz ± 3 Hz	
Công suất tiêu thụ	Hoạt động	36 W hoặc ít hơn	43 W hoặc ít hơn
	Tiết kiệm năng lượng	1.40 W hoặc ít hơn	
	TẮT nguồn	0.30 W hoặc ít hơn	
Điều kiện môi trường xung quanh	Nhiệt độ	Hoạt động: 5 đến 35 ° C (41 đến 95 ° F), Không hoạt động: -20 đến 60 ° C (-4 đến 140 ° F)	
	Độ ẩm	Hoạt động: 20 đến 80%, Không hoạt động: 8 đến 95%	
Nhiệt trị	Hoạt động	30.96 kcal/Hr hoặc ít hơn	37.00 kcal/Hr hoặc ít hơn
	Tiết kiệm năng lượng	1.21 kcal/Hr hoặc ít hơn	
	TẮT nguồn	0.26 kcal/Hr hoặc ít hơn	
Trọng lượng vận chuyển (*3)		9.9 kg (21.83 lb)	
Thời gian hỗ trợ		5 năm	

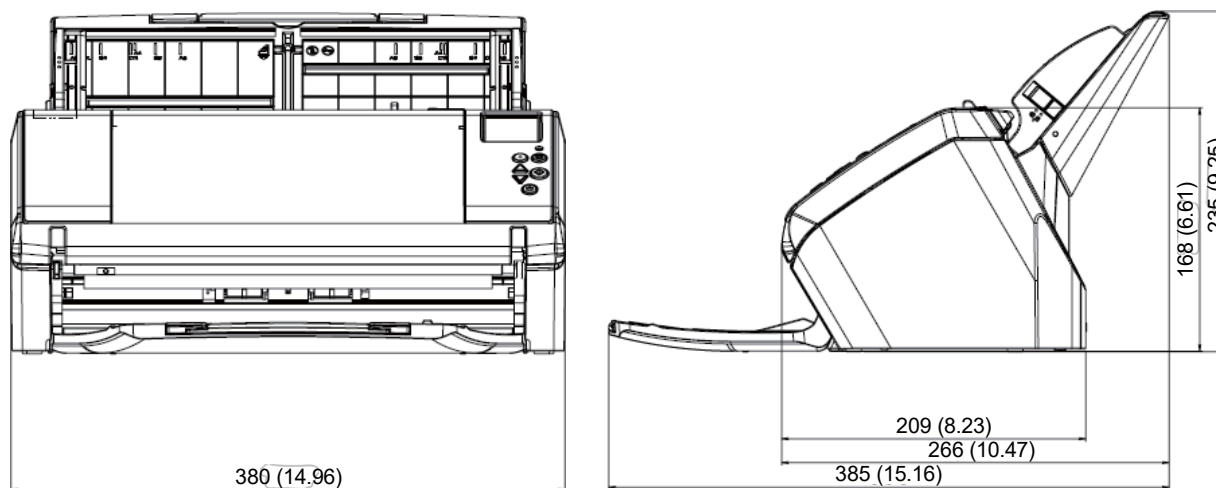
*1: Độ sâu không bao gồm máng giấy ADF (khay nạp) và Ngăn xếp.

*2: Không gian lắp đặt cần thiết là tài liệu tham khảo để quét tài liệu khổ A3.

*3: Bao gồm trọng lượng gói hàng.

A.3 Kích thước bên ngoài

Kích thước bên ngoài như sau:



Đơn vị: mm (in.)

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

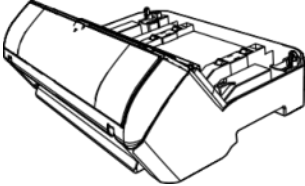
Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

**Operational
Settings**

A.4 Tùy chọn máy quét

Tên	Part Không.	Mẫu được hỗ trợ	Mô tả
fi-748PRB 	PA03710-D401	fi-7460 fi-7480	Một máy in tùy chọn có thể in văn bản (chẳng hạn như bảng chữ cái và số) trên Mặt sau của tài liệu sau khi quét. Nó có thể được sử dụng để sắp xếp tài liệu của bạn bằng cách in tên, ngày tháng hoặc số sê-ri trên tài liệu được quét. Để biết chi tiết, hãy tham khảo Hướng dẫn vận hành máy in fi-748PRB.

Để biết chi tiết về cách mua các tùy chọn máy quét và thêm thông tin, hãy liên hệ với nhà phân phối / đại lý nơi bạn mua sản phẩm này.

Contents
Index
Introduction
Scanner Overview
How to Load Documents
How to Use the Operator Panel
Various Ways to Scan
Daily Care
Replacing the Consumables
Troubleshooting
Operational Settings

A.5 Gỡ cài đặt phần mềm

1. Bật máy tính và đăng nhập vào Windows với tư cách người dùng có đặc quyền quản trị viên.
2. Thoát khỏi tất cả các phần mềm đang chạy.
3. Hiện thị cửa sổ [Bảng điều khiển].
 1. Windows 10 / Windows Server 2016 / Windows Server 2019 / Windows Server 2022
Nhấp vào menu [Bắt đầu] → [Hệ thống Windows] → [Bảng điều khiển].
 2. Cửa sổ 11
Nhấp vào menu [Bắt đầu] → [Tất cả ứng dụng] → [Công cụ Windows] và nhấp đúp vào [Bảng điều khiển].
4. Chọn [Gỡ cài đặt chương trình].
 1. Cửa sổ [Chương trình và Tính năng] xuất hiện với danh sách phần mềm hiện được cài đặt.
2. Chọn một phần mềm để gỡ cài đặt.
 1. Khi gỡ cài đặt trình điều khiển IP PaperStream Chọn một trong các tùy chọn sau:
 1. IP PaperStream (TWAIN)
 2. IP PaperStream (TWAIN x64)
 3. Gói PaperStream IP (ISIS)
 2. Khi gỡ cài đặt Bảng điều khiển phần mềm, hãy chọn [Bảng điều khiển phần mềm].
Bảng điều khiển phần mềm được cài đặt cùng với trình điều khiển IP PaperStream.
 3. Khi gỡ cài đặt Hướng dẫn khôi phục lỗi, hãy chọn [Hướng dẫn khôi phục lỗi cho fi-7460/7480].
 4. Khi gỡ cài đặt PaperStream ClickScan, chọn [PaperStream ClickScan].
 5. Khi gỡ cài đặt tùy chọn PDF có thể tìm kiếm của PaperStream ClickScan
Chọn [Tùy chọn PDF có thể tìm kiếm của PaperStream ClickScan].

1. Khi gỡ cài đặt PaperStream Capture / PaperStream Capture Pro (ĐÁNH GIÁ)
Chọn [PaperStream Capture].
 2. Khi gỡ cài đặt ABBYY FineReader cho ScanSnap™
Chọn [ABBYY FineReader cho ScanSnap (TM)].
 3. Khi gỡ cài đặt hướng dẫn sử dụng
Chọn [hướng dẫn sử dụng sê-ri fi cho fi-7460/7480].
4. Khi gỡ cài đặt Tác nhân quản trị trung tâm máy quét, hãy chọn [Tác nhân quản trị trung tâm máy quét].
5. Khi gỡ cài đặt fi Series Online Update, Chọn [fi Series Online Update].
 1. Nhấp vào nút [Gỡ cài đặt] hoặc nút [Gỡ cài đặt / Thay đổi].
 2. Nếu thông báo xác nhận xuất hiện, hãy nhấp vào [OK] hoặc [C
 1. Phần mềm đã được gỡ cài đặt.

TOP

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

Liên hệ để có thắc mắc

Liên hệ để có thắc mắc

Tham khảo danh sách liên hệ trên trang web sau:

<https://www.pfu.ricoh.com/r/ctl/>

1. ABBYY FineReader cho ScanSnap™.

1. Windows 10 / Windows Server 2016 / Windows Server 2019 / Windows Server 2022

Chọn menu [Bắt đầu] → [ABBYY FineReader cho ScanSnap (TM)] → [Hướng dẫn sử dụng] → [Hỗ trợ kỹ thuật].

2. Cửa sổ 11

Chọn menu [Bắt đầu] → [Tất cả ứng dụng] → [ABBYY FineReader cho ScanSnap (TM)] → [Hướng dẫn sử dụng] → [Hỗ trợ kỹ thuật].

1. Máy quét hình ảnh fi Series

Đối với các thắc mắc khác liên quan đến máy quét, hãy tham khảo trang web sau:

<https://www.pfu.ricoh.com/global/scanners/fi/support/>

Nếu không thể tìm thấy giải pháp cho vấn đề của bạn trên web trang, hãy tham khảo thông tin liên hệ của nhà phân phối / đại lý của bạn trên web trang sau:

<https://www.pfu.ricoh.com/global/scanners/inquiry.html>

Liên hệ để mua vật tư tiêu hao hoặc vật liệu làm sạch

<https://www.pfu.ricoh.com/r/ctl/>

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Thuật ngữ

[Contents](#)
[Index](#)
[Introduction](#)

A

[A4 size](#)
[A5 size](#)
[A6 size](#)
[A7 size](#)
[A8 size](#)
[ADF \(Automatic Document Feeder\)](#)
[Ambient conditions](#)

B

[Blank Trang Skip Lô](#)

C

D

[Cảm biến hình ảnh](#)
[Default setting](#)
[Density](#)
[Device errors](#)
[Di](#)
[th](#)
[er](#)

E

[Document sensor Double](#)
[Letter size dpi \(dots per](#)
[inch\) Driver](#)
[Dropout color](#)
[Duplex scanning Chế độ](#)
[Edge Extract Eject](#)
[roller Emphasis Error](#)
[diffusion](#)

F

[Feed roller Filter](#)

G

[Gamma Grayscale](#)

H

[Halftone](#)
[Image](#)
[processing](#)
[Imprinter](#)
[Intelligent Nạp đúp](#)
[giấyFunction Interface](#)
[Inversi](#)
[on](#)
[ISIS](#)
[Job Separator](#)
[Lands](#)
[cape](#)
[Legal](#)
[size](#)
[Letter](#)
[size](#)
[Mô](#)
[hình](#)
[Moiré](#)
[Nhiều](#)
[hình ảnh](#)
[nh](#)
[Nạp](#)
[đúp](#)
[giấy](#)
[Loại bỏ tiếng ồn](#)
[OCR \(Nhận dạng ký tự quang học \)](#)

Operator panel Quét trần viền	Scanner Overview	I	
Paper jam Paper Protection Patch code	How to Load Documents		P
Lô nhặt giấy Pick start time Pixel Portrait Pre-pick	How to Use the Operator Panel	J	
Resolution	Various Ways to Scan	L	
Chế độ quét đơn giản Làm mịn	Daily Care	M	
Lỗi tạm thời Ngưỡng TWAIN	Replacing the Consumables	N	R
		O	S
	Troubleshooting		
	Operational Settings		T
	Appendix		

U

Cảm biến siêu âm

USB

W

Tờ tham khảo màu
trắng

Contents

Index

Introduction

Scanner
Overview

How to Load
Documents

How to Use the
Operator Panel

Various Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

A

Kích thước A4

Kích thước giấy tiêu chuẩn là 210 × 297 mm (8,27 × 11,7 in.).

Kích thước A5

Kích thước giấy tiêu chuẩn là 148 × 210 mm (5,83 × 8,27 in.).

Kích thước A6

Kích thước giấy tiêu chuẩn là 105 × 148 mm (4.13 × 5.83 in.).

Kích thước A7

Kích thước giấy tiêu chuẩn là 74 × 105 mm (2.91 × 4.13 in.).

Kích thước A8

Kích thước giấy tiêu chuẩn là 52 × 74 mm (2,05 × 2,91 in.).

ADF (Khay nạp tài liệu tự động)

Cơ chế nạp giấy cho phép quét nhiều tờ tài liệu cùng một lúc.

Điều kiện môi trường xung quanh

Các điều kiện (chẳng hạn như nhiệt độ và độ ẩm) cần thiết để vận hành hoặc cất giữ máy quét.

Tự động phát hiện kích thước/độ lệch

Phát hiện kết thúc trang:

Phát hiện phần cuối của trang và quét độ dài của tài liệu.

Tự động phát hiện kích thước trang:

Phát hiện kích thước giấy và xuất dữ liệu hình ảnh ở cùng kích thước.

Nền màu đen:

Đặt màu nền thành màu đen để quét.

B

Bỏ qua trang trống

Một chức năng phát hiện và tự động xóa các trang trống (trắng hoặc đen) trong một loạt tài liệu.

Lô hãm giấy

Một con lô ngăn nhiều hơn một tờ tài liệu được đưa vào ADF cùng một lúc.

Độ sáng

Đề cập đến độ sáng của hình ảnh được quét.

C

Cảm biến hình ảnh CCD (thiết bị kết hợp điện tích)

Một cảm biến cảm nhận ánh sáng phản xạ từ tài liệu và chuyển đổi nó thành dạng kỹ thuật số. Công nghệ CCD là cơ sở để thu nhận hình ảnh chất lượng cao trong máy quét, máy ảnh và các thiết bị khác.

D

Cài đặt mặc định

(Phần cứng)

Giá trị đặt trước từ nhà máy.

(Phần mềm)

Các giá trị được đặt khi cài đặt phần mềm.

Mật độ

Đề cập đến độ sâu của màu sắc trong hình ảnh.

Lỗi thiết bị

Các lỗi yêu cầu kỹ sư dịch vụ khắc phục sự cố.

Dither

Quá trình mà một nhóm chấm được sắp xếp để tái tạo mật độ thang độ xám. Mật độ thang độ xám được tái tạo bằng cách định cấu hình các mẫu chấm đặt trước. Phương pháp này yêu cầu ít bộ nhớ hơn so với màu xám đa cấp.

Nội dung

Chỉ số

Introduction

Tổng
quan về
máy quét

Cách tải tài liệu

Cách sử dụng
bảng điều khiển
Operator

Nhiều cách
khác nhau để
quét

Chăm sóc hàng
ngày

Thay thế
Consumables

Troubleshooting

OCài đặt
operational

Glossary

Phụ lục

Cảm biến tài liệu

Một cảm biến phát hiện những thay đổi về lượng truyền ánh sáng. Các lỗi nạp giấy như nạp nhiều lần và kẹt giấy được phát hiện bằng cách theo dõi việc chuyển tài liệu.

Kích thước chữ đôi

Kích thước giấy tiêu chuẩn được sử dụng ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác (11 × 17 in.).

DPI (chấm trên inch)

Một phép đo độ phân giải được sử dụng cho máy quét và máy in. DPI cao hơn cho thấy độ phân giải tốt hơn.

Người lái

Một chương trình được thiết kế đặc biệt cho hệ điều hành, cho phép tương tác với thiết bị phần cứng.

Màu bị loại bỏ

Một chức năng loại bỏ một màu được chỉ định khỏi hình ảnh được quét.

Chế độ quét hai mặt

Một chế độ để quét cả hai mặt của tài liệu cùng một lúc. (⇔ Chế độ quét đơn giản)

E**Chiết xuất cạnh**

Một hàm theo dõi ranh giới giữa các vùng đen và trắng, và trích xuất chúng dưới dạng đường viền.

Lô đẩy giấy

Con lô đưa tài liệu từ ADF vào Ngăn xếp.

Nhấn mạnh

Một hàm làm giảm mật độ của các màu sáng (ngoại trừ màu trắng) xung quanh các vùng màu đen. Tăng giá trị cho chức năng này sẽ loại bỏ nhiều hình ảnh chấm và cũng tạo ra hình ảnh "làm mềm".

Khuếch tán lỗi

Phương pháp xử lý hình ảnh halftone (pseudo-grayscale) dựa trên song phương hóa pixel đen trắng. Nó tổng mật độ quang học của một pixel và các pixel liền kề của nó, sau đó di chuyển các pixel đen theo thứ tự mật độ để giảm thiểu sự khác biệt giữa hình ảnh được quét và hình ảnh đầu ra. Bằng cách khuếch tán các lỗi sang các pixel khác, dữ liệu mật độ của các pixel liền kề có thể được song phương hóa. Chức năng này triệt tiêu các mẫu moire của hình ảnh nửa tông chấm như báo và tái tạo sự chuyển màu xám của nó.

F

Lô nạp giấy

Một con lô đưa tài liệu qua ADF.

Bộ lọc

Một chức năng áp dụng một loại quy trình hoạt động của bộ lọc trên hình ảnh được quét. Các loại lọc như sau:

Người xác nhận kỹ thuật số:

Thêm chuỗi ký tự chữ và số vào dữ liệu hình ảnh được quét.

Chất làm đầy cạnh trang:

Điền vào lề của hình ảnh được quét bằng một màu được chỉ định.

G

Gamma

Một đơn vị cho biết những thay đổi về độ sáng của hình ảnh. Nó được thể hiện dưới dạng chức năng của nguồn điện đầu vào cho các thiết bị (chẳng hạn như máy quét và màn hình) và độ sáng của hình ảnh. Nếu tốc độ gamma lớn hơn 1, độ sáng của hình ảnh sẽ tăng lên và ngược lại. Thông thường, đặt tốc độ gamma thành 1 khi tái tạo cùng độ sáng như bản gốc.

Thang độ xám

Một phương pháp thể hiện sự chuyển màu (mật độ) từ đen sang trắng trong 256 cấp độ. Thích hợp để quét hình ảnh như ảnh.

Nội dung

Chỉ số

Introduction

Tổng
quan về
máy quét

Cách tải tài liệu

Cách sử dụng
bảng điều khiển
OperatorNhiều cách
khác nhau để
quétChăm sóc hàng
ngàyThay thế
Consumables

Troubleshooting

Oài đặt
operational

Glossary

H

Nửa điều

Tái tạo mật độ màu đen trắng bằng cách sử dụng các mẫu chấm. Phương pháp này có hiệu quả để quét hình ảnh như ảnh đen trắng.

Tôi

Xử lý hình ảnh

Đề cập đến việc xử lý và xuất hình ảnh được quét thông qua các thông số quét được chỉ định.

Dấu ấn

Máy in có thể in văn bản (chẳng hạn như chữ cái và số) trên Mặt sau hoặc Mặt trước của tài liệu được quét. Nó có thể được sử dụng để quản lý tài liệu bằng cách thêm tên, ngày tháng hoặc số sê-ri trên tài liệu được quét.

Chức năng Nạp đúp giấy thông minh

Một chức năng loại trừ một số mẫu chồng chéo của tài liệu được phát hiện là Nạp đúp giấy, bằng cách cho phép máy quét ghi nhớ mẫu chồng chéo.

Ví dụ: khi có giấy có cùng kích thước được gắn vào một vị trí được chỉ định trên trang, máy quét sẽ ghi nhớ vị trí của tệp đính kèm và có thể được cấu hình để không phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu cho vị trí đó.

Giao diện

Kết nối cho phép giao tiếp giữa máy tính và máy quét.

Đảo ngược

Một phương pháp quét trong đó phần đen và phần trắng của hình ảnh được đảo ngược.

ISIS

ISIS (Giao diện máy quét hình ảnh Kỹ thuật) là một tiêu chuẩn API (Application Program Interface) cho các thiết bị hình ảnh (chẳng hạn như máy quét và máy ảnh kỹ thuật số) được phát triển bởi Captiva, một bộ phận của Tập đoàn EMC (trước đây là Pixel Translations) vào năm 1990. Để sử dụng các thiết bị tuân thủ tiêu chuẩn này, cần cài đặt phần mềm trình điều khiển hỗ trợ tiêu chuẩn ISIS.

H

J

Công cụ phân tách công việc

Một tờ để chèn giữa các tài liệu trong một lô để tách các công việc khác nhau. Các loại công cụ phân tách công việc sau đây có sẵn:

Dấu phân cách công việc có mã
vá: Trang tính có mã vá được in.

Dấu phân tách công việc có
mã vạch: Một tờ giấy có mã
vạch được in.

L

Phong cảnh

Hướng trong đó cạnh ngắn của tài liệu được đặt song song với hướng nạp.

Quy mô pháp lý

Khổ giấy tiêu chuẩn được sử dụng ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác (8,5 × 14 in.).

Kích thước chữ cái

Kích thước giấy tiêu chuẩn được sử dụng ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác (8,5 × 11 in.).

M

Mô hình Moiré

Các mẫu lặp đi lặp lại trên hình ảnh được quét do cài đặt góc không chính xác.

Nhiều hình ảnh

Một chức năng xuất ra hình ảnh ở cả màu / thang độ xám và đen trắng cùng một lúc.

[Contents](#)[Index](#)[Introduction](#)[Scanner
Overview](#)[How to Load
Documents](#)[How to Use the
Operator Panel](#)[Various Ways to
Scan](#)[Daily Care](#)[Replacing the
Consumables](#)[Nhiều nguồn
cấp dữ liệu
Nạp đúng
giấy là lỗi khi
hai hoặc
nhiều tờ
được nạp](#)[Glossary](#)

qua ADF cùng một lúc. Khi phát hiện độ dài tài liệu khác, kết quả được phát hiện này còn được gọi là Nạp đúp giấy.

N

Loại bỏ tiếng ồn

Một chức năng cải thiện chất lượng của hình ảnh bằng cách loại bỏ nhiễu cô lập xuất hiện dưới dạng chấm đen trong vùng trắng (hoặc ngược lại).

O

OCR (Nhận dạng ký tự quang học)

Một thiết bị hoặc một công nghệ nhận dạng văn bản trên tài liệu và chuyển đổi chúng thành dữ liệu văn bản có thể chỉnh sửa. Hình dạng của các ký tự được nhận biết bởi sự khác biệt trong ánh sáng phản chiếu từ tài liệu.

Bảng điều khiển

Một bảng điều khiển bao gồm một màn hình và các nút. Nó được sử dụng cho các hoạt động của máy quét như chọn chức năng và thay đổi cài đặt.

Quét quá mức

Một chức năng quét tài liệu với kích thước lớn hơn kích thước giấy được chỉ định.

P

Kẹt giấy

Đề cập đến lỗi trong đó tài liệu bị kẹt bên trong đường dẫn giấy hoặc nạp giấy bị gián đoạn do tài liệu trượt.

Bảo vệ giấy

Chức năng phát hiện bất thường khi nạp tài liệu và dừng quét khi:

1. Khi máy quét phát hiện tài liệu bị cong vênh bất thường do lỗi nạp tài liệu
2. Khi máy quét phát hiện tiếng ồn kẹt giấy

Nội dung

Chỉ số

Introduction

Tổng
quan về
máy quétCách tải tài
liệuCách sử dụng
bảng điều khiển
OperatorNhiều cách
khác nhau để
quétChăm sóc hàng
ngày

3. Khi máy
quét phát
hiện tài
liệu bị
cong
vênh bất
thường
do lỗi nạp
hoặc phát
hiện tiếng
kẹt giấy

Glossary

Mã vá

Một mã đặc biệt để máy quét nhận dạng bắt đầu và kết thúc của mỗi công việc hoặc chế độ hình ảnh.

[Replacing the Consumables](#)[Troubleshooting](#)[Operational Settings](#)

Lô nhặt giấy

Một bộ con lô tách một tờ ra khỏi các tài liệu được nạp vào máng giấy ADF (khay nạp) và đưa tài liệu vào ADF.

Chọn thời gian bắt đầu

Khoảng thời gian từ khi đặt tài liệu đến khi bắt đầu lấy sau khi tài liệu đi qua cảm biến trống phễu.

Điểm ảnh

Các dấu chấm tạo nên một hình ảnh được quét.

Chân dung

Hướng trong đó cạnh dài của tài liệu được đặt song song với hướng nạp. Tài liệu/hình ảnh được đặt/hiển thị theo chiều dọc.

Chọn trước

Đề cập đến việc đưa tài liệu trước đến vị trí để bắt đầu quét.

Nó rút ngắn khoảng thời gian giữa việc cài đặt tài liệu và đưa tài liệu đến vị trí bắt đầu.

R**Nghị quyết**

Một phép đo để chỉ ra chất lượng (độ mịn) của hình ảnh. Độ phân giải được hiển thị bằng số pixel trong vòng một inch.

Hình ảnh là một tập hợp các chấm nhỏ (pixel). Nếu cùng một hình ảnh chứa số lượng pixel khác nhau, hình ảnh có nhiều pixel hơn có thể thể hiện chi tiết hơn. Do đó, độ phân giải càng cao thì hình ảnh càng mịn.

S**Chế độ quét đơn giản**

Chế độ chỉ quét một mặt (Mặt trước hoặc Mặt sau) của tài liệu. (⇔ Chế độ quét hai mặt)

Làm mịn

Đề cập đến việc loại bỏ các bất thường trên các đường chéo và đường cong. Đây là một phương pháp xử lý thường được sử dụng trong các ứng dụng OCR.

T

Lỗi tạm thời

Một lỗi có thể được sửa bởi người vận hành.

Ngưỡng

Giá trị được sử dụng để xác định một màu nhất định là đen hay trắng. Giá trị ngưỡng phải được định cấu hình để quét hình ảnh với sự chuyển màu thang độ xám. Mỗi pixel được chuyển đổi thành màu đen hoặc trắng theo giá trị được chỉ định.

TWAIN

TWAIN (Tech**Không**logy Without Any Interesting Tên) là một tiêu chuẩn API (Application Program Interface) cho các thiết bị hình ảnh (chẳng hạn như máy quét và máy ảnh kỹ thuật số) được phát triển bởi Nhóm làm việc TWAIN. Để sử dụng các thiết bị tuân thủ tiêu chuẩn này, cần cài đặt phần mềm trình điều khiển hỗ trợ tiêu chuẩn TWAIN.

U

Cảm biến siêu âm

Một cảm biến phát hiện lỗi đa nguồn cấp bằng sóng âm siêu âm. Nó phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu bằng cách theo dõi sự khác biệt về lượng sóng siêu âm truyền qua các tài liệu.

USB

USB (Universal Serial Bus) là tiêu chuẩn cho các giao diện được sử dụng để kết nối các thiết bị như bàn phím và máy quét. Có thể kết nối tối đa 127 thiết bị bằng giao diện này. Nó có thể được kết nối và ngắt kết nối mà không cần tắt nguồn thiết bị.

Đối với USB 3.0, tốc độ truyền dữ liệu tối đa là 480 Mbps ở chế độ Tốc độ cao và tối đa là 5 Gbps ở chế độ Siêu tốc độ. Đối với USB 2.0, tốc độ truyền dữ liệu là 1.5 Mbps ở tốc độ thấp, 12 Mbps ở tốc độ tối đa và tối đa là 480 Mbps ở chế độ Tốc độ cao.

W

Tờ tham khảo màu trắng

Phần màu trắng nằm bên trong ADF mà máy quét xác định là màu trắng, để điều chỉnh độ sáng của tất cả các khu vực

Chỉ số

Một	
quét nâng cao	83
B	
Quy trình cơ bản của hoạt động quét	28
Đặc điểm kỹ thuật cơ bản	193
Trước khi liên hệ với nhà phân phối / đại lý của bạn	142
Phần mềm đi kèm	30
C	
Vật liệu làm sạch	94
làm sạch ADF (có Giấy làm sạch)	97
làm sạch ADF (bằng vải)	99
Làm sạch bên trong	97
làm sạch bên ngoài	96
Điều kiện để quét hàng loạt hỗn hợp	46
Mục hình ảnh	154
Vật tư tiêu hao	104
Liên hệ để có thắc mắc	200
Quy ước	5
Tùy chỉnh cài đặt máy quét	85
D	
Chăm sóc hàng ngày	93
Tài liệu quét	41
E	
Chỉ báo lỗi trên bảng điều khiển	114
F	
fi-748PRB	198
Lựa chọn chức năng	74
H	
cách làm sạch ADF bằng Giấy làm sạch	97
cách làm sạch ADF bằng vải	99
Cách làm sạch bên trong	97
Cách làm sạch bên ngoài	96
cách đóng ADF	21
Cách tải tài liệu	34, 36
cách mở ADF	21
Cách tắt nguồn	20
Cách bật nguồn	19
Cách sử dụng bảng điều khiển	50
CÁCH SỬ DỤNG SÁCH HƯỚNG DẪN NÀY	2
Tôi	
Đặc điểm kỹ thuật cài đặt	196
Giới thiệu	3
L	
Đang tải tài liệu	35
Các vị trí cần làm sạch	94
M	
Các tính năng chính	14
Các tính năng chính của sản phẩm này	14

Introduction

Scanner Overview

How to Load Documents

How to Use the Operator Panel

Various Ways to Scan

Daily Care

Replacing the Consumables

Troubleshooting

Operational Settings

Appendix

Glossary

O

Cài đặt hoạt động	145
Bảng điều khiển	51
Lựa chọn	198
Kích thước bên ngoài	197

P

Chất làm đầy cạnh trang	168
kẹt giấy.	112
Các bộ phận và chức năng	15
cài đặt mật khẩu cho Bảng điều khiển phần mềm	148
Chế độ tiết kiệm năng lượng	27
Điều khiển công tắc nguồn	188
nhãn sản phẩm	144

R

chu kỳ thay thế	104
Thay thế vật tư tiêu hao	103
thay thế Lô hãm giấy	105
Thay thế Lô nhặt giấy	107

S**Nút [Quét/Nhập] 85**

tổng quan về máy quét.	13
Quét tài liệu các loại và kích cỡ khác nhau	78
thiết lập máng giấy ADF (khay nạp)22.....	
setting up the Ngăn xếp	23
Menu cài đặt.	55
Cài đặt liên quan đến phát hiện nhiều nguồn cấp dữ liệu	179
Cài đặt liên quan đến Bật / Tắt nguồn	188
Cài đặt liên quan đến Bảo trì máy quét	189
Cài đặt liên quan đến Quét	167
Cài đặt liên quan đến bộ đếm trang tính	162
Cài đặt liên quan đến thời gian chờ đợi	185
khởi động Bảng điều khiển phần mềm	146

Tóm tắt	77
---------------	----

T

Khắc phục sự cố	111, 122
-----------------------	----------

U

gỡ cài đặt phần mềm	199
---------------------------	-----

V

Nhiều cách khác nhau để quét	76
------------------------------------	----

Contents

Index

Introduction

Scanner
OverviewHow to Load
DocumentsHow to Use the
Operator PanelVarious Ways to
Scan

Daily Care

Replacing the
Consumables

Troubleshooting

Operational
Settings

Appendix

Glossary

[TOP](#)[Contents](#)[Index](#)[Introduction](#)[Scanner
Overview](#)[How to Load
Documents](#)[How to Use the
Operator Panel](#)[Various Ways to
Scan](#)[Daily Care](#)[Replacing the
Consumables](#)[Troubleshooting](#)[Operational
Settings](#)[Appendix](#)[Glossary](#)

Hướng dẫn vận hành máy quét hình

ảnh fi-7460 / fi-7480

P3PC-5802-08ENZ0

Ngày phát hành: Tháng

Ba 2024 Cấp bởi: PFU

Limited

1. Nội dung của sách hướng dẫn này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

2. PFU Limited không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng sản phẩm này và bất kỳ khiếu nại nào của bên thứ ba.

- Việc sao chép nội dung của sách hướng dẫn này, toàn bộ hoặc một phần, cũng như các ứng dụng máy quét bị cấm theo luật bản quyền.